

# ERICH MARIA REMARQUE

*Tiểu thuyết*



## *Bóng Tối* **Thiên Dương**

TÔ HOÀNG dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **vh**  **DONGA**

# **BÓNG TỐI THIÊN ĐƯỜNG**



**Tác giả: Erich Maria Remarque**

**Dịch giả: Tô Hoàng**

**Đơn vị phát hành: Đông A**

**Nhà xuất bản Văn học**

**12-2016**

---

**ebook©vctvegroup**

**Nhantinh, Lan Giao, V/C, inno14, Caruri**

## Erich Maria Remarque

### Cuộc đời và tác phẩm



Đối với nhiều độc giả, Erich Maria Remarque là một con người bí ẩn và đầy mâu thuẫn. Cả đời ông viết về những nhân vật bình dị với những câu chuyện chân thật và cảm động, nhưng bản thân ông lại theo đuổi những ham mê phù phiếm, thích giao du với giới thượng lưu, ái mộ các minh tinh màn bạc... Được ưu ái gọi là “thiên sứ ghi chép về chiến tranh” nhưng có lẽ ông chỉ đang thực hiện những cuộc trở về cả trong hiện thực lẫn nơi tâm tưởng.

Remarque sinh ngày 22/6/1898 tại thành phố Osnabrück, thuộc miền tây nước Đức. Trưởng thành trong gia cảnh thiếu thốn, nên ngay từ thừa nhỏ Remarque đã phải tự mình làm việc kiếm tiền để đóng học phí. Tuy nhiên, điều đó không ngăn được cậu thiếu niên có tâm hồn lãng mạn, dào dạt tình yêu này đến với văn chương. Ở tuổi mười sáu, Remarque đã tập tành viết lách, ban đầu là một số bài tiểu luận và thơ, về sau là các bài viết đăng trên tờ báo của thành phố. Cậu cũng bắt tay vào viết bản thảo cuốn tiểu thuyết đầu tiên *Die Traumbude*.

Năm 1914, Thế chiến thứ nhất bùng nổ đã thay đổi cuộc đời Remarque mãi mãi. Mười tám tuổi, anh bị gọi nhập ngũ khi đang là sinh viên trường sư phạm. Không lâu sau khi ra mặt trận, Remarque bị thương phải về hậu phương nằm viện và trở lại chiến trường vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Chiến tranh kết thúc nhưng

nổi khủng khiếp của nó thì đeo đẳng Remarque đến hết cuộc đời.

Năm 1919, Remarque quay lại hoàn thành chương trình đại học rồi trở thành giáo viên nhưng đã xin thôi việc ngay. Ông bắt đầu chuỗi ngày xoay xở kiếm sống bằng việc chơi đàn tại một viện tâm thần, bán vải, rồi thậm chí là khắc bia mộ, lái xe đua, những công việc mà về sau đều được ông đưa vào các tác phẩm của mình. Song song đó, ông vẫn tiếp tục theo đuổi việc viết văn, viết báo; tuy nhiên, văn nghiệp thời kì đầu cũng trắc trở như chính cuộc đời khi tác phẩm đầu tay *Die Traumbude* xuất bản năm 1920 chẳng được mấy ai biết đến. Mãi đến năm 1924, cuộc sống của ông mới khởi sắc khi đầu quân cho tạp chí *Sport im Bild* ở vị trí phóng viên và trợ lí biên tập. Năm 1927, ông cho ra mắt tiểu thuyết thứ hai, *Station am Horizont* dưới hình thức đăng dài kì trên tạp chí này. Thật không may, tác phẩm cũng không gây được sự chú ý.

Nhưng tất cả đã thay đổi khi *Phía Tây không có gì lạ* (Im Westen nichts Neues) ra mắt vào năm 1929. Những mô tả chân thực về chiến tranh được cô đọng từ chính những trải nghiệm của tác giả đã giúp cuốn tiểu thuyết thứ ba của Remarque được đón nhận nồng nhiệt ở nhiều quốc gia. Chỉ trong vòng 18 tháng, cuốn sách đã được dịch ra 22 thứ tiếng và bán được 2,5 triệu bản. Ngay sau đó tác phẩm được Hollywood chuyển thể thành phim và lập tức đoạt hai giải Oscar, một dành cho Phim hay nhất và một dành cho Đạo diễn xuất sắc nhất. Trên văn đàn thế giới, cái tên Erich Maria Remarque bỗng chốc vụt sáng như một ngôi sao. Năm 1931, Remarque được đề cử giải Nobel Văn chương và Hòa bình.

Năm 1933 sự nghiệp văn chương và cuộc đời của Remarque lại một lần nữa bị thử thách khi chính quyền quốc xã đương thời cấm lưu hành *Phía Tây không có gì lạ* và phần tiếp theo của nó, *Đường*



về (Der Weg zurück) xuất bản năm 1931, vì cái gọi là “tư tưởng chủ bại” trong các tác phẩm này. Các ấn phẩm này sau đó còn bị tiêu hủy trong các cuộc đốt sách công khai khiến Remarque buộc phải rời khỏi Đức, chuyển sang sống tại thị trấn Porto Ronco của Thụy Sĩ. Dù vậy, ông vẫn tiếp tục viết sách về những con người đã trực tiếp tham gia và nếm trải sự tàn khốc của chiến tranh. Năm 1936, tiểu thuyết *Ba người bạn* (Drei Kameraden) ra đời, kể về cuộc sống của những người lính thời kì hậu chiến khiến Remarque chính thức bị tước quyền công dân Đức vào năm 1938. Những năm sau, ông lưu lạc giữa Hoa Kỳ và một số nước châu Âu, cho đến khi chính thức cư trú tại Thụy Sĩ từ năm 1948.

Chính trong giai đoạn này, Remarque đã tìm thấy chất liệu mới cho các sáng tác tiếp theo của mình với các thiên truyện đầy bi ai về thân phận những mảnh đời lưu vong. *Khải Hoàn Môn* (Arc de Triomphe - 1945) hay *Đêm Lisbon* (Die Nacht von Lissabon - 1962) là những tác phẩm tiêu biểu cho đề tài này. Và cùng với *Lửa thương yêu, lửa ngục tù* (Der Funke Leben - 1952), *Thời gian để sống và thời gian để chết* (Zeit zu leben und Zeit zu sterben - 1954), *Bia mộ đen* (Der schwarze Obelisk - 1956)... giai đoạn sáng tác hậu Thế chiến thứ hai của Remarque đã thành công rực rỡ khi các sáng tác của ông liên tiếp được đón nhận. Đến năm 1971, tiểu thuyết cuối cùng của Remarque *Bóng tối thiên đường* (Schatten im Paradies) ra mắt. Trong tiểu thuyết này, độc giả được dịp gặp lại một số nhân vật trong các tác phẩm trước đó. Họ cùng tìm đến Hoa Kỳ, miền đất hứa của những cánh chim tị nạn, nhưng trong lòng vẫn đau đáu nỗi hoài nhớ quê hương, như chính nỗi niềm tha hương của tác giả, dù cho đến cuối đời ông vẫn không quay về xứ sở của mình.

Tại Việt Nam, Remarque bắt đầu được bạn đọc biết đến từ năm 1962 qua bản dịch *Phía Tây không có gì lạ* của Lê Huy, rồi sau đó các tác phẩm khác của nhà văn lần lượt được chuyển ngữ ở cả hai miền Nam, Bắc. Cho đến nay đã có tổng cộng khoảng hai mươi bản dịch của chín tác phẩm Remarque, trong đó có cuốn có tới bốn bản dịch với các tựa khác nhau như *Phía Tây không có gì lạ*. Qua các tác phẩm này, độc giả Việt Nam đã bị rung động bởi thứ văn chương của những tâm hồn non nớt tinh khôi, chưa kịp trưởng thành đã vội vàng già cỗi, chưa kịp thấy cuộc đời tươi đẹp đã thấu suốt tang thương. Nhiều thế hệ đã cùng bầu bạn và trưởng thành với những nhân vật của Remarque; những nhân vật luôn ấp ủ niềm thương nhớ về một thế gian bất biến, cái thế gian chàng thanh niên Remarque đã vĩnh biệt khi vừa tròn mười tám niên hoa.

Để tái hiện lại thế giới ấy của Remarque, chúng tôi quyết định tái bản các tác phẩm tiêu biểu của ông. Đây là tám bản dịch được yêu thích nhất chọn lọc qua toàn bộ các bản dịch đã xuất hiện ở Việt Nam. Bên cạnh đó, cũng nhân dịp này, chúng tôi xin giới thiệu bản dịch *Phía Tây không có gì lạ* hoàn toàn mới, cùng tác phẩm lần đầu tiên ra mắt ở Việt Nam là *Đường về*, đều được dịch từ nguyên bản tiếng Đức bởi dịch giả Vũ Hương Giang, người đã chuyển ngữ thành công tác phẩm *Ba người bạn*. Như thế, với bộ hợp tuyển này, hi vọng bạn đọc sẽ có cơ hội thưởng thức trọn vẹn tài năng văn chương của một trong những nhà văn Đức được yêu mến nhất thế kỉ 20.

**CÔNG TY ĐÔNG A**

## Lời mở đầu



Vào thời điểm chiến tranh sắp sửa kết thúc, số phận đã ném tôi sang New York. Phố 57 và vùng phụ cận, đối với tôi - một kẻ bị trục xuất (mấy từ này rất khó giải thích ở xứ sở tôi mới tới) - đã trở thành tổ quốc thứ hai của mình.

Tôi đi lại phía sau lưng cả một chặng đường dài ẩn chứa đủ mọi hiểm nguy, tai họa - Via Dolorosa\* - chặng đường của những kẻ chạy trốn khỏi chế độ của Hitler. Con đường này bắt nguồn từ Đức, sang Hà Lan, qua Bỉ và miền bắc nước Pháp rồi khi tới Paris nó phân ra làm hai ngã: một ngã chạy qua Lyon đến bờ biển Địa Trung Hải, ngã kia qua Bordeaux và Pyrénées dẫn đến Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, đến cảng Lisbon.

Via Dolorosa: Chặng đường thống khổ. Là tên con phố ở Jerusalem mà Chúa Jesus đi qua để đến nơi bị đóng đinh (tiếng Tây Ban Nha).

Tôi trải qua chặng đường này như những người khác trốn chạy khỏi nanh vuốt của bọn Gestapo\*. Ở những nước mà chúng tôi đi qua, chúng tôi không hề cảm thấy yên ổn bởi lẽ chỉ có một số ít người trong chúng tôi có giấy thông hành chính thức hoặc chiếu khán phòng thân. Chỉ cần đụng phải cảnh sát, chúng tôi sẽ bị nhốt sau lưới thép, rồi bị kết án và đưa đi phát vãng. Nhưng dầu sao ở một số nước vẫn còn tồn giữ được cách cư xử theo tình người, dù có bị bắt chúng tôi cũng sẽ không bị trả lại Đức để nhận lấy cái chết cầm chắc trong tay tại các trại tập trung.

Gestapo: viết tắt của Geheime Staatspolizei, lực lượng cảnh sát bí mật

thành lập năm 1933 của Đức Quốc xã.

Chỉ có một số ít trong bọn tôi xoay xở được hộ chiếu, vì vậy cuộc trốn chạy của chúng tôi không bao giờ có điểm cuối cùng. Thêm vào đó, nếu không có giấy tờ hợp thức chúng tôi sẽ không kiếm nổi việc làm ở bất cứ đâu. Phần đông bọn tôi đều trở thành những kẻ đói khát, rách rưới và cô độc. Đây, vì sao chúng tôi gọi chặng đường những cuộc viễn du của chúng tôi là Via Dolorosa.

Những trạm bưu điện tại các thị trấn bé nhỏ và những dãy bờ rào quét sơn trắng dọc theo các con đường trải nhựa đã trở thành nhà ga của chúng tôi. Tại các trạm bưu điện chúng tôi có thể chờ những bức thư của người thân và bạn bè mà chúng tôi đã gửi số hòm thư về, còn những dãy hàng rào đã thay thế cho những chiếc bảng gỗ dán cáo thị. Với phấn và than củi, chúng tôi viết lên đất họ tên của những người bị mất tích, của những người đang tìm kiếm nhau, những dòng địa chỉ, những lời dẫn dò cần phải phòng xa, những lời chỉ dẫn. Những lời kêu gọi bị ném vào khoảng không và vào những năm tháng mà sự thờ ơ, bàng quan ngự trị khắp mọi nơi thì nối tiếp theo những lời kêu gọi đó đã xuất hiện ngay một thời buổi hoàn toàn phi nhân tính, thời đại của các cuộc chiến tranh, khi cả bọn Gestapo, cả bọn mật vụ và cảnh sát cùng hòa nhau vào một công việc chung: săn lùng chúng tôi - những người bị trục xuất tội nghiệp.



## I



Vài tuần lễ trước đây tôi có đáp một chuyến tàu chở hàng từ Lisbon đến nước Mỹ. Tôi nói tiếng Anh chật vật lắm và tôi có cảm tưởng như người ta đã xua tôi, một kẻ nửa câm nửa điếc, từ trên tàu xuống một hành tinh lạ. Đúng, đây là một hành tinh khác hẳn. Bởi lẽ ở châu Âu chiến tranh đang xảy ra.

Giấy tờ của tôi lại lung tung, lộn xộn nữa, tuy đúng là nhờ một phép mầu mà tôi đã có một tờ chiếu khán thứ thiệt của nước Mỹ cho phép tôi lên bờ. Nhưng tờ chiếu khán của tôi lại mang tên họ của một người khác. Cơ quan nhập cảnh tỏ ý hoài nghi đã đưa tôi tới Ellis Island\*. Và mãi sáu tuần lễ sau người ta mới chịu cấp cho tôi giấy phép cư trú tạm thời với cái hạn vốn vẹn ba tháng. Trong hạn định đó tôi phải tự lo liệu cho mình giấy tờ cho phép tôi đến cư ngụ ở một nước nào khác.

Ellis Island: cửa ngõ đón nhận người nhập cư vào Hoa Kỳ nhiều nhất từ năm 1892 đến 1954.

Một hình ảnh quen thuộc. Tại châu Âu tôi cũng có một nếp sống hết như bây giờ và những khoảng dừng chân đâu đó ấy kéo dài không phải là vài ba tháng mà chỉ vài ba ngày. Là dân tị nạn Đức, tôi được xem như đã chết từ năm 1933. Còn bây giờ trong ba tháng tới tôi không cần chạy trốn đi đâu làm gì, thực là một giấc mơ khó tin!

Cũng đã từ lâu rồi, tôi không còn ngạc nhiên vì tôi mang tên họ của một người khác và tôi đang sống bằng tờ giấy chứng minh của một người đã chết. Ngược lại tôi cảm thấy đấy là một điều rất hợp lí. Tôi

thừa hưởng tờ giấy chứng minh này tại Frankfurt. Tên người đã tặng nó cho tôi trước lúc tử thần đưa đi là Robert Ross. Hầu như tôi đã quên hẳn tên cha mẹ đã đặt cho tôi. Người ta dễ dàng quên khuấy đi biết bao nhiêu điều khi cuộc sống đang gặp nguy hiểm.

Tại Ellis Island tôi gặp một người Thổ đã từng ở tại Mỹ mười năm trước. Tôi không rõ vì duyên cớ gì người ta không cho phép anh chàng người Thổ này ở lại Hợp chủng quốc lần nữa. Hỏi thì không tiện. Tôi còn nhớ nhiều lần đã xảy ra chuyện người ta đuổi người này người khác ra khỏi địa hạt cai quản của mình chỉ vì những người này không thích hợp với một điểm nào đó trong bản quy chế mà thôi.

Anh chàng người gốc Thổ trao cho tôi địa chỉ của một người Nga tại New York mà anh ta đã kết bạn từ lâu lắm rồi. Đáng tiếc anh chàng Thổ Nhĩ Kỳ này cũng không còn rõ người bạn Nga kia đã chết hay còn sống. Nhưng khi người ta cho phép tôi đi khỏi Ellis Island, tôi liền lên đường tìm tới địa chỉ ông bạn Nga kia luôn. Hành động của tôi rất dễ hiểu thôi. Tôi luôn sống như cỏ cây suốt bao năm tháng. Những ai buộc phải chấp nhận một cuộc sống phiêu bạt thì họ không còn trông cậy vào điều gì khác ngoài sự tình cờ, rủi may. Điều tình cờ, rủi may kia càng có vẻ bất hợp lý bao nhiêu, họ lại càng cảm thấy nó tự nhiên bấy nhiêu. Và trong thời buổi nhiễu nhương, tao loạn này, cái thường ngày chẳng phải đôi khi trở thành chuyện huyền thoại đó sao? Một câu chuyện huyền thoại không lấy gì làm vui vẻ lắm đâu, nhưng cũng thật lạ, cái kết cục của nó thường lại đẹp mê, may mắn hơn rất nhiều điều mà ta trông đợi.

Ông bạn người Nga làm việc tại một khách sạn xoàng xĩnh cách Broadway không xa. Tên ông ta là Melikov. Ông ta nói được tiếng Đức và thế là ông ta hiểu tôi ngay. Ông ta biết tôi đang cần điều gì hơn tất cả: nơi nương náu và công việc làm. Nơi nương náu tìm ra không khó: ông người Nga còn một chiếc giường thừa và ông ta sẽ kê thêm vào trong

gian buồng của mình. Nhưng với tấm giấy phép cư trú tạm thời như cấp cho khách du lịch quả là khó tìm nổi một công việc. Người ta yêu cầu nhiều thứ giấy tờ nữa - chủ yếu là giấy cho phép nhập cảnh với hạn ngạch của người lưu vong hân hoan. Có nghĩa là tôi không thể nào tìm ra được việc làm hợp pháp. Y hết bên châu Âu, nhưng điều này cũng chẳng khiến tôi sầu não, buồn rầu lắm. Trong túi tôi vẫn còn một ít tiền.

– Anh bạn sẽ sống bằng gì đây? Anh bạn đã nghĩ về khoản này chưa?  
- Melikov hỏi.

– Khoảng thời gian cuối cùng khi ở Pháp tôi làm ở một cửa hàng bán những bức tranh còn chưa rõ xuất xứ và những thứ hàng giả cổ.

– Anh có biết nhiều về lĩnh vực này không?

– Cũng tạm tạm.

– Anh trau dồi những hiểu biết đó ở đâu?

– Tôi đã ở bảo tàng Brussels hai năm liền.

– Anh làm việc ở đó hay sao? - Melikov ngạc nhiên hỏi lại.

– Không. Tôi ẩn náu ở đó. - Tôi đáp.

– Tránh bọn Đức à?

– Đúng thế. Bọn chúng chiếm đóng nước Bỉ.

– Những hai năm cơ à? - Melikov lại sửng sốt hỏi. - Thế chúng không phát hiện ra anh sao?

– Không. Chúng tóm được người che giấu tôi.

Melikov ngược nhìn tôi:

– Còn anh chuẩn được à?

– Phải.

– Thế người kia ra sao?

– Như tất cả những ai bị bọn chúng bắt. Chúng đưa ông ta đến trại tập trung.

– Ông ta cũng là người Đức?

– Ông ấy là người Bỉ. Giám đốc viện bảo tàng.

Melikov gật gù.

– Làm cách nào mà anh lẩn trốn ở đây lâu đến thế được? - Sau một lát im lặng, Melikov lại hỏi. - Chẳng lẽ viện bảo tàng không có khách đến tham quan sao?

– Tất nhiên là có chứ. Ban ngày tôi ngồi như bị cầm tù dưới tầng hầm chứa đồ. Tối đến ông giám đốc tìm xuống, mang cho tôi đồ ăn và khi trời tối ông ta thả tôi ra khỏi nơi ẩn náu. Tôi không đi đâu xa khỏi bảo tàng, nhưng tôi có thể lên khỏi tầng hầm. Tất nhiên là không được châm lửa hút thuốc hoặc rọi đèn rọi.

– Thế những người làm việc trong bảo tàng không biết gì sất à?

– Không. Dưới tầng hầm không có một chiếc cửa sổ nào cả. Còn khi có ai đi xuống hầm tôi ngồi im như thóc. Tôi chỉ sợ nhất là mình sẽ hắt hơi không đúng lúc.

– Vì mấy cái hắt hơi ấy mà anh bị lộ sao?

– Không phải. Một kẻ nào đó đã để ý thấy ông giám đốc thường ngồi lì quá lâu trong viện hoặc trở về viện lúc sắp tối.

– Rồi rồi, - Melikov nói. - Ở dưới hầm anh có thể đọc sách được không?

– Chỉ vào mùa hè hoặc những đêm có trăng thôi.

– Đêm đến anh được phép đi dạo trong bảo tàng và xem tranh chứ?

– Vâng, nhưng chỉ khi còn nhìn rõ.

Melikov cười và đột nhiên hỏi tôi:

– Anh muốn ăn chút gì không?

– Có. - Tôi nói. - Tôi đang đói cồn cào đây.

– Tôi cũng nghĩ như vậy. Khi con người ta được hưởng chút tự do, lập tức anh ta cảm thấy muốn ăn như chó đói. Ta ra hiệu thuốc đi.

– Hiệu thuốc?

– Phải. Ta hãy tới hiệu thuốc. Đây là một trong những nét đặc biệt của Hợp chủng quốc. Tại hiệu thuốc người ta vừa mua aspirin vừa nhắm nháp đồ ăn.

– Anh làm gì suốt từ sáng đến tối ở viện bảo tàng để khỏi phát điên? - Melikov hỏi.

Tôi đưa mắt lướt nhìn hiệu thuốc: cạnh quầy bán thức ăn người ta đang vội vã nhai, mắt lơ đãng ngắm những tấm biển quảng cáo và các lọ thuốc.

– Chúng ta ăn gì bây giờ? - Tôi cất tiếng hỏi.

– Thịt băm viên. Món ăn này và món xúc xích nữa là thứ người Mỹ ưa thích nhất. Món bít tết thì không hợp với túi tiền hạng bình dân.

– Ông hỏi tôi làm gì suốt ngày ở viện bảo tàng à? Tôi ngồi đợi khi trời sập tối. Và đương nhiên là tôi luôn tránh nghĩ tới những mối hiểm nguy đang đe dọa tôi. Nếu không thì tôi sẽ bị điên ngay. Tiện thể cũng cần nói luôn điều này: tôi đã có mấy năm để tích lũy kinh nghiệm về việc lẩn trốn rồi. Một năm ở ngay tại nước Đức. Tôi không cho phép mình được nghĩ là tôi đã phạm một sơ suất nào đó. Sự ăn năn còn cần xé lòng dạ ghê gớm hơn cả axit mạnh. Từng học tiếng Pháp nên tôi tự ra bài vở cho mình. Thời gian sau nữa thì đêm đêm tôi lang thang trong viện bảo tàng, ngắm các bức tranh và ghi nhớ lại trong đầu các bức tranh ấy. Chẳng bao

lâu sau tôi đã biết được tất cả các bức tranh có ở đây. Rồi ban ngày ở nơi tối như hũ nút kia, tôi thậm phục hiện lại bộ sưu tập trong đầu. Tôi sắp xếp lại chúng theo một hệ thống, đôi khi tôi đã bỏ rất nhiều thì giờ cho một bức tranh. Nhiều lúc chán nản tôi đã bỏ dở, song rồi tôi lại bắt đầu tất cả từ đầu. Giả như tôi chỉ có một mục đích ngắm tranh để mà ngắm tranh thôi, có lẽ tôi đã quy ngã rồi. Nhưng tôi đã tự đặt ra kiểu như bài luyện tập cho trí nhớ, vì thế mọi việc trôi chảy. Thế là tôi không cảm thấy bế tắc nữa mà lúc nào cũng như người vượt núi, leo hết bình độ này tới bình độ khác, ông có hiểu không?

– Hiếu, nghĩa là anh không bao giờ để cho mình được nhàn rồi, - Melikov nói. - Anh có mục đích sống, điều đó đã cứu giúp anh.

– Suốt cả mùa hè tôi nghiên cứu tranh của Cézanne và một số bức tranh của Degas. Lẽ tất nhiên đó là những bức tranh hiện lên trong trí tưởng tượng và tôi cũng chỉ đánh giá chúng trong trí tưởng tượng mà thôi. Nhưng dầu sao thì cũng là đánh giá. Và điều này khiến chúng trở thành một thử thách. Tôi học cách nhớ thuộc lòng màu sắc và cấu trúc của các bức tranh, tuy tôi không được nhìn thấy các màu sắc dưới ánh sáng ban ngày. Hoàn toàn là Cézanne dưới ánh trăng và Degas trong màn đêm. Tôi đã ghi nhớ, đã so sánh các bức tranh ấy trong cảnh tranh tối tranh sáng như vậy. Ít lâu sau tôi tìm thấy trong thư viện những cuốn sách viết về nghệ thuật. Ngồi sát bậu cửa sổ tôi ngốn ngấu đọc. Thật là một thế giới hư ảo nhưng dầu sao cũng vẫn là một thế giới.

– Chẳng lẽ bảo tàng không có người canh gác sao?

– Ban ngày thôi. Ban đêm họ khóa tất cả cửa lại. Thật là một điểm phúc cho tôi.

– Và không điểm phúc cho người đã mang đồ ăn xuống hầm cho anh.

– Đúng là nỗi bất hạnh cho ông giám đốc viện bảo tàng! - Tôi nhìn



Melikov, bình thần nói. Tôi hiểu rằng những lời nói của ông người Nga không ẩn ý xấu. Ông ta không phán xét tôi. Đơn giản là ông ta chỉ bình luận về một sự việc.

– Anh đừng hi vọng sẽ kiếm được chân rửa bát chén, dù là tạm thời. Đó là thứ lãng mạn viễn vông. Kể từ khi có các công đoàn, cơ hội ấy không còn nữa đâu. Anh có thể chống chọi để không chết đói chừng bao lâu?

– Hoàn toàn không lâu đâu. Bữa sáng này phải trả bao nhiêu?

– Một đô la rưỡi. Từ khi chiến tranh bắt đầu mọi thứ ở đây đều đắt lên.

– Chiến tranh? - Tôi nói. - Ở bên này đang xảy ra cuộc chiến tranh nào?

– Chiến tranh đang xảy ra, - Melikov khẳng định, - và điều đó mang lại may mắn cho các anh đấy. Người ta đang cần người. Không còn kẻ thất nghiệp nữa. Anh sẽ tìm được công việc dễ dàng hơn.

– Nhưng ba tháng nữa tôi buộc phải rời khỏi nơi này rồi.

Nheo nheo mắt, Melikov mỉm cười.

– Mỹ là một xứ sở mệnh mông. Và cuộc chiến lại đã bắt đầu. Một sự may mắn nữa cho các anh đấy. Anh sinh trưởng ở đâu?

– Theo như trong chứng minh thư thì ở Hamburg, thực ra tôi sinh ở Hanover.

– Chẳng vì quê anh ở nơi này hay nơi khác mà anh bị đe dọa sẽ phải đi khỏi nơi đây. Nhưng anh có thể bị đưa vào trại tập trung dành cho những người bị cầm giữ.

– Tôi đã từng ở một trại tập trung như vậy. Tại Pháp. - Tôi nhún vai nói.

– Rồi anh chạy trốn à?

– Nói đúng hơn tôi lạng lẽ ra đi. Sau khi nước Pháp thất bại, tình trạng hỗn loạn chung đã bắt đầu.

Melikov gật đầu.

– Tôi cũng đã từng sống ở Pháp, trong sự hỗn loạn chung của một chiến thắng tưởng tượng. Năm 1918. Tôi đến từ Nga, qua ngã Phần Lan và Đức. Trong đợt sóng di cư đầu tiên. Chúng ta uống một chút vodka nhé?

– Tôi đã luyện được thói quen từ bỏ rượu chè, - tôi đáp. - Nhiều lần vì rượu tôi đã phải đánh giá lại sức vóc của mình. Có hai lần rượu chè đã đưa tôi tới những kết quả thật thảm thê... tới khám tù nhưng nhúc rặn rệp.

– Ở Tây Ban Nha à?

– Ở Bắc Phi.

– Dẫu sao thì cũng cứ liều thêm một lần thứ ba. Các gian khám giam tù nhân ở đây rất sạch sẽ. Rượu tôi đã tích sẵn ở khách sạn. Anh mà vào tù thì không ai thí cho anh lấy một giọt đâu... Anh là một con người lạng mạn chứ? - Melikov hỏi tôi.

– Đối với tôi thì sự lạng mạn là một thứ xa xỉ không được phép. Cảnh sát tóm cổ những anh chàng lạng mạn dễ hơn những người khác.

– Về bọn cảnh sát ấy thì trong vài tháng tới anh không phải bận tâm làm gì.

– Đúng thế. Nhưng dẫu sao tôi cũng khó quen ngay với hoàn cảnh mới này.

Hai chúng tôi trở về căn phòng của ông người Nga tại khách sạn. Nhưng chỉ một lát sau tôi cảm thấy không tài nào chịu đựng được nữa. Tôi không muốn uống rượu, không muốn ngồi lại giữa chiếc ghế bọc nhung đã sờn rách, và gian phòng của Melikov thì bé tí xiu. Tôi muốn được phóng ra phố. Người ta đã giam hãm tôi quá lâu rồi. Ellis Island, dù thoả mái thế nào đi nữa, thì chung quy vẫn là một nhà tù. Melikov cho rằng trong ba tháng tới tôi không việc gì phải sợ hãi bọn cảnh sát vẫn ám ảnh trong đầu tôi. Ba tháng - một thời hạn thật đáng kể.

– Tôi có thể dạo chơi trong bao lâu?

– Tùy anh muốn.

– Khi nào ông đi ngủ?

Melikov vẫy tay về phớt đời.

– Không trước lúc trời hửng sáng. Tôi có công việc của tôi. Anh muốn kiếm một ả gà mái không? Ở New York, việc này không dễ dàng như Paris đâu. Cũng phải liều lĩnh một chút đấy.

– Không. Tôi chỉ muốn đi dạo loanh quanh phố xá một chút thôi.

– Tìm gà mái ở ngay khách sạn này dễ hơn nhiều.

– Tôi không cần.

Tôi lang thang dạo gót qua những phố xá không tên tuổi như một kẻ nhàn tản. Những luồng khói nhạt của các đường phố ngùn ngụt bốc lên tận trời. Một khối lửa vào ban đêm, còn ban ngày lại là một đám mây trắng - đó chẳng phải là con đường trên sa mạc mà Chúa trời đã chỉ ra cho cái làn sóng đầu tiên của những người bị trục xuất, những kẻ phải di tản sao? Tôi đi xuyên qua cơn bão tố của những lời trò chuyện, những âm thanh, những tiếng cười, tiếng gào la gõ boong boong vào màng nhĩ, tôi

nghe tiếng còi xe mà không hiểu ý nghĩa của nó. Sau khi bị nhận chìm trong màn đêm ở châu Âu, ai ở đây đối với tôi cũng là thần Prometheus: kia, một chàng trai đắm đuối mồ hôi trong luồng ánh sáng từ đèn điện đang thò tay ra khỏi cánh cửa của một quầy hàng, bàn tay anh ta vắt kín khăn tay và khăn ăn, van vỉ chào mời người đi đường mua hàng cho anh ta; kia một bác đầu bếp đang rán một con gà trên chiếc chảo lớn, xung quanh bác ta những tàn than củi bay tứ tung, dường như bác không còn là một con người nữa mà một vị thần trong truyện cổ tích. Tôi không thông hiểu tiếng nói ở đây, chính vì lẽ đó mọi người lướt qua trước mắt tôi như trong một màn kịch câm... Tôi cảm thấy như tất cả bọn họ đang biểu diễn trên sân khấu và trước mắt tôi không phải là bác đầu bếp, không phải là những người chào hàng, bán hàng mà là những con rối đang sắm vai trong một vở kịch kì bí. Chỉ mình tôi là không tham gia trong vở kịch kia mà chỉ đứng đó đoán ngẫm ý nghĩa chung của nó. Tôi ở giữa đám đông nhưng lại cảm nhận rõ ràng mình là kẻ xa lạ, không liên quan gần bó gì với đám người đông đúc, nhộn nhạo kia. Giữa tôi và họ không phải bị ngăn cách bởi một bức tường kính, một khoảng cách, một sự thù địch hoặc sự lạ lẫm mà là một điều gì đó không thể nắm bắt được. Cái “điều gì đó” kia chỉ can hệ tới một mình tôi và đâm chồi mọc rễ trong bản thân tôi. Tôi mù mờ hiểu ra cái khoảnh khắc này có một không hai, nó không bao giờ tái diễn nữa - ngay ngày mai thôi cái cảm giác đang xâm chiếm tôi lúc này sẽ nhòa nhạt, yếu ớt đi nhiều. Không phải những người đang ở xung quanh tôi kia sẽ trở nên gần gũi với tôi hơn mà chính là ngược lại. Từ ngày mai tôi sẽ bắt đầu cuộc đấu tranh để sinh tồn, tôi sẽ bò dãn sát bụng dưới đất, tôi sẽ nhượng bộ, đối trá để vượt qua mọi nỗi cay đắng, khổ đau, vốn là thứ tạo nên chất đời thường của chúng ta hôm nay. Dẫu sao đêm hôm nay đối với tôi cái thành phố này vẫn còn giữ được bộ mặt bí ẩn.

## II



Về khoản tiếng Anh tôi đã đạt được những thành công đáng kể. Sau hai tuần lễ lượng từ vựng của tôi có thể sánh bằng một chú bé mười lăm. Sáng sáng giữa những chiếc ghế nhung sờn rách tôi gạo món ngữ pháp vài tiếng đồng hồ, còn buổi chiều tôi tìm mọi cơ hội để thực hành bằng miệng. Tôi hành động không mấy may ngược ngáp và sau mười ngày với sự hướng dẫn của Melikov, tiếng Anh của tôi dù mang giọng Nga, tôi vẫn cứ trò chuyện văng mạng với khách và các nhân viên khách sạn. Thế rồi dần dà tiếng Anh của tôi mang âm hưởng của cả tiếng Đức, tiếng Do Thái, tiếng Pháp. Cuối cùng khi giao du với giới quét rác, dọn bàn và hoàn toàn tin chắc rằng bọn họ là những người Mỹ một trăm phần trăm, tiếng Anh của tôi lại mang thêm âm hưởng vùng Brooklyn.

– Anh cần phải có một mối tình với một cô gái Mỹ trẻ trung. - Melikov nói.

– Trong giới cần lao ở Brooklyn à? - Tôi hỏi.

– Tốt nhất là kết bạn với một cô gái ở Boston. Ở đó mọi người nói tiếng Anh khá chuẩn.

– Thế thì tìm một cô giáo người Boston. Có lẽ đấy là điều hợp lí nhất.

– Thật không may, khách sạn này chỉ là cái trạm dừng chân ven đường. Những thứ âm sắc muôn màu muôn vẻ kia chỉ là vi trùng lao được ném vào không khí thôi. Còn anh, than ôi, lại dễ dàng du nhập những thứ lệch lạc kia và hoàn toàn điếc lác với thứ ngôn ngữ chính xác.

Tôi hi vọng tình yêu sẽ cứu thoát anh.

– Melikov, - tôi nói, - thế giới này thay đổi quá nhanh chóng trước mắt tôi. Cái tôi người Mỹ trong tôi mỗi ngày già đi hàng tuổi và thật đáng tiếc, rất đáng tiếc thì đúng hơn, thế giới của cái tôi đang đánh mất đi phép màu của mình. Tôi càng thông tỏ thứ ngôn ngữ này bao nhiêu thì sự bí ẩn đầy quyến rũ của nó càng biến đi nhanh chóng bấy nhiêu. Qua vài tuần nữa hai cái tôi trong con người tôi sẽ cân bằng. Cái tôi Mỹ sẽ trở nên tỉnh táo, sáng suốt đến thậm hại như cái tôi châu Âu. Vì vậy đừng hối thúc tôi. Cũng đừng lo về giọng của tôi, tôi không muốn để tuổi ấu thơ thứ hai của mình trôi qua quá nhanh chóng.

Một người lạ, bước đi cà nhắc, vừa bước vào gian phòng ngoài. Chúng tôi đang ngồi trong chỗ tranh tối tranh sáng nên tôi chỉ lơ mơ nhận ra anh ta. Những bước tập tễnh của anh lại theo nhịp ba-bốn khiến tôi chợt nhớ đến một người nào đó.

– Lachmann! - Tôi buột miệng.

– Tôi là Merton! - Người mới đến đáp.

Người đó dừng lại và đưa mắt về phía tôi.

– Lachmann. - Tôi nhắc lại.

Tôi bật công tắc điện. Từ cái chùm đèn khốn khổ là mẫu hình mô đen tối tệ nhất những năm đầu của thế kỷ này tỏa ra một làn ánh sáng xanh lơ mờ rất buồn thảm.

– Lạ Chúa tôi, Robert! - Người vừa bước vào thốt lên ngạc nhiên. - Cậu vẫn còn sống à? Thế mà tớ nghĩ cậu đã chết từ lâu rồi.

– Tớ cũng nghĩ như thế về cậu. Nhưng vừa rồi tớ nhận ngay ra cậu vì bước đi dáng đứng của cậu.



- Bước theo nhịp ba-bốn phải không?
- Theo nhịp waltz. Cậu biết Melikov không?
- Ừ, đương nhiên tớ biết ông ta.
- Cậu sống ở đây à?
- Không. Nhưng thỉnh thoảng có rẽ qua chơi.
- Bây giờ cậu mang họ là Merton sao?
- Phải. Còn cậu?
- Ross. Tên thì vẫn như cũ.
- Thế là quả đất lại tròn rồi. - Lachmann nói và anh ta cất tiếng cười thoải mái.

Chúng tôi im lặng giây lát. Đây là khoảnh khắc bối rối thường thấy giữa những kẻ lưu vong. Bởi lẽ không nên hỏi thêm về ai và về điều gì nữa. Cũng không biết ai còn sống mà hỏi đây.

– Cậu có hay tin gì về Kahn không? - Cuối cùng tôi lên tiếng. Và bây giờ là câu chuyện trao đổi theo lẽ thường. Thoạt đầu ta hỏi thăm những ai không quá gần gũi, thân thiết đối với người ta muốn hỏi thăm.

– Hẳn đang ở New York. - Lachmann đáp.

– Anh ta cũng đang ở đây như chúng mình à? Anh ta đến được đây bằng cách nào vậy?

– Giống như mọi người khác đã tới được nơi đây thôi. Nhờ vào hàng nghìn điều tình cờ. Không một ai trong chúng ta có tên trong bản danh sách những nhân vật nổi tiếng do người Mỹ chọn lựa cả.

Melikov tắt đèn trên trần nhà và lấy từ dưới bàn ra một chai rượu.

– Rượu vodka Mỹ đây, - ông ta nói. - Đại loại giống thứ rượu Bordeaux của California hay Burgundy của San Francisco, Rhine của

Chile... Một trong những lợi thế của bọn lưu vong chúng mình là vì luôn luôn phải chia tay nhau nên cũng luôn luôn uống mừng những lần gặp lại. Thành thử bỗng có cảm giác như được sống nhiều năm tháng lắm không bằng.

Cả tôi lẫn Lachmann không hưởng ứng câu nói của Melikov. Ông ta là con người của một thế hệ khác: những gì đang làm chúng tôi đau buốt tim, đối với ông ta tựa như đã thành một hoài niệm.

– *Salut, Melikov!* - Tôi lên tiếng phá tan sự im lặng. - Tại sao khi sinh ra đời chúng ta không là những môn đệ của trường phái yoga nhỉ?

– Tớ thì mong ước be bé thôi. Mong sao sinh ra đã không là dân Do Thái ở cái nước Đức kia. - Lachmann nói.

– Các anh hãy coi mình như những công dân đầu tiên của thế giới này. - Melikov xen vào, giọng bình thản. - Và hãy cư xử sao cho xứng đáng là những nhà khai sáng đầu tiên. Sẽ tới thời điểm đặt những đài tưởng niệm về chính các anh thôi.

– Bao giờ thì tới cái thời điểm ấy? - Lachmann hỏi.

– Và ở đâu? - Đến lượt tôi cất vấn Melikov.

– Trên cung trăng. - Melikov đáp rồi bước tới bàn viết để trao chìa khóa cho một người khách vừa mới tới.

– Một tay thâm thúy. - Nhìn theo Melikov, Lachmann nói. - Cậu làm việc cho ông ta à?

– Sao cơ?

– Tay này buôn bán cả gái, cả moóc-phin và các hàng tương tự...

– Vì thế nên cậu cũng mò tới đây?

– Không. Tớ yêu say mê một người đàn bà sống ở đây. Bà ta, cậu có đoán được bao nhiêu tuổi rồi không, năm mươi, gốc gác là dân Puerto

Rico, một con chiên ngoan đạo và chỉ còn một chân, chân kia bị cắt cụt. Hiện bà ấy đang bồ bịch với một tên Mexico. Một gã khốn nạn chính cống. Với năm đô la hẫc đồng ý cho chúng tớ lên giường với nhau. Nhưng bà ta không muốn làm chuyện đó. Hoàn toàn không. Bà ấy tin rằng, Chúa trời ngồi trên đám mây nhìn thấy mọi điều. Cả ban đêm cũng vậy. Tớ nói với bà ta: Chúa trời cận thị. Cận từ lâu rồi. Song chẳng làm ăn được gì. Nhưng bà ta vẫn nhận tiền. Và hứa hẹn. Nhưng đến giờ hẹn lại cười. Rồi lại hứa hẹn. Cậu sẽ nói như thế nào về chuyện này? Chẳng lẽ vì thế mà tớ tới Hiệp chủng quốc chẳng? Quỷ mới biết được.

Vì đôi chân thọt, Lachmann thường tự ti, nhưng cứ theo những lời kể của anh ta, trước kia anh chàng này đã đạt được những chiến tích lẫy lừng trong giới chị em. Vì biết chuyện đó một tên SS\* đã bắt anh chàng đến một quán bia định thiến phéng bộ phận kia đi. Nhưng cảnh sát đã kịp thời ngăn cản. Việc này xảy ra vào năm 1934.

SS: viết tắt của Schutzstaffel, tổ chức vũ trang của Đức Quốc xã.

Sau lần suýt bị thiến ấy, trên mình Lachmann để lại vài vết sẹo và bốn chỗ gãy ở chân. Kể từ ngày đó anh ta bước đi tập tễnh và niềm say mê đàn bà ở anh ta cũng mang thêm dấu hiệu của thứ bệnh mới: anh chàng không cần gì ở người đàn bà hết ngoài cái phần sau phải rắn chắc và tỏ ra đã dạn dày. Thậm chí khi ở Pháp, ngay trong những ngày tháng nặng nề, căng thẳng nhất, anh chàng vẫn giữ nguyên niềm đam mê của mình. Anh ta cam đoan là tại Rouen anh ta đã rất mê mêt và hạnh phúc với một mụ đàn bà có ba vú, tức có cả thêm một chiếc vú ở phía sau lưng nữa.

– Bộ mông của ả rắn như đá, - Lachmann kéo dài giọng tiếc rẻ, - một thứ đá hoa cương nóng hôi hổi.

– Cậu chẳng thay đổi chút nào cả, Kurt ạ, - tôi nói.

– Con người ta nói chung là không thay đổi bao giờ. Tuy anh đã tự hứa với bản thân sẽ sửa đổi tới cả nghìn lần. Khi anh bị đo ván, anh hoàn toàn ăn năn, sám hối, nhưng khi được hít thở một chút tự do hơn, anh quên phắt ngay mọi lời thề bồi. - Lachmann suy nghĩ giây lát. - Điều đó là cái quái gì nhỉ: chủ nghĩa anh hùng hay sự ngu ngốc?

Trên vầng trán xám xịt đã hằn nếp nhăn của anh ta lấm tấm những giọt mồ hôi to như những hạt đậu xanh.

– Chủ nghĩa anh hùng, - tôi nói, - trong tình cảnh của chúng ta bây giờ cần phải trang điểm cho mình bằng những hình dung từ mỹ miều nhất. Không nên nhìn quá sâu vào tâm hồn làm gì. Hành động khác đi cậu sẽ cụng đầu vào đá ngay.

– Té ra cậu cũng chẳng thay đổi gì nhiều. - Lachmann đưa khăn tay lên lau những giọt mồ hôi trên trán. - Cậu vẫn thiên về những thứ triết lý triết liếc như trước. Có đúng vậy không?

– Tớ không thể từ bỏ thói quen đó, nó an ủi tớ.

Đột nhiên Lachmann phá lên cười:

– Và nó còn phú cho cậu thứ cảm giác tự hào chứ gì? Mọi chuyện là ở chỗ đó. Ôi, thật rẻ tiền biết bao!

– Niềm tự hào kia không rẻ tiền chút nào đâu.

Lachmann ngừng bật, không đáp lại.

– Tớ chỉ nói vậy thôi. - Lachmann nói. Chờ cho hơi thở trở lại điều hòa hơn, anh ta móc từ trong túi áo ghi lê ra một vật gì đó gói trong giấy vụn thuốc lá. - Một chuỗi hạt do Giáo hoàng ban phước. Bằng bạc thứ thiệt và ngà voi đấy. Theo cậu thì chuỗi hạt này liệu sẽ tác động tới ả gà mái của tớ sao đây?

– Giáo hoàng nào?

– Giáo hoàng Pius. Còn ai nữa?

– Giáo hoàng Benedict XV thì hay hơn.

– Cậu nói cái gì? - Lachmann nhìn tôi tựa như vừa bị đánh từ phía sau.

- Giáo hoàng Benedict chết từ tám hoánh rồi. Cậu không mơ ngủ đấy chứ?

– Giáo hoàng Benedict thì đáng tự hào hơn. Mà đã qua đời thì lại càng giá trị. Và không rẻ tiền.

– À ra là như vậy. Cậu lại xỏ tở rồi. Tở quên mất... Lần cuối bọn mình...

– Thôi! - Tôi nói.

– Cái gì cơ?

– Thôi, Kurt. Đừng nói gì nữa.

– Được rồi! - Lachmann lưỡng lự giây lát. Sau đó cái ý muốn được nói lại ngập ú trong miệng anh ta. Lachmann mở một tờ giấy vắn thuốc lá màu xanh nhạt ra, không có bạc thật, ngà voi gì cả mà chỉ là một mẫu gỗ bé xiu. - Từ một cái cây ở vườn Gethsemane dưới núi Olives\* đấy. Liệu thứ này ấn tượng với ả gà mái của tở không? - Lachmann dăm dăm nhìn tôi với vẻ cầu cứu.

Vườn Gethsemane: nằm dưới chân núi Olives, thuộc Jerusalem, nơi chúa Jesus nghỉ chân vào đêm trước khi bị đóng đinh.

– Tất nhiên là ấn tượng. Mà cậu không có chai nước thánh nào từ sông Jordan à?

– Không.

– Thế thì làm một chai đi.

– Cái gì?

– Đổ nước lã vào. Ngoài hành lang có vòi nước đấy. Khoảng thêm một

chút bụi để nhìn có vẻ là nước thánh. Không ai nghi ngờ gì đâu. Cậu đã có chuỗi hạt và cành ô liu được ban phước. Chỉ thiếu nước thánh từ sông Jordan mà thôi.

– Nhưng không thể đổ vào một chai vodka được.

– Tại sao không? Hãy bóc cái nhãn chai đi. Cái chai này nhìn như chai lọ của phương Đông ấy. Cái mụ già kia của cậu chắc không nghiện rượu vodka. Chắc lúc cao hứng mụ cũng chỉ uống rượu rum thôi.

– Không phải, whisky. Ghê không?

– Có gì mà ghê.

Lachmann trở nên tư lự.

Tôi ngả lưng ra ghế bành. Ngoài trời dường như đã tối hẳn. Bóng người và bóng ma thoáng vụt qua những ô cửa sổ trên đường phố khi bóng tối đã sập xuống. Trong những tấm gương phía trước mặt tôi, một vết xám mờ bắt ánh sáng đèn, long lanh như một thỏi bạc. Những cái ghế bành bọc nhung biến thành màu tím nhạt và trong thoáng lát tôi có cảm giác như ở đây in vết máu. Rất nhiều máu. Ở đâu tôi đã nhìn thấy nhiều máu như vậy nhỉ? Máu trên những thi hài trong gian phòng màu xám, nhỏ tí teo và phía sau những ô cửa sổ của căn phòng đó, một buổi hoàng hôn đang chậm chạp trôi qua. Dưới ánh tà dương, mọi vật mất đi độ rực rỡ và trở nên bẩn thỉu, nhờ nhờ màu đen xỉn hoặc màu tím nhạt. Mọi vật đều mang màu sắc này, thậm chí cả cái người đứng bên cửa sổ. Bất ngờ anh ta quay đầu lại và thế là trên gương mặt của anh ta cũng nhuốm bóng tà dương. Một nửa mặt anh ta mang màu lửa cháy, nửa kia chìm trong bóng tối. Ngay lập tức một giọng nói the thé vang lên, nghe như giọng vùng Saxon: “Tiếp tục! Người sau.” Tôi quay lại và bật công tắc đèn. Đã



nhiều năm trôi qua tôi mới tập được thói quen ngủ không cần ánh sáng đèn. Nếu tôi buộc phải ngủ thì tôi rồi cũng sẽ nhổm dậy vì khiếp hãi; những giấc mơ khủng khiếp thường đánh thức tôi dậy. Thậm chí bây giờ đêm đêm tôi chỉ miễn cưỡng tắt đèn và không thích ngủ một mình.

Tôi đứng lên, rời khỏi gian buồng khách. Lachmann đang đứng với Melikov ở cạnh cái quầy hàng nhỏ gần cửa ra.

– Ổn cả rồi! - Lachmann nói đầy hân hoan. - Nhìn đây! Melikov có một đồng xèng Nga cũ và chúng tớ đã in dấu nó lên nút chai giả làm dấu niêm phong. Một thứ triện của xứ Slav cổ xưa. Ai có thể nghi ngờ thứ nước trong chai kia không phải là do các tu sĩ Hy Lạp tại tu viện trên sông Jordan đổ vào?

Một mảnh xi đã được gắn trên nút chai. Dưới ánh sáng của cây nến đặt ngay bên cạnh, mảnh xi lóng lánh màu đỏ tươi.

Điều gì sẽ xảy ra với tôi đây, tôi nghĩ. Thì mọi điều cũng đã xảy ra rồi! Tôi đã được cứu rồi! Dưới kia, trên đường phố, cuộc sống đang sôi réo! Tôi đã được cứu rồi! Chẳng lẽ tôi đã được cứu rồi thật rồi sao? Và thoát khỏi cả bóng tối nữa?

– Tớ đi dạo một chút đây. - Tôi nói. - Trong đầu tớ đang ứ đọng món tiếng Anh. Cần phải kiểm tra qua thực tế xem sao. Tạm biệt!

Khi tôi quay trở về, Melikov đã bắt tay vào công việc của mình. Trong cái khách sạn này, ông ta đảm đương nhiều công việc khác nhau - ông ta là gã gác cửa ban ngày, đôi khi cả ban đêm nữa, đồng thời ông ta thực thi mọi sai khiến của chủ trong những công việc lặt vặt nhất. Trong tuần lễ này ông ta đảm nhiệm chân gác đêm.

– Lachmann ở đâu? - Tôi hỏi.

- Ở trên lầu bên tình yêu của anh ta.
- Ông có tin là hôm nay hạnh phúc sẽ mỉm cười với anh ta không?
- Không. Con mụ sẽ thết bữa tối anh ta và anh chàng Mexico, nhưng tiền lại do Lachmann chịu. Anh ta bao giờ cũng là người như vậy à?
- Đúng thế. Chỉ là từng may mắn hơn thôi. Anh ta đoán chắc rằng, anh ta chỉ bắt đầu đam mê những kẻ tật nguyền, bệnh hoạn sau khi bị tập tễnh. Trước đây mọi sở thích của anh ta cũng bình thường như mọi người khác. Có thể anh ta xử sự như vậy chỉ vì gương ngạ trước những người đàn bà có nhan sắc thôi. Ai biết được...

Ngoài cửa thấp thoáng một người nào đó. Đó là một thiếu phụ mảnh mai, dong cao với cái đầu bé như đầu chim. Trên gương mặt trắng xanh của cô nổi bật lên đôi mắt xám tro, mái tóc màu vàng rơm hình như nhuộm thuốc. Melikov đứng lên.

- Natasha Petrovna! - Ông ta nói. - Cô trở về đã lâu chưa?
- Hai tuần lễ trước.
- Tôi cũng đứng dậy. Người thiếu phụ mới tới cao xấp xỉ tôi. Trong chiếc áo dài màu đen ôm khít người, nom cô hơi gầy. Cô nói líu riu, giọng nói oang oang và hơi khàn như giọng người nghiện thuốc nặng.
- Cô uống chút vodka nhé. - Melikov hỏi. - Hay whisky?
- Vodka, nhưng chút xíu thôi. Tôi phải đi chụp ảnh ngay bây giờ đây.
- Sao lại chụp ảnh vào lúc khuya như thế này?
- Hiệu ảnh chụp suốt đêm. Anh thợ ảnh chỉ rồi vào buổi tối thôi. Ở đó có những chiếc áo dài và mũ. Những chiếc mũ nhỏ xíu...

Chỉ đến lúc này tôi mới nhận ra Natasha Petrovna đội một cái mũ không có vành, hơi nghiêng nghiêng.

Melikov đi lấy rượu.

– Anh là người Mỹ à? - Natasha hỏi.

– Không, tôi là người Đức.

– Tôi căm thù bọn Đức.

– Tôi cũng vậy. - Tôi tán đồng ngay.

Natasha nhìn tôi ngạc nhiên.

– Tôi không có ý nói tới những người Đức đang ở bên này.

– Tôi cũng vậy.

– Tôi là người Pháp. Anh cần thông cảm với tôi. Chiến tranh...

– Tôi hiểu. - Tôi nói hờ hững. Đây không phải là lần đầu tiên người ta tựa như biến tôi thành kẻ phải chịu trách nhiệm vì những tội ác của chế độ phát xít ở Đức. Điều này dần dà không khiến tôi bức bối nữa. Tôi đã bị giam cầm tại trại tập trung những kẻ lưu vong tại Pháp, nhưng tôi không hề ghét người Pháp. Giải thích vì sao thật không cần thiết. Những ai chỉ biết mỗi một tình cảm yêu hoặc ghét không thôi quả là những kẻ ấu trĩ đến thảm hại.

Melikov mang tới chai rượu và ba cái ly nhỏ đã đổ đầy tràn rượu.

– Tôi không muốn uống đâu. - Tôi nói.

– Anh giận tôi à? - Natasha hỏi.

– Không, chỉ vì lúc này tôi không muốn uống thôi.

Melikov nhếch miệng cười.

– Chúc mừng sức khỏe của cô. - Ông ta nói và uống cạn một hơi.

Tôi cảm thấy mình quả là một thằng ngốc. Hoài hơi mà chối từ nhưng lúc này cũng muộn rồi.

Melikov nâng chai rượu lên.

– Thêm một ly nữa, Natasha Petrovna?

– *Merci\**, Vladimir Ivanovich, đủ rồi! Tôi phải đi đây. *Au revoir* - Natasha siết chặt tay tôi. - *Au revoir, monsieur\**.

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Cảm ơn.

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Tạm biệt anh.

– *Au revoir*, ma dame.

Melikov tiễn Natasha. Quay lại, ông ta hỏi:

– Cô ta làm anh bực mình à?

– Không.

– Đừng để ý làm gì. Cô ta chọc tức tất cả mọi người. Nhưng chính cô ta không muốn vậy đâu.

– Cô ta là người Nga hay người Pháp?

– Cô ta sinh ở Pháp, cha mẹ là người Nga. Sao anh lại hỏi như vậy?

– Tôi đã sống khá lâu giữa những người Nga lưu vong. Tôi để ý thấy chỉ vì giải sầu thôi họ luôn chọc tức cánh đàn ông một cách vô duyên cớ.

Melikov cười toe toét.

– Tôi chẳng thấy điều đó có gì xấu cả. Đôi khi làm cho cánh đàn ông ta nổi điên cũng là một việc có lợi. Dẫu sao thì chọc tức một thằng đàn ông cũng sẽ tốt hơn cái trò sáng sáng, với vẻ mặt dương dương tự đắc, đưa tay lau chùi những chiếc cốc cho đến sạch bóng trên bộ sắc phục của hắn, rồi đánh sạch bóng đôi ủng để sau đó hắn sẽ xéo lên tay bọn trẻ con Do Thái.

– Xin chịu ông. - Tôi giơ cao hai tay lên đầu. - Hôm nay là một ngày tồi tệ cho những người Đức lưu vong. Xin ông cho tôi chút vodka mà ban nãy tôi đã từ chối.

– Được thôi.

Melikov nghiêng tai lắng nghe.

– Họ đấy!

Có hai người đang xuống cầu thang. Tôi nhận ra cái giọng đàn bà the thé kia. Đó chính là mẹ gà mái và Lachmann. Mẹ ta bước phía trước không cần để ý xem anh chàng có theo sau hay không. Mẹ bước đi không hề tập tễnh chút nào. Căn cứ theo dáng đi, nước bước của mẹ không thể nhận ra mẹ là một người tàn phế.

– Bây giờ hai người đi tới nhà tên Mexico đấy. - Melikov thì thảo bên tai tôi.

– Thật là một anh chàng khốn khổ. - Tôi nói.

– Khốn khổ sao? - Melikov sững sốt. - Không, đơn giản là anh ta chỉ muốn cái gì mà anh ta không có.

– Mong muốn đó là thứ duy nhất mà anh ta không bao giờ để mất, đúng không? - Tôi mỉm cười.

– Người khốn khổ khốn nạn là những ai chẳng còn muốn điều gì nữa.

– Chả lẽ là như vậy. - Tôi nói. - Tôi nghĩ khi không còn ham muốn gì nữa, người ta sẽ trở thành người thông thái.

– Ý tôi không phải thế. Hôm nay anh làm sao vậy? Cần đàn bà không?

– Không. Tôi chỉ cảm thấy sảng khoái khi không còn trong tình trạng nguy hiểm thường trực nữa. - Tôi nói và cười toe toét.

– Thông thường những người lưu vong cố để được sống với nhau. Còn anh, cứ theo tôi nhận xét, anh không muốn gần bó với ai cả.

– Tôi không muốn hồi nhớ lại điều gì.

– Chính vì thế?

– Tôi không muốn bị cuốn hút vào những lo toan suy nghĩ của bọn người lưu vong để rồi tự giam hãm mình vào bầu không khí của một thứ

nhà tù vô hình. Tôi đã nếm trải quá đủ tình cảnh đó rồi.

– Có nghĩa là anh mong được làm một người Mỹ sao?

– Tôi không muốn trở thành ai cả. Tôi chỉ muốn là con người thôi nếu điều đó được phép.

– Thật là những lời lẽ lớn lao!

– Cần phải tự mình thu thập nghị lực. Không ai giúp cho mình được điều đó đâu.



### III



Tôi làm quen với anh em nhà Lowy vào chính cái phút giây khi những tia nắng xiên khoai chiếu lên những hàng bán đồ cổ ở phía bên phải đường phố cái màu vàng tươi huyền thoại, còn ở bên kia đường bóng chiều đã lại bằng lăng hắt lên mặt kính các cửa hàng.

Vào thời khắc đó trong ngày các mặt kính sống một đời sống riêng của mình, một cuộc sống được khúc xạ lại bởi thứ ánh sáng vay mượn, hết như cuộc sống giả dối trên mặt những chiếc đồng hồ vẽ trên tấm biển quảng cáo tại các cửa hàng mắt kính, khi cái kim giờ, kim phút được vẽ ra kia lại chỉ một thời khắc trùng hợp với một thời khắc thực nào đó. Tôi thò tay mở cửa một quầy hàng và từ trong gian nhà nom giống như một chiếc bể nuôi cá bước ra một anh chàng tóc hung - một trong hai anh em nhà Lowy. Anh ta hơi nhấp nháy mắt, hắt hơi mấy cái, rồi giương mắt nhìn buổi hoàng hôn, sau đó lại hắt hơi và cuối cùng anh ta mới nhận ra tôi. Nhưng chính vào lúc ấy tôi lại đang quan sát xem những quầy hàng bán đồ cổ kia đang dần dần biến vào bóng tối ra sao.

– Một buổi chiều tuyệt vời, có đúng thế không anh bạn? - Đưa mắt nhìn khoảng không, anh ta nói.

Tôi gật đầu.

– Cửa hàng của anh có thứ đồng hồ mới đẹp làm sao!

– Đồng giả đấy. - Lowy nói.

– Chẳng lẽ thứ hàng kia không phải là của anh?

- Sao anh lại cho là như vậy?
- Bởi vì anh vừa nói đó là cửa giả.
- Tôi nói thứ đồng đỏ đó là cửa giả, bởi vì nó là cửa giả thôi.
- Những lời lẽ tuyệt vời, - tôi nói, - đặc biệt khi chúng lại thốt ra từ miệng của một thương gia.

Lowy lại hắt hơi và nheo mắt.

- Tôi đã mua nó như mua một thứ hàng giả. Ở đây chúng tôi yêu sự trung thực.

Sự kết hợp hai tiếng “giả” và “thật” vang lên thật tuyệt vời vào đúng giây phút này, khi ánh tà dương đang dần lụi tắt trên các tấm kính.

- Nhưng liệu anh có tin rằng, thứ hàng kia vẫn có thể là đồng đỏ thứ thiệt không?

Lowy rời khỏi khung cửa, tiến tới ngắm món hàng đồng đỏ đang nằm trên chiếc giá.

- Anh có thể mua món hàng ấy với giá ba mươi đô la, tôi còn biếu thêm cái giá gỗ tếch đấy.

Toàn bộ gia sản của tôi xấp xỉ chừng tám mươi đô la.

- Tôi có thể mang về trong vài ngày thôi được không?

- Anh có thể mang về luôn, miễn là đưa tiền trước.

- Tôi mang về xem trước, được không? Hai ngày thôi?

Lowy quay đi.

- Nhưng tôi không biết anh bạn. Mới đây tôi trao hai bức tượng sứ cho một ma đăm, cũng mang về xem trước. Chị ta nhìn rất đáng tin.

- Sao? Chị ta biến mất hút à?

- Không, chị ta quay lại chứ. Nhưng với hai bức tượng vỡ. Trên một

chuyển xe đông lên, có một người nào đó đã va hòm đồ nghề của anh ta vào.

– Thật không may cho chị ta!

– Chị ấy khóc như mất con. Mất ngay một lúc hai đứa. Hai đứa sinh đôi. Hai bức tượng đó là một cặp mà. Làm sao đây? Tiền thì chị ta không có. Chị ta trả cho tôi bằng gì đây? Chị ta chỉ muốn giữ ở nhà mình vài ba ngày để ngắm nghía, trước khi khoe với đám bạn chơi bài của mình. Anh bạn thấy đấy, cũng là vì cái đẹp thôi, nhưng chị ta đã dồn tôi vào tình thế khó xử biết bao.

– Nhưng đồng đỏ thì không dễ vỡ như sứ đâu. Nhất là nếu nó không phải là đồng thật.

Lowy nhìn tôi chăm chú.

– Anh có nghi ngờ gì về điều tôi vừa nói sao?

Tôi không đáp.

– Nào, ba mươi đô la đấy. - Lowy nói. - Thôi được rồi, anh cứ mang về đi và để ở chỗ anh một tuần, sau đó nếu không ưng thì trả lại. Còn nếu anh bán được cho ai thì lợi lộc chia đôi. Đồng ý chưa nào?

– Kể như là anh cầm dao đằng chuôi. Nhưng tôi cũng đồng ý.

Tôi không tin lắm vào sự tinh tường của bản thân, chính vì thế tôi đã chấp thuận lời đề nghị của Lowy. Tôi đặt bức tượng đồng trong gian phòng của mình. Lowy cũng nói với tôi là anh ta mua bức tượng này từ một viện bảo tàng ở New York khi người ở đó phát hiện đó là một của giả và muốn tống khứ nó. Buổi chiều hôm đó tôi ở lại nhà. Trong phòng tối om nhưng tôi không bật đèn. Nằm trên giường tôi bắt đầu ngắm bức tượng đặt trước cửa sổ. Trong thời kì tôi lưu trú tại viện bảo tàng

Brussels, tôi đã nắm được một chân lí như thế này: các đồ vật chỉ bắt đầu cất lên tiếng nói khi ta ngắm nhìn chúng một khoảng thời gian thích đáng. Còn những đồ vật mà nói ngay với ta những điều gì đó, đấy không phải là những đồ vật có giá trị nhất. Dạo gót lang thang trong bảo tàng vào ban đêm, thỉnh thoảng tôi lấy một món đồ nào đấy trong các gian phòng của viện bảo tàng, để khi trở về cái hầm tắm tối kia, tôi lần mò, sờ nắn nó. Thông thường đấy là những bức tượng đồng và bởi vì viện bảo tàng Brussels đã nổi tiếng khắp nơi với bộ sưu tập các pho tượng đồng cổ của Trung Hoa, nên được sự đồng ý của ông giám đốc viện, đôi khi tôi đã mang về gian hầm những bức tượng ấy. Tôi có thể làm được việc này bởi lẽ chính ông giám đốc cũng thường mang những bức tượng ấy về nhà để nghiên cứu. Nên nếu có ai để ý thấy tại viện bảo tàng khuyết vắng bức tượng nào, ông ta sẽ đáp ngay bức tượng ấy đang ở nhà ông ta.

Cứ như thế tôi đã luyện được năng lực biết định giá nhiều tác phẩm nghệ thuật bằng cách sờ mó. Thêm vào đó, vì đã trải qua nhiều đêm bên các tủ kính của viện bảo tàng nên tôi còn biết nhận ra cả những lớp ôxi hóa bên ngoài các hiện vật cho dù không bao giờ tôi có điều kiện để nhận biết điều này dưới ánh sáng mặt trời. Giống như những người mù, trong thời gian ở viện bảo tàng tôi cũng luyện được một thứ xúc giác ngày càng chính xác. Đương nhiên tôi không thật tin vào bản thân ở mọi trường hợp, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng không hoài nghi lắm ở khả năng của mình.

Thứ xúc giác kia mách bảo tôi bức tượng đồng ở cửa hàng anh em nhà Lowy là một vật có giá trị chứ không phải của giả. Quả là hình dáng và đường nét của bức tượng quá chính xác đâu ra đó và chính điều này có thể đã khiến người sưu tập ở các viện bảo tàng không thích lắm, nhưng dẫu sao bức tượng cũng không gây nên ấn tượng đấy là đồ giả. Khi tôi

nhắm mắt lại, và bắt đầu dùng tay chậm rãi thoa vuốt bức tượng, cái cảm giác đây là thứ đồng thật càng tăng lên rõ rệt.

Tại Brussels, có lần tôi đã tiếp xúc với một bức tượng tương tự. Ban đầu người phụ trách bảo tàng cho rằng nó là một bản sao thuộc thời kì nhà Đường hay thời kì nhà Minh. Vấn đề là ở chỗ ngay từ thời Hán, áng chừng vào đầu Công nguyên, người Hoa cũng đã biết sao chép rồi chôn dưới đất những bức tượng của những thời kì nhà Thương và Chu. Chính vì thế nếu chỉ xét theo lớp sét gỉ bám ở bề ngoài của các bức tượng, khó mà xác định nổi chúng là tác phẩm đích thực hay là đồ giả, nếu không phát hiện ra những dấu vết nhỏ bé nhất nhưng khá rõ rệt xét về khuôn đúc hay về hoa văn.

Tôi lại ngã lưng xuống giường và thiếp đi tuy tôi không muốn ngủ chút nào. Khi tôi chợt thức dậy, đêm đã khuya lắm. Tôi không định thần nổi tôi đang ở đâu. Sau đó tôi nhìn thấy bức tượng đồng và trong giây lát tôi có cảm giác là tôi lại đang ở viện bảo tàng Brussels. Tôi ngồi xuống ghế và bắt đầu hít thở thật sâu. Không, tôi không còn ở đó nữa, tôi thăm thì với chính tôi. Tôi đã trốn chạy khỏi nơi ấy rồi, tôi đã tự do, tự do, tự do. Hai chữ “tự do” tôi cứ lặp đi lặp lại như một câu thần chú: lúc đầu là nói thầm, sau phát ra thành tiếng, nhỏ nhẹ và kiên nhẫn. Tôi cứ lặp đi lặp lại hai chữ ấy cho đến tận khi tôi cảm thấy yên ổn, thư thái trở lại. Tôi vẫn thường tự an ủi mình với cung cách như vậy trong những năm tháng tôi bị truy đuổi, mỗi khi tôi giật mình tỉnh giấc mồ hôi mồ kê ướt đầm người.

Tôi giữ bức tượng trong phòng tôi thêm hai ngày nữa, nhưng sau đó tôi quyết định lên đường tìm tới Đại lộ số Ba. Lần này ở cửa hàng có mặt cả người em của Lowy. Anh ta nom rất giống ông anh, chỉ có điều nom bật thiệp và dễ mến hơn, xứng đáng hơn với vai trò của một thương gia buôn bán đồ cổ.

– Anh bạn mang trả bức tượng sao? - Lowy-em hỏi và ngay lập tức mang chúng từ ra để trao lại tôi ba mươi đô la.

– Một bức tượng có giá trị chứ không phải là của giả, - tôi nói.

Lowy-em nhìn tôi với ánh mắt thiện cảm pha chút hiếu kì.

– Họ đã vớt nó ra khỏi viện bảo tàng.

– Tôi tin chắc rằng đây là một bức tượng có giá trị. Tôi đến để hoàn lại bức tượng này cho các anh. Các anh sẽ tự bán lấy.

– Thế khoản tiền của anh bạn thì giải quyết sao đây?

– Các anh sẽ trả lại tôi cùng với một nửa khoản tiền lời. Chúng ta đã thỏa thuận như vậy.

Lowy-em thọc tay vào túi bên phải áo khoác lấy ra tờ giấy bạc mười đô la, chạch lưỡi hôn tờ giấy bạc rồi lại nhét vào túi bên trái.

– Tôi nên đãi anh bạn cái gì đây? - Lowy-em hỏi tôi.

– Anh tin vào tất cả những gì tôi nói với anh phải không? - Tôi hỏi. Đây quả là điều bất ngờ hết sức dễ chịu đối với tôi. Tôi đã quen với tình cảnh không một ai tin tôi cả. Quen từ lâu rồi. Cả cảnh sát, cả đàn bà, cả các viên thanh tra về những người lưu vong.

– Đấy không phải cốt lõi vấn đề. - Lowy-em giăng giải cho tôi một cách vui vẻ. - Tôi và anh tôi đã cá cược với nhau: nếu anh bạn trả lại bức tượng bởi vì nó là đồ giả tôi sẽ thua anh tôi năm đô la, còn nếu anh bạn trả lại bức tượng vì nó là của thật anh tôi sẽ chịu mất cho tôi mười đô la.

– Thấy ngay trong gia đình anh, anh là người lạc quan.

– Tôi là người lạc quan mãn tính, còn ông anh tôi là người bi quan mãn tính. Đó là cách anh em tôi chia sẻ công việc trong cái thời buổi khó khăn này. Hai đặc tính ấy không thể nào dung hòa trong một con người ở thời buổi hiện nay được. Làm một tách cà phê đen nhé?

– Anh là người Áo à?

– Người Áo xét theo gốc gác, còn là người Mỹ xét theo quốc tịch. Còn anh bạn?

– Tôi là người Áo nếu xét theo mong muốn, đồng thời là người không quốc tịch.

– Tuyệt! Chúng ta rẽ vào quán Emma bên kia đường và uống tách cà phê đen đi. Về thái độ của người Mỹ đối với cà phê đen, họ được giáo dục theo tinh thần khổ hạnh. Họ nấu đến khi cà phê mất hết chất hoặc giả họ nấu cà phê từ sáng để dành uống dần cả ngày. Người Mỹ có thể bỏ nhiều giờ liền trông coi ấm cà phê trên bếp để nó không nguội đi mà không bao giờ anh ta nghĩ là có thể nấu một ấm mới. Còn cô Emma thì không bao giờ cho phép mình làm như vậy. Cô ấy là người Séc.

Chúng tôi đi cắt qua một phố ồn ào, náo nhiệt. Chiếc xe ô tô rửa đường phun những tia nước khắp mọi nơi. Một chiếc xe tải chở tã lót trẻ con suýt đâm phải chúng tôi.

– Anh và người anh không cùng một tuổi chứ? - Tôi hỏi.

– Hai anh em chúng tôi sinh đôi, nhưng để tiện cho khách hàng, người ta gọi chúng tôi là Lowy-anh, Lowy-em. Anh tôi ra đời trước tôi ba tiếng đồng hồ.

Một tuần lễ sau đó, ông chủ hãng Loo & Co. - một chuyên gia về nghệ thuật Trung Hoa - đi công cán trở về. Ông ta không tài nào chấp nhận nổi ý nghĩ một viện bảo tàng lại có thể nghĩ bức tượng kia là đồ rởm.

– Đây không phải là một kiệt tác, - ông ta giải thích, - nhưng không còn nghi ngờ gì đây là pho tượng của thời kì tiền Hán.

– Thế giá bán độ bao nhiêu? - Lowy-anh hỏi.

– Tại nơi đấu giá, bức tượng có thể bán được khoảng bốn, năm trăm đô la. Cũng có thể hơn, nhưng không nhiều. Tượng đồng Trung Hoa hiện giờ có xu hướng rẻ đi.

– Vì sao cơ?

– Vì bây giờ mọi thứ đều rẻ đi. Chiến tranh mà! Và cũng không kiếm đâu ra nhiều người sưu tầm tượng cổ Trung Hoa. Tôi có thể mua bức tượng này của hai anh với giá ba trăm đô la.

Lowy-anh lắc đầu.

– Trước hết tôi cần giới thiệu bức tượng này với viện bảo tàng đã.

– Vì lý do gì? - Tôi sửng sốt. - Một nửa tiền lời phải thuộc về tôi. Ấy thế mà hai anh định hiến viện bảo tàng bức tượng này với giá mười lăm đô la còm, chắc bằng khoản tiền hai anh mua nó hử?

– Anh bạn có giấy biên nhận đã mua nó ở chỗ chúng tôi không?

Tôi nhìn Lowy-anh sửng sốt. Anh ta giơ cao tay.

– Chờ một lát và xin đừng to tiếng, câu mong đây sẽ là bài học tốt đối với anh. Sau này, mong anh bạn yêu cầu chứng từ cho mọi việc, về mặt này trước kia tôi đã có kinh nghiệm rất thảm thê.

Tôi vẫn chăm chú nhìn Lowy-anh.

– Tôi sẽ tới viện bảo tàng và nói rằng gần như tôi đã bán được bức tượng này. Thực ra đúng là như vậy. Nhưng dù vậy tôi vẫn xin tặng nó cho viện bảo tàng, bởi vì New York là một thế giới nghệ thuật nhỏ bé. Qua vài tuần lễ nữa mọi người sẽ biết rõ tất cả. Nhưng viện bảo tàng vẫn cần thiết cho chúng ta. Ở đó tôi sẽ đòi cái phần lời cho anh.

– Phần lời ấy sẽ là bao nhiêu?

– Một trăm đô la.



- Còn các anh sẽ lĩnh bao nhiêu?
- Một nửa phần được trả hơn, đồng ý chưa?
- Đối với hai anh toàn bộ câu chuyện này là một trò đùa, - tôi nói. - Còn tôi vì bức tượng đó đã tiêu xài gần một nửa tài sản của mình.

Lowy-anh cất tiếng cười. Trong mồm anh ta đầy răng vàng.

– Ngoài điều đó ra, anh bạn còn nhận thức được vô khối điều bổ ích đấy chứ. Bây giờ ngay cả tôi cũng đoán được sai lầm đã diễn ra như thế nào. Họ tìm ở viện bảo tàng một chuyên viên trẻ tuổi. Anh chuyên viên trẻ này quyết định chứng minh rằng vị tiền bối của anh ta hoàn toàn không hiểu biết, không nắm được chút gì cả nên đã phí quá nhiều tiền cho mớ đồ giả ở đó. Tôi có thể giới thiệu cho anh giải pháp: dưới hầm chúng tôi có cả một đống những đồ vật cổ, chúng tôi không thông tỏ lắm. Con người không thể nào biết được mọi thứ trên thế gian này. Anh có muốn làm quen với những báu vật của chúng tôi không? Mười đô la một ngày. Nào, còn nếu may mắn sẽ có thêm tiền thưởng tính theo phần trăm.

- Có đền bù cho bức tượng đồng đỏ Trung Hoa không?
- Chỉ một phần thôi. Và tất nhiên công việc chỉ có tính chất tạm thời. Tôi và chú em tôi hoàn toàn có thể gánh vác được công việc của mình. Xong nhé?
- Xong. - Tôi nói, rồi đưa mắt nhìn qua tấm kính cửa hàng ra đường phố. Ngoài đó những dòng xe ô tô đang vun vút lao đi.

– Năm chục triệu tử thi, - Lowy-anh nói, - rồi một trăm triệu. Nhân loại tìm đường tiến lên phía trước bằng cách tiêu diệt hàng loạt sinh linh. - Trong nỗi tức giận Lowy-anh cắn đứt mẫu thuốc lá trong miệng. - Anh

hiểu chưa?

– Không ở đâu mạng sống con người lại rẻ rúng như ở Đức. - Tôi nói.  
- Bọn SS đã tính rằng một người Do Thái, thậm chí là người có năng lực làm việc và còn trẻ cũng chỉ đáng giá một nghìn sáu trăm hai mươi mark. Người ta bán anh cho các ông chủ công nghiệp mua sức lao động nô lệ với cái giá sáu mark một ngày. Khẩu đi mười pfennig\* cho tiền may mặc. Còn tiền ăn trong trại là sáu mươi pfennig một ngày. Tuổi thọ trung bình của dân lao động nô lệ là chín tháng. Lờ lãi tính ra được một nghìn bốn trăm mark trên đầu người. Cần thêm vào đó là sự hợp lí hóa trong việc tận dụng các xác chết: những chiếc răng bịt vàng, áo quần, những đồ tư trang có giá trị, tiền bạc của người chết và cuối cùng là tóc. Trừ tiền phí tổn để thiêu xác tính ra là hai mark một đầu người, tiền lãi thực tế thu được là gần một nghìn sáu trăm hai mươi mark. Và cũng cần phải tính đến phụ nữ và trẻ em là những người không có giá trị thực tế. Việc sát hại đàn bà và trẻ em tại các lò hơi ngạt hoặc lò thiêu phí tổn khoảng sáu mark một đầu người. Lại cũng còn phải tính cả phí tổn để giết các cụ già, người ốm đau... Như thế, nếu quy tròn thì lợi tức đầu sao vẫn thu được trung bình là một nghìn hai trăm mark một đầu người.

Pfennig: đơn vị tiền tệ cũ của Đức. Một mark bằng một trăm pfennig.

Lowy-anh mặt tái mét như gà bị cắt tiết.

– Đó là sự thật sao?

– Những tính toán như vậy đã được công bố. Mà do các cơ quan chính thức của Đức công bố cơ đấy! Nhưng nói cho đúng ra những số liệu này cũng chưa nói hết được toàn bộ sự thật đâu. Sự phức tạp không phải là nằm ở phương tiện hủy diệt con người, sự phức tạp nhất nằm ở chỗ hủy diệt các xác chết. Để đốt ra tro một tử thi cần có một thời gian cụ thể. Vùi xuống đất cũng không đơn giản như việc thiêu hủy, nếu ở đây ta

nói tới việc chôn hàng chục ngàn con người, và nếu những người đào huyệt vẫn còn một chút lương tâm. Cái việc tưởng như hết sức đơn giản này đã bộc lộ ra một chỗ yếu: không đủ lò thiêu xác. Và còn nữa, những lò thiêu này cũng không chịu được độ quá tải cao khi phải làm việc liên tục suốt ngày này qua ngày khác. Lại thêm nữa, máy bay của đối phương luôn luôn quấy phá. Bọn Quốc xã tội nghiệp kia buộc phải hứng chịu mọi sự nặng nhọc, vất vả. Bọn chúng chỉ muốn hòa bình cho toàn bộ thế giới này và không cần gì thêm nữa.

– Cái gì?

– Chính thế đấy. Nếu giả như toàn thế giới này làm theo ý Hitler, chiến tranh sẽ không còn nữa.

– Quý quái cái nhà anh này. - Lowy-anh càu nhàu. - Làm sao điều đó lại có thể xảy ra được? Anh bạn còn biết thêm điều gì nữa?

– Bản thân các mệnh lệnh hầu như luôn luôn không gây đổ máu. Mọi việc được bắt đầu chính từ đây. Những ai ngồi sau bàn giấy không cần thiết phải nắm lấy cái rìu. - Với nỗi thương cảm, tôi đưa mắt nhìn người đang nghe tôi nói. - Còn những người ngoan ngoãn thực thi các mệnh lệnh kia luôn luôn có hàng tá, đặc biệt ở tại nước Đức phát xít.

– Thậm chí ngay cả đối với những mệnh lệnh đẫm máu?

– Mệnh lệnh đẫm máu càng dễ thực thi hơn. Bởi vì với những mệnh lệnh do cấp trên ban xuống kia họ không phải chịu trách nhiệm. Họ có thể hành động theo bản năng.

Lowy-anh đưa tay lên sờ tóc.

– Anh đã chứng kiến tất cả những chuyện như vậy?

– Than ôi! - Tôi nói. - Tôi ước gì mình chưa từng chứng kiến.

– Nhưng ở đây lại rất yên ả, tôi với anh đang đứng trong một cửa

hàng bán đồ cổ trên Đại lộ số Ba. - Lowy-anh nói. - Theo ý anh thì mọi chuyện xảy ra như vậy là vì sao?

– Ở đây không có chiến tranh.

– Tôi không nói về việc ấy. Tôi muốn nói làm sao người ta có thể đứng vững với những việc như vậy.

– Ai đứng vững? Chiến tranh đang xảy ra. Đối với bản thân tôi, cuộc chiến tranh kia thật là một điều lạ lùng, tựa như không có thực. Nhưng thực ra chiến tranh lại đang xảy ra trên quê hương tôi. Và mọi thứ còn lại đều không có thực.

Quả chuông gắn trên cánh cửa của quầy hàng bỗng reo leng keng. Một người đàn bà vận đồ đỏ hỏi mua một chiếc bình Ba Tư. Bà ta tò mò muốn biết liệu có thể dùng chiếc bình này làm chiếc gạt tàn thuốc lá được không. Tôi lặng lẽ đi xuống gian hầm kéo dài ra tận lòng đường. Tôi căm ghét cuộc trò chuyện giữa bà khách và Lowy-anh. Tôi luôn có cảm giác những lời trao đổi kia thật ngây ngô, chẳng có một ý nghĩa gì cả. Những kẻ chuyện vãn về những thứ vô bổ như vậy chưa hề nhìn thấy chiến tranh và họ nghĩ rằng họ cũng đang làm được một việc gì đó nếu họ tỏ ra âu lo. Đây là những cuộc trò chuyện của những kẻ không biết đến nỗi nguy hiểm là gì.

Dưới gian hầm thật yên tĩnh, mát mẻ tựa như dưới một căn hầm tránh bom được xây cất cẩn thận, cái hầm tránh bom của một người trử đồ cổ. Phía trên đầu nghe rất rõ, tựa như tiếng máy bay đang gầm rú, là âm thanh ồn ã của những chiếc xe con và xe tải đang lăn bánh trên đường. Bốn bức tường mang lại cảm tưởng như quá khứ đang nguyên rủa chúng ta một cách lặng lẽ, âm thầm.

Mãi khuya tôi mới trở về khách sạn. Lowy-anh trong cơn hưng phấn của tinh thần nghĩa hiệp đã trao cho tôi năm mươi đô la tiền ứng trước. Tôi hiểu rõ, chỉ lát nữa thôi anh ta sẽ hối tiếc vì cử chỉ này. Nhưng vì tính chất nghiêm trang của cuộc trao đổi trước đó giữa anh ta và tôi, Lowy-anh quyết định không đòi lại số tiền này. Thật là món hời bất ngờ đối với tôi.

Melikov không có ở khách sạn. Nhưng lại thấy Lachmann. Giống như mọi lúc, anh ta nom có vẻ lo lắng, người đầm đìa mồ hôi.

– Mọi điều êm đẹp cả chứ? - Tôi hỏi Lachmann.

– Chuyện gì mới được chứ?

– Với thứ nước thánh ấy?

– Với nước thánh à? Cậu muốn nói tới thứ nước đổ vào cái chai vodka ấy phải không? Mà thế nào là mọi chuyện đều tốt đẹp? Không đơn giản như vậy đâu. Nhưng những cơ hội vẫn tiếp tục xuất hiện. Tuy mù gà mái của tớ quả là khiến tớ phát rồ phát dại lên được. Thật là một trò chơi đến mệt lử người. Đúng là tớ bị rơi vào giữa Scylla và Charybdis...

– Scylla và Charybdis là cái quỷ gì?

– Cậu chưa nghe câu tục ngữ này bao giờ sao? Điển từ thần thoại Hy Lạp đấy. Nó là chiếc bẫy căng ra giữa hai mỏm đá để giăng bắt đám thủy thủ. Mình cần phải chèo chống, chèo chống. Nếu không vậy sẽ rơi vào bẫy liền. - Lachmann nhìn tôi với ánh mắt của con thú bị săn đuổi. - Nếu mù già này không mau mau chịu ngủ với tớ, tớ sẽ biến thành một kẻ liệt dương mất. Cậu cũng đã biết tớ bị một gánh nặng như thế nào rồi. Những bóng ma lại săn lùng tớ. Đêm đêm tớ chột thức giấc, người ngợp đầm đìa mồ hôi, thức giấc vì chính tiếng thét của mình. Cậu cũng đã biết đấy: những tên cướp định thiến tớ, không phải bằng dao đâu mà bằng kéo cơ. Và chúng cất tiếng cười khà ồ như một lũ điên. Nếu tớ không được ngủ với mù ta trong thời gian tới, tớ sẽ lại mơ thấy bọn cướp kia

bắt được tở. Thật là những giấc mơ hãi hùng, khiếp đảm. Cứ y như là xảy ra thực ấy. Thậm chí khi tở đã ngồi bật dậy, tở vẫn nghe thấy tiếng cười của bọn chúng.

– Thì đi mà giải sầu với các ả đi điếm.

– Tở không thể làm như vậy được. Với mấy ả điếm tở đã “liệt” từ lâu rồi. Ngay cả với những người đàn bà bình thường cũng vậy. Đó là hậu quả bọn cướp gây ra cho tở.

Lachmann nghiêng tai lắng nghe.

– Đấy mụ ta đang đến đấy! Chúng tở sẽ ăn tối ở quán Blue Ribbon. Mụ ta rất thích món thịt bê rán. Đi với bọn này đi! Biết đâu cậu chẳng có ảnh hưởng đến con gà mái ấy. Cậu là kẻ nhanh mồm nhanh miệng nhất trong bọn mình mà.

Từ cầu thang vọng vào cái giọng the thé kia.

– Tở không có thời gian, - tôi nói. - Thế cậu không cho rằng mụ ta cũng có gánh nặng vì cái chân bị cưa cụt kia sao? Cũng như những vết sẹo của cậu là gánh nặng cho cậu.

– Cậu nghĩ thế à? - Lachmann đã đứng dậy. - Đúng là cậu đã nghĩ như vậy sao?

Tất nhiên là tôi đã trót lỗ miệng nói ra ý nghĩ vừa xuất hiện trong đầu. Tôi muốn an ủi Lachmann. Nhưng nhìn thấy anh ta quá hưng phấn, tôi tự nguyện rửa cái lưỡi quá dài của mình. Chính từ Melikov tôi biết rằng mụ đàn bà kia đã có quan hệ nhăng nhít với một gã Mexico. Nhưng giải thích cho anh ta rõ điều này cũng đã quá muộn, vả lại Lachmann chẳng thèm nghe lời tôi đâu.

## IV



Lachmann trao cho tôi địa chỉ của Harry Kahn. Về những chiến tích có tính chất huyền thoại của Kahn tôi đã được nghe ngay từ khi tôi còn ở bên Pháp. Vào một trong những ngày đẹp trời, Kahn đã xuất hiện ở miền Provence dưới cái tên Raoul Tegnèr và tẩm hộ chiếu ngoại giao trong túi. Không một ai biết làm sao mà anh ta có được tẩm hộ chiếu ngoại giao kia. Theo một giả thuyết, giấy tờ của anh ta là giấy tờ của Pháp với con dấu Tây Ban Nha xác nhận rằng Kahn là phó lãnh sự tại thành phố Bordeaux. Nhiều ý kiến ngược lại đã cho rằng dường như nhiều người đã nhìn thấy tẩm giấy hộ chiếu của Kahn và hình như tẩm hộ chiếu đó là hộ chiếu Tây Ban Nha thật. Bản thân Kahn thì câm lặng đầy bí hiểm, nhưng bù vào đó anh ta lại hành động. Xe của anh ta cầm cờ ngoại giao đoàn, anh ta ăn vận lịch sự, thêm vào đó bản tính xem ra là người máu lạnh, lạnh đến hỗn hào. Anh ta tự tin đến độ thậm chí ngay những người lưu vong cũng đành nín là mọi chuyện về anh ta đều đúng cả. Tuy nhiên, trên thực tế chẳng có chuyện nào là thật.

Kahn được tự do đi lại khắp nơi. Cái hay nhất là ở chỗ anh ta du ngoạn đây đó như một người đại diện cho một nền độc tài khác, nhưng anh ta lại không mấy may biết gì về nó cả. Chẳng bao lâu sau Kahn trở thành một vị anh hùng trong các chuyện cổ, chuyên làm những việc nghĩa hiệp. Chính lá cờ ngoại giao trên chiếc xe một phần đã che chở cho Kahn. Còn những khi đội tuần tra của bọn SS hay bọn lính Đức muốn giữ anh ta lại, Kahn nổi giận và chửi rủa không tiếc lời khiến bọn Đức đã vội vã

lùi bước, lo sợ sẽ bị cấp trên của chúng quở trách. Kahn hiểu khá rõ bọn Quốc xã rất sợ nề thái độ hỗn hào, làm phách và nó cũng khiến anh ta có thêm sức mạnh.

Kahn đã từng liên hệ với phong trào kháng chiến của Pháp. Có thể chính những người hoạt động bí mật đã cung cấp cho anh ta tiền bạc, vũ khí và chủ yếu là xăng dầu. Kahn luôn luôn có đủ xăng, tuy vào thời kì đó xăng là một thứ hàng cực kì khan hiếm. Kahn vận chuyển truyền đơn và những tờ báo đầu tiên của tổ chức bí mật - loại hai trang khổ nhỏ. Tôi cũng đã từng biết đến trường hợp sau: một lần đội tuần tiễu bắt Kahn dừng lại để kiểm soát chiếc xe của Kahn. Lần đó thật không may xe lại chạt lên tài liệu bí mật. Nhưng Kahn đã gây ngay ra một cuộc cãi cọ dữ dội đến độ bọn Đức vội vàng phải lùi bước, tựa như chúng vừa nắm phải đuôi một con rắn độc.

Đôi khi Kahn còn có những tờ hộ chiếu Tây Ban Nha chưa điền tên ai. Nhờ chúng, anh ta đã cứu mạng sống nhiều người lưu vong: họ có thể vượt qua biên giới và tới ẩn náu ở Pyrénées. Đó là những người mà bọn Gestapo đang lùng sục. Kahn còn giúp họ ẩn náu cả thời gian dài trong các tu viện của Pháp để sau đó, khi thời cơ vừa xuất hiện, anh cho họ đi lánh nạn ngay. Bản thân tôi được biết hai trường hợp, khi Kahn dám lên tiếng ngăn chặn sự cưỡng bức những người lưu vong trở lại Đức. Trong trường hợp đầu, anh ta gợi ý cho một thượng nghị sĩ Đức biết rằng nước Tây Ban Nha hết sức quan tâm đến người tù này: ông này nói thạo nhiều thứ tiếng và chính vì thế người ta muốn sử dụng ông ta với tư cách là thống sứ Tây Ban Nha tại Anh. Trường hợp thứ hai Kahn đã hành động với sự trợ giúp của rượu cognac, rượu rum và bọn lính gác, sau đó bắt đầu đe sẽ tố cáo bọn chúng với lí do nhận hối lộ.

Khi Kahn biến mất mà không một ai hay biết, trong giới lưu vong loan truyền những tin đồn đại thất thiệt nhất. Mọi người tranh nhau kêu la ầm



ĩ. Bởi lẽ mỗi một người lưu vong đều hiểu rằng Kahn chỉ có thể ra khỏi cuộc chiến tranh này bằng cái chết. Mỗi ngày anh ta càng trở nên không biết sợ ai, không biết sợ bất cứ điều gì. Có cảm giác như anh ta đang thách đố với số phận. Nhưng sau đó là sự im lặng đáng sợ. Tôi cho là bọn phát xít đã ngấm ngấm giết chết anh ta từ lâu rồi trong một trại tập trung nào đó hoặc đã treo cổ anh ta, tựa như những anh hàng thịt treo những đùi thịt bò, bê lên móc. Ấy thế mà gặp Lachmann, tôi được biết rằng Kahn đã trốn thoát.

Tôi tìm Kahn tại cửa hiệu đang tiếp âm radio bài phát biểu của tổng thống Roosevelt. Qua những cánh cửa để ngỏ, một thứ âm thanh đinh tai nhức óc phóng ra đường phố. Trước dãy tủ kính cửa hiệu người ta chen chúc nhau nghe bài diễn văn kia.

Tôi cố để nói chuyện với Kahn. Nhưng điều này không thể làm được bởi lẽ làm sao tôi có thể hét to hơn tiếng radio được. Hai chúng tôi chỉ có thể giải thích mọi điều cho nhau qua điệu bộ. Kahn nhún vai vẻ tiếc rẻ, tay chỉ lúc cái loa truyền thanh, lúc đám đông phía sau lớp kính và mỉm cười. Tôi hiểu: đối với Kahn, điều quan trọng là hãy để nhân dân lắng nghe Roosevelt và chính anh ta cũng không muốn tôi bỏ qua, không nghe bài diễn văn này. Tôi ngồi xuống cạnh tủ kính quây hàng, lấy thuốc lá ra và bắt đầu lắng nghe.

Kahn là một người mảnh mai, tóc đen với đôi mắt cũng đen nhánh như hai cục than. Anh ta còn trẻ, không ngoài ba mươi tuổi. Nhìn anh ta không ai có thể nói rằng anh ta là con người gan vàng dạ sắt, nhiều năm đã dám chơi với lửa. Nói đúng hơn anh ta nom giống một nhà thơ, gương mặt anh ta vừa đăm chiêu lại vừa cởi mở. Rimbaud và Villon cũng là những nhà thơ. Những gì mà Kahn đã thực hiện có lẽ cũng chỉ xuất hiện trong đầu óc các nhà thơ mà thôi.

Cái loa phóng thanh đột nhiên câm bật.

– Xin lỗi! - Kahn nói. - Tôi muốn nghe cho hết bài phát biểu này. Anh có nhìn thấy mọi người trên đường phố không? Một số trong bọn họ có khả năng chấm dứt cuộc đời vị tổng thống này. Roosevelt có khá nhiều kẻ thù. Bọn thù địch này khẳng định Roosevelt lừa dụ nước Mỹ lao vào cuộc chiến tranh và ông phải chịu trách nhiệm vì những tổn thất đối với người Mỹ.

– Còn bên châu Âu thì sao?

– Không chỉ ở châu Âu, mà ngay tại Thái Bình Dương, người Nhật cũng buộc ông ta phải chịu trách nhiệm. - Kahn nhìn tôi đăm đăm. - Theo tôi nhớ chúng ta đã gặp nhau ở đâu nhỉ? Ở Pháp thì phải?

Tôi kể cho anh nghe tai họa của tôi.

– Khi nào thì anh phải cuốn xéo khỏi nơi đây?

– Hai tuần lễ nữa. - Tôi đáp.

– Anh định đi đâu?

– Làm sao mà tôi biết trước được.

– Hãy đến Mexico, - Kahn nói, - hoặc Canada. Đến Mexico đơn giản hơn. Chính phủ bên ấy tốt bụng hơn. Họ tiếp nhận ngay cả những người Tây Ban Nha di tản - những dân tị nạn. Cần phải xin phép sứ quán của họ trước. Anh có những giấy tờ gì?

Tôi giải thích, và Kahn mỉm cười, nụ cười làm biến đổi gương mặt anh.

– Cũng không khác mấy với những người khác, - anh lẩm bẩm. - Anh có muốn giữ được tấm hộ chiếu đó không?

– Dĩ nhiên là muốn chứ. Đây là thứ giấy tờ duy nhất hiện tôi có. Nếu tôi tự thú nhận đây là tấm hộ chiếu của một người khác tôi sẽ bị tổng giam liền.

– Không hẳn. Nhưng nó cũng không mang lại cho anh lợi lộc gì đâu. Tối hôm nay anh sẽ làm gì? Có bận việc gì không?

– Tất nhiên là không.

– Rẽ qua tôi vào khoảng chín giờ. Chúng tôi sẽ tìm cách giúp đỡ anh. Ở đây có một nơi mà chúng ta có thể nhận được sự giúp đỡ.

Gương mặt tròn vạnh, đôi má đỏ ửng, đôi mắt cũng tròn vo như hai viên bi ve, mái tóc dày, ánh đen - gương mặt ấy nom như một vầng trăng mãn khai.

– Robert! - Betty Stein kêu vác lên. - Lạy Chúa, anh từ đâu đến đây? Anh ở đây từ bao giờ vậy? Tại sao tôi không hay biết gì về anh cả? Lẽ ra anh nên báo cho tôi biết. Tôi hiểu rồi, anh còn cả núi công việc quan trọng hơn mà! Anh còn thời gian đâu mà nhớ tới tôi nữa. Thật là điển hình cho...

– Hai người quen nhau sao? - Kahn hỏi.

Không thể nào hình dung nổi ai đã từng tham gia vào cuộc thiên di của các dân tộc mà lại không biết tới Betty Stein. Chị là người bảo trợ cho những kẻ di tản cũng như trước kia ở Berlin chị đã từng là người bảo trợ cho các diễn viên, các họa sĩ và các nhà văn khi còn chưa lập nên công danh. Trái tim dịu dàng đầy tình người của chị luôn luôn rộng mở đối với tất cả những ai cần chị giúp đỡ. Tấm lòng hào hiệp của chị bộc lộ mãnh liệt và nồng nhiệt đến mức đôi khi biến thành một thứ bạo quyền: hoặc là anh phải trở thành tài sản của chị hoàn toàn, hoặc là anh trở thành kẻ thù của chị.

– Tất nhiên chúng tôi quen biết nhau. - Tôi trả lời Kahn. - Nhưng quả là chúng tôi đã không gặp nhau mấy năm rồi. Đây, anh thấy không, tôi

chưa kịp bước vào nhà, chị ấy đã quở mắng tôi rồi. Cái tính khí ấy nằm tự trong máu của chị ấy. Máu Slav.

– Vâng, quả đúng như thế đấy! Tôi sinh ra ở Breslau, - Betty Stein tuyên bố, - và tôi rất tự hào về điều này.

– Thường cũng hay gặp những thiên kiến từ thời tiền sử! - Kahn nói điềm tĩnh. - Thật rất mừng vì anh và chị đã quen biết nhau. Anh bạn chung này của tôi và chị đang cần tới sự hỗ trợ và những lời khuyên. Ý tôi muốn nói tới anh chàng Ross này. - Kahn chỉ vào tôi.

– Ross?

– Vâng, chính là cái anh chàng Ross này. - Tôi nói.

– Ross đã chết rồi cơ mà?

– Đúng thế, chị Betty ạ. Còn tôi là người thừa kế của anh ấy.

– Tôi hiểu rồi.

Tôi giải thích cho Betty hiểu tình huống đã xảy ra. Ngay lập tức, với tất cả sự nôn nóng, Betty Stein vợ lấy cái việc mà Kahn vừa nêu ra kia rồi sôi nổi bàn tán ngay với Kahn những phương án khác nhau. Tôi biết ở nơi này Kahn như một người anh hùng của phong trào kháng chiến Pháp nên rất được trọng nể. Tôi không biết làm gì trong lúc hai người trò chuyện với nhau, đành đưa mắt ngấm nhìn nơi tôi vừa tới. Gian phòng này khá rộng và mọi thứ đều như phù hợp với tính cách của Betty. Trên tường là những bức ảnh được gắn vào bằng đinh bấm - những bức chân dung với những lời đề tặng trân trọng. Tôi bắt đầu chăm chú đọc kĩ những lời đề tặng kia, nhiều người trong ảnh cũng đã chết. Sáu người như vậy và đấy là những người không chịu rời bỏ nước Đức, một người đã từ nước ngoài trở về quê hương.

– Tại sao bức chân dung của Forster chị lại đặt trong khung viền màu đen? - Tôi hỏi. - Anh ta còn sống cơ mà.

– Bởi vì Forster một lần nữa trở lại nước Đức. - Betty quay về phía tôi nói. - Anh có biết vì sao Forster trở về không?

– Tại vì anh ta không phải là người Do Thái và quá buồn nhớ quê hương, - Kahn nói, - vả lại anh ta không biết tiếng Anh nữa.

– Hoàn toàn không phải như thế. Mà là bởi vì ở Mỹ không ai biết làm cho anh ta món xa lát, món ăn mà anh ta rất ưa thích, - Betty trang trọng nói cho chúng tôi hay, - điều đó làm anh ta thấy buồn.

Trong phòng vang lên tiếng cười gượng gạo. Những câu chuyện tiếu lâm của dân di tản tôi cũng đã thuộc lòng khá nhiều: cái cười trong gian phòng này là cái cười mỉa mai và thất vọng. Cũng như có cả một lô chuyện tiếu lâm xung quanh các nhân vật như Göring, Goebbels và Hitler.

– Thế tại sao chị không hạ bực chân dung của Forster xuống? - Tôi hỏi.

– Tại sao à? Tại vì mặc cho mọi điều như vậy, tôi vẫn yêu anh ta. Forster là một diễn viên tầm cỡ.

Kahn cất tiếng cười.

– Chị Betty bao giờ cũng khách quan, - Kahn nói. - Bao giờ mọi chuyện nhằng nhít này kết thúc, chị Betty đây sẽ là người đầu tiên cất lên lời nhận xét về những người bạn chung của chúng ta, trong những năm tháng vừa qua ở Đức họ đã kịp viết ra những cuốn sách bài Do Thái và đã nhận được tước vị. Chị ấy sẽ giải thích là họ đã làm tất cả điều đó để mọi điều không dồn tới chỗ tồi tệ nhất! - Kahn vỗ lên đôi bờ vai mập mạp của Betty. - Chẳng lẽ tôi nói không đúng sao, hử chị Betty?

– Nếu những kẻ khác là những con lợn, điều đó cũng không có nghĩa chúng ta cũng phải xử sự như những con lợn. - Betty hơi bực dọc, phản bác lại.

– Chính là bọn họ đang trông đợi ở những quan niệm như vậy đấy, -

Kahn vẫn bình thản, - nhưng đến cuối cuộc chiến tranh họ sẽ lại dự tính một cách đoan chắc là người Mỹ sau khi bắn loạt pháo cuối cùng sẽ gửi ngay đến Đức những chuyến tàu chở đầy thịt, bơ và thịt muối cho những người Đức nghèo khổ, tức những người vô sản Đức chỉ lăm le định tiêu diệt họ.

– Nhưng nếu bọn Đức thắng trong cuộc chiến tranh này thì sao? Theo ý anh, những kẻ kia sẽ cư xử như thế nào? Bọn họ cũng sẽ phân phát thịt muối chứ? - Có một người nào đó vừa ho, lên tiếng hỏi.

Tôi không trả lời. Những cuộc trao đổi như thế này thực sự đã khiến tôi chán ngấy đến tận cổ. Tốt nhất là hãy ngắm nhìn những bức ảnh.

– Danh sách những kẻ đã chết của Betty. - Một người đàn bà nhỏ nhắn, làn da trắng bột, ngồi trên chiếc ghế phía dưới những tấm ảnh, nhắc Betty. - Đây là chân dung Hastenecker.

Tôi nhớ lại Hastenecker. Bọn Pháp đã đưa anh vào trại tập trung dành cho người nước ngoài không rõ gốc tích cùng với những người lưu vong khác. Anh là nhà văn và đã biết nếu anh rơi vào tay bọn Đức cuộc đời anh coi như là chấm hết. Anh còn biết rằng bọn Gestapo sẽ triệt hạ trại giam dành cho người nước ngoài không rõ tông tích. Vì thế trước khi bọn Đức tiến đến trại anh đã tự vẫn.

– Thật điển hình cho thói bàng quan của người Pháp! - Kahn nói về giận dữ. - Có thể chúng ta nghĩ không có chuyện đó, nhưng thực tế người ta đang làm như vậy đấy.

Tôi nhớ lại là Kahn đã yêu cầu viên chỉ huy của một trong những trại tập trung như vậy phải thả một số người Đức lưu vong. Anh ta kiên nhẫn yêu sách đến độ viên chỉ huy trại bản tính khá cứng rắn, cuối cùng cũng chịu lùi bước. Đêm đến viên sĩ quan đã phóng thích những người lưu vong. Điều này thực hiện thật khó khăn bởi lẽ trong trại có cả một

số tên Quốc xã. Thoạt đầu Kahn phải thuyết phục những viên chỉ huy thả những tên Quốc xã kia ra trước, bởi lẽ nếu không làm như vậy - theo lời Kahn - bọn Gestapo sau khi kiểm soát trại sẽ bắt giam chính viên chỉ huy kia. Nhưng sau đó Kahn lại sử dụng chính bọn Quốc xã đã được phóng thích kia để gây áp lực đối với viên chỉ huy trại. Anh dọa là đã có lời kêu ca, phàn nàn về hắn gửi cho chính phủ Vichy. Kahn tự đặt tên cho cách ứng xử của mình là “phương pháp cưỡng bách phù hợp với đạo lý”.

– Anh ra khỏi nước Pháp như thế nào? - Tôi hỏi Kahn.

– Bằng con đường mà lúc đó có cảm giác là hoàn toàn bình thường. Gestapo cũng bắt đầu lần ra điều gì đó. Hành động ngang ngược của tôi và cả cái chức vị đáng ngờ phó lãnh sự cũng không còn có ích gì cho tôi nữa. Vào một ngày đẹp trời tôi bị bắt. May sao vào đúng thời điểm ấy tại sở chỉ huy của bọn Đức lại xuất hiện hai tên Quốc xã mà nhờ tôi chúng đã được phóng thích. Chúng chuẩn bị trở về Đức. Cả hai tên này lẽ đương nhiên đều đoán quyết rằng tôi là bạn của người Đức, tôi còn giúp đỡ bọn chúng nữa... Tạo ra bộ mặt rất nghiêm trọng, kiệm chữ kiệm lời và sau đó làm như tình cờ, tôi nêu ra vài cái tên. Thế là bọn chúng không làm cái điều mà tôi ngại ngùng nhất: chuyển tôi lên cấp trên. Nỗi sợ hãi đã khiến chúng choáng ngợp. Nhưng tôi vẫn lo, nhờ cấp trên của chúng vì lí do nào đó đột nhiên lại cật vấn chúng thì sao? Cuối cùng chúng đã cảm ơn tôi vì tôi đã hứa sẽ quên đi việc vừa xảy ra và chúng thả tôi ra ngay lập tức. Tôi chuồn rất xa, đến tận Lisbon. Con người ta cần phải học cách nhận biết khi nào thì không thể liều lĩnh hơn được nữa. Cái khoảnh khắc đó có một thứ linh cảm đã xuất hiện, giống như thứ linh cảm trước một cơn đau tim. Trước đó anh đã nôn nao cái cảm giác khó chịu, nhưng lúc này là thứ cảm giác hơi khác hơn, anh cần phải hành động nhanh theo thứ linh cảm ấy. Bởi lẽ cơn đau tiếp sau đó có thể dẫn đến cái chết.

Lúc này hai chúng tôi đang ngồi trong bóng tối.

– Đây là cửa hàng của anh à? - Tôi hỏi.

– Không, ở đây tôi là một người làm công. Trong tôi có năng lực của một anh bán hàng thuộc loại khá đấy.

– Tôi hoàn toàn tin tưởng vào điều anh vừa nói.

Ngoài phố bóng đêm đã buông xuống. Đêm ở thành phố lớn nhộn nhịp với những ngọn đèn điện rực sáng và những người qua lại. Có cảm giác tựa như cái quấy kính bán hàng mà trong bóng đêm không còn nom thấy rõ nữa đã che chở cho hai chúng tôi, không chỉ khỏi tiếng động âm ỉ, ồn ào ngoài kia, mà còn như che giấu chúng tôi khỏi thế giới.

– Trong bóng tối như thế này ta không thể cảm thấy vị của thuốc lá. - Kahn nói. - Thật là tuyệt diệu nếu trong bóng tối ta không cảm thấy nỗi đau, có đúng như thế không anh?

– Ngược lại nỗi đau càng trở nên xót buốt hơn vì con người sợ hãi. Chỉ có điều là không biết chúng ta đang sợ ai đây.

– Sợ chính mình. Nhưng tất cả chuyện đó đều là chuyện bịa đặt ráo. Không nên sợ chính mình mà chỉ nên sợ những người khác.

– Đấy cũng lại là điều bịa đặt thôi.

– Không. - Kahn bình thản nói. - Điều anh vừa nhận xét chỉ đúng từ trước năm 1918 thôi, sau năm 1933 thì mọi chuyện không như anh đã nghĩ đâu. Văn hóa là một lớp mỏng manh, một cơn mưa nhẹ hạt thường tình cũng có thể rửa sạch lớp phủ kia đi ngay. Chính dân tộc Đức - một dân tộc của các nhà thơ và các nhà tư tưởng - đã dạy cho chúng ta điều này. Dân tộc Đức thường tự coi mình là những người thuộc một nền văn minh cao. Nhưng với niềm khoái lạc là thực hiện cuộc chính biến để quay trở về với những gì tăm tối, khốn nạn nhất, họ đã vượt qua khá xa Attila\* và Thành Cát Tư Hãn.



Attila: nhà lãnh đạo nổi tiếng của đế chế Hung Nô từ năm 434 tới 453, với những cuộc chinh phạt đẫm máu để thôn tóm các dân tộc khác.

Tôi trở về khách sạn và cái khách sạn này đối với tôi bỗng trở nên buồn thảm hơn trước đây. Ngồi tại gian phòng nghỉ xây theo kiểu cổ tôi quyết định chờ Melikov. Bốn phía xung quanh tựa như không có một ai, nhưng tôi đột nhiên nhận ra tiếng người nào đó đang nức nở. Trong một góc khuất, bên cạnh chiếc bồn trồng cây cọ có một người đàn bà. Thật vất vả lắm tôi mới nhận ra Natasha Petrovna.

Có lẽ cô ta cũng đang đợi Melikov. Tiếng khóc của cô xoáy vào đầu tôi. Thế mà đầu tôi lại quá nặng sau buổi uống rượu rồi. Chần chừ giây lát, tôi tiến về phía cô ta.

– Liệu tôi có thể giúp được cô chút nào không đây?

Cô ta không trả lời.

– Có chuyện gì đã xảy ra với cô thế?

Natasha lắc đầu:

– Chẳng có chuyện gì cả!

– Nhưng sao cô khóc?

– Chẳng có gì đâu!

Tôi nhìn Natasha hồi lâu.

– Chắc có nguyên do gì. Nếu không tại sao cô lại khóc?

– Anh tin là có chuyện gì à? - Đột nhiên Natasha giận dữ hỏi tôi.

Lẽ ra tôi có thể bước đi rồi, nhưng trong đầu tôi đang đầy ắp những suy tư hỗn độn.

– Nhất định là phải có nguyên do gì rồi. - Tôi nói sau một lát im lặng.

– Chẳng lẽ thế ư? Chẳng lẽ không được khóc khi không có nguyên do

chính đáng sao? Chẳng lẽ mọi chuyện đều phải có nguyên do sao?

Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu giả như Natasha tuyên bố chỉ có những người Đức ngu ngốc mới tìm nguyên cớ cho mọi chuyện. Tôi thậm chí đợi cô ta thốt ra những lời như vậy.

– Anh chưa bao giờ gặp trường hợp như tôi sao? - Thay cho những lời tôi chờ ở cô ta, Natasha lại hỏi tôi như vậy.

– Tôi có thể hình dung được điều ấy.

– Anh chưa bao giờ gặp trường hợp như tôi sao? - Cô ta nhắc lại.

Có thể nói với cô ta là, thật đáng tiếc, tôi luôn luôn có quá đủ lí do để cho những giọt lệ chảy ra. Trường hợp có thể khóc mà chẳng có nguyên do gì mà đơn giản chỉ vì nỗi thương đời hoặc vì nỗi buồn nhớ đang cắn rứt con tim chỉ có thể xuất hiện ở một kỉ nguyên khác, một kỉ nguyên nhiều may mắn, hạnh phúc hơn.

– Tôi chưa đến lúc phải khóc ở đây! - Tôi nói.

– Tất nhiên rồi. Thế anh sẽ khóc ở đâu?

Bắt đầu rồi đấy - tôi thầm nghĩ. Đối thủ đã bước vào trận phản kích.

– Xin lỗi, - tôi lẩm bẩm và định bước đi. Tôi quá mệt để đối đáp với một người đàn bà đang khóc.

– Tôi biết, - Natasha nói với nỗi cay đắng, - chiến tranh đang xảy ra. Trong một thời buổi như thế này thật là nực cười khi nhỏ nước mắt vì những điều vớ vẩn. Nhưng tôi vẫn gào lên... Thế đó. Cho dù ở đâu đó rất xa đây hàng chục trận đánh đang diễn ra...

Tôi dừng lại.

– Tôi hiểu điều đó. Nơi đây chiến tranh tựa như không có tác động gì. Kệ xác ở đâu đó hàng trăm người đang bị giết, nếu ai đó bị đứt tay, thì nỗi đau từ chỗ đứt đó cũng không ít hơn chút nào.

Chao, tôi đã lí sự vớ vẩn làm sao - tôi thầm nghĩ, cần để cho người đàn bà đang lên cơn điên khùng này được yên ổn. Cứ mặc cho cô ta nức nở, càng nức phỗi. Tại sao tôi cứ dùng dằng ở đây nhỉ? Nhưng tôi vẫn đứng tại chỗ, tựa như cô ta là người cuối cùng còn lại trên trái đất này. Nhưng đột nhiên tôi hiểu tất cả: tôi sợ tình cảnh đơn côi của chính mình.

– Vô ích thôi! - Natasha nhắc lại. - Mọi chuyện đều vô ích tất. Mọi thứ chúng ta đang làm! Chúng ta rồi sẽ phải chết. Không ai tránh được cái chết đâu.

Ôi chao, đó là tất cả những gì mà tôi có thể được nghe ở cô ta chẳng!

– Đúng như cô nói đấy, nhưng lại cũng có những tiểu dị. Một trong những tiểu dị đó chính là ở chỗ có người lẩn trốn được khá lâu trước khi buộc phải giáp mặt với tử thần đấy.

Natasha không đáp lại.

– Cô có muốn uống chút gì không? - Tôi hỏi.

– Tôi không chịu đựng nổi Coca-Cola. Thứ nước uống quái đản!

– Thế rượu vodka thì sao?

– Vodka à? Ở đây không tìm ra rượu vodka đâu nếu vắng ông Melikov. Ờ, mà ông ta biến đi đâu nhỉ? Tại sao đến bây giờ chưa thấy bóng ông ta?

– Tôi không biết nữa. Nhưng trong phòng tôi hiện có chai vodka. Tôi và cô có thể uống chút ít.

– Một sáng kiến thật thông minh! - Natasha nói, và cô ta thêm. - Tại sao anh không mang ra từ lúc nãy?

Vodka cũng chẳng còn bao lắm. Tôi cầm chai rượu lên, miễn cưỡng

quay lại chỗ Natasha. Có thể chỉ lát nữa thôi Melikov sẽ xuất hiện. Khi ấy tôi sẽ đánh cờ với ông ta cho đến tận khi nào tôi bình tĩnh lại. Tôi chẳng mong chờ ở Natasha Petrovna điều gì tốt lành cả.

Tôi đi đến chiếc bàn đặt trong phòng đợi và hầu như không nhận ra Natasha. Cô ta không khóc nữa mà đang tô môi. Khi nhìn thấy tôi thậm chí cô còn mỉm cười.

– Tại sao anh lại uống vodka? Ở bên Đức người ta không uống rượu vodka cơ mà?

– Đúng thế, - tôi nói. - Ở Đức người ta uống bia và schnapps, nhưng tôi đã quên tổ quốc của tôi rồi và không uống cả bia lẫn schnapps nữa. Nhưng khoản vodka này tôi cũng không phải là một chuyên gia đâu.

– Thế anh thường uống gì?

Thật là kiểu chuyện trò ngớ ngẩn - tôi nghĩ thầm.

– Uống tất cả những thứ mà tôi buộc phải uống. Ở Pháp tôi uống rượu vang, nếu có dịp.

– Nước Pháp, - Natasha Petrovna nói, - lạy Chúa, bọn Đức đã làm gì với nước Pháp cơ chứ!

– Tôi thì chẳng làm gì cả, đạo đó tôi đang ở trong trại tập trung giam những người ngoại quốc không rõ tông tích.

– Như một kẻ thù của người Pháp à?

– Trước đó tôi ở tại trại tập trung của bọn Đức. Lại cũng như một kẻ thù...

– Tôi không hiểu nổi.

– Chính tôi cũng không hiểu. - Tôi đáp với sự bức bối. Và tôi nghĩ hôm nay quả là một ngày bất hạnh. Tôi đã lâm vào tình cảnh bế tắc và không làm sao thoát ra được. - Cô có muốn uống một chút nữa không? - Tôi hỏi

với quyết tâm làm sao để câu chuyện trao đổi giữa chúng tôi không động chạm đến vấn đề gì nữa sất.

– Cảm ơn anh. Đủ rồi. Tôi không uống nữa đâu. Hôm nay tôi uống khá nhiều rồi.

Tôi im lặng không tiếp lời cô ta. Tôi thực sự cảm thấy sợ hãi. Xung quanh tôi là những người bận rộn công việc. Chỉ riêng tôi như kẻ vô hồn vô cốt.

– Anh sống ở đây à? - Natasha Petrovna hỏi.

– Vâng, nhưng tạm thời thôi.

– Ở đây mọi người đều sống tạm thời cả. Nhưng lại cũng có một số người bị mắc kẹt suốt đời.

– Có thể như thế lắm. Cô cũng từng sống ở đây sao?

– Vâng. Nhưng sau đó tôi đã chuyển đi nơi khác. Đôi khi tôi nghĩ tốt nhất giá như tôi chưa từng rời nơi này đi đâu cả. Hoặc giả tốt nhất là không bao giờ tôi nên chuyển đến New York cả.

Tôi đã cảm thấy mệt mỏi đến nỗi tôi không còn hơi sức để đặt ra những câu hỏi cho Natasha. Ngoài ra tôi cũng đã từng biết tới quá nhiều những số phận kiệt xuất hoặc tầm thường. Trí tò mò cũng đã được thỏa mãn rồi. Tôi hoàn toàn không còn thích thú, quan tâm gì tới việc một người buồn bã vì đã tới New York hay không. Con người này đã thuộc về một thế giới khác, thế giới của bóng tối.

– Tôi đi đây. - Natasha đứng dậy, nói.

Trong giây lát tôi cảm thấy một điều gì đó tựa như nỗi hốt hoảng.

– Chả lẽ cô không nán đợi Melikov à? Ông ta thường không sai hẹn bao giờ đâu.

– Tôi không tin. Felix đã tới thay ông ta.

Bây giờ tôi mới nhận ra một gã đàn ông vóc vạc thấp bé, hói đầu. Anh ta đứng ở cửa hút thuốc.

– Cảm ơn anh vì cốc vodka. - Natasha nói. Cô ta nhìn tôi bằng đôi mắt xám buồn bã của mình. - Thật là kì lạ, đôi khi người ta chỉ cần tới điều nhỏ bé nhất để hỗ trợ mình thôi. Được nói chuyện với một người nào đó tình cờ gặp được thế mọi chuyện đâu vào đó cả.

Natasha gật đầu chào tôi và bước đi thẳng. Cô ta hóa ra cao lớn hơn tôi tưởng. Đôi gót giày của cô gõ xuống sàn gỗ ồn ã và chắc chắn. Tiếng gõ của đôi giày trong những bước đi vội vã kia không ăn nhập gì với dáng vẻ mềm mại, uyển chuyển của thân hình cô đang đung đưa trong lúc đi ra cửa.

## V



Ông luật sư bắt tôi phải ngồi chờ ở phòng khách của ông ta hàng tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ là ông ta cố ý làm như vậy: rõ ràng là ông ta cố xử sự như vậy để khách hàng càng dễ chấp nhận mọi yêu cầu của ông ta hơn. Nhưng đối với tôi thì thủ thuật này không có tác dụng gì. Tôi quan sát hai người khách cũng đang ngồi đợi như tôi để giết thời giờ. Một trong hai người đang nhai kẹo cao su, người kia đang nắn nỉ mồi cô thư kí của ông luật sư một tách cà phê vào giờ nghỉ ăn trưa. Cô thư kí chỉ mỉm cười. Nàng xử sự thật đúng! Gã khách kia mồm đầy răng giả, trên ngón tay út múp thịt, ngắn ngắn với những chiếc móng tay gặm nham nhở lấp lánh một chiếc nhẫn kim cương. Phía đối diện chiếc bàn của cô thư kí, giữa hai bức ảnh in màu miêu tả cảnh phố xá New York, có treo một tấm biển viền hoa văn bốn phía xung quanh với dòng chữ “Hãy suy nghĩ!” ghi ở giữa. Tôi đã bắt gặp lời kêu gọi vẫn gọn cần phải suy nghĩ lần này không phải là lần đầu. Tại hành lang khách sạn Reuben nó được treo ở một vị trí rất không thích hợp với nó - trước phòng vệ sinh.

Đấy là biểu hiện rạch rỡ nhất của thứ chủ nghĩa quan liêu mà cho đến tận bây giờ tôi vẫn còn được may mắn nhìn thấy ở Mỹ.

Luật sư là một người đàn ông vai rộng, mặt bèn bẹt. Ông ta đeo kính gọng vàng. Giọng nói của ông ta the thé đến nhức tai. Ông ta có ý thức về điều đó và cố gắng nói cho nhỏ giọng hơn, tựa như đang thì thầm.

– Anh là dân di tản à? - Ông nói khẽ, mắt không rời khỏi bức thư giới thiệu do Betty viết.

– Vâng.

– Do Thái chứ gì?

Tôi im lặng. Ông luật sư ngược mắt lên.

– Không phải. - Tôi nói như vừa tỉnh giấc mơ. - Nhưng làm sao ạ?

– Chúng tôi không làm việc với những người Đức không phải Do Thái.

– Vì sao thế ạ?

– Chẳng lẽ tôi còn phải giải thích cho anh rõ điều này sao?

– Ông có thể không cần phải giải thích. Tốt nhất là ông hãy giải thích cho tôi rõ vì sao ông buộc tôi phải ngồi đợi cả một tiếng đồng hồ?

– Bà Stein đã thông báo cho tôi không đúng. Bà ấy không nói anh không phải người Do Thái.

– Tôi muốn được hỏi ông một câu như thế này: thế ông là ai mới được chứ? Ông là người Do Thái sao?

– Tôi là người Mỹ. - Ông luật sư nói to hơn trước và vì vậy giọng nói ông ta lại cao vút. - Và tôi không muốn bận bịu vì bọn Quốc xã.

Tôi cất tiếng cười vang.

– Đối với ông, mỗi người Đức đều nhất thiết phải là một tên Quốc xã sao?

Giọng của ông ta lại một lần nữa to hơn, the thé hơn:

– Bên trong mỗi người Đức đều ẩn náu một tên Quốc xã.

Tôi lại cười ngặt nghẽo.

– Và bên trong mỗi người Do Thái đều là một tên giết người.

– Cái gì? - Ông luật sư hỏi bằng giọng cao vút.

Tôi chỉ tấm biển với dòng chữ “Hãy suy nghĩ!” Bảng chữ kia cũng



được treo trong văn phòng của ông luật sư, chỉ khác là chữ được mạ vàng.

– Hoặc có thể nói bên trong mỗi người đi xe đạp đều là một tên giết người. - Tôi nói thêm. - Đó là một câu chuyện tiểu lâm ở Đức mọi người thường kể cho nhau nghe vào năm 1919. Khi có một người nào đó nhất quyết là người Do Thái có tội vì nước Đức đã bại trận, người nghe liền nói: “Cả những người đi xe đạp cũng có tội.” Nếu có ai đó hỏi: “Vì sao lại như vậy?”, người kia liền đáp lại cũng bằng một câu hỏi khác: “Thế tại sao người Do Thái có tội?” Nhưng câu chuyện này là chuyện của năm 1919. Khi đó ở Đức mọi người còn được phép nghĩ ngợi, tuy điều này đe dọa sẽ đưa tới những điều không dễ chịu gì.

Tôi chờ đợi ông luật sư sẽ xua đuổi tôi ra khỏi văn phòng của ông ta, nhưng trên mặt của ông ta lại bùng lên một nụ cười và nụ cười kia càng làm vẻ mặt ông ta rạng rỡ hơn.

– Thật là một chuyện tiểu lâm không đến nỗi tồi! - Ông luật sư nói bằng giọng rất thấp. - Tôi chưa biết đến câu chuyện tiểu lâm này đấy.

– Một câu chuyện tiểu lâm đã mọc râu rồi, - tôi nói, - bây giờ ở Đức người ta không đùa vui chọc ghẹo nhau nữa mà chỉ có bắn giết nhau thôi.

Ông luật sư trở lại vẻ nghiêm trang.

– Tôi rất thích chuyện tiểu lâm, - ông ta nói, - tuy thế tôi luôn luôn có cách nhìn nhận riêng của tôi đối với mọi việc.

– Tôi cũng thế đấy.

– Anh chứng minh sự đúng đắn của mình bằng gì nào?

Tôi đứng lên. Tôi đã chán ngấy sự tung hứng đầy ngu ngốc bằng lời lẽ, chữ nghĩa như thế này từ lâu rồi. Không có gì mệt mỏi, ngán ngẫm hơn việc phải lắng nghe người khác khoe khoang trí tuệ của mình. Đặc biệt càng mệt mỏi, ngán ngẫm hơn nữa nếu kẻ kia thực sự lại không hề

có trí tuệ.

Nhưng ngay lúc đó viên luật sư có gương mặt bè bè đã nói:

– Anh có đủ một nghìn đô la không?

– Không, - tôi trả lời gay gắt, - tôi không thể có được ngay cả một vài trăm.

Ông luật sư cứ để mặc tôi đi ra đến gần cửa. Mãi đến lúc đó ông ta mới hỏi:

– Thế anh định trả công cho tôi bằng gì đây?

– Bạn hữu muốn giúp đỡ tôi, nhưng tôi sẵn sàng trở lại trại giam giữ người nước ngoài không rõ tông tích còn hơn là ngửa tay van xin họ số tiền như ông vừa rao giá.

– Anh đã từng ở trong một trại như thế à?

– Vâng, - tôi giận dữ đáp. - Cả ở Đức tôi cũng đã từng ngồi trong trại, chỉ có điều ở đó trại giam được gọi bằng một cái tên khác mà thôi.

Tôi cũng đã sẵn sàng chờ đợi cái đụn trí tuệ này sẽ giảng giải rằng trong các trại tập trung ở Đức có cả các tội phạm hình sự và cả thứ đầu trộm đuôi cướp chuyên nghiệp. Đúng cả thôi. Tôi chờ đụn trí tuệ này nói thế và tôi sẽ không kiểm chế mình được nữa. Nhưng lần này tôi đã phỏng đoán sai. Phía sau lưng lão luật sư bỗng có tiếng gì kêu xè xè, và sau đó vang lên những tiếng “cúc cu... cúc cu” buồn thảm. Con chim cúc cu rúc lên mười hai tiếng. Đây là một loại đồng hồ cổ của vùng Schwarzwald. Tôi đã không nghe âm thanh này từ lâu lắm rồi.

– Một đồ vật tuyệt vời, - tôi nói mỉa.

– Người ta tặng vợ tôi đấy, - ông luật sư nói với thoáng bối rối, - món quà ngày cưới của chúng tôi.

Tôi phải gắng kìm nén để không cất tiếng hỏi liệu trong cái đồng hồ

kia có một tên Quốc xã tương lai nào đang ẩn náu không. Tôi cảm thấy như trong cái đồng hồ cucu tôi bỗng tìm ra được kẻ đồng minh không ngờ trước. Ông luật sư nói với tôi có vẻ dè dàng:

– Tôi sẽ giúp anh tất cả những gì tôi có thể giúp được. Sáng ngày kia hãy gọi điện cho tôi.

– Nhưng với khoản tiền thanh toán là bao nhiêu cơ chứ, thưa ông?

– Về khoản này tôi sẽ bàn bạc với bà Stein.

– Tôi muốn biết trước có được không?

– Năm trăm đô la, - ông luật sư nói. - Sẽ trả dần, nếu anh muốn như vậy.

– Theo ý ông, liệu ông có giúp được tôi không?

– Kéo dài thời hạn chiếu khán thì trong bất cứ trường hợp nào tôi cũng lo được cho anh. Còn sau đó thì phải tiếp tục thương lượng.

– Xin cảm ơn ông. - Tôi nói. - Ngày kia tôi sẽ gọi điện cho ông.

Tôi bước ra đường phố. Tôi có cảm tưởng là hàng nghìn những bạn hữu không tên tuổi, không dấu tích đang tiếp nhận tôi vào thế giới của họ. Đường phố như mở toang cánh cửa ra trước mắt tôi và trên từng bước đi tôi phân biệt được lối vào, lối ra của từng ngôi nhà, những ngõ cụt, những lối đi tắt. Và cái chính là trên phố có những đám đông mà ta có thể mất hút đi trong đó.

– Dù chính chúng ta không mong muốn điều đó, nhưng vì nhu cầu, chúng ta đã tiếp thu lối suy nghĩ và thứ lô gích của những tên tội phạm. - Tôi nói với Kahn khi ăn bữa trưa với anh ta trong một quán cà phê rẻ tiền. - Có thể anh sử dụng cách suy nghĩ và thứ lô gích ấy ít hơn những người khác. Chính anh cũng hành động, cũng đáp lại những cú đánh bằng chính

những cú đánh. Chỉ có điều là chúng ta xử sự như vậy khi có người thúc vào sau lưng chúng ta thôi. Anh nghĩ sao, liệu điều đó có hợp lý không?

– Chưa hẳn đấy là sự khiếp hãi trước bọn cảnh sát. Nó hoàn toàn tự nhiên. Tất cả những người tử tế đều sợ cảnh sát. Nỗi khiếp sợ đó có cội rễ từ những thiếu sót trong cấu trúc xã hội của chúng ta. Còn những nỗi sợ hãi khác... Điều này phụ thuộc ở chính mỗi chúng ta. Nói đúng nhất là các nỗi khiếp sợ đó sẽ qua đi chính ở đây. Nước Mỹ được tạo lập bởi chính dân di tản. Và hằng năm hàng chục nghìn người ở đây nhận được quốc tịch. - Kahn mỉm cười. - Thứ đạo lí tại nước Mỹ mà! Anh chỉ cần trả lời chắc chắn hai câu hỏi sau để xứng mặt là một chàng trai tốt: “Anh có yêu nước Mỹ hay không?” “Vâng tôi rất yêu. Đây là xứ sở tuyệt vời nhất trên thế gian này.”; “Anh có muốn trở thành người Mỹ không?” “Vâng, tất nhiên là tôi rất muốn!” Và thế là người ta vỗ vai anh rồi tuyên bố anh là người của họ trên tấm bằng cáo thị.

Tôi bỗng nhớ đến ông luật sư mà tôi vừa từ chỗ ông ta trở về.

– “Cúc cu.”

– Cái gì cơ? - Kahn ngạc nhiên hỏi lại.

Tôi kể lại cho anh ta nghe về cái đoạn kết thúc của cuộc gặp mặt với ông luật sư.

– Ông ta đối xử với tôi như đối với người bị bệnh hủi, - tôi nói.

Kahn bỗng tươi tỉnh hẳn lên.

– Ôi chim cúc cu! - Anh cất tiếng cười. - Nhưng ông ta lại chỉ đòi anh trả tất cả có năm trăm đô la. Bằng cách ấy ông ta đã xin lỗi anh rồi đó. Anh có thích những món ăn ở đây không?

– Rất thích. Không thua gì ở Ý.

– Ngon hơn chứ, New York là một thành phố Ý. Ngoài ra, nó còn là

một thành phố Tây Ban Nha, Do Thái, Hungary, Trung Hoa, châu Phi và còn là một thành phố Đức nữa.

– Một thành phố Đức sao?

– Chính thế! Anh hãy thử đến phố 86 mà coi, ở đó đầy ắp những quán bia, quán nhậu của người Đức, những tên Quốc xã, những câu lạc bộ hữu nghị Đức - Mỹ, những hội thể thao... Và trong mỗi quán cà phê đều có những chiếc bàn con dành cho những đám khách thường lui tới mang sắc cờ đen, trắng, đỏ\*. Anh đừng nên nghĩ đây là một điều tồi tệ. Những chiếc bàn kia dành cho đám khách mang cờ đen, trắng, đỏ, chứ không phải là sắc cờ đen, đỏ, vàng\* đâu.

Cờ đen, trắng, đỏ: lá cờ của đế chế Đức (1871 - 1918).

Cờ đen, đỏ, vàng: lá cờ của nền Cộng hòa Weimar (1919 - 1933).

– Không có dấu thập ngoặc chứ?

– Họ không công diễn dấu thập ngoặc ra trước mặt thiên hạ đâu. Còn về mọi phương diện khác thì người Đức quốc tịch Mỹ thường kém hơn người bản xứ. Sống xa nước Đức, họ nhìn thấy tổ quốc thánh thần qua lăng kính tình cảm màu hồng, tuy xưa kia đã có thời họ vứt bỏ nó bởi đất mẹ đã trở thành mụ dì ghẻ độc ác đối với họ. - Kahn nói với giọng chế nhạo. - Tôi xin khuyên anh hãy nghe xem ở khu phố ấy người ta đang nói thao thao bất tuyệt về lòng yêu nước, về bia, về các giai điệu nhạc cổ điển Đức, về tính miễn cảm của quốc trưởng như thế nào.

Tôi nhìn Kahn.

– Sao thế? - Kahn hỏi.

– Không sao cả, - tôi thốt ra một cách khó khăn. - Thế ra tất cả những chuyện như vậy đang xảy ra ở đây sao?

– Người Mỹ mặc thây tất cả. Họ không tiếp nhận những trò đùa như

vậy một cách nghiêm chỉnh đâu. Cho dù đang có chiến tranh.

– Cho dù đang có chiến tranh, - tôi nhắc lại.

Hai chữ “chiến tranh” đơn giản không vang lên ở đây. Xứ sở này tách khỏi các cuộc chiến bởi đại dương và nửa vòng trái đất. Biên giới của nó không có nơi nào tiếp giáp với biên giới các nước thù địch. Không ai ném bom đất nước này cả. Và cũng không ai nã đại bác tới đây.

Tôi nhìn ra ngoài phố. Kahn dõi theo ánh mắt tôi.

– Nào, anh sẽ nói gì đây: vẫn là thành phố ấy chứ? Nó không biến đổi sau khi anh đã nói khá sõi tiếng Anh chứ?

– Nói thế nào nhỉ! Đối với tôi, vào những ngày đầu tiên thành phố này như một bức tranh hoặc như một vở kịch câm. Bây giờ thành phố mới phô ra nét thực của nó: ở nó lộ rõ chỗ nhô ra và chỗ lõm vào. Thành phố nói ra rõ và tôi cũng đã lĩnh hội được điều gì đó. Nhưng không nhiều đâu. Điều này ngày càng làm tăng thêm cái cảm giác về sự không thực của nó. Trước kia đối với tôi mỗi chiếc xe tắc xi là một con nhân sư, còn người bán báo tựa như một câu đố của thế gian này. Bây giờ tôi nhìn thấy ở mỗi người hầu bàn một Einstein bé nhỏ. Thú thực là tôi hiểu những ông Einstein này. Lẽ đương nhiên trong thời buổi bây giờ cái ông Einstein làm việc tại các khách sạn sẽ không suy tư về vật lý và toán học đâu. Và phép màu nhiệm còn tồn giữ được cho tới khi nào anh còn chưa cần gì cả. Còn khi anh đã yêu cầu điều gì đó, mọi khó khăn lập tức nảy sinh liền. Tỉnh giấc sau những giấc mộng triết học của mình, tôi đang rơi xuống trình độ học vấn của một cậu học trò tụt lại phía sau các bạn cùng tuổi của mình.

Kahn gọi cho mỗi người hai suất kem.

– Kem hồ trăn và chanh, - anh gọi với theo cô hầu bàn. Kahn gọi kem lần này là lần thứ hai. - Ở Mỹ có tới bảy mươi hai loại kem khác nhau, -

anh ta thông báo với vẻ mơ màng hiện rõ trên nét mặt. - Tất nhiên không bán ở cái quán xoàng xĩnh này mà ở các quán cà phê lớn và các hiệu thuốc tây. Tôi cũng đã nếm thử gần bốn mươi loại. Xứ sở này là thiên đường đối với những người thích ăn kem. Tôi thật may mắn! Tôi là kẻ máu mê kem đến phát điên phát dại! Tiện thể xin nói luôn, cái quốc gia nhạỵ bén này đã gửi cho những người lính của họ đang chiến đấu chống bọn Nhật gần những quần đảo san hô nào đó những chuyến tàu đầy ứ kem và bít tết.

Kahn ngắm nhìn cô hầu bàn tựa như trên tay cô ta là chén rượu trường sinh bất tử.

– Cửa hàng chúng tôi không có kem hồ trăn, - cô hầu bàn nói, - tôi mang cho các ông kem bạc hà và kem chanh. Được chứ?

– Được!

Cô hầu bàn mỉm cười.

– Ở đây có những người đàn bà ngon lành quá, - Kahn nói, - ngon như toàn bộ bảy mươi hai loại kem được trộn chung với nhau. Các cô ấy đã chi một phần ba tiền thu nhập hằng tháng cho khoản phấn son trang điểm. Mà nếu không thế, thì người ta không nhận vào làm việc đâu. Ở đây người ta không chấp nhận những quy luật thường tình của tự nhiên đâu. Tất cả đều phải trẻ trung. Còn nếu tuổi trẻ đã trôi qua rồi, phải làm sao hồi phục lại bằng con đường nhân tạo. Anh hãy đưa thêm nhận xét này vào cái chương nói về thế giới không có thực trong cuốn sách của anh.

Giọng nói của Kahn an ủi tôi phần nào. Câu chuyện trao đổi giữa hai chúng tôi rì rầm như một dòng suối chảy.

– Tất nhiên anh biết *Après-midi d'un Faune\** phải không? - Kahn nói. - Tôi thì tôi nói thế này: ở đây những người ghiền kem đã nếm thử mùi vị

của “khúc dạo đầu”. Đối với chúng ta “khúc dạo đầu” này là một thứ thuốc chữa bệnh. Nó sẽ chữa lành những tâm hồn bệnh hoạn. Có đúng thế không anh?

Après-midi d'un Faune: Khúc dạo đầu cho giấc ngủ trưa của thần Diên Dã - tên một tác phẩm âm nhạc của nhạc sĩ Pháp Debussy.

– Tại cửa hàng bán đồ cổ tôi trải nghiệm một cái khác cơ: đây là “khúc dạo đầu cho giấc ngủ trưa” của một viên quan Trung Hoa, kéo dài không bao lâu trước khi người ta đưa ông ra pháp trường.

– Anh hãy tận hưởng cái khúc dạo đầu của mình tốt hơn thế với một cô gái Mỹ nào đó. Anh sẽ hiểu được chừng một nửa những gì mà nàng thổ lộ bên tai anh và xin anh đừng cố sức tưởng tượng làm gì, mà anh hãy trở về ngay với những ngày vàng trong cái thời trai trẻ vô lo vô nghĩ của anh. Tất cả những gì mà con người ta không hiểu đều trở thành một tấm màn bí mật bao phủ lấy họ. Kinh nghiệm đời của anh chưa đủ sức tạo nên sự quyến rũ đâu, nhưng chính cái vốn lời ăn tiếng nói còn chưa hoàn thiện của anh sẽ lại cứu anh. Rồi anh sẽ thấy thôi, anh sẽ thực thi được trong cuộc đời mình một trong những giấc mơ nhỏ nhoi của loài người: anh sẽ lại được sống một lần nữa và khi anh đã quá thừa cái tình tường, lọc lõi của một người lớn rồi, anh bỗng có dịp trở về với những bông bột, xôn xao của tuổi trẻ. - Kahn cười. - Xin anh đừng bỏ qua cơ hội này. Từng ngày trôi qua anh đang để mất đi một thứ gì đó. Anh càng hiểu biết nhiều thì sức quyến rũ càng giảm đi. Thêm nữa, giờ bất cứ người đàn bà nào ở đây đối với anh đều là một thứ của lạ nước ngoài, một câu đố. Nhưng rồi chữ nghĩa của anh càng khá hơn, của lạ ngày càng mang thêm những nét thực của một bà chủ gia đình, một mụ phù thủy hay một người đẹp trên vỏ hộp kẹo bánh. Anh hãy biết gìn giữ, như một thứ trời cho, tuổi tác của anh hiện nay, và hãy bỏ ngay đi cái cậu học trò mười, mười lăm tuổi đã ẩn náu trong anh quá lâu rồi. Thật đáng tiếc tuổi



già kéo đến với anh quá nhanh. Một năm nữa thôi anh đã ba mươi tư rồi. - Liếc nhìn đồng hồ, Kahn gọi cô hầu bàn đeo chiếc tạp dề với những đường sọc màu xanh da trời tối. - Cho xin thêm một suất nữa! Kem vani.

– Cửa hàng còn loại kem hạnh đào nữa.

– Thế thì cho kem hạnh đào vậy. Và một vài quả mâm xôi! - Kahn nhìn tôi. - Tôi cũng dạng thực thi mơ ước thời trai trẻ của tôi đấy. Chỉ có điều là ấu trĩ và ngây thơ hơn mà thôi. Tôi cứ gọi mọi loại kem tùy thích. Chính ở đây, lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi có khả năng này. Đối với tôi cái điều kiện mà hiện nay tôi có được trong tay là biểu trưng của sự tự do và sự vô lo vô nghĩ. Còn mọi thứ tín điều, khái niệm mà chúng ta đã từng thờ phụng hoặc bài bác khi chúng ta còn ở bên kia đại dương đã mất hết sức mạnh rồi. Ở đây chúng ta mang màu sắc gì, hình dạng nào... điều này cũng không quan trọng đâu.

Nheo mắt lại, tôi ngăm nhìn dãy phố bụi bặm, nhìn dòng xe cộ ken đặc. Tiếng động cơ ô tô và tiếng bánh xe lăn trên mặt đường quện vào nhau thành một âm thanh đơn điệu như ru ngủ tôi.

Lowy-anh xuống tầng hầm tìm tôi. Anh ta cầm trên tay một bức tượng đồng.

– Anh nghĩ sao, cái tượng ấy mà?

– Theo ý anh tôi phải nói sao đây?

– Tôi cho là nó thuộc thời đại đồ đồng thuộc thời nhà Chu hoặc nhà Thương. Lớp gỉ sét xem ra không đến nỗi nào phải không?

– Anh mua bức tượng này à?

– Không có anh tôi đâu dám. Có một người mang nó đến cho tôi. Anh ta đợi trên cửa hàng. Đòi một trăm đô la. Anh ta có thể bán với giá tám

mười đô la. Rẻ phải không?

– Quá rẻ! - Ngắm bức tượng, tôi nói. - Anh ta là người mua đi bán lại sao?

– Không chắc. Chàng trai trẻ này nói là anh ta có bức tượng này như một vật thừa tự. Bây giờ anh ta đang cần tiền, thế thôi. Cửa thật chứ?

– Đây đúng là đồng Trung Hoa. Nhưng không phải thuộc đời nhà Chu, hay Hán gì cả đâu. Có thể là thuộc thời Đường, hay cận hơn, thời Tống hoặc Minh. Những bản sao của thời Minh nom còn cổ hơn cả bức tượng thật trước đó vài nghìn năm. Nhưng sự sao chép cũng không được tỉ mỉ, kĩ lưỡng lắm. Hình khắc con Thao Thiết không chính xác, và mấy cái vòng xoắn ốc này vốn chỉ xuất hiện sau đời Hán. Cách trang trí thì lại sao chép của thời nhà Thương: hàm súc, giản dị và gây ấn tượng mạnh. Ngoài ra những nếp cuộn trên thứ đồ đồng cổ đời Chu thực sự phải tinh vi hơn.

– Thế còn lớp sét gỉ? Nom tuyệt đấy chứ!

– Thưa ngài Lowy, - tôi nói, - lớp gỉ sét này khá xưa, nhưng lại không có lớp vỏ cứng malachit. Ngài còn nhớ không, người Trung Hoa ngay ở thời Hán đã sao chép lại và chôn xuống đất những bức tượng của thời Thương. Lớp sét gỉ của các bức tượng ấy đều tuyệt vời, tuy chính bức tượng không nhất thiết phải được làm ra từ thời Chu.

– Thứ đồng ấy giá bao nhiêu?

– Chừng hai mươi ba đến ba mươi đô la. Nhưng về giá cả ngài thông tỏ hơn tôi nhiều.

– Anh có muốn lên cửa hàng với tôi không? - Lowy hỏi, trong cặp mắt xanh biếc của anh ta lấp lánh sự tàn nhẫn.

– Tôi có cần phải lên không?

– Chả lẽ điều đó không làm anh hài lòng sao?

– Cái gì cơ? Vạch mặt một kẻ bịp bợm ấy à? Để làm gì? Và tôi không nghĩ rằng anh ta là một kẻ bịp bợm. Trong thời buổi bây giờ ai mà đi tìm hiểu đồng cổ Trung Hoa làm gì?

Lowy nhìn tôi với ánh mắt sắc lẹm.

– Thôi, tôi xin ngài Ross, hãy bớt đi những thứ bóng gió xa xôi.

Vẫy tay, Lowy-anh mập mạp gõ giày trên cầu thang đi lên cửa hàng. Anh ta nhỏ con, nhưng khá béo, chân vòng kiềng và là một con người không ai lay chuyển nổi. Chiếc cầu thang oằn xuống dưới bước chân anh ta, bụi bốc lên ở từng bậc một. Phải mất một lúc tôi chỉ nhìn thấy hai ống quần bay phấp phới và đôi giày của Lowy. Sau rồi cái thân hình kia cũng đã biến mất trên lối vào cửa hàng. Cái giây lát ấy khiến tôi có cảm giác trước mắt tôi không phải là Lowy-anh, mà là phần phía sau của một chú ngựa trong rạp xiếc.

Vài phút sau tiếng bước chân lại vang lên một lần nữa. Sau đó tôi nhìn thấy bức tượng.

– Tôi mua rồi đây! - Lowy-anh nói với tôi. - Với giá hai mươi đô la. Đời Minh thì cũng chẳng sao.

– Đúng thế. - Tôi hưởng ứng.

Tôi biết rằng Lowy-anh mua bức tượng kia cũng chỉ xuất phát từ ý nghĩ mình cũng có suy nghĩ riêng trong công việc của mình. Cho dù chính kiến ấy không phải ở lĩnh vực nghệ thuật Trung Hoa đi thì cũng ở lĩnh vực mua và bán chứ. Lúc này anh mập đang chăm chú nhìn tôi.

– Anh định làm việc ở đây bao lâu? - Anh ta hỏi.

– Câu trả lời phụ thuộc vào anh đấy. Anh có muốn tôi phải cuốn xéo đi ngay không?

– Không, không. Nhưng giữ anh mãi mãi chúng tôi cũng không thể làm được. Anh cũng định thôi việc trong thời gian tới, phải không? Trước kia anh làm nghề gì?

– Nghề báo.

– Chẳng lẽ không thể quay về với nghề cũ được sao?

– Với vốn liếng tiếng Anh của tôi ấy à?

– Bây giờ anh tán dóc bằng tiếng Anh cũng không đến nỗi tồi đâu.

– Trời, ngài Lowy! Tôi không thể viết ngay đến cả một bức thư thôi mà không mắc lỗi.

Lowy-anh dùng bức tượng đồng gài cái đầu hói của mình. Nếu bức tượng này thuộc đời Chu, hẳn anh ta sẽ đối xử với nó cẩn tắc hơn.

– Anh có am hiểu hội họa không?

– Chút ít thôi. Cũng như với tượng đồng.

Lowy-anh cười gằn.

– Chút ít à? Tôi rồi cũng phải tự học lấy thôi. Có thể ai đó trong số bạn đồng nghiệp của tôi đang cần người trợ giúp. Quả là công việc làm ăn dạo này ì ạch quá. Chính anh cũng thấy trên cửa hàng đấy. Nhưng nếu buôn bán tranh thì lại là một chuyện khác. Đặc biệt là với các bức tranh của các họa sĩ trường phái ấn tượng. Còn những bức tranh cổ thì bây giờ hoàn toàn mất giá rồi. Thôi, nói gọn lại là để xem đã.

Một lần nữa Lowy-anh lại khua chân ấm ỉ trên cầu thang.

## VI



Tôi lang thang dạo gót không mục đích qua các dãy phố, lòng phấp phồng sợ hãi lúc phải quay lại khách sạn. Đêm hôm trước tôi đã mơ một giấc mơ hãi hùng và tôi đã bừng tỉnh giấc bởi tiếng thét của chính tôi. Trước đó tôi thường mơ thấy bọn cảnh sát đuổi phía sau. Hoặc là những cảnh tượng khủng khiếp thường tới giày vò giấc ngủ của tất cả những người lưu vong: bỗng nhiên tôi lại bị ném về phía bên kia đường biên giới của nước Đức và tôi lại rơi vào nanh vuốt của bọn SS. Đó là những giấc mơ thường gợi dậy nỗi tuyệt vọng: liệu có phải là một chuyện đùa thôi chẳng mà vì sự ngu ngốc của chính mình, tôi lại trở về nước Đức? Tôi chợt tỉnh dậy với tiếng thét, nhưng sau đó tôi lại nhận ra rằng tôi vẫn đang sống tại New York. Đưa mắt qua cửa sổ tôi nhận ra vòm trời ban đêm với quầng sáng phản chiếu từ ánh đèn thành phố đỏ rực, tôi thận trọng duỗi chân trên giường với tâm trạng dần thanh thản trở lại - tôi đã được cứu thoát rồi! Nhưng giấc mơ mà tôi thấy tối hôm qua là một giấc mơ khác - một giấc mơ mù mờ, nhớp nháp như nhựa cây, tăm tối, ám ảnh và tựa như không bao giờ kết thúc... Có một người đàn bà không quen biết, gương mặt xanh mét, hốt hoảng, khe khẽ lên tiếng cầu cứu tôi, nhưng tôi không tài nào giúp gì cho chị ta được. Thế là chị ta cứ chìm dần trong chiếc ao bùn quánh đặc như cháo nhựa đường đang chùng, mình mẩy lấm láp bùn đất và những vết máu, mắt vẫn trừng trừng nhìn tôi van xin. Tôi nhận ra lời van vỉ câm lặng trong cặp mắt đã bạc trắng vì khiếp hãi, tôi nhận thấy từ miệng chị một thứ dịch nhầy nhựa, đen đúa đang tứa

ra. Ngay sau đó xuất hiện những gã đặc vụ. Tôi nhận ra những chớp lửa lóe trên đầu súng, tôi nghe thấy cái giọng nói the thé mang âm sắc của vùng Saxon, tôi nhìn thấy những bộ binh phục thoang thoảng bay lên cái mùi gây gây của tử thi, của sự rữa thối và của khói lửa, tôi nhìn thấy những cái lò với những cánh cửa mở toang phóng ra những cái lưỡi lửa đỏ rực, tôi nhìn thấy một người thân thể bầm nát, nhưng vẫn còn ngơ ngậy, nói đúng ra là tay anh ta vẫn động đậy, động đậy cái ngón tay duy nhất còn lại trên bàn tay. Tôi nhận ra cái ngón tay kia bỗng co gập lại tựa có một người nào đó vừa xéo lên nó...

Tôi dừng lại trước một tủ kính quầy hàng, nhưng không nhận ra bất cứ một vật gì ở bốn phía xung quanh. Chỉ sau đó một lát tôi mới hiểu là tôi đang đứng trên Đại lộ số Năm trước cửa hiệu vàng bạc Van Cleef và Arpels. Trong nỗi khiếp hãi không thể nào cắt nghĩa nổi khi tôi chạy trốn khỏi cửa hàng của anh em nhà Lowy, tôi vẫn nhớ rõ là cái hầm ngầm ở đấy chả hiểu sao tự dừng lại gợi nhớ đến những khám đá tôi từng bị giam cầm. Như một bản năng tôi muốn tìm tới với đám đông, tôi muốn tới những phố lớn, và thế là tôi đã tới Đại lộ số Năm.

Lúc này tôi không rời mắt khỏi cái vương miện vốn xưa kia thuộc về hoàng hậu Eugénie. Trong ánh sáng điện cái vương miện đặt trên chiếc gối nhung đen tỏa sáng lấp lánh. Phía bên này của vương miện là một chiếc vòng đeo tay bằng hồng ngọc, ngọc bích và xa phía, phía bên kia là những chiếc nhẫn và dây chuyền.

– Nếu được quyền chọn cậu sẽ chọn thứ gì trong cái tủ kính ấy? - Một cô gái vận đồ màu đỏ hỏi người bạn gái bên cạnh cô ta.

– Bây giờ người ta coi hạt trai là thứ mốt nhất. Trên thế giới hiện nay người ta chỉ đeo hạt trai thôi.

– Hạt trai thật hay giả?

– Có hạt trai thật lẫn hạt trai giả. Chỉ với cái mã ngoài như vậy mới được coi là thuộc thế giới thượng lưu.

– Thế theo cậu, Eugénie có thuộc giới thượng lưu không?

– Tất nhiên rồi.

– Dẫu sao tớ cũng sẽ không từ chối nếu giả như có ai tặng tớ chiếc vòng đeo tay kia. - Cô gái vận đồ đỏ nói.

– Sặc sỡ quá! - Cô bạn trả lời.

Tôi đi tiếp. Thỉnh thoảng tôi dừng lại cạnh những cửa hiệu bán thuốc lá, bán giày dép, cửa hiệu bán đồ sứ hoặc cạnh những chiếc tủ kính cực lớn của các tiệm may mà những đám đông đang dán mắt tò mò ngắm nhìn những dòng thác tơ lụa rủ xuống từ giá treo, lấp lánh đủ mọi màu sắc. Tôi cười nhạo đám người hiếu kì kia, nhưng chính tôi cũng dán mắt vào những quầy kính, lắng nghe như muốn nuốt lấy những lời trao đổi đứt nối của mọi người, hết như chú cá bị hắt lên bờ đang vội hớp những luồng không khí. Tôi đi qua sự tất tả, ngược xuôi của mọi người khi màn đêm đã sập xuống, mong hòa nhập vào làn sóng người kia, nhưng làn sóng ấy không tiếp nhận tôi. Không còn nơi nào để tôi đi nữa và cái bóng tối nhợt nhòa trong ánh đèn điện ban đêm lẻo đẻo bám sát gót tôi.

Thoạt đầu tôi muốn tìm Kahn, nhưng sau đó tôi suy nghĩ lại. Tôi không muốn gặp bất cứ ai gọi cho tôi nhớ lại quá khứ. Thậm chí cả Melikov cũng vậy.

Nhưng lẫn tránh những điều hải hùng trong giấc mơ đêm hôm trước không phải là một việc dễ dàng. Thông thường khi trời đã sáng những giấc mơ thường nhợt nhạt, tan đi. Vài giờ đồng hồ sau đó chúng chỉ còn để lại những hình ảnh mù mờ, yếu ớt tựa như tấm màn sương của hồi ức cứ mỗi lúc một loãng dần ra rồi tan biến hẳn. Nhưng giấc mơ lần này không chịu tan biến đi. Tôi xua đuổi nó, nó cũng không chịu rời bỏ tôi. Nó

để lại trong tôi cảm giác của một mối đe dọa, tuy không thật rõ rệt, nhưng tựa như sẽ xảy ra bất cứ lúc nào.

Dạo còn ở châu Âu tôi ít khi ngủ mơ. Đầu óc tôi luôn đầy ắp một mong ước: cố mà sống sót. Còn ở đây tôi cảm thấy mình đã thoát chết. Giữa tôi và cuộc đời ngày hôm qua là cả một đại dương, một khoảng không gian mênh mông bát ngát. Và trong con người tôi bừng tỉnh dậy hi vọng rằng tôi sẽ như một con tàu, tắt hết đèn trên boong, âm thầm tựa một bóng ma len lách giữa các tàu thuyền khác vượt lên, vượt lên để vĩnh viễn xa lìa cái bến bờ quá khứ hải hùng kia. Bây giờ thì tôi biết cái quá khứ ấy vẫn bám theo từng bước chân tôi. Những mảng bóng đen kia bò lan tới những nơi mà tôi không thể nào ngăn cản nổi, bò lan vào trong những giấc mơ của tôi, vào tiềm thức của tôi mỗi đêm, dệt nên những thế giới kì quái để đến sáng hôm sau lại sụp đổ tất cả. Nhưng hôm nay, những thế giới mù mờ, kì quặc kia không chịu biến đi, chúng quấn chặt quanh tôi tựa như những luồng khói đặc quánh, ẩm ướt. Và từ đám khói này những đàn kiến bò ra, chạy dọc trên lưng tôi, cảm giác nhầy nhụa, ngòn ngọt đến buồn nôn. Thứ khói bốc ra từ các lò hỏa táng.

Tôi dáo dác nhìn về phía sau: không ai theo dõi tôi cả. Đêm yên ả, thanh bình. Có cảm giác như sự yên ả này đang cuộn cuộn bốc lên giữa những tòa nhà mà mặt tiền của chúng loang loáng hàng nghìn cặp mắt - hàng nghìn những ô cửa sổ sáng ánh đèn. Những quây kính cao tới hai, ba tầng nhà chật chội các thứ bình cổ, các bức tranh, lông thú, đồ gỗ quang dầu... tất cả sáng bóng lên dưới ánh sáng của những ngọn đèn có chao. Cả khu phố này cứ như được đánh cho bóng lộn lên để làm hài lòng những niềm ham mê nhỏ nhoi, quái dị. Nó giống như một cuốn sách trẻ em với những bức minh họa sặc sỡ mà vị chúa của thói xa hoa, đàn điểm vừa lật giở từng trang vừa nói: “Mãn nguyện nhé! Mãn nguyện nhé! Đủ cho tất cả mọi người nhé!”



Tôi đã khát khao biết bao được kết thân với xứ sở này - một xứ sở biết điểm trang cho các xác chết, tôn sùng tuổi trẻ và gửi những chiến binh của mình đi để chết ở các nước khác, chết vì một sự nghiệp mà chính họ chưa tổ tường.

Tại sao tôi không thể trở thành một người như những người Mỹ kia được? Tại sao tôi lại thuộc cộng đồng những người không có tổ quốc, ngắc ngứ với mỗi một chữ, một từ tiếng Anh? Những người với quả tim đập thùm thụp trong lồng ngực, leo lên những bậc thang bất tận hoặc đang sải cánh bay lên trên cao trong những chiếc thang máy cứ phóng lên vun vút mãi để sau đó lại lê bước từ căn phòng này sang căn phòng khác. Những người không ưa chịu đựng bất cứ một điều gì và yêu đất nước này chỉ vì nó chịu đựng được họ?

Tôi đang trở thành một kẻ ủy mị đáng ghê tởm, tôi nghĩ thầm: Thật buồn cười! Chả lẽ tôi đã trở thành một trong vô số người luôn luôn nuối tiếc cái bếp lò đắp bằng đất và đôi dép khâu tay đi trong nhà rồi sao? Tôi đã trở thành một kẻ mang nỗi buồn nhớ tốt lành, quen thuộc về một đời sống tầm thường, tẻ nhạt rồi sao?

Tôi quay ngoắt trở lại và vội vã đi lướt qua các cửa hàng, cửa hiệu trên Đại lộ số Năm. Bây giờ tôi đang đi về hướng tây, bỏ qua một khuôn viên nhỏ - nơi cư ngụ của các tầng lớp dưới đáy xã hội - rời khỏi một dãy phố nơi mọi người ngồi im lặng trước khung cửa ngôi nhà của mình trên những bậc tam cấp khá cao, còn đám trẻ thì nhúc nhúc trong các gian phòng hẹp lòng như những chiếc hộp. Tôi có cảm giác người lớn ở dãy phố này rất mệt mỏi nhưng không đến nỗi quá âu lo, phiền muộn nếu có thể tin cậy được ở sự dốt nát, tầm tối rằng nó sẽ bảo vệ họ.

Mình đang cần đàn bà đây - tôi thầm nghĩ khi bước tới gần khách sạn Reuben. Đàn bà! Một cô ả dẫn độn, cười toe toét với mớ tóc hoe vàng và cặp lông mày núng nính. Một cô ả không hiểu biết gì và không đặt ra bất cứ

một yêu cầu, đòi hỏi gì ngoài một câu hỏi anh có đủ tiền không. Và tôi còn muốn một chai rượu California Burgundy, thêm một chút rum rẻ tiền, để pha với thứ rượu trên. Tôi cần phải qua đêm nay với một mụ đàn bà bởi lẽ tôi không thể quay trở về khách sạn được. Không nên quay lại khách sạn. Trong đêm hôm nay hoàn toàn không nên.

Nhưng tôi có thể tìm ở đâu ra một mụ đàn bà như ý tôi muốn? Một thứ điểm hạng bét? New York không phải là Paris. Theo kinh nghiệm, tôi biết rằng cảnh sát New York tuân thủ rất nghiêm những luật lệ khi sự việc liên quan đến hạng cùng đinh. Gái mãi dâm mạt hạng không lang thang kiếm khách ngoài phố. Họ cũng không có những dấu hiệu để nhận biết: những chiếc ô, chiếc túi quá cỡ chẳng hạn. Tất nhiên, họ có số điện thoại, nhưng để gọi được họ cần phải có thời giờ và quan trọng là phải biết số của họ.

– Xin chào Felix, - tôi nói. - Chẳng lẽ Melikov chưa tới sao?

– Hôm nay là thứ bảy, - Felix đáp, - phiên tôi trực.

Đúng rồi hôm nay là thứ bảy. Tôi đã hoàn toàn quên điều này. Tôi sẽ trải qua một ngày chủ nhật dài lê thê, chán chường và nỗi sợ hãi sẽ lại đến tấn công đây.

Trong căn buồng tại khách sạn còn một chút vodka và hình như vài viên thuốc ngủ. Vô tình tôi nhớ tới gã Raoul béo. Mới hôm qua thôi chính tôi đã chế nhạo gã về cái thói chơi bời, trụy lạc. Lúc này tôi cảm thấy đơn độc khủng khiếp.

– Cô Petrovna cũng vừa mới hỏi thăm Melikov xong. - Felix nói.

– Cô ta đi chưa?

– Theo tôi thì chưa đâu. Cô ấy muốn đợi thêm chút nữa.

Tôi gặp Natasha trong gian phòng đợi với thứ ánh sáng điện mờ đục. Tôi hi vọng là hôm nay cô ta sẽ không khóc, tôi nghĩ thầm trong đầu. Cô

ta đứng lên và tôi lại ngạc nhiên lần nữa vì sao cô ta cao đến như vậy.

– Cô lại vội vã gặp anh thợ nhiếp ảnh sao? - Tôi hỏi.

Natasha gật đầu.

– Tôi muốn uống một chút rượu vodka, - tôi mời vụng về, - tôi có thể mang ra đây.

– Nếu không làm phiền anh. Ở chỗ anh thợ ảnh muốn uống bao nhiêu tùy thích. Tôi chỉ muốn ngồi ở đây một lát.

– Tôi mang vodka ra ngay thôi mà, có phiền phức gì đâu.

Tôi chạy lên cầu thang và mở cửa phòng. Chai rượu sáng lóe lên trên bậu cửa sổ. Không ngó nghiêng gì, tôi nắm lấy chai rượu và hai cái ly. Ra đến cửa, tôi ngoái đầu lại. Không hề có bóng ma hay bóng người nào ẩn trong phòng cả. Tôi lắc đầu vì sự ngớ ngẩn của mình và xuống tầng dưới.

Natasha Petrovna hôm nay đối với tôi không như tôi thường hay nghĩ về cô ta. Cô ta có vẻ bớt khùng hơn và nom giống một phụ nữ Mỹ hơn. Nhưng kìa, cái giọng the thé của cô đã vang lên và tôi nhận ra cô nói với một âm sắc hơi nhẹ. Không phải âm sắc Nga, mà là âm sắc Pháp. Là tôi cho rằng như vậy. Trên đầu cô quấn một chiếc khăn lụa màu hoa cà thắt trễ xuống theo kiểu turban.

– Để không làm hỏng kiểu tóc đã chải đấy mà! - Cô giải thích. - Hôm nay tôi chụp trang phục mặc buổi tối!

– Cô thích ngồi ở chỗ này à? - Tôi hỏi.

– Nói chung tôi thích ngồi ở các khách sạn. Tại khách sạn không cảm thấy buồn. Người đi vào, đi ra. Chào hỏi rồi tạm biệt. Gặp nhau và chia tay đều là những phút giây tuyệt vời nhất trong cuộc đời.

– Cô nghĩ như vậy sao?

– Đây là những giây phút ít buồn thảm nhất. Còn những gì ở giữa hai khoảnh khắc ấy thì... - cô phất tay chậm rãi. - Những khách sạn lớn thường không có bản sắc riêng. Tại đây con người ta thường che đậy khá kĩ lưỡng cảm xúc của mình. Anh có cảm giác là trong không khí thoảng bay lên mùi vị của những cuộc phiêu lưu mạo hiểm, nhưng ta không thể nào trông thấy được chúng không?

– Ở đây cô trông thấy được, phải không?

– Đúng thế. Ở đây con người ta cởi mở mọi điều. Chính tôi cũng vậy. Ngoài ra tôi thích ông Vladimir Ivanovich. Ông ta giống người Nga.

– Chẳng lẽ ông ấy không phải người Nga sao?

– Không, ông ta là người Séc. Nói đúng hơn vùng quê nơi ông ta sinh ra xưa kia thuộc Nga, nhưng sau năm 1919 nó thuộc Séc. Sau đó nó bị bọn Quốc xã xâm chiếm. Có thể chẳng bao lâu nó sẽ một lần nữa thuộc về Nga hay Tiệp... Liệu người Mỹ có định chiếm xứ Séc này không đây? - Natasha cất tiếng cười vui vẻ rồi đứng lên. - Tôi phải đi đây. - Luống lự giây lát rồi cô hỏi tôi. - Tại sao anh không đi với tôi nhỉ? Anh có hẹn hò với ai tối nay không đây?

– Tôi chẳng hẹn với ai cả nhưng tôi sợ anh thợ ảnh kia sẽ đuổi tôi đi.

– Nicky ấy à? Thật là một ý nghĩ kì quái! Anh ta luôn luôn có rất nhiều bạn bè. Thêm hay giảm một người đối với anh ta chẳng có gì quan trọng cả. Họ là những người có máu nghệ sĩ nên thường hơi lơ đãng một chút...

Tôi đoán được nguyên nhân tại sao Natasha mời tôi đến chỗ anh thợ nhiếp ảnh: để làm dịu bớt sự lúng túng nảy sinh trong lần đầu chúng tôi gặp nhau. Nói đúng ra tôi không muốn đi với cô. Tôi sẽ làm gì ở đó kia chứ? Nhưng tôi vui vẻ chấp nhận bất cứ lời mời nào chỉ cốt không phải ngồi tại khách sạn. Khác với Natasha Petrovna, tôi không chờ đợi sự

phiêu lưu. Nhưng trong đêm nay cũng dành thử liêu.

– Ta đi tắc xi chứ? - Ra đến cửa tôi hỏi Natasha.

Natasha cất tiếng cười khanh khách:

– Những vị khách lưu trú ở khách sạn Reuben không đi tắc xi đâu. Tôi biết rõ điều này. Ngoài ra, đây tới đó có xa xôi gì cho cam. Còn buổi tối này thì quả là tuyệt vời. Những đêm New York! Không, Chúa trời sinh tôi ra không phải để dành cho cảnh điền viên nơi thôn dã. Còn anh thì sao?

– Tôi không rõ nữa.

– Anh không khi nào nghĩ tới điều đó sao?

– Không bao giờ, - tôi thú thực. - Và tôi cũng không chắc là mình có thời gian để nghĩ đến việc đó. Một thứ xa xỉ không được phép! Đối với tôi còn sống đã là điều vui sướng lắm rồi.

– Anh còn nhiều thứ ở phía trước lắm. - Natasha Petrovna nói.

Cô bước đi ngược chiều với dòng người đi bộ nom như chiếc thuyền buồm hẹp lòng, ván nhẹ. Gương mặt nhìn nghiêng của cô trong chiếc khăn quấn đầu màu hoa cà giống với gương mặt nhìn nghiêng của bức tượng gắn trên mũi một con tàu thời xa xưa, một bức tượng bình thần nhô cao trên mọi luồng sóng cả, xung quanh tung tóe bọt biển, hướng tới một thế giới chưa bao giờ được biết. Natasha bước đi khá nhanh với những bước dài tựa như chiếc váy cô đang mặc khá chặt. Nhưng cô không gấp gáp và cô hít thở thật sâu. Tôi thầm nghĩ đây là lần đầu tiên trong suốt cả thời gian tôi sống tại nước Mỹ, tôi đang bước đi sóng đôi với một người đàn bà.

Mọi người đón tiếp cô như đón một đứa trẻ được cưng chiều lạc đâu một thời gian dài nay mới được quay trở về. Trong một gian phòng rộng

thên thanh, ít đồ đạc, với những ngọn đèn giấu trong mái vòm, với những tấm bình phong màu trắng, có chừng mười người đang thung dung bách bộ. Anh thợ nhiếp ảnh và hai người nữa dáng vẻ hao hao anh tiến đến hôn Natasha. Những câu chuyện phiếm hình như đã sắp nguội lạnh lập tức được hâm nóng. Tôi được giới thiệu. Ngay lúc đó có người mang lại rượu vodka, whisky, thuốc lá. Còn sau đó tôi bỗng như được cố ý sắp xếp cho ngồi trong một chiếc ghế bành hơi cách xa mọi người và thế là tất cả quên tôi đi.

Nhưng tôi không buồn. Tôi được nhìn thấy ở đây những thứ mà tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Đám bạn hữu của Natasha mở ra những hộp các tông cực lớn bên trong đựng những chiếc áo đầm và áo khoác; người ta mang chúng ra phía sau những bức bình phong rồi lại mang vào. Mọi người đều nồng nhiệt tranh cãi cần phải chụp gì trước tiên. Ngoài Natasha Petrovna ra, tại tiệm thời trang này còn có hai cô người mẫu khác: một cô tóc vàng và một cô tóc đen, cả hai đều đi giày cao gót, cả hai đều rất đẹp.

– Ta hãy chụp áo khoác trước đã, - một thiếu phụ gương mặt và cử chỉ ánh lên vẻ cương quyết tuyên bố.

– Không, đầu tiên hãy chụp những bộ đồ mặc buổi tối, - anh thợ chụp ảnh phản bác ngay. Anh bạn này cao, gầy, tóc sáng màu, cổ đeo sợi dây chuyền vàng. - Không thể chúng sẽ nhàu hết.

– Nói chung là không nhất thiết phải vận đồ buổi tối phía dưới áo khoác đầu. Mà áo khoác cũng vận sao cho đúng kiểu. Trước hết hãy chụp áo khoác lông đi, hăng người ta đang đợi đấy.

– Thôi được, chúng ta sẽ bắt đầu bằng áo khoác lông.

Và thế là mọi người lại tranh cãi một lần nữa phải chụp áo lông như thế nào. Tôi đóng tai nghe nhưng không tài nào hiểu nổi mọi người đang

cãi cọ nhau điều gì. Sự sôi nổi, vui vẻ và sự hăng hái khi mọi người nêu ra những ý kiến này nọ đã khiến mọi điều diễn ra trước mắt tôi hết như một màn kịch. Hoặc từ vở *Giấc mộng đêm hè*. Hoặc từ một vở kịch vui theo phong cách Rococo, đại thể như vở *Người tình của hoa hồng*. Hoặc từ những vở kịch vui Nestroy! Nhưng tất cả những gì đang xảy ra lại giống một vở kịch câm và gây cảm giác không thực.

Nhưng nhìn kia, ánh sáng những ngọn đèn công suất lớn đã bật lên, chiếu vào tấm bình phong, bên cạnh có một lọ hoa cực lớn với những bông hoa giả. Một trong những cô người mẫu đi đôi giày gót cao bước ra với áo lông màu nâu nhạt. Bà cửa hàng trưởng chạy tới sửa sang, vuốt nếp cho tấm áo lông. Hai ngọn đèn chiếu kê thấp hơn các ngọn đèn khác sáng lóe lên và cô người mẫu như chết đứng một chỗ, tựa như người ta sắp ngấm vào cô mà nổ súng.

– Được đấy! - Nicky reo to. - Thêm lần nữa nào, *darling\**.

Darling (tiếng Anh trong nguyên bản): Cô em thân yêu.

Tôi ngả người ra lưng ghế. Thật tuyệt vì tôi đã tới đây. Không thể nghĩ ra trò gì hay hơn thế này nữa.

– Còn bây giờ đến lượt Natasha nào, - giọng ai đó nói, - Natasha mặc áo khoác lông cừu.

Natasha xuất hiện rất đột ngột. Thân hình mảnh mai rất nữ tính quăn trong áo lông đen nhánh, cô đứng hết sức tự tin trước tấm bình phong màu trắng. Trên đầu cô đội một chiếc mũ nom như một chiếc bê-rê, cũng bằng thứ lông đen nhánh kia.

– Tuyệt tác! - Nicky gào lên. - Cứ đứng như thế! - Anh ta gạt bà cửa hàng trưởng sang một bên khi bà ta đang định sửa sang tấm áo trên mình Natasha. - Tí nữa chúng ta sẽ chụp thêm mấy kiểu khác. Còn lúc này cần tới những tư thế khác.

Những tia sáng của các ngọn đèn chiếu như tập trung lên gương mặt của Natasha. Lúc này đôi mắt của cô nhuộm màu xanh biếc và trong luồng sáng cực mạnh hắt tới từ bốn phía, chúng lấp lánh như những vì sao.

– Tôi chụp đây! - Nicky kêu vang.

Natasha Petrovna không cứng ngắc như hai cô người mẫu trước. Cô đứng yên bất động nhưng trông hết sức tự nhiên.

– Hay lắm. - Nicky cất tiếng khen. - Bây giờ thì cởi nút áo khoác ra.

Natasha gạt hai tà áo khoác ra, chúng tựa như hai cánh bướm. Mới một phút trước có cảm giác như chiếc áo quá nặng, nhưng thực ra nó khá dài. Tôi nhận ra lần vải lót màu trắng với những đường kẻ sọc lớn.

– Giữ lấy hai vạt áo, - Nicky lại thét lên. - Mở chúng rộng ra hơn chút nữa. Em nom hết như chú ngài hoàng đế. Giỏi!

– Ở đây anh có cảm thấy thích thú không? - Có người nào đó hỏi tôi.

Đó là một người đàn ông tóc đen, với đôi mắt đen nhánh một cách kì lạ nom như những hạt anh đào.

– Rất thích, - tôi đáp một cách chân thật.

– Tất nhiên là hiện nay chúng tôi không còn kham nổi hàng Balenciaga và hàng của Pháp nữa. Hậu quả của chiến tranh đấy. - Người chưa quen biết thờ dài nói thêm. - Nhưng những mẫu của Mainbocher và Valentino nom cũng không đến nỗi nào. Anh thấy sao?

– Hoàn toàn đúng như vậy, - tôi hưởng ứng mà không hiểu anh ta nói gì.

– Chúng tôi hi vọng mọi điều đang xảy ra mau chóng kết thúc và chúng tôi sẽ nhận lại được loại vải hạng nhất, lụa Lyon chẳng hạn...

Có tiếng người gọi, anh ta đứng dậy. Cái nguyên cớ để anh ta thở than



về chiến tranh tôi cảm thấy không có gì đáng cười cả. Ngược lại, chính trong gian phòng này điều anh ta thở than xem ra hoàn toàn hợp lí và thông minh.

Sau đó anh bạn nhiếp ảnh bắt tay chụp những bộ đồ mặc buổi tối. Và bỗng nhiên Natasha Petrovna xuất hiện ngay cạnh tôi. Cô vận một chiếc áo dài trắng bó sát người để hở vai khá nhiều.

– Anh không buồn chứ? - Natasha hỏi.

– Sao lại buồn? Hoàn toàn không. - Tôi nói, hơi chút bối rối và tôi chăm chăm nhìn cô sững sốt. - Tôi nghĩ rằng tôi đang bị những ảo giác săn đuổi. Nhưng lần này là những ảo giác thật dễ chịu. Tôi đã nhìn thấy chiếc vương miện cô đang đội đầu đó trưa hôm nay tại cửa hàng Van Cleef và Arpels. Kì lạ thật...

Natasha cất tiếng cười.

– Anh có cặp mắt tinh tường đấy!

– Nhưng có đúng là cái vương miện đấy không?

– Đúng rồi. Tờ tạp chí mà chúng tôi sẽ cung cấp ảnh đã mượn tạm cửa hàng. Chẳng lẽ anh nghĩ là tôi mua cái vương miện này hay sao?

– Có trời mà biết! Hôm nay tôi có cảm giác là mọi điều đều có thể xảy ra. Trong đời tôi chưa bao giờ được nhìn thấy nhiều áo khoác, áo choàng đến như vậy.

– Loại áo nào anh thích hơn cả?

– Khó mà nói được. Có thể là chiếc áo khoác rất dài, rất rộng bằng nhung đen mà cô vừa diện. Có lẽ nó là hàng Balenciaga.

– Đúng thế. Anh là gián điệp sao?

– Gián điệp? Chưa ai buộc tội tôi là gián điệp đâu. Thật thú vị nếu được biết tôi làm gián điệp cho nước nào đấy?

– Không cho nước nào cả, mà cho một hãng khác. Một hãng của những kẻ đang cạnh tranh với hãng của chúng tôi. Anh là chuyên gia về tất cả những gì anh nhìn thấy ở đây phải không? Xin anh hãy thú thật đi! Nếu không làm sao anh đoán được cái áo khoác ấy là hàng của Balenciaga.

– Natasha Petrovna. - Tôi nói nghiêm trang. - Xin thề với cô, mới mười phút trước đây thôi tôi còn chưa biết tới mấy tiếng Balenciaga. Khi nghe thấy cái tên ấy tôi đã cho rằng đấy là nhãn hiệu của một hãng xe hơi. Cái ngài mặt xanh xao, tóc và mắt đen ánh kia đã nhắc đến mấy tiếng ấy. Anh ta nói rằng những kiểu từ hãng Balenciaga bây giờ không cách nào vượt qua đại dương được. Tôi đùa một tí đấy mà.

– Vẫn tới được đúng nơi cần tới. Tắm áo khoác ấy đúng là hàng Balenciaga. Nó được chuyển sang Mỹ trên một chiếc máy bay ném bom. Trên “pháo đài bay”, như người ta thường nói, tức là từ con đường buôn lậu.

– Một kiểu sử dụng máy bay ném bom thật tuyệt vời. Chúng tôi hi vọng rằng mọi người sẽ noi theo gương của cô và trên trái đất này sẽ xuất hiện một kỉ nguyên vàng.

– Đúng như thế đấy. Vậy anh không phải là gián điệp. Tôi lại lấy làm tiếc vì điều này. Dầu sao vẫn phải cảnh giác với anh. Anh nắm bắt mọi điều hết sức nhanh nhạy. Mà đồ uống của anh họ lo đủ không?

– Cảm ơn cô. Quá đủ là đằng khác.

Người ta đang gọi Natasha.

– Sau khi chụp ảnh xong chúng tôi sẽ đi chơi đâu đó. Chúng tôi sẽ đến quán El Morocco. Ở đấy rất dễ chịu, - vừa đi xa tôi, cô vừa nói. - Anh đi nhé?

Tôi không đáp lại. Đương nhiên là tôi không muốn đi cùng với họ. Tôi

không cảm thấy hứng thú gì với những trò giải trí như thế. Sẽ phải giải thích cho cô hiểu sau thôi. Một viễn cảnh không lấy gì làm dễ chịu lắm nhưng vẫn còn thời gian. Hiện tại tôi không muốn nghĩ gì cả. Tôi không muốn nghĩ tới ngày mai, thậm chí ngay cả giờ sau nữa. Cô người mẫu da hơi ngăm đen vừa chụp ảnh xong với chiếc áo khoác bằng nỉ khá dài màu lục thẫm, lúc này đã cởi tấm áo ấy ra mặc tấm áo khác. Tấm áo mới chưa kịp chuẩn bị. Cô gái cứ đứng nguyên đó với bộ đồ lót. Nhưng điều này cũng chẳng làm một ai ở đây bối rối ngượng ngùng cả. Thấy rõ là hiện tượng này đối với mọi người cũng không có gì là mới lạ, thêm vào đó trong đám đàn ông có mặt ở đây có những kẻ đồng tính luyến ái. Tôi thấy cô người mẫu da hơi ngăm đen kia rất đẹp. Nàng mang vẻ tự tin của một người đàn bà có ý thức rằng mình luôn luôn là kẻ chiến thắng và không lấy làm vui thích vì điều này. Tôi cũng đưa mắt quan sát xem Natasha Petrovna thay đổi bộ đồ mặc buổi tối ra sao. Nước da cô trắng bóc, vóc cao, cân đối. Nước da ấy gợi trong tôi cái sắc màu của ánh trăng đêm phản chiếu trong những viên ngọc bích. Tôi không nói Natasha là típ người tôi thích. Típ người ấy nói đúng ra là cô người mẫu tóc đen có tên là Sonja kia. Những ý nghĩ này không rõ ràng cụ thể lắm và biến mất rất nhanh và tôi vẫn cảm thấy vui vui trong lòng vì trong tôi không hề có bất kì một mong muốn, một liên tưởng cụ thể, rõ ràng nào cả. Nhưng tôi vui hơn cả vì tôi đã không phải ngồi lại ở khách sạn. Thật ra tôi hơi sững sờ bởi lẽ những người đàn bà xa lạ hiện ra trước mắt tôi trong các dáng đi nước bước kia tựa như chúng tôi quen biết nhau đã từ lâu lắm rồi. Tất cả làm tôi liên tưởng tới một bức tranh gồm nhiều lớp màu khác nhau được đặt trên lớp màu làm nền, tuy lớp màu nền này lại dường như không nom thấy - cách hòa sắc như vậy đã phú cho bức họa gam màu ấm áp.

Chỉ mãi đến khi những bộ đồ mặc buổi tối đã được xếp lại vào các thùng các tông tôi mới nói với Natasha Petrovna tôi không thể đi với nhóm

bạn bè của cô tới quán El Morocco được. Tôi biết rõ đây là hộp đêm đắt tiền, sang trọng nhất ở New York.

– Vì sao anh lại từ chối? - Natasha hỏi.

– Tôi không có tiền.

– Ôi anh bạn ngốc nghếch của tôi! Thì chúng tôi mời anh cơ mà. Chẳng lẽ anh lại nghĩ rằng tôi bắt anh phải bao sao?

Giống như mọi khi cô cất tiếng cười hơi khàn khàn. Và tuy không biết vì sao, tiếng cười ấy khiến tôi nhớ tới tiếng cười của các cô gái sống bằng cái nghề không lương thiện kia - nhưng tôi vẫn cảm thấy dễ chịu vì cảm nhận ra mình đang ở giữa nhóm người cùng cảnh ngộ.

– Này, cái vương miện đâu rồi? Cần phải trả lại cửa hiệu thôi.

– Để mai. Tờ tạp chí đã mượn rồi mà. Bây giờ chúng ta sẽ đi uống sâm banh.

Tôi không thể cưỡng lại được nữa. Ngày hôm đó kết thúc hoàn toàn bất ngờ đối với tôi: Tôi đã nhận ra cuộc đời trong mọi sắc màu khác biệt nhau nhất của nó. Thoạt đầu tôi thấy mọi việc có vẻ hài hước, tức cười. Nhưng sau đó tôi cảm nhận ra một sự biết ơn chân thành. Tôi cũng không ngạc nhiên khi chúng tôi ngồi tại một trong những gian của quán El Morocco có một ca sĩ người Hung biểu diễn những ca khúc của Đức, cho dù hai nước Mỹ và Đức đang đối đầu với nhau trong chiến tranh. Tôi chỉ biết rằng một việc như vậy không thể nào xảy ra ở Đức được. Thêm vào đó trong hộp đêm này, vào thời khắc ấy có rất nhiều sĩ quan Mỹ. Tôi có cảm giác như đang lang thang mãi giữa sa mạc bỗng nhiên tôi phát hiện ra một ốc đảo. Thỉnh thoảng tôi lại khẽ khàng thọc tay vào túi nhằm đếm số tiền năm mươi đô la - cái gia tài lớn nhất của tôi và sẵn sàng chi trả cho cuộc vui đêm nay ngay khi có lời yêu cầu đầu tiên. Nhưng không ai yêu cầu tôi làm việc ấy. Cuộc đời quá êm ả, tôi nghĩ. Một cuộc đời êm ả

mà tôi không hề biết tới, một cuộc đời không bận một chút âu lo mà tôi chưa từng trải qua. Nhưng tự trong thâm tâm tôi không hề ghen tị. Thật tuyệt biết bao, mọi điều cứ trôi qua như vậy. Tôi ngồi giữa đám người chưa từng quen biết nhưng họ lại trở nên gần gũi, đáng yêu biết bao so với những kẻ mà tôi quen biết từ lâu. Tôi ngồi bên cạnh một người đàn bà đẹp, cái vương miện trên đầu mượn tạm từ một cửa hiệu sáng lấp lánh dưới những ngọn nến. Tôi là một vị khách đói khát giữa một đám người sang trọng hết sức tôn trọng, yêu quý tôi. Tôi uống thứ rượu sâm banh xa lạ và tự trong tôi xuất hiện thứ tình cảm tựa như cái cuộc đời còn hoàn toàn mới mẻ, xa lạ này lại phú cho tôi một mối quan hệ thân thương ngay trong một đêm hết sức dễ chịu. Sáng ngày mai tôi buộc phải trả lại cuộc đời này cho người ta.

## VII



**A**nh sẽ không gặp khó khăn gì trong công ăn việc làm tại một phòng triển lãm nghệ thuật nào đấy, - Lowy-anh nói. - Về phương diện đó cuộc chiến tranh tiếp diễn đã hỗ trợ cho anh. Ở nước tôi bây giờ đang thiếu những nhân công có năng lực.

– Tôi bắt đầu nghĩ mình là một nhà doanh nghiệp đang gặp vận hên vì chiến tranh. - Tôi bực bội nói. - Người ta đoán chắc với tôi chiến tranh đã phú cho tôi cả một loạt lợi thế.

– Chẳng lẽ không phải như vậy sao? - Lowy-anh cào cái lược trên chiếc đầu hói. - Không có chiến tranh, anh tài gì sang được nước Mỹ này.

– Đúng thế. Nhưng nếu như không có chiến tranh người Đức cũng không tới nước Pháp đâu.

– Thế anh ở đây tồi hơn bên Pháp sao?

– Thưa ngài Lowy, đây là một câu chuyện bất tận. Và dù ở nước này hay nước kia tôi cũng chỉ là đồ kí sinh thôi.

Mặt Lowy-anh rạng rỡ hẳn lên.

– Đồ kí sinh? Rất chính xác! Chính tôi cũng muốn giúp anh hiểu rõ điều này. Trong hoàn cảnh của anh, anh không thể xin được một việc làm chính thức ở bất cứ một phòng triển lãm nghệ thuật nào đâu. Anh cần tìm cho mình một công việc đại loại như công việc anh đã làm ở chỗ chúng tôi. Nói như người ta thường nói, một việc làm tạm thôi. Tôi đã nói chuyện với một người mà anh có thể làm việc ở chỗ ông ấy được, ông ta

cũng là một giống kí sinh. Nhưng là loại kí sinh giàu có. Buôn các loại đồ nghệ thuật mà. Buôn tranh. Nhưng dù sao vẫn là thứ kí sinh.

– Hàng rởm chứ gì?

– Trời, sao anh lo đến chuyện đó làm gì? - Lowy-anh buông mình ngồi xuống chiếc ghế bành. - Buôn bán đồ nghệ thuật vốn là một nghề dành cho những ai lương tâm không mấy trong sạch mà! - Anh ta bắt đầu lên giọng răn dạy. - Họ kiếm được đồng tiền mà lí ra các tay họa sĩ phải thu được. Chính họ là người kiếm được số tiền gấp nhiều lần người làm ra tác phẩm đã có được. Ở đây tôi muốn nói tới các thứ đồ cổ hoặc các đồ mỹ nghệ. Điều đó thì có gì để ngạc nhiên lắm đâu. Điều đáng ngạc nhiên là với những tác phẩm nghệ thuật thật sự cơ. Ví như Van Gogh. Suốt cả cuộc đời họa sĩ này không hề bán được một bức tranh và sống rất nghèo đói, túng bấn, nhưng hiện nay thì các nhà buôn vắt ở tranh của ông ta ra hàng triệu đô la. Từ xưa xưa đến nay đều thế cả: người nghệ sĩ thì đói, còn nhà buôn thì mua sắm những lâu đài, dinh thự.

– Theo ông lương tâm của các nhà buôn có bị cắn rứt không?

Lowy-anh nháy mắt.

– Có chứ, cắn rứt đến độ sao cho lời lãi đừng quá ít thôi. Những người buôn tranh là một giới khá nhiều màu sắc. Họ không chỉ muốn trở nên giàu có vì những tác phẩm nghệ thuật mà thường thường còn muốn nâng mình lên ngang tầm với các tác phẩm nghệ thuật kia cơ. Bản thân người họa sĩ bao giờ cũng là người nghèo đói, không kiếm được gì cho bữa tối. Và người buôn tranh biết được cái ưu thế của mình: ưu thế của kẻ trả tiền cho bữa tối của kẻ khác. Anh hiểu chưa nào?

– Thậm chí tôi còn rất hiểu là đằng khác. Tuy tôi không phải là họa sĩ, nhưng tôi khá tỏ công việc này rồi.

– Anh thấy đấy, người ta luôn luôn sử dụng các họa sĩ. Và để các họa

sĩ được miễn nguyện hoàn toàn, những người bóc lột họ thường mở ra các phòng triển lãm nghệ thuật. Những nhà buôn làm như thế cốt yếu để thu tiền cho những họa sĩ nào thực sự đã bị trói chân, trói tay trong những bản giao kèo nô lệ. Và cũng để những họa sĩ kia có tiếng tăm hơn. Và cũng trên cơ sở đó các gã con buôn được tiếng là các mạnh thường quân trong lĩnh vực nghệ thuật.

– Những gã đó cũng có thể coi là những giống kí sinh ăn bám của nghệ thuật lắm chứ? - Tôi vui vẻ hỏi.

– Không, - rít hơi thuốc, Lowy-anh nói, - họ cũng làm được chút gì đó cho nghệ thuật chứ. Giống kí sinh thực sự là những gã buôn bán tranh mà không có cửa hàng, quây quán thôi. Họ lợi dụng niềm mê say mà những người khác nhờ cửa hàng hoặc các phòng triển lãm nghệ thuật tạo dựng được. Và không hề chịu mất một đồng tiền nào. Bởi vì bọn này buôn bán tranh ngay tại nhà của họ. Họ không mất tiền chi phí sản xuất. Họ chỉ trả lương cho mỗi cô thư kí. Thậm chí họ còn không phải nộp thuế nhà nữa: thuế thổ trạch chỉ tính trong khoản chi phí sản xuất. Thế là toàn bộ gia đình giống ăn bám đó sống trong căn hộ của mình một cách hết sức vui vẻ. Chúng tôi thì còng lưng bên quầy hàng, trả những đồng tiền xương máu và cả phần sức lực đáng giá nghìn vàng cho các nhân viên, còn lũ kí sinh kia thì cứ nằm ườn trên giường cho đến tận chín giờ sáng, dậy đọc thư cho cô thư kí đánh máy, rồi sau đó giống như loài nhện, chúng chờ đợi người mua hàng mắc lưới.

– Thế chả lẽ anh không chẳng tơ để bắt khách hàng sao?

– Không trong sự xa hoa, lười nhác như chúng. Chúng tôi y hệt như người làm công thôi, tuy chúng tôi làm ở ngay cửa hàng của mình. Và trên hết tôi không phải là giống ký sinh.

– Tại sao anh không trở thành giống kí sinh như vậy hử anh Lowy?



Lowy-anh nhìn tôi và nhăn mặt lại. Thế là tôi chợt hiểu mình vừa phạm phải một lỗi lầm.

– Anh không muốn vì những nguyên nhân đạo đức phải không? - Tôi hỏi.

– Còn tệ hơn thế nữa. Vì nguyên nhân tài chính đấy. Muốn trở thành những tên ký sinh như vậy, trong túi phải có những khoản tiền lớn, và hàng hóa tốt. Nếu không sập tiệm liền.

– Có nghĩa là tên ký sinh bán hàng rẻ hơn? Vì chi phí của chúng ít hơn mà.

Lowy-anh dụi điếu thuốc vào chiếc cối kiểu thời kì Phục hưng, nhưng ngay sau đó lại lấy ra, vuốt thẳng và châm lửa hút tiếp.

– Không phải như vậy đâu. Chúng bán đắt hơn. - Lowy-anh la lên. - Chúng có mảnh lời cả. Những tên giàu có ngu ngốc tin vào trò bịp bợm và nghĩ là họ đã tìm được một món hời. Những người kiếm ra những triệu bạc bằng mồ hôi, công sức của mình rơi vào tình thế trở trêu, trở thành những người dốt nát. Những người có danh vọng bị lừa bởi những trò phù phiếm và cái danh hão của bọn bán tranh, họ sa vào bẫy như những chú ruồi sa vào thứ giấy dính. - Từ điếu thuốc Lowy đang cầm trên tay bay lên những đốm lửa như pháo hoa. - Mọi thứ thế là bị đóng vào hòm ráo! - Lowy than van. - Anh khuyên một nhà triệu phú mua tranh của Renoir, và hẳn sẽ cười nhạo anh. Đối với hẳn Renoir hay xe đạp cũng thế cả thôi. Nhưng nếu anh nói với hẳn là Renoir sẽ làm tăng địa vị của hẳn trong xã hội, hẳn thậm chí sẽ mua ngay cả hai bức tranh của họa sĩ này. Anh có hiểu tôi không?

Tôi luôn lắng nghe Lowy-anh với sự khâm phục. Anh ta luôn luôn cung cấp cho tôi những bài học không phải trả tiền về cuộc sống xung quanh. Điều này thông thường diễn ra sau giờ nghỉ trưa khi trong gian hàng im

lặng hơn một chút hoặc vào buổi chiều trước khi tôi hoàn tất công việc trong ngày dưới căn hầm. Lúc này cũng là giờ nghỉ sau bữa ăn trưa.

– Anh có biết vì sao tôi lại lên lớp cho anh về một ngành thương mại cao cấp là buôn bán tranh không?

– Để đào luyện cho những chiến dịch tác chiến tại mặt trận mua bán. Bởi vì tôi đã làm quen với các chiến trường khác rồi.

– Anh chắc cũng đã biết tới cuộc chiến tranh tổng lực đầu tiên trong lịch sử. Chắc anh lại cho rằng nó đang được bắt đầu với tất cả mọi người chúng ta. Nhưng chúng tôi, những kẻ kinh doanh, đang tiến hành cuộc chiến tranh tổng lực của mình với mục tiêu tái tạo thế giới này. Trong giới chúng tôi khắp mọi nơi đều là mặt trận, - Lowy-anh rướn người đầy tự hào. - Thậm chí ngay cả trong đời sống gia đình.

– Anh đã có vợ chưa? - Tôi hỏi để lái câu chuyện sang một đề tài khác.

Tôi không thích thú gì khi người ta dùng hai tiếng “chiến tranh” cho những sự so sánh vô nghĩa. Đối với tôi chiến tranh là điều không gì có thể so sánh được, ngay cả với những so sánh nghiêm túc.

– Tôi chưa có vợ! - Lowy-anh bỗng sa sầm, đáp lại. - Nhưng em tôi đang dự định lấy vợ đấy. Tưởng tượng mà xem! Một bi kịch! Nó muốn lấy một ả không phải Do Thái! Một thảm họa hoàn toàn.

– Không phải Do Thái?

– Phải, một cô ả tóc xù lên như bờm ngựa và được tẩy trắng bóc. Mắt lồi như mắt cá. Một cái mồm với bốn mươi tám cái răng nhắm vào đám tài sản và tiền bạc của chúng tôi. Ý tôi muốn nói tới những đồng đô la xương máu kia. Nói gọn một lời: đó là một con linh cẩu lông trắng với đôi chân cong.

Tôi ngẫm nghĩ, cố gắng để tái tạo hình ảnh này trong trí tưởng tượng.

Nhưng Lowy-anh đã nói tiếp:

– Thật tội nghiệp bà mẹ tôi! Thật may bà không phải sống đến tận lúc này. Nếu tám năm trước người ta không thiêu xác bà cụ, thì bây giờ bà cụ cũng phải bật dậy từ trong áo quan mất.

Tôi không tài nào hiểu nổi câu chuyện tào lao lộn xộn của anh ta, nhưng có một chữ lại khiến tôi giật mình cảnh giác hết như đối với tiếng còi báo động.

– Bà cụ bị thiêu sao?

– Đúng vậy. Tại nhà hỏa táng. Mẹ tôi sinh ra tại Ba Lan nhưng mất ở đây. Anh có biết không...

– Biết chứ, - tôi vội vã nói. - Mà rồi sao? Tại sao em anh không nên lấy vợ?

– Tôi chỉ không muốn nó lấy cô ả lẳng nhăng kia thôi. - Lowy-anh giận dữ. - Ở New York này thiếu gì các cô gái Do Thái con nhà lành. Chả lẽ thằng em tôi không thể tìm vợ cho mình trong các cô gái ấy sao? Nhưng không, nó cứ nhất định lấy cô ả kia.

Lowy-anh dần dà bình tĩnh lại.

– Xin lỗi anh, - anh ta nói. - Đôi khi con người ta không kìm nén được như vậy đó. Thôi chúng ta hãy nói sang chuyện khác. Chúng ta lại nói về giống kí sinh ăn bám nhé? Hôm qua tôi đã trao đổi với một con kí sinh như vậy về anh đấy. Ông ta đang tìm một người trợ lý am hiểu về hội họa, nhưng đừng hiểu biết nhiều quá để có thể ghé mắt vào những điều bí mật của ông ta, rồi sau đó đem bán những bí mật ấy cho các đối thủ khác. Ông ta cần một người kiểu như anh, thích ẩn mình trong bóng tối, không làm ngứa mắt ai. Anh hãy đến với ông ta và tự giới thiệu. Tôi đã hẹn với ông ta, anh sẽ đến hôm nay vào khoảng sáu giờ. Tôi cũng đã nói với ông ấy đôi điều về anh rồi.

– Cảm ơn anh nhiều, - tôi nói, lòng sung sướng nhưng dễ chịu. - Hết sức cảm ơn anh đấy!

– Anh sẽ không kiếm được lắm tiền đâu. Nhưng mọi chuyện không nằm ở chỗ đồng tiền được lĩnh mà nằm ở những cơ hội đang chờ đợi ta. Xưa kia cha tôi cũng đã nói như vậy. Ở đây, - Lowy khoát tay chỉ cái quầy hàng của mình, - ở đây với chúng tôi anh sẽ không có một cơ hội nào cả.

– Cũng không sao cả. Tôi cảm ơn hai anh em anh vì thời gian tôi đã làm việc ở đây. Và vì anh đã giúp đỡ tôi. Nhưng vì sao tôi ở đây lại không có cơ may?

– Không bao giờ nên hỏi “vì sao”. - Lowy nhìn tôi từ chân lên đầu. - Vì sao à? Tất nhiên, chúng tôi không phải là những con người quảng đại, nhân từ. Anh có biết vì sao không? Có lẽ bởi vì anh là người đơn chiếc, hoàn toàn không có gì che đỡ cả.

– Cái gì cơ? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

– Thế đấy. - Đến lượt chính Lowy cũng sung sướng. - Nếu cứ nhìn thấy anh như lúc này không ai chịu nói điều kia ra đâu. Nhưng quả anh là người không có gì bảo đảm hoặc che đỡ cả. Ý nghĩ này đã xuất hiện trong đầu chú em tôi khi chúng tôi chuyện trò về anh. Chú ấy nghĩ rằng giữa đám đàn bà anh sẽ đạt được thành công nhanh chóng hơn.

– Lại thế sao! - Tôi thực sự phật lòng.

– Xin anh đừng nghĩ ngợi gì nhiều về những lời tôi vừa nói. Chính tôi cũng đã nói với anh là chú em tôi phát hiện ra điều này một cách tình cờ và cũng không tin tưởng gì lắm đâu. Thôi anh đến với con ký sinh kia đi. Tên ông ta là Silvers. Đến vào tối hôm nay nhé.

Trên cánh cửa nhà ông Silvers không treo biển đồng, biển gỗ. Ông ta

sống trong một ngôi nhà bình thường. Tôi chờ đợi sẽ gặp một hình ảnh gì đó tựa như một con cá mập hai chân, nhưng ra gặp là một người hết sức ốm yếu, nói đúng hơn, một người có phần rụt rè, ngượng ngập. Ông ta ăn vận khá chải chuốt và xử thế rất có phong độ. Mời tôi rượu whisky pha đá, ông ta bắt đầu thận trọng hỏi chuyện tôi. Một lát sau ông ta mang từ gian buồng bên cạnh ra hai bức tranh và đặt chúng lên giá vẽ.

– Anh thích bức nào hơn?

Tôi chỉ bức tranh bên phải.

– Vì sao cơ? - Silvers hỏi.

– Chẳng lẽ cứ nhất thiết phải nêu ra lí do?

– Đúng, phải như vậy đấy. Tôi rất muốn biết lí do. Anh có biết tác giả của hai bức tranh này không?

– Cả hai bức của Degas. Theo tôi, ai cũng biết là như thế cả.

– Không phải ai cũng biết đâu, - Silvers phản đối với nụ cười bối rối.

- Một số khách hàng của tôi không biết đấy.

– Thế tại sao họ vẫn muốn mua?

– Để được treo Degas trong nhà mà. - Silvers nói với giọng buồn bã.

Tôi nhớ bài học của Lowy-anh. Quả là bài học ấy đúng quá. Tất nhiên tôi chỉ tin Lowy một nửa thôi, anh ta có thiên hướng hay cường điệu, đặc biệt khi nói tới những gì mà anh ta chưa tường tận cho lắm.

– Những bức tranh cũng giống như người lưu vong các anh, - Silvers nói. - Đôi khi chúng rơi vào một địa điểm bất ngờ nhất. Ở đấy chúng cảm thấy dễ chịu hay không là cả một vấn đề đặc biệt.

Ông ta mang từ phòng bên sang thêm hai bức thuốc nước.

– Anh có biết hai bức tranh này của ai không?

– Cézanne.

Silvers sửng sốt.

– Thế anh có thể nói cho tôi biết, bức nào giá trị hơn không?

– Tất cả các bức thuộc nước của Cézanne đều rất có giá trị, - tôi đáp. - Nhưng bức bên trái sẽ có giá cao hơn.

– Vì sao? Vì khuôn khổ lớn hơn à?

– Không, không phải vì thế. Bức thuộc nước này thuộc trong số những tác phẩm cuối cùng của nhà danh họa, ở bức tranh, ta có thể cảm nhận rõ chủ nghĩa lập thể. Đó là một bức phong cảnh xứ Provence tuyệt đẹp được nhìn từ đỉnh núi Sainte-Victoire. Tại viện bảo tàng Brussels có treo một bức tương tự.

Mọi biểu hiện trên gương mặt Silvers đột nhiên biến đổi. Ông ta đứng phắt dậy.

– Trước đây anh làm việc ở đâu? - Ông ta hỏi bằng giọng nhát gừng.

Tôi chợt nhớ tới trường hợp đã xảy ra với Natasha Petrovna.

– Không ở đâu cả. Tôi không làm việc với những hãng đang cạnh tranh nhau. Tôi không làm cái công việc dò dẫm, tìm hiểu để rồi báo cáo lại theo lệnh đâu. Tình cờ tôi đã sống một thời gian tại viện bảo tàng Brussels.

– Vào năm nào vậy?

– Vào thời kì bọn Đức chiếm đóng. Người ta giấu tôi trong viện bảo tàng và sau đó tôi trốn chạy và vượt qua biên giới. Đây là ngọn nguồn sự hiểu biết ít ỏi của tôi.

Silvers lại ngồi xuống ghế.

– Trong nghề nghiệp của chúng tôi cần thiết có một sự thận trọng đặc biệt. - Silvers lẩm bẩm nói.

– Vì sao ạ? - Tôi hỏi, trong lòng mừng vui vì ông ta không yêu cầu tôi

phải làm sáng rõ thêm mọi chuyện.

Silvers lưỡng lự giây lát.

– Những bức tranh như những cơ thể sống. Như những người đàn bà. Không cần đem khoe chúng với mỗi người vừa gặp, vừa làm quen. Nếu làm khác đi, chúng sẽ mất sức hấp dẫn, quyến rũ của chúng. Và cả cái giá của chúng nữa.

– Nhưng chính những bức tranh kia ra đời để mọi người xem chúng cơ mà.

– Có thể là như vậy. Tuy nhiên tôi vẫn hoài nghi vào điều này. Đối với một thương gia, điều quan trọng là không để cho mọi người đều biết tới bức tranh của anh ta.

– Thật kì dị. Tôi cứ cho là như vậy chỉ làm tăng giá trị của bức tranh lên mà thôi.

– Không phải bao giờ cũng như vậy cả đâu. Những bức tranh được đem đi trình diễn quá nhiều nơi, trước nhiều người, theo ngôn ngữ của các chuyên gia trong lĩnh vực này có nghĩa là các bức tranh kia đã “bị cháy rồi”. Những gì ngược lại được gọi là “các nàng trinh nữ”. Những nàng trinh nữ kia luôn luôn nằm trong tay một số người thôi, trong một bộ sưu tầm và hầu như không ai nhìn thấy chúng cả. “Những nàng trinh nữ” này được trả giá cao hơn. Không phải vì chúng giá trị hơn mà chỉ bởi lẽ bất cứ người sành chơi nào cũng ưa của hiếm, của lạ cả.

– Chẳng lẽ họ bỏ tiền ra là vì vậy?

Silvers gật đầu.

– Đáng tiếc là trong thời đại chúng ta những người sưu tập tranh đông hơn gấp mười lần người hiểu biết, am tường nghệ thuật. Cái thời buổi xưa kia khi những người sưu tập tranh chân chính lại cũng đồng thời là người biết đánh giá tranh đã kết thúc sau Thế chiến I rồi, đâu đó vào năm

1918. Mỗi một chuyển biến về chính trị và kinh tế kéo theo chuyển biến về mặt thương mại. Và lúc đó tình thế mới đã thay đổi cả những ông chủ. Một số người mất hết, một số khác giàu lên. Những nhà sưu tập cũ buộc phải bán đi những bộ sưu tập của mình, thế vào vị trí của họ là những nhà sưu tập mới. Những người này có tiền nhưng thường là không am hiểu gì về nghệ thuật cả. Muốn làm một nhà sưu tập chân chính phải có thời gian, sự kiên nhẫn và tình yêu.

Tôi chăm chú lắng nghe. Có cảm tưởng như trong căn phòng này với hai chiếc giá vẽ phủ vải nhung màu xám vẫn còn lưu giữ được những năm tháng yên hàn mà cuộc đời ngoài kia đã đánh mất. Silvers đặt lên giá một bức tranh khác.

– Anh có biết đây là tác phẩm của ai không?

– Monet. Cánh đồng hoa anh túc.

– Anh có thích bức tranh này không?

– Đặc biệt thích. Một sự tĩnh lặng biết bao! Và còn vắng dương nữa! Vắng dương nước Pháp.

– Nào ta thử bàn tới công chuyện xem! - Cuối cùng Silvers nói. - Ở đây không cần đến một sự hiểu biết đặc biệt. Tôi cần một người có thể tin cậy được và biết im lặng. Đây là điều chủ yếu. Tôi trả sáu đô la một ngày. Anh đồng ý không?

Tôi tỉnh hẳn.

– Ông thuê vào thời khắc nào? Buổi sáng hay buổi tối?

– Cả buổi sáng lẫn tối. Nhưng giữa hai khoảng thời gian ấy anh sẽ có nhiều thời gian rỗi.

– Số tiền ông trả tương đương với tiền công của một chú bé học việc đến hầu hạ ông.



Tôi chờ đợi ông ta sẽ nói: công việc của anh thì cũng tương tự như chú bé ấy thôi! Nhưng Silvers là một con người tế nhị. Ông ta tính ngay số tiền mà cậu bé học việc sẽ được trả công. Té ra là ít hơn sáu đô la một ngày.

– Mười đô la, đó là cái giá tối thiểu. Nếu không được như vậy tôi không nhận lời đâu, - tôi nói. - Tôi còn những khoản nợ cần phải trả.

– Anh cũng mắc nợ cơ à?

– Vâng, tôi cần trả cho ông luật sư, người giúp tôi làm giấy cư trú tại đây.

Tôi biết rằng Silvers cũng đã nghe tất cả chuyện đó từ Lowy-anh. Bây giờ thì ông ta đang giả vờ tỏ vẻ ngạc nhiên tựa như việc tôi chưa có đủ giấy tờ đang là một khó khăn đối với ông ta, ông ta cần phải nghĩ lại xem có nên dính dáng tới tôi hay không. Cuối cùng thì con thú dữ này cũng thò móng vuốt ra.

Chúng tôi đi tới thỏa thuận với giá tám đô la sau khi Silvers, với nụ cười bối rối, đã giải thích cho tôi rõ là vì tôi làm việc không chính thức nên tôi không phải nộp thuế. Ngoài ra, tôi nói tiếng Anh cũng chưa thành thạo lắm. Thế là tôi như vồ được chân tướng của ông ta.

– Bù vào đó tôi nói được tiếng Pháp, - tôi nói, - mà điều này trong công việc của ông còn quan trọng hơn rất nhiều.

Lúc bấy giờ ông ta mới đồng ý với cái giá là tám đô la, sau khi hứa là nếu tôi làm được việc, ông ta và tôi sẽ xem xét lại bản giao kèo này.

Tôi về tới khách sạn và trước mắt tôi đã bày ra một cảnh tượng đặc biệt. Tại gian phòng chờ thiết kế theo kiểu xưa cũ, tất cả các ngọn đèn điện đều thấp sáng, thậm chí ngay cả những bóng đèn mà cái ban quản trị keo cú của khách sạn này nghiêm cấm không cho bật. Ở giữa gian phòng là một chiếc bàn ngồi bầu xung quanh đủ mặt nhóm người đầu tắt mặt

tối, đủ màu đủ vẻ ở đây. Raoul chiếm vị trí chủ trì. Anh ta ngồi chính giữa bàn trong bộ com lê màu nâu nhạt kích cỡ quá khổ, nom như một con cóc khổng lồ, mình mẩy nhể nhại mồ hôi. Tôi thật sửng sốt khi thấy chiếc bàn được phủ khăn trắng và khách khứa được một người hầu bàn cung phụng hân hoan. Ngay bên cạnh Raoul là Melikov với dáng vẻ trịnh trọng. Ngoài hai người ra quanh bàn còn có: Lachmann và mụ Puerto Rico của anh ta, gã Mexico với chiếc cà vạt đỏ trên cổ và gương mặt lạnh lùng, cặp mắt láo liên, một chàng trai tóc vàng nói giọng trầm, tuy có thể đoán rằng anh ta có giọng cao và hai cô gái tóc đen nhánh khó mà đoán nổi tuổi tác, khoảng từ ba mươi đến bốn mươi với những ánh mắt nồng nàn, quyến rũ. Phía bên kia Melikov là Natasha Petrovna.

– Ôi, anh Ross, - Raoul reo lên. - Anh đã hạ cố đến với chúng tôi đây!

– Tại sao lại hạ cố? - Tôi hỏi. - Ngày sinh nhật tập thể của các bạn sao? Hay có người nào vừa thắng một khoản tiền lớn?

– Xin mời ngồi vào bàn, anh Ross! - Raoul nói hơi điệu. - Đây là một trong những người ân nhân của tôi. - Raoul giải thích cho chàng trai tóc vàng nói giọng trầm. - Xin bắt tay nhau làm quen đi! Đây là John Bolton.

Tôi có cảm giác hết như chạm phải một con cá chết. Tôi đã nghĩ với cái giọng trầm đó, cái bắt tay của anh cũng phải có lực hơn thế nhiều.

– Anh uống gì nào? - Raoul hỏi. - Chúng tôi có đủ loại rượu mà anh thích. Whisky Mỹ, whisky Scotland, thậm chí cả sâm banh nữa. Ngoài ra còn có Coca-Cola, nước chanh. Tôi còn nhớ rõ, anh đã nói gì khi trái tim tôi tựa như nấu ra: Mọi điều sẽ trôi qua, anh đã nói như vậy. Một đoạn trích từ sách Hy Lạp cổ đại. Có đúng thế không? Lời của Heraclitus hay Democritus. Hoặc là từ một cuốn sách nào đó, rằng: *Không có điều gì vĩnh viễn dưới ánh trăng, cả cái đẹp rồi cũng biến thành quỷ Satan hết.* Rất chí lí. Sẽ có một lớp trẻ khác đến thay thế.Ồ, mà anh uống gì mới

được chứ? Alfons! - Raoul khua tay như vị hoàng đế thành Rome gọi người hầu bàn.

– Cô uống gì đây? - Tôi hỏi Natasha Petrovna.

– Vodka, như mọi khi. - Cô trả lời vui vẻ.

– Vodka! - Tôi nói với Alfons.

– Một suất kép. - Raoul nói thêm, nhìn tôi với ánh mắt lơ đãng.

– Có chuyện gì thế? Sự huyền bí của đất trời: tình yêu chẳng? - Tôi hỏi Melikov.

– Phép huyền bí của những sự nhầm lẫn trong cuộc đời, khi mỗi người tin rằng người kia là tù binh của mình.

– *Le coup de foudre!*\* - Natasha Petrovna nói. - Tình yêu đơn phương.

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Tiếng sét ái tình.

– Tại sao cô lại ở đây, giữa nhóm này?

– Ngẫu nhiên thôi! - Natasha mỉm cười. - Ngẫu nhiên mà. Một sự ngẫu nhiên may mắn. Từ lâu tôi đã muốn thoát khỏi bầu không khí đơn điệu, nhàm chán của những buổi tiệc tùng phát ngán lên được như thế này rồi. Nhưng buổi hôm nay tôi lại không ngờ trước.

– Cô lại phải tới chỗ anh bạn nhiếp ảnh sao?

– Hôm nay thì không. Mà tại sao anh lại hỏi như vậy nhỉ? Đi với tôi chứ?

Nói đúng ra tôi không muốn nói trắng ra điều sắp nói, nhưng không hiểu vì sao tôi vẫn buột miệng.

– Có chứ!

– Thế là cuối cùng tôi đã được nghe từ miệng anh một điều gì đó dứt khoát, rõ ràng. - Natasha Petrovna nói. - *Salut!*

– *Salut, Salve, Salute!* - Raoul hét lên và bắt đầu chạm cốc với mọi người. Ngay lúc đó anh ta muốn đứng dậy, nhưng lại ngồi phịch ngay xuống chiếc ghế tựa mang hình dáng một chiếc ngai khiến chiếc ghế kêu lên răng rắc. Cái khách sạn cổ lỗ này bày biện toàn loại đồ đạc kiểu Gothic rởm.

Khi mọi người đang chạm cốc, Lachmann đi đến chỗ tôi.

– Tối hôm nay, - anh ta thì thào, - tớ phải làm cho thằng cha Mexico say khướt mới được.

– Còn chính cậu không uống sao?

– Tớ mua gã Alfons rồi. Gã rót cho tớ toàn nước lã. Tên Mexico kia cứ nghĩ là tớ cũng uống rượu như hắn.

– Là tớ thì tớ thà uống với mụ ta, - tôi nói. - Gã Mexico hoàn toàn không để tâm. Cái chính là mụ ta không thích...

Trong giây lát Lachmann có vẻ mất lòng tin vào bản thân, nhưng ngay sau đó anh ta nói một cách bướng bỉnh:

– Chẳng có nghĩa lí gì hết. Hôm nay nhất định tớ sẽ thắng cuộc. Nhất định thắng cuộc. Cậu hiểu không?

– Tốt nhất là cậu hãy uống cùng với cả gã kia và mụ ta... Uống thật sự. Có thể khi say cậu sẽ nghĩ ra điều gì đó mà lúc tỉnh cậu không nghĩ ra nổi. Thường cũng có người say mà ta khó thắng được đấy.

– Nhưng khi say rồi, tớ không còn cảm thấy gì nữa ráo. Tớ sẽ quên tất. Hệt như chưa từng có việc gì xảy ra cả.

– Thật tiếc, cậu không buộc mình làm khác thế được. Mọi điều đã xảy ra, và cậu lại chẳng biết gì cả.

– Nghe tớ nói đây, như thế là trò bịp bợm, - Lachmann bối rối chống đỡ. - Cần phải tiến hành một trò chơi trung thực.

– Thế cái trò uống nước lã của cậu là trò chơi trung thực sao?

– Tớ trung thực với chính tớ. - Lachmann ghé sát vào vai tôi. Hơi thở của anh ta nóng hổi, ẩm ướt, tuy anh chỉ uống nước lã. - Tớ nhận ra chân của Inez hoàn toàn không bị cựa cụt đâu. Cái chân ấy chỉ không co lại được thôi. Mụ ta đi đứng như vậy cho ra vẻ đó thôi.

– Cậu dựng đứng ra chuyện gì thế Lachmann?

– Tớ không dựng đứng đâu. Tớ biết rõ. Cậu không hiểu cánh đàn bà. Có thể chính vì thế mụ ta khước từ tớ cũng nên? Để tớ không dò hỏi nữa.

Tôi cầm tít trong giây lát. *Amore, amour\**, tôi nghĩ. Một tia chớp lóe sáng giữa những sự lầm lẫn, niềm hi vọng trong nỗi thất vọng sâu xa, phép tiên mầu nhiệm trước ma thuật của ác quỷ. Cầu mong cho tình yêu luôn luôn ban phát mọi điều tốt lành như vậy. Tôi nghiêng mình trịnh trọng:

Tiếng Ý và tiếng Pháp trong nguyên bản: tình yêu.

– Anh bạn Lachmann thân mến, trên gương mặt cậu, tớ đã nhìn thấy giấc mơ đẹp của tình yêu.

– Sự cô độc cô quả của cậu mong sao sẽ mãi mãi bám lấy cậu. Tớ nói một cách nghiêm trang đấy.

Raoul khó khăn lắm mới đứng được dậy.

– Thưa quý ông, quý bà! - Anh ta lên tiếng. - Cuộc sống muôn năm! Tôi muốn nói: Thật là tuyệt vời khi chúng ta hãy còn đang sống. Tôi phải nói rằng, cách đây chưa bao lâu tôi đã muốn tước bỏ cuộc đời của chính tôi đi và tôi sẵn sàng vấp vào mặt mình vì chuyện đó. Chúng ta thường trở thành những thằng ngốc như vậy khi cứ tưởng là mình hay ho, tốt đẹp lắm.

Mụ Puerto Rico đột nhiên rống lên hát. Mụ ta hát bằng tiếng Tây Ban Nha. Có thể đấy là một bài hát Mexico. Giọng của mụ thật tuyệt, trầm và khỏe. Mụ cứ hát, mắt không rời khỏi anh chàng Mexico. Bài hát khơi gợi nỗi buồn đồng thời cũng không che đậy những khát vọng tình dục. Hầu như những bài ca thổn thức, sầu não đều hoàn toàn xa lạ với trí tuệ và vẻ đẹp của các nền văn minh. Bài hát này đã ra đời trong những năm tháng xa xưa, khi con người ta hãy còn chưa mang cái thuộc tính người nhất - tiếng cười. Bài hát trắng trợn đến không biết ngượng ngáp là gì nhưng lại mang vẻ thuần khiết của các thánh thần. Trên gương mặt của gã Mexico không múi thịt nào động đậy. Và cả người đàn bà kia cũng không hề động đậy - chỉ có cặp môi và ánh mắt của mụ ta là nói lên lời mà thôi. Hai người nhìn nhau không chớp và bài hát cứ kéo dài, kéo dài mãi. Một sự hợp lưu mà không cần mấy may bất cứ một sự chạm lướt nào. Và cả hai đều nhận biết điều đó. Tôi lần lượt nhìn tất cả mọi người trong lúc bài hát cứ tiếp tục kéo dài ra, tôi nhìn thấy Raoul và John, Lachmann, Melikov và Natasha Petrovna. Họ lặng ngắt lặng nghe. Người đàn bà kia đã nâng họ lên cao trên cái đời thường, nhưng còn chính mụ lại không nhìn ai cả, ngoài cái gương mặt bơ phờ, ủ ê của tên đã đực mà toàn bộ cuộc đời của mụ như phản chiếu trên gương mặt đó. Nhưng điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên, đáng giễu cợt cả.

## VIII



**T**rước khi bắt tay vào công việc của mình, tôi được nghỉ ba ngày. Vào ngày nghỉ đầu tiên tôi đã đi dạo qua suốt Đại lộ số Ba vào cái thời khắc mà tôi yêu thích nhất, tức trước khi trời nhập nhoạng tối. Lúc ấy trong các cửa hiệu bán đồ cổ thời gian như ngưng lại, ráng chiều phẳng phất màu xanh và những tấm kính long lanh như mang hơi thở của sự sống. Từ các khách sạn thoáng bay ra mùi thơm của hành phi, khoai tây rán, những người hầu bàn đang trải khăn ăn và những con tôm hùm được ướp đá bày trong những ngăn tủ kính lớn của cửa hàng Ông Hoàng Biển Cả đang thử bò lết đi bằng những cái còng què cụt vì bị quấn chặt bởi những chiếc lạt tre. Nhìn cái thân hình vồng lên vì đau đớn của chúng, tôi không khỏi rùng mình khi chợt nhớ đến những gian phòng tra tấn ở các trại tập trung trên đất nước của các nhà thơ, các nhà tư tưởng.

– Ông Göring sẽ không bỏ qua những trò tương tự đâu! - Kahn nói. Anh ta đi tới bên một chiếc tủ kính bày những con cua thật to.

– Anh đang nói về những con tôm hùm sao? Những con cua cũng chịu cực hình xé xác ra làm bốn mảnh đấy.

Kahn gật gù.

– Đế chế thứ Ba thường tự đề cao mình bằng tình yêu loài vật. Con chó béc-giê của quốc trưởng tên gọi là Blondi, quốc trưởng âu yếm, vuốt ve nó như con đẻ. Ngài Göring và mụ đàn bà tóc vàng Emmi Sonnemann của ngài đã nuôi tại dinh cơ của họ ở Walhalla một chú sư tử con. Thỉnh thoảng ngài Göring lại mặc sắc phục của người Đức cổ, bên hông lủng

lẳng chiếc tù và của người đi săn, ngài đến thăm con sư tử với nụ cười hiền lành, dịu dàng. Còn ông cai của tất cả các trại tập trung, ngài Heinrich Himmler thì lại biểu lộ sự gắn bó hết sức dễ thương với những chú mèo Angora.

– Nhìn thấy những con cua bị bóc yếm, lột mai kia ngài bộ trưởng bộ nội vụ có thể nghĩ ra một sáng kiến hiệu quả nào đấy không biết chừng. Mà này, như một con người có văn hóa, thậm chí còn là bác sĩ nữa, ông ta đã khước từ không sử dụng máy chém, coi nó là một biện pháp trừng phạt quá nhân đạo. Ông ta đã thay máy chém bằng lưỡi rìu. Có lẽ bây giờ ông ta quyết định sẽ bóc mai, lột yếm những người Do Thái như những con cua kia.

– Dẫu sao thì chúng ta cũng là một chủng loại mà thuộc tính ban đầu của nó là sự thân ái... - Kahn nói lửng lơ.

– Lại cũng còn một thuộc tính khác có tự ngàn xưa, đó là sự hí hửng vui sướng khi được làm cho người khác đốn đau, ê chề.

– Chả lẽ chưa đến lúc cái thuộc tính đó phải chấm dứt sao? - Kahn hỏi. - Nụ cười của chúng ta đã héo hắt, sâu muộn lắm rồi.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau hết như hai cậu học trò bị bắt quả tang đang làm việc gì đó vụng trộm.

– Tôi không biết còn có chuyện gì xảy ra nữa vì cái tính ác kia. - Kahn nói lầu bầu trong miệng.

– Chỉ có chúng ta cảm thấy nhục nhã thôi ư?

– Tất cả mọi người. Sau khi thứ cảm giác đầu tiên, cảm giác hơi hợt khi được chở che, bao dung tan biến đi, anh không còn thích chơi trò trốn tìm với chính anh nữa. Anh nhượng bộ, mối hiểm họa đang rượt đuổi theo anh. Mối hiểm họa kia càng lớn bao nhiêu, anh càng cảm thấy cần được che chở, cần được bảo vệ bấy nhiêu. Tôi ghen tị với những kẻ



giống như loài kiến không hề biết chán nản, mệt mỏi, ngay sau trận đông lại bắt tay ngay vào việc xây dựng cái tổ của mình, gia đình, tương lai của mình. Mối hiểm họa lớn nhất đang treo lơ lửng trên đầu và con người ta đang chờ đợi nó.

– Cả anh nữa chứ?

Kahn nhìn tôi giễu cợt.

– Chẳng lẽ anh, anh Ross, không đợi nó chắc?

– Đợi chứ! - Tôi nói sau một lát im lặng.

– Tôi cũng vậy. Vì sao thế nhỉ?

– Tôi không rõ vì sao.

– Mỗi một người đều có nguyên do của mình. Tôi chỉ lo là khi chiến tranh kết thúc, những nguyên do này sẽ bay hơi đi như nước nhỏ lên mặt bếp lò. Và chúng ta lại mất một số năm tháng trước khi bắt đầu mọi việc lại từ đầu. Những người khác sẽ vượt lên trước chúng ta trong khoảng thời gian này.

– Thì có sao? - Tôi ngạc nhiên hỏi. - Cuộc đời không phải là cuộc đua vượt chướng ngại vật.

– Anh nghĩ thế sao? - Kahn hỏi.

– Vấn đề không phải là ở chỗ đua chen nhau. Đa số trong chúng ta mong sao được trở về quê hương thôi. Chẳng lẽ tôi không đúng sao?

– Theo tôi không một ai biết được điều này một cách đích xác cả. Một số người cần phải trở về. Ví như các diễn viên. Ở bên này họ chẳng chờ mong một điều gì cả, họ không bao giờ cảm thấy nhu cầu cần thiết phải học tiếng Anh cho thẫu đáo. Các nhà văn cũng thế. Tại Mỹ người ta không đọc sách của họ. Nhưng phần đông thì có những nguyên do khác, hoàn toàn khác. Đây là nỗi nhớ da diết không thể nào hiểu nỗi về quê

cha, đất mẹ. Một nỗi nhớ không cách gì xoa dịu được. Quỷ tha ma bắt thế đấy.

– Tôi đã mục kích thứ tình yêu cổ kính, mù quáng ấy đối với nước Đức, - tôi nói. - Chúng kiến nó ở Thụy Sĩ. Có một anh Do Thái làm cố vấn thương mại, tôi muốn vay anh ta một số tiền. Anh ta không đưa nhưng lại cho tôi một lời khuyên tốt đẹp: hãy trở về nước Đức. Báo chí luôn bịp bợm. Còn nếu có điều gì đó đúng đắn thì đấy chỉ là hiện tượng nhất thời, hoàn toàn không có sự nghiêm chỉnh cần thiết. Dẫn gở tránh sao khỏi mảnh vắng. Tuy nhiên chính người Do Thái cũng có tội trong nhiều phương diện. Tôi đã nói tôi từng ngồi ở trại tập trung. Và lúc đó anh Do Thái kia lại giảng giải cho tôi hay người ta không giết ai mà không có nguyên cớ đâu và chính xác cái việc tôi thoát khỏi trại, theo lời anh ta lại là một chứng cứ nữa nói lên sự đúng đắn, công bằng của bọn Quốc xã.

– Tôi cũng biết khá rõ loại người như vậy. - Kahn nhả mặt nói. - Họ không nhiều, nhưng đâu sao cũng có thể gặp được.

– Thậm chí ngay ở nước Mỹ này. - Tôi nhớ tới ông luật sư của tôi. - Một con chim cú cu, - tôi nói.

Kahn cất tiếng cười.

– Một chú chim cú cu! Không có gì tồi tệ hơn những thằng ngốc. Quỷ tha ma bắt chúng đi!

– Lũ ngu ở nước ta cũng vậy.

– Ưu tiên số một là lũ ngu ở nước ta. Nhưng có thể chúng ta sẽ trở thành những con cua bị bóc mai, lột vỏ kia!

Tôi gật đầu.

– Cho phép tôi được mời anh đến khách sạn để ăn cua và quên đi mọi điều không như ý kia. Ở đó anh sẽ cảm thấy mình không còn là kẻ nghèo

đói chuyên nghiệp nữa. Hoặc là một kẻ ăn bám lương thiện, nếu anh ưa dùng từ này.

– Không điều gì có thể làm anh lãng quên toàn bộ những lỗi lầm vì lẽ anh vẫn còn sống, toàn bộ những nỗi thống khổ khi quê hương yêu dấu đã xua đuổi chúng ta. Nhưng tôi xin nhận lời mời của anh. Và cho phép tôi đến lượt mình mời anh một chai rượu New York. Trong một khoảnh khắc ngắn chúng ta lại một lần nữa cảm thấy mình là những con người.

– Thế theo ý của anh, chúng ta ở đây không phải là những con người sao?

– Là con người với tỉ lệ chín phần mười.

Kahn móc từ trong túi ra một mảnh giấy màu hồng.

– Hộ chiếu! - Tôi thốt lên với niềm kính trọng.

– Không. Giấy chứng nhận dành cho người nước ngoài là công dân của các quốc gia thù địch. Đây, ở đây chúng ta được gọi như thế.

– Như thế là vẫn hãy còn những con người chưa có giá trị đầy đủ, - mở tờ bì ghi thực đơn, tôi nói.

Buổi tối chúng tôi đến gặp chị Betty Stein. Chị vẫn chung thủy với những thói quen thời còn sống tại Berlin. Vào buổi tối thứ năm hằng tuần chị mời khách khứa tới nhà chơi. Ai có ít tiền thì mang tới một chai rượu vang, một bao thuốc hoặc một lọ mứt. Chị Betty có một chiếc máy hát và những chiếc đĩa cũ. Những bài hát do ca sĩ Richard Tauber biểu diễn cùng dàn hợp ca của nhà hát opera. Đôi khi có một người nào đó trong số các nhà thơ đọc những vần thơ của mình. Nhưng phần lớn thời giờ trong phòng khách của chị Betty là dành cho các cuộc tranh luận.

– Chị ấy có những dự định tốt đẹp. - Kahn nói. - Nhưng đầu gì đi nữa đây cũng chỉ là một ngôi nhà xác, ở đó những người sống hay nói đúng hơn là những cái xác còn biết cử động đang đi lại, nói năng giữa những

cái xác đã lạnh ngắt từ lâu rồi. Thế mà chính họ lại không có ý thức về điều này.

Chị Betty vận một chiếc áo dài bằng lụa đã cũ, được may trước thời Hitler lên cầm quyền. Chiếc áo màu hoa cà, tà áo, ống tay áo viền tua rua. Chiếc áo kêu sột soạt, bốc lên mùi băng phiến. Cặp má đỏ hồng, mái tóc đã ngả bạc, cặp mắt đen lay láy - toàn bộ cái vẻ ấy ở chị hoàn toàn không ăn nhập gì với tấm áo chị mang trên người. Chị Betty chìa đôi tay béo múp múp ra đón chúng tôi. Mọi cử chỉ của chị thể hiện sự nồng nhiệt và lòng mến khách đến độ khách khứa chỉ còn biết đáp lại bằng nụ cười và lời khen rằng bà chủ rất duyên dáng, đáng mến. Không thể không cảm mến chị được thật. Chị xử sự tựa như bầu không khí năm 1933 bỗng như sống lại. Cái hiện thực tồn tại suốt cả tuần lễ, ngoại trừ ngày thứ năm. Vào những buổi tối thứ năm chúng tôi lại một lần nữa trở lại Berlin và gặp lại bản hiến pháp của nền Cộng hòa Weimar với toàn bộ sức mạnh của chúng.

Trong gian phòng lớn, trên tường treo chân dung của những người quá cố, khách khứa kéo đến đông đặc. Diễn viên Otto Wieler đang đứng với nhóm người hâm mộ anh ta.

– Anh ta đã chiếm lĩnh Hollywood rồi! - Chị Betty xuýt xoa, giọng đầy tự hào. - Anh ấy đã gây dựng được thanh thế.

Có thể thấy rõ Wieler không hề phản đối buổi lễ mừng anh ta hôm nay.

– Người ta giao cho anh ấy vai gì? - Tôi hỏi chị Betty. - Vai Othello? Hay là một trong số vai anh em nhà Karamazov?

– Một vai cực lớn. Tôi không biết chính xác là vai nào. Nhưng anh ấy đã nắm thắt lưng tất cả bọn họ. Niềm vinh quang của Clark Gable đang đợi anh ấy.

– Hoặc của Charles Laughton, - cô cháu của Betty, một cô gái già, cao ngồng đang chế cà phê vào các chén, nói chen vào. - Nói đúng ra phải là của Charles Laughton. Ông ấy là một diễn viên rất có tính cách.

Kahn cười châm chọc.

– Vai không đến nỗi lớn lao đến thế đâu, - anh nói. - Vả lại ở châu Âu Wieler cũng chưa bao giờ là diễn viên tầm cỡ khổng lồ như mọi người nói. Các vị còn nhớ câu chuyện có một người tìm tới quán nhậu ban đêm của dân di tản người Nga ở Paris không? Ông chủ quán quyết định gây cho vị khách kia một ấn tượng mạnh. Vì thế ông ta nói: “Đầu bếp tại quán của chúng tôi trước kia đã từng là một vị tướng, người hầu bàn là một bá tước, còn anh ca sĩ này trước kia là một công tước giàu có...” và cứ thế, cứ thế. Vị khách lặng lẽ lắng nghe. Cuối cùng ông chủ quán cất tiếng hỏi rất lịch sự, tay chỉ con chó mà vị khách kia đang giữ một đầu xích trong tay: “Xin quý khách làm ơn cho biết, con chó đáng yêu kia thuộc nòi chó nào ạ?” “Con chó của tôi, - ông khách đáp, - xưa kia ở Berlin thuộc loại chó Saint Bernard khổng lồ.” - Kahn mỉm cười buồn rầu. - Wieler trên thực tế chỉ được giao một vai hết sức phụ. Ông ta thủ vai một tên Quốc xã, một tên SS trong một bộ phim loại hai thôi.

– Chẳng lẽ như vậy sao? Ông ta là dân Do Thái cơ mà.

– Thì đã sao nào? Con đường đến Hollywood đâu phải là con đường sấm hối. Thêm nữa, ở đây người ta coi những tên SS và người Do Thái cũng mang một gương mặt thôi. Đây cũng là lần thứ năm một người Do Thái thủ vai một tên SS. - Kahn nói. - Thật là một sự vô tư của nghệ thuật. Gestapo bằng cách gián tiếp ấy đã cứu những người Do Thái khỏi chết đói.

Betty báo tin là buổi tối hôm nay bác sĩ Gräfenheim sẽ tới New York.

Nhiều người có mặt ở đây có quen biết ông ta, ông đã từng là bác sĩ phụ khoa nổi tiếng ở Berlin. Một trong những phương pháp tránh thai đã mang tên ông ta. Kahn giới thiệu tôi với ông. Gräfenheim là một người cao gầy, vẻ khiêm nhường với bộ ria đen.

– Hiện giờ ông đang làm việc ở đâu? - Kahn hỏi ông ta. - Ở đâu ông có thể thực nghiệm được?

– Thực nghiệm à? - Gräfenheim ngạc nhiên. - Tôi còn chưa qua kì thi. Khó lắm. Liệu anh có thể lại tìm ra chúng chỉ đã tốt nghiệp trung học được không?

– Chả lẽ người ta còn yêu cầu ông nộp những giấy tờ như vậy sao?

– Cần phải nộp hết các giấy tờ từ đầu. Lại còn món tiếng Anh nữa.

– Nhưng ông đã là bác sĩ nổi tiếng cơ mà. Mọi người đều biết đến ông. Và nếu ở Mỹ có những luật lệ như vậy ông phải được hưởng ngoại biệt.

Gräfenheim nhún vai.

– Không như thế đâu. Ngược lại thì có. Nếu so sánh với người Mỹ người ta đặt ra trước chúng ta nhiều điều kiện khó khăn hơn. Chính anh cũng đã biết tất cả mọi việc diễn ra như thế nào rồi. Quả là nghề nghiệp của bác sĩ sẽ cứu mạng sống của bất kì ai. Nhưng khi đã đặt bước chân vào con đường hành nghề, họ lại chỉ lo bảo vệ cuộc đời của chính họ và không cho phép bất cứ một người lạ nào lọt vào giới của họ cả. Thế đấy, chúng tôi buộc phải thi lại tất cả một lần nữa. Thi cử bằng tiếng nước ngoài quả là một công việc không dễ dàng gì. Tôi đã sáu mươi tuổi rồi. - Gräfenheim mỉm cười như người có tội. - Cần phải học tiếng Anh. Lại nữa, tất cả chúng ta sống chẳng dễ thở gì. Sau đó tôi còn phải mất một năm thực tập với tư cách là nghiên cứu sinh. Nhưng chí ít ra tôi cũng được nuôi cơm và có một mái nhà che nắng che mưa trên đầu...

– Ông có thể kể cho chúng tôi nghe toàn bộ sự thật. - Chị Betty cương quyết cắt ngang lời ông già. - Hai anh Kahn và Ross sẽ hiểu ông. Mọi chuyện là ở chỗ ông đã bị cuỗm sạch bách. Một tên mặt rệp, cũng là một người lưu vong đã vơ vét sạch của bác sĩ.

– Nghe tôi nói này, Betty...

– Đúng thế. Một vụ cướp trắng trợn. Ông Gräfenheim đây có một bộ sưu tập tem vô giá. Một phần của bộ sưu tập này ông đã trao cho một người bạn đã rời Đức từ lâu rồi. Ông bạn kia có trách nhiệm phải gìn giữ số tem ấy. Nhưng khi Gräfenheim tới đây ông bạn kia giả trò tráo trở. Ông ta tuyên bố là không hề nhận một thứ gì bác sĩ nhờ giữ hộ cả.

– Một chuyện cũ rồi! - Kahn nói. - Thông thường những đồ vật không có chủ đi kèm khi qua biên giới sẽ bị tịch thu.

– Tên vô lại kia hóa ra là ranh ma hơn. Nếu nó cứ thú nhận đã cầm số tem kia thì mọi chuyện có thể khác đi. Ông Gräfenheim đây sẽ có một số cái cớ đòi nó phải đền bù.

– Không như thế đâu, chị Betty ơi. - Kahn nói. - Chẳng có cớ nào cả. Ông không đòi hẳn phải viết giấy biên nhận phải không? - Kahn hỏi ông bác sĩ.

– Tất nhiên tôi không đòi. Thật không ngờ được. Khi tôi chuyển giao số tem cho hẳn nhiều người cũng biết.

– Thêm vào đó hiện giờ tên lừa đảo kia sống sung túc, còn ông bác sĩ đây đang đói. - Betty phản nộ nói.

– Không đến nỗi đói... Nhưng tất nhiên tôi đã trù tính sẽ dùng số tiền kia để chu toàn việc học lần thứ hai của tôi.

– Xin ông cho biết liệu tên kia nuốt đi của ông bao nhiêu cả thảy? - Betty khẳng khái yêu cầu ông bác sĩ nói hết.

– Chị biết đấy, - ông bác sĩ mỉm cười bối rối, - đấy là những con tem quý hiếm nhất của tôi. Tôi nghĩ là bất cứ người sưu tập nào cũng sẵn sàng trả cho số tem đó sáu, bảy nghìn đô la.

Chị Betty cũng đã biết rõ câu chuyện này, nhưng đôi mắt anh đào của chị vẫn mở to ngạc nhiên.

– Thật là cả một gia tài! Bằng số tiền kia có thể làm được bao nhiêu là việc phúc đức.

– Nhưng dù sao tôi vẫn phải biết ơn vì số tem kia không lọt vào tay bọn Quốc xã. - Gräfenheim nói như thú tội.

Chị Betty đưa mắt nhìn ông ta bực bội.

– Cảm ơn với cả cảm ơn. Đúng là sự nhẫn nhục của người lưu vong! Tại sao ông không than thở cho cái cuộc sống khốn khổ hiện tại của ông?

– Làm thế phỏng có giúp ích được gì, chị Betty?

– Sự độ lượng của ông cũng đồng nghĩa với sự nhu nhược. Chẳng lẽ ông nghĩ rằng một tên Quốc xã ở vào hoàn cảnh như ông cũng sẽ cư xử như vậy sao? Nó lại không đánh cho tên lừa đảo kia thừa sống thiếu chết ấy chứ!

Kahn nhìn chị Betty với ánh mắt chế giễu không ác độc. Trong tấm áo dài màu tím hoa cà với những nếp viền nom chị giống hệt một chú vẹt hay gây gổ.

– Anh cười gì thế? Kahn, anh cần nện cho đồ lừa đảo kia một trận. Và nên hiểu tôi. Đôi khi tôi cảm thấy ghệt thở. Nếu có điều gì làm tôi không thể chịu nổi, thì đó là cái năng lực nhịn nhục tất cả mọi điều. - Betty nhìn tôi bực bội. - Về điều này ý kiến của anh ra sao? Anh cũng có năng lực nhịn nhục mọi chuyện chứ gì?



Tôi lặng ngắt không đáp. Mà có thể trả lời sao đây? Betty lắc đầu, tự chế nhạo vẻ nóng nảy của bản thân rồi đi đến với nhóm khách khác.

Một người nào đó vừa đặt đĩa hát. Giọng ca của Richard Tauber vang lên. Anh ta hát một bài ca từ vở nhạc kịch *Đất nước của những nụ cười*.

– Bắt đầu rồi! Nỗi buồn tha hương cầu thực. - Kahn nói và quay sang ông bác sĩ, anh hỏi, - Hiện giờ ông cư ngụ ở đâu?

– Ở Philadelphia. Có một người đồng nghiệp mời tôi tới ở với anh ta. Có thể anh biết ông ấy đấy, tên ông ấy là Ravic.

– Ravic à? Có phải một thời kì ông ấy sống ở Paris không? Thế thì tôi biết chứ. Tôi không dám nghĩ rằng ông ta có thể chạy thoát. Bây giờ ông ấy làm gì?

– Cũng làm những việc như tôi. Nhưng thái độ của ông ta với mọi việc nhẹ nhõm hơn nhiều. Tại Paris nói chung là không thể tổ chức các kì thi được. Còn ở bên này có thể đấy. Ông ta xem chuyện này như một bước tiến về phía trước. Tôi thì nặng nề hơn. Đáng tiếc là tôi chỉ biết đọc một thứ tiếng Đức đáng nguyên rủa, nếu không kể tới hai thứ tiếng Hy Lạp và La Tinh mà tôi có thể nói chuyện một cách rất thoải mái. Hai thứ tiếng ấy bây giờ thì cần quái gì cho ai?

– Thế ông không thể chờ đến khi mọi chuyện kết thúc sao? Nước Đức không thể thắng trong cuộc chiến tranh này được, bây giờ thì điều này đã biểu hiện rõ ràng rồi. Đến lúc ấy ông sẽ trở về nước.

Gräfenheim lắc đầu một cách chậm chạp:

– Điều đó là ảo tưởng cuối cùng của chúng ta, nhưng ảo tưởng đó sẽ tan thành mây khói thôi. Chúng ta sẽ không thể trở về nước được đâu.

– Vì sao cơ? Tôi nói tới cái lúc người ta sẽ tính sổ với bọn Quốc xã cơ mà.

– Sẽ tính sổ với người Đức chứ không phải là với bọn Quốc xã. Bọn Quốc xã không phải từ sao Hỏa rơi xuống và bọn chúng không hề cưỡng bức nước Đức. Chỉ những ai rời bỏ đất nước ngay từ năm 1933 mới có thể được quyền nghĩ khác đi thôi. Còn tôi thì đã sống vài năm trong cái nước Đức kia. Tôi đã nghe tiếng gào thét qua radio, tiếng gầm gừ khát máu tại các buổi tụ tập của bọn chúng. Lấy gì phân biệt nổi đâu là hành động của đảng Quốc xã, đâu là hành động của chính nước Đức nào?

Cái đĩa hát vẫn quay tít. *Berlin vẫn là Berlin* - những ca sĩ ngân nga, nhưng lúc này thì họ đang ngồi ở các trại tập trung hoặc đang lưu tán ở khắp nơi. Betty Stein và thêm hai, ba người nữa lắng nghe các ca sĩ lòng trĩu nặng nỗi buồn, niềm hoài nghi.

– Ở bên kia đại dương, tại quê cha đất mẹ ấy, người ta không muốn nhận anh quay trở về đâu! - Gräfenheim tiếp tục nói. - Không một ai muốn nhận cả.

Tôi quay trở về khách sạn. Buổi họp mặt tại nhà Betty đã gây cho tôi nỗi buồn bã khó tả. Tôi nhớ lại câu chuyện của ông bác sĩ Gräfenheim đã từng ấy tuổi đầu rồi mà lại đang toan tính xây dựng lại cuộc đời từ đầu. Ông ta để bà vợ ở lại bên Đức. Vợ ông là một người đàn bà Đức. Năm năm liền bà ta đã kiên trì chống lại chế độ Gestapo, không đồng ý li hôn với chồng. Trong khoảng năm năm ấy, từ một người đàn bà đang độ viên mãn bà đã biến thành một bà lão, rất dễ lo lắng... Thỉnh thoảng bọn Gestapo lại điệu bà đi thẩm vấn. Đêm này qua đêm khác, từ lúc chập tối cho đến khi sáng bạch. Hai vợ chồng run rẩy trong nỗi lo sợ bất thành lình bọn chúng có thể ập đến điệu họ đi. Những cuộc thẩm vấn thường được bắt đầu vào ngay ngày hôm sau hoặc sau nhiều ngày. Ông Gräfenheim ngồi trong khám với những người tù khác, và cũng như họ

người ông ướt lướt thướt mồ hôi lạnh vì sợ chết. Vào những giờ phút như vậy trong khám giam đã nảy nở những mối tình anh em rất đặc biệt. Mọi người chỉ thì thào với nhau. Họ chộp bắt từng tiếng động ở ngoài hành lang nơi vang lên tiếng bước chân của tù nhân. Mỗi một người trong cái cộng đồng cùng cảnh ngộ ấy gắng giúp nhau những gì mà họ có thể làm được, họ đầy tình thương yêu dành cho nhau nhưng đồng thời cũng dễ dàng căm tức nhau, làm đau lòng nhau bởi những mối thiện cảm hoặc những thù ghét không thể nào giải thích nổi. Đôi khi có cảm giác là ở họ chỉ có một số lượng rất hạn hẹp những cơ hội được cứu thoát và vì thế mỗi người mới tới khám giam tựa như tước bớt cơ hội kia của những người bị giam cầm đã lâu.

Thỉnh thoảng, “những niềm tự hào của chủng tộc Đức”, những người hùng hai mươi tuổi kia, kéo đi khỏi trại các vật hi sinh theo thứ tự. Chúng dùng chân đá, đập người tù, xua anh ta bước tiếp bằng những cú đấm, cú đá và lời chửi rủa. Tựa như bọn chúng không tài nào nghĩ ra cách khác để tiếp xúc với những con người ốm yếu, già cả bị giam trong khám. Và như thế trong khám ngự trị một nỗi im lặng.

Nhiều giờ trôi qua, mãi mới tới lúc chúng liệng trả lại khám người bị bắt đi thẩm vấn, lúc ấy đã là một cơ thể bê bết máu. Vào khoảng thời gian ấy tù nhân im lặng, ai làm công việc của người nấy. Đối với Gräfenheim những cảnh tượng như vậy đã quá quen thuộc đến độ khi chúng ập đến dong ông đi khỏi nhà, ông bảo bà vợ đang khóc than thảm thiết nhét vào túi ông mấy chiếc khăn tay để ông có thể nổi thành một sợi dây dài. Ông quyết định không mang theo bông băng làm gì. Ngay việc băng bó trong khám cũng là một cố gắng phi thường đòi hỏi phải có lòng dũng cảm cao. Thông thường những người bị kéo đi thẩm vấn đã bị giết chết như giết những tù nhân mà chúng gọi là can tội “phá hoại ngầm”.

Gräfenheim nhớ lại những người bạn tù bị đem đi thẩm vấn rồi bị

quăng trở lại hầm giam với thân thể bầm tím, bê bết máu. Mỗi một cử động đối với họ là một lần đau đớn, vật vã. Nhiều anh em vẫn ráng sức nhìn người trong khám với ánh mắt như lạc hết thần sắc, miệng thều thào bằng cái giọng khản đặc vì đã la hét quá nhiều: “Dù sao tôi vẫn gặp may. Bọn chúng không giữ tôi lại.” Nếu bị giữ lại có nghĩa là sẽ bị giam xuống một khu hầm ngầm, ở đó những tù nhân sẽ bị giẫm đạp cho tới khi tắt thở hoặc sẽ bị đưa tới các trại tập trung. Họ sẽ bị tra tấn cho đến tận lúc họ không chịu đựng nổi phải tự lao mình vào những hàng dây kẽm gai có luồng điện phóng qua để quên sinh.

Công trình thực nghiệm ông bác sĩ đã nộp cho một bác sĩ khác từ lâu rồi. Người tiếp nhận hứa trả cho công trình này ba mươi nghìn mark, nhưng hẳn chỉ trả một nghìn, tuy công trình đáng giá tới ba trăm nghìn. Điều đó đã xảy ra như thế này: vào một ngày đẹp trời, có một người họ hàng của viên bác sĩ tiếp nhận kia đến gặp Gräfenheim và yêu cầu ông chọn lựa: hoặc đợi lấy giấy đi trại tập trung vì đã tiếp nhận bệnh nhân không đúng luật hoặc nhận một nghìn mark và phải viết giấy biên nhận là ba mươi nghìn. Gräfenheim không hề lưỡng lự một giây: ông biết mình phải chấp nhận lựa chọn nào. Bà vợ của ông hầu như đã mất trí. Nhưng bà vẫn không muốn li dị với ông. Bà tin rằng sẽ cứu được chồng ra khỏi trại tập trung. Bà đồng ý li hôn với điều kiện nếu cho phép chồng bà ra nước ngoài. Bà chỉ cần biết ông đã thoát khỏi mối hiểm họa.

Cuối cùng thì hạnh phúc cũng mỉm cười với họ! Cái tên trước kia đã buộc ông bác sĩ chấp nhận những điều kiện oái oăm nay lại tìm tới với đề nghị ông phá thai giùm cô bạn gái của hẳn. Tên này đã có vợ và vợ hẳn luôn luôn bảo vệ sự trong sạch trong huyết thống của giống nòi. Lúc đầu bác sĩ từ chối việc làm này. Nhưng bà vợ ông đưa ra điều kiện phải có giấy phép cho xuất cảnh trước đã.

Bây giờ ngồi tại Philadelphia ông bác sĩ già hối hận vì ông không kịp

hôn bà vợ trước khi chia tay. Ý nghĩ ấy không làm ông cảm thấy yên tâm trong dạ. Ông hoàn toàn không nhận được tin tức gì từ bên nhà.

Một chiếc xe Rolls-Royce đỗ trước khách sạn Reuben. Chiếc Rolls-Royce tạo nên ấn tượng hết như một thỏi vàng ở giữa đồng tro than.

– Đấy, cuối cùng một người bạn tình xứng đáng đã đến với cô. - Ngồi tít sâu trong gian phòng đợi có tường bọc nhung, Melikov nói. - Đáng tiếc là tôi đang bận.

Natasha Petrovna đứng trong một góc phòng.

– Chẳng lẽ cái xe Rolls-Royce choáng lộn này thuộc về cô sao?

– Mượn cả thôi mà, - cô trả lời. - Cũng như cái áo dài và các đồ trang sức đắt tiền mà tôi cần để chụp ảnh. Các thứ tôi có đều không phải của tôi, tất cả không phải là thứ thiệt.

– Giọng nói của cô là của cô, còn chiếc xe Rolls-Royce kia đâu phải là của giả.

– Cứ cho là như vậy đi. Nhưng dẫu sao tôi cũng chẳng có cái gì ráo. Hãy nói như thế này thì hơn, tôi là một kẻ lừa bịp và mọi đồ vật mà tôi có đều là thứ thiệt. Anh bằng lòng hơn chứ?

– Được thôi, nhưng điều đó còn nguy hiểm hơn nhiều, - tôi nói.

– Cô Natasha đang cần một người bạn tình, - Melikov nói xen ngang. - Người ta chỉ đưa cho cô ấy dùng chiếc Rolls- Royce một buổi tối hôm nay thôi. Ngày mai cô ấy phải trả nó rồi. Anh lại không muốn trở thành kẻ mạo hiểm trong một đêm và sống mãi nguyên sao?

Tôi cười.

– Tựa như tôi đã hành động nhiều năm trước. Chỉ thiếu xe hơi thôi. Xe

hơi đối với tôi còn là một điều gì mới mẻ.

– Tôi mượn cả tài xế nữa đấy, - Natasha Petrovna nói. - Thậm chí anh ta còn mặc lễ phục đằng hoàng. Lễ phục kiểu Anh.

– Tôi cần thay đồ chứ?

– Tất nhiên là không cần. Cứ nhìn tôi đây.

Nói cho vui thôi, chứ tôi còn quần áo gì đâu mà thay. Tất cả những gì tôi có là hai bộ com lê và hôm nay tôi đã mặc bộ tươm tất nhất trong hai bộ rồi.

– Đi với tôi chứ? - Natasha hỏi.

– Xin sẵn sàng.

Chúng tôi cho xe chạy chậm rãi trên đường phố. Trước mặt chúng tôi là tấm lưng rộng trong tấm áo nhung và chiếc mũ lưỡi trai màu nâu của anh lái xe. Natasha bấm vào một cái nút nào đó và từ bên thành xe bọc bằng một lớp gỗ màu đỏ bật mở ra một chiếc bàn con.

– Đây, cocktail của anh đây! - Natasha vừa nói vừa thò tay vào một ngăn kéo phía dưới bàn, ở đó có sẵn vài chai rượu.

– Lạnh như băng! - Cô kêu lên. - Một trò chơi mới của thói chuộng mốt! Một cái tủ lạnh xinh xinh gắn liền trên xe. Nào, anh thích gì nào? Vodka, whisky hay nước khoáng? Vodka nhé? Tôi thử đoán xem có đúng không?

– Tất nhiên đúng rồi.

Tôi đưa mắt nhìn chai rượu.

– Vodka Nga thứ thiệt. Làm sao loại rượu Nga này có thể sang đây được?

– Đây là một trong số không nhiều những hậu quả dễ chịu của chiến tranh. Ông chủ của chiếc xe này có một quan hệ nào đấy với Bộ Ngoại

thương. Anh ta thường phải đi sang Nga và đến Washington luôn. - Natasha cất tiếng cười. - Nhưng thôi, nêu ra những câu hỏi để làm gì nhỉ? Nào hãy cứ biết hưởng thụ đi. Người ta cho phép tôi được uống vodka trong chiếc xe này.

– Và không cho phép tôi chứ gì?

– Ông chủ của chiếc xe biết rằng tôi sẽ không đi xe của anh ta một mình đâu.

Vodka tuyệt hảo. Tất cả những thứ mà tôi từng uống trước đó bây giờ tôi cảm thấy chúng quá mạnh và không ngon.

– Thêm một ly nữa nhé? - Natasha hỏi.

– Tôi không phản đối. Thế là đã rõ, tôi có ngôi sao chiếu mệnh tạo cho tôi cơ hội gia nhập vào nhóm người biết làm giàu vì cuộc chiến này. Người ta cho phép tôi đến Hợp chủng quốc bởi vì chiến tranh đang xảy ra. Tôi có công việc làm cũng vì đang có chiến tranh. Còn bây giờ tôi đang uống rượu vodka Nga lại một lần nữa cũng do chiến tranh đang xảy ra. Ngược với ý muốn, tôi đã trở thành giống kí sinh ăn bám.

Natasha nháy mắt với tôi.

– Thế tại sao anh không làm theo đúng ý muốn của mình? Như thế sẽ dễ chịu hơn nhiều.

Bây giờ chúng tôi đang cho xe chạy trên Đại lộ số Năm, dọc theo Công viên Trung tâm.

– Sắp đến lãnh địa của anh rồi đấy. - Natasha Petrovna nói.

Một lát sau chúng tôi rẽ sang phố 86. Đây là một dãy phố rộng, một phố Mỹ rất điển hình nhưng dấu sao dãy phố vẫn gọi ngay trong trí tưởng tượng của tôi những thị trấn nhỏ bé ở bên Đức. Dọc hai bên đường phố, loang loáng lướt qua ngoài cửa kính xe là các cửa hiệu bánh

kẹo, cửa hiệu bia, cửa hiệu bán xúc xích.

– Ở khu vực này mọi người đều nói tiếng Đức hết à? - Tôi hỏi.

– Tùy. Người Mỹ không nhỏ nhen. Họ không cưỡng ép ai đâu. Ngay cả người Đức cũng cứ việc thoải mái thôi. - Natasha Petrovna cười. - Nhưng người Mỹ cũng có khi ép buộc đấy. Ví như họ buộc người Nhật cũng sống ở khu này.

– Cũng như người ta bắt buộc những người lưu vong quốc tịch Pháp hoặc Đức chỉ được sống ở châu Âu thôi.

– Theo tôi, ở khắp mọi nơi, người ta cứ ép buộc những ai không cần ép buộc. Đúng không anh?

– Có thể là như vậy. Nhưng dầu sao thì bọn Quốc xã vẫn có thể từ khu phố này nhón nhơ dạo chơi khắp nơi. Liệu chúng ta có thể đi đâu nữa được không?

Natasha Petrovna nhìn tôi im lặng trong giây lát, sau đó cô nói về đêm chiêu:

– Với người khác tôi không như thế này đâu đấy nhé. Có một điều gì đó cứ buộc tôi làm theo ý anh.

– Một sự thành thật vô cùng đáng quý. Tôi cũng có cảm giác ấy.

Natasha không lưu tâm tới những lời tôi vừa nói.

– Một điều gì đó tựa như một sự mẫn nguyện được che đậy. - Natasha nói. - Nó được che đậy kỹ đến nỗi khó mà kéo ra được. Và nó chọc tức, trêu gan anh... Anh có hiểu tôi nói gì không?

– Hiểu chứ. Thứ cảm giác kia trêu gan người khác và trêu gan cả tôi nữa. Nhưng sao ta lại nói chuyện này nhỉ?

– Để chọc tức anh. - Natasha Petrovna nói. - Và chỉ nhằm mục đích ấy thôi. Anh định trêu gan tôi bằng cơn cố gì đây?



– Chẳng vì cơn cố gì cả. - Tôi tũm tũm cười, nói.

Natasha bực bội đỏ mặt lên. Tôi thấy hối hận ngay nhưng cũng đã quá muộn.

– Quỷ tha ma bắt bọn người Đức các anh đi! - Cô lâu bầu. Gương mặt cô đột nhiên mét xanh và cô tránh cái nhìn của tôi.

– Có thể cô sẽ thấy thích thú khi được biết cái nước Đức ấy đã tước mất quyền công dân của tôi. - Tôi đáp và tôi cảm thấy bực bội với chính mình vì những lời lẽ tôi vừa thốt ra.

– Chẳng có gì mà thích thú hoặc ngạc nhiên đâu! - Natasha gõ tay lên cửa kính xe. - Còn bây giờ ta quay lại khách sạn Reuben thôi.

– Xin lỗi bà, - người lái xe lên tiếng, - cái khách sạn ấy ở phố nào vậy?

– Chính là cái khách sạn mà anh đã chờ tôi ấy!

– À ra vậy.

– Sao cô lại đưa tôi về khách sạn? - Tôi nói. - Tôi có thể rời xe ngay bây giờ. Khắp nơi đều có thể bắt được xe buýt.

– Tùy anh. Hơn thế, nơi này là địa bàn của anh mà.

– Xin dừng xe lại, - tôi nói với người lái và bước ra khỏi xe. - Cảm ơn Natasha rất nhiều.

## IX



**T**ại nhà Silvers, thoạt tiên tôi cần phải lập bảng danh sách tất cả những bức tranh mà ông ta đã bán rồi và ghi lên từng bức ảnh chụp tên tuổi người họa sĩ.

– Cái khó nhất, - Silvers nói, - là việc xác định các bức tranh cũ là giả hay thực. Không bao giờ được quá tin vào tính đích thực của chúng. Các bức tranh cũng giống như các nhà quý tộc ấy. cần phải tìm hiểu gia hệ của các bức tranh ấy cho đến tận người họa sĩ đã vẽ ra chúng. Và sự tìm hiểu này phải liên tục, không được đứt quãng: từ nhà thờ X đến ông hồng y giáo chủ A, từ bộ sưu tập của công tước Y đến ông trùm tư bản sản xuất cao su Rabinowitz hoặc ông vua ô tô Ford. Không được để một khoảng trống nào cả.

– Nhưng sao phải làm thế khi ta đã biết rõ về chúng?

– Có thể chúng ta biết, nhưng ngành nhiếp ảnh chỉ xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX. Thế nhưng không phải tất cả các bức tranh cổ đều có bản sao để mà rà soát lại. Thường ta buộc phải bằng lòng với những kiến giải, - Silvers nhếch mép cười độc địa, - và những kết luận của cánh nghiên cứu nghệ thuật.

Tôi dồn các tấm ảnh thành một đống. Phía trên cùng là những tấm ảnh màu chụp bức tranh của Manet - một bức tĩnh vật không lớn lắm: những bông hoa mẫu đơn cắm trong một cốc nước. Hoa và nước được vẽ nom như thật. Từ chúng toát ra vẻ tĩnh lặng và nguồn nghị lực bên trong - thật là một tác phẩm nghệ thuật chân chính! Có cảm giác như họa sĩ lần đầu

tiên tạo ra những bông hoa này và trước đó hoa mẫu đơn chưa hề có trên đời.

– Anh có thích không? - Silvers hỏi tôi.

– Tuyệt vời.

– Hơn hẳn những bông hồng của Renoir treo ở kia chứ?

– Đây hoàn toàn là một giá trị khác. - Tôi nói. - Trong nghệ thuật, nói đại thể, liệu có chỗ dung nạp cho hai tiếng “hơn hẳn” được chăng?

– Dung nạp được, nếu anh là một người buôn đồ cổ.

– Bức tranh này của Manet là một khoảnh khắc nảy sinh thi tứ, trong khi đó bức của Renoir là chính sự khai hoa, kết trái của cuộc đời.

Silvers lắc đầu.

– Nhận xét không tồi. Anh đã từng là nhà văn à?

– Tôi chỉ là nhà báo thôi, và là một nhà báo kém cỏi.

– Chính Chúa trời đã ra lệnh cho anh viết khảo luận về hội họa.

– Để làm việc đó sự hiểu biết của tôi về lĩnh vực này còn yếu kém lắm.

Trên gương mặt của Silvers lại một lần nữa xuất hiện cái cười nhếch mép độc địa.

– Anh cho rằng những người viết khảo luận về hội họa đều thông tỏ những tác phẩm hội họa lắm sao? Tôi xin nói với anh một điều bí mật như thế này: về các bức tranh nói chung là không nên viết gì cả. Tất cả những gì mà người ta viết về hội họa đều chỉ nhằm một mục đích làm rõ thêm sự ngu dốt của những người viết mà thôi. Không nên viết gì về nghệ thuật cả. Nghệ thuật chỉ có thể cảm nhận được mà thôi.

Tôi không phản đối gì nhận xét này.

– Và bán nữa! - Silvers nói thêm. - Có thể anh cũng đã nghĩ về điều này chứ?

– Không! - Tôi đáp, không tự dối lòng mình. - Mà do đâu ông lại nghĩ là chính Chúa trời ra lệnh cho tôi viết về những bức tranh? Mà chính ông vừa nói là không nên viết gì về chúng cả?

– Dẫu sao anh làm việc ấy cũng còn hơn chán một vạn anh nhà báo tôi.

– Rồi ông sẽ biết thôi.

Silvers phá lên cười:

– Anh giống như nhiều người châu Âu khác, suy nghĩ cực đoan lắm. Hoặc đây là đặc điểm của tuổi trẻ. Nhưng anh cũng đâu còn trẻ nữa. Nhưng mà giữa những thái cực kia dẫu sao vẫn tìm ra vô khối những hình mẫu, những sắc diện khác nhau, về điều này anh mang nhiều quan niệm chưa đúng đâu. Đây tôi từng muốn trở thành một họa sĩ. Và tôi đã được thỏa nguyện vọng. Tôi vẽ với tất cả nhiệt tâm vốn là thứ trời phú cho một họa sĩ tài năng cỡ trung bình. Nhưng bây giờ tôi là một anh buôn đồ cổ và tôi buôn bán tranh, buôn bán với toàn bộ sự vô liêm sỉ vốn cũng là của trời phú riêng cho những ai làm nghề nghiệp này. Thì sao nào? Tôi phản bội nghệ thuật vì tôi thôi không vẽ những bức tranh kém cỏi nữa hay tôi phản bội nghệ thuật vì tôi đi buôn bán tranh? Tôi đã suy nghĩ vào một ngày mùa hè ở New York. - Silvers bỗng im lặng. Rồi ông mời tôi hút thuốc. - Anh thử hút thứ thuốc lá này xem. Loại thuốc nhẹ nhất trong mọi thứ thuốc lá Havana. Anh thích thuốc lá không?

– Tôi hiểu biết rất kém về khoản này. Tôi hút tất cả mọi thứ thuốc có được trong tay

– Có thể ghen tị với anh được đấy.

Tôi ngẩng đầu ngạc nhiên.

– Ý kiến của ông quả là một điều mới mẻ đối với tôi. Tôi không nghĩ là lại có thể ghen tị vì một chuyện như vậy được.

– Mọi điều đối với anh còn đang ở phía trước: nào lựa chọn, nào sự tận hưởng khoái lạc và mãi mới tới sự no nê, chán chường. Cuối cùng chỉ còn lại sự chán chường. Cái bậc thang mà anh đặt chân lên bắt đầu đoạn đường đời của anh càng thấp thì anh càng lâu chán chường hơn.

– Theo ý ông, có lẽ nên bắt đầu từ những việc hung ác tàn bạo?

– Nếu có thể làm được như vậy.

Tôi nổi nóng thực sự. Tôi đã có điểm phúc được chứng kiến quá nhiều sự tàn bạo dã man. Những quan điểm mỹ học thính phòng kiểu này chọc ruột khêu gan tôi. Chỉ có thể đùa cợt với những ý nghĩ tầm bậy tầm bạ như vậy vào những thời kì thanh bình, yên ổn hơn thôi. Thậm chí với tám đô la một ngày tôi cũng không mong nghe được những lời ba hoa bậy bạ của lão. Tôi chỉ cho ông ta thấy chồng ảnh.

– Có lẽ với những bức tranh của các họa sĩ ấn tượng ta lĩnh hội được dễ dàng hơn các bức tranh của thời kì Phục hưng. - Tôi nói. - Dẫu sao những bức tranh này cũng đã được vẽ vài trăm năm sau. Degas và Renoir sống mãi đến tận Thế chiến I, riêng Renoir còn sống qua cả cuộc đại biến đó.

– Nhưng cũng lại xuất hiện không ít những bức tranh giả của hai danh họa này.

– Thế thì việc giám định một cách kĩ lưỡng là điều bảo đảm duy nhất phải không, thưa ông?

Silvers lại nhếch miệng cười:

– Giám định hoặc linh cảm. Cần phải biết tới cả trăm bức tranh. Ngắm chúng một lần rồi lần nữa. Và làm như vậy trong suốt nhiều năm. Xem tranh, nghiên cứu rồi so sánh, đối chiếu. Và lại xem lại.

– Đương nhiên là thế rồi! - Tôi nói. - Chỉ có điều tại sao nhiều ông giám đốc viện bảo tàng vẫn phạm sai sót trong những kết luận của họ?

– Một số vị thì do cố tình. Nhưng điều này cũng nhanh chóng bị phơi bày thôi. Một số khác trên thực tế đã phạm sai lầm. Vì sao à? Đây, thế là chúng ta đã đi tới vấn đề về sự khác nhau giữa ông giám đốc viện bảo tàng và nhà thương gia. Ông giám đốc viện bảo tàng hiếm khi mua tranh và chỉ mua cho viện bảo tàng. Anh thương gia mua thường xuyên hơn và lúc nào cũng mua cho chính họ. Anh có cảm giác này không, chính ở chỗ này nổi lên sự khác biệt giữa họ với nhau? Nếu anh thương gia phạm sai sót chỗ nào đấy, anh ta sẽ bị mất tiền. Vị giám đốc thì được bảo đảm từng đồng xu lương. Vị ấy quan tâm đến những bức tranh thuần túy theo kiểu hàn lâm còn anh thương gia thì quan tâm về mặt tiền tệ. Lẽ tự nhiên là cái nhìn của anh thương gia sắc sảo hơn, anh ta ít liều mạng hơn.

Tôi bắt đầu chăm chú quan sát cái con người phục sức một cách hết sức trang nhã này. Bộ com lê và đôi giày của ông ta là hàng của Anh, chiếc sơ mi thuộc loại may ở một cửa hiệu nổi tiếng nhất tại Paris. Silvers thuộc hạng người no đủ hồng hào, lúc nào cũng thoang thoảng mùi thơm của nước hoa cologne Pháp. Tôi có cảm giác như ông ta cách ngăn với tôi bằng cả một bức tường kính. Tôi vẫn nghe được mọi điều ông ta nói, nhưng ông ta lại tựa như đang đứng ở đâu đó rất xa. Ông ta sống ở một thế giới tăm tối, bí ẩn nào đó - thế giới của những tên cường đạo và lũ thảo khấu, tôi tin vào điều này - nhưng phải nói thêm là bọn cường đạo thảo khấu này rất lịch thiệp và đầy thủ đoạn. Tất cả những gì ông ta vừa nói rất đúng mà lại cũng không đúng. Tất cả được trình bày ở dạng bị cắt xén, xuyên tạc đi một cách khủng khiếp. Mới thoát tiếp xúc, Silvers để lại cho ta ấn tượng về một con người bình tĩnh, tự tin vào những ưu thế của bản thân, nhưng tôi lại có cảm giác như thế này, trong bất kì phút giây nào ông ta đều có thể biến thành một tay anh chị tàn

nhẫn, sẵn sàng đạp qua xác người mà đi. Cái thế giới của ông ta rất những điều giả dối. Ông ta được cấu thành bởi những chiếc bong bóng xà phòng của những câu nói cao ngạo và một tầm nhìn thiển cận đối với nghệ thuật, một lĩnh vực mà ông ta thông tỏ chỉ qua cái giá của đồng tiền. Một người thực sự yêu tranh không thể nào có thể buôn bán chúng cả. Là tôi nghĩ như vậy.

Silvers nhìn đồng hồ.

– Hôm nay thế là đủ. Tôi phải đi đến câu lạc bộ đây.

Tôi không mấy may ngạc nhiên vì ông ta vội vã tới nơi đó. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan niệm của tôi về sự hiện hữu của ông ta bên kia “bức tường kính”.

– Chúng ta sẽ tìm ra tiếng nói chung. - Silvers nói, tay vuốt chiếc li quần thẳng cứng.

Tôi vô tình ngắm đôi giày của ông ta. Một đôi giày quá sang. Mũi giày nhọn hơn cần thiết còn màu xi thì sáng hơn. Kiểu may của bộ com lê hơi có phần ngổ ngáo, còn chiếc cà vạt thì quá sặc sỡ và đắt tiền. Đến lượt chính ông ta đưa mắt liếc qua bộ áo quần của tôi.

– Anh mặc vậy không bức sao?

– Khi thật nóng tôi cởi áo khoác ra.

– Như vậy không tiện đâu. Anh hãy mua cho mình một bộ com lê bằng vải tropical. Những bộ đồ may sẵn của Mỹ rất bền. Ở đây ngay cả những nhà triệu phú cũng ít khi đặt may. Hãy mua ở cửa hiệu Anh em nhà Brook. Còn nếu anh muốn rẻ hơn thì tới cửa hiệu Browning và King. Với sáu chục đô la có thể có được một bộ nghiêm rồi.

Silvers rút từ trong túi ra một xấp tiền giấy. Tôi đã để ý từ trước là ông ta không có ví bao giờ.

– Đây - ông ta nói và chìa ra trước mặt tôi một trăm đô la. - Anh cứ coi đây là tiền tạm ứng.

Tờ một trăm đô la như nóng rực trong túi tôi. Tôi còn đủ thời gian để rẽ vào cửa hiệu Browning và King. Tôi rảo bước trên Đại lộ số Năm, thầm cảm ơn ông chủ mới. Tốt hơn cả là hãy găm tiền lại và sửa chữa bộ quần áo cũ đã. Nhưng lại không thể làm như vậy được. Chỉ vài ngày nữa thôi có lẽ Silvers sẽ hỏi tôi về bộ quần áo mới. Như thế là sau tất cả những bài giảng về nghệ thuật, về một chỗ ở tốt nhất cho một nhà tư bản, đầu sao số vốn của tôi cũng đã tăng lên gấp đôi, tuy rằng tôi không lĩnh hội được bức tranh của Manet, điều này cũng không mấy quan trọng.

Một lúc sau tôi rẽ qua phố 54. Đi một đoạn tôi gặp một cửa hàng bán hoa không lớn lắm, ở đây có bán rất nhiều loại hoa phong lan rẻ tiền - có thể không được tươi lắm, nhưng không tinh ý cũng khó mà nhận ra. Ngày hôm trước Melikov đã ghi cho tôi địa chỉ cái hẽng mà Natasha Petrovna đang làm. Đầu óc tôi lúc này đang rối tinh rối mù biết bao ý nghĩ. Tôi hoàn toàn không hiểu được Natasha là một người như thế nào: lúc thì cô ta đối với tôi là một người mẫu và là người theo chủ nghĩa sô vanh, lúc thì hình như chính tôi là một kẻ nhăng nhít tầm thường. Lúc này tựa như Chúa trời đã can thiệp vào cuộc sống của tôi. Tờ bạc một trăm đô la đang nằm trong túi tôi đã chứng minh điều đó. Tôi mua hai bình phong lan và gửi cho Natasha. Hai bình hoa chỉ đáng giá năm đô la, nhưng lại tạo ra ấn tượng hình như chúng đắt hơn nhiều.

Tại cửa hiệu Browning và King tôi chọn cho mình một bộ com lê bằng hàng nhẹ, màu xám.

– Tối mai chúng tôi xin gửi ông, - người bán hàng nói.

– Không thể lấy ngay hôm nay được sao?



– Muộn quá rồi.

– Tôi rất cần ngay buổi tối hôm nay, - tôi nài nỉ.

Thực ra tôi chẳng có việc gì mà cần gấp như vậy, nhưng tự nhiên cái ý định nông cuồng đó xuất hiện và tôi cứ muốn nhận bộ com lê mới càng nhanh càng tốt. Tôi cứ nghĩ một cách xuẩn ngốc là tựa như với bộ đồ mới tôi có thể chấm dứt cái cuộc sống lưu vong, không nhà không cửa của tôi và bắt đầu bước vào một cuộc sống định cư chắc chắn và yên ổn.

– Cố gắng giúp đỡ tôi, - tôi kiên nhẫn yêu cầu.

– Để tôi vào hỏi các ông thợ xem sao.

Tôi đứng giữa những hàng quần áo dài thượt treo trên mắc, chờ đợi. Có cảm tưởng như các bộ quần áo từ bốn phía đang tiến về phía tôi trong điệu hành khúc, hết như một đạo quân người máy đã đạt đến trình độ hoàn thiện có thể thay thế cho nhân loại. Người bán hàng đi qua đạo quân người máy kia và hiện ra trước tôi như một vật đã lỗi thời.

– Mọi chuyện ổn cả. Xin mời ông tới lấy vào lúc bảy giờ.

– Rất cảm ơn bác.

Tôi bước ra đường phố mù mịt bụi nóng.

Tôi tạt qua Đại lộ số Ba. Lowy-anh đang trang hoàng tủ kính bày hàng. Tôi hiện ra trước mắt anh ta với toàn bộ vẻ lộng lẫy của bộ com lê mới. Anh ta trở mắt nhìn tôi hết như con cú trong đêm rồi khua khua cái giá cầm đèn trong tay mời tôi vào.

– Tuyệt! - Anh ta nói. - Đây thực là thành quả đầu tiên trong hoạt động của anh với tư cách là phụ tá của một tên bịp bợm.

– Không phải thế, tôi chỉ may bằng khoản tiền ứng trước của người

mà anh đã giới thiệu tôi, ngài Lowy ạ.

Lowy cười nửa miệng.

– Cả một bộ com lê. *Tiens\**.

Tiens (tiếng Pháp trong nguyên bản): Ôi chao!

– Thậm chí không còn đồng nào thừa. Ông Silvers khuyên tôi tới cửa hàng Anh em nhà Brook. Tôi đã chọn lựa một cửa hàng bình dân hơn.

– Anh có dáng vẻ của một con người phiêu lưu mạo hiểm.

– Cảm ơn anh. Có phần như thế đấy.

– Có cảm giác tựa như anh thu xếp mọi chuyện không đến nỗi nào! - Lowy nói lầm bầm và bắt đầu dựng bức tượng vừa sơn phết lại trên cái nền của chiếc giá bọc nhung. - Không có gì đáng ngạc nhiên khi anh không còn xuất hiện giữa đám buôn thúng bán mẹt chúng tôi nữa.

Tôi im lặng dõi theo anh ta. Té ra là cái anh chàng thấp nhỏ nhưng béo núc này đang ghen tuông đây, tuy chính anh ta xua đuổi tôi đến với Silvers.

– Anh sẽ vừa ý hơn nếu như tôi cướp phá gia sản của ông Silvers chắc? - Tôi hỏi.

– Giữa cướp phá và luồn lọt, quỵ lụy có ranh giới rõ ràng lắm.

Lowy đặt cái ghế kiểu Pháp vào vị trí. Cái ghế này chỉ có một nửa phần chân là đúng thứ hàng đồ cổ. Một thứ tình cảm ấm áp ủa ập đến trong lòng tôi. Từ rất lâu rồi không một ai đối xử với tôi bằng thứ tình cảm không vụ lợi như Lowy lúc này. Tôi đã suy ngẫm về điều ấy cách đây chưa bao lâu. Thế giới đầy ắp những con người tốt bụng, nhưng người ta nhận ra điều đó chỉ khi họ gặp tai họa. Và điều này giống như một sự bù trừ cho con người ta vào những giờ phút khó khăn trong cuộc đời. Trong những giờ phút tuyệt vọng, chán chường ấy có một sự cân đối kì lạ xuất hiện, buộc ta phải tin vào một vị thánh tuy ngồi ở đâu đó rất

xa, ta không rõ dung nhan, hình hài nhưng lại tự động điều khiển tất cả. Nhưng cũng chỉ trong những giờ phút thất vọng, chán chường thôi. Ngoài ra ta không bao giờ còn gặp được cảm giác đó nữa.

– Có điều gì mà anh nhìn tôi chòng chọc như thế? - Lowy hỏi.

– Anh là một người thực đáng mến, - tôi thốt lên tự đáy lòng, - hết như cha đẻ của tôi!

– Cái gì cơ?

– Nghe tức cười phải không? Nhưng tôi nói thật đấy.

– Cái gì cơ? - Lowy hỏi lại. - Nên nghĩ là hiện nay mọi điều ở anh đang diễn ra một cách thuận buồm xuôi gió và chính vì thế anh đâm ra hơi vớ vẩn, lẫn lộn đấy. Nhưng cũng đáng yêu. Anh thích điều gì ở cái con kí sinh sống gửi ấy nào? - Lowy phúi bụi ở lòng bàn tay. - Có lẽ ở chỗ ông ta anh không buộc phải làm những công việc đen tối, có đúng vậy không? - Lowy liệng cái khăn bẩn lên tấm rèm trên đồng hồ chạm trổ của Nhật. - Thế nào, ở bên đó khá hơn ở bên này chứ?

– Không, - tôi đáp.

– Tôi cũng tin là như vậy!

– Ở bên ấy nói đơn giản ra là mọi việc khác hẳn bên này, ngài Lowy ạ. Khi đưa mắt nhìn những bức tranh tuyệt tác, tất cả những bức tranh khác đều lùi xuống hàng thứ hai. Thêm vào đó, những bức tranh không phải là giống kí sinh ăn bám!

– Những bức tranh là những vật hi sinh, - Lowy-anh bỗng thốt ra với giọng bình tĩnh thật bất ngờ. - Cứ thử hình dung xem, những bức tranh kia sẽ phải chịu đựng những số phận như thế nào, dù tự thân chúng mang những giá trị tinh thần, trí tuệ cao! Thế mà người ta buôn bán chúng hết như buôn bán những người nô lệ. Người ta bán tranh cho những tên buôn bán vũ khí, cho cánh nhà binh, cho những ông chủ công nghiệp, cho

những kẻ đi trút bom xuống đầu người khác! Với những đồng tiền bết máu người, bọn người ấy có được trong tay những bức tranh toát ra sự bình yên và thanh thản.

Tôi ngược nhìn Lowy.

– Thôi được, - Lowy nói. - Cứ cho đấy là một cuộc chiến tranh khác đi, nhưng liệu có đúng là nó khác như thế không đối với giống kí sinh ăn bám kia! Mục đích của bọn chúng là kiếm tiền, là làm sao cho mau chóng phát tài. Cuộc chiến kia diễn ra ở đâu và như thế nào đối với bọn chúng cũng vô nghĩa cả thôi. Nếu cần và có thể được, chúng sẵn sàng làm những con quỷ... - Lowy bỗng lặng ngắt. - Julius đang tới, - anh ta thì thào, - lại còn mặc áo vét nữa. Chết thật!

Lowy-em không mặc áo vét. Chúng tôi nhìn thấy Lowy-em vào cái giây lát anh ta đang rời khỏi khúc phố tắm mình trong ánh nắng vàng vọt và nồng nặc mùi xăng, mùi hơi ga. Lowy-em mặc tấm áo khoác Marengo màu sẫm, quần vải sọc, đầu đội mũ nồi và tôi thật ngạc nhiên khi thấy anh ta đi Ủng.

Tôi xúc động ngăm ngía đôi Ủng kia bởi vì từ thời trước khi Hitler xuất hiện tôi chưa được thấy vật gì giống vậy.

– Julius! - Lowy-anh kêu to. - Đứng lại, đợi đấy. Anh nói lần cuối: hãy nghĩ đến người mẹ tội nghiệp của chúng ta.

Lowy-em chậm rãi bước qua ngưỡng cửa.

– Tôi đã nghĩ đến mẹ. Và anh không thể đe dọa tôi đâu, tên phát xít Do Thái!

– Julius, hãy biết sợ Chúa chứ. Chả lẽ anh không muốn những điều tốt lành cho em sao? Chả lẽ anh chưa hề quan tâm, chăm sóc em như một người anh sao? Chả lẽ anh chưa từng giúp đỡ em khi em bị bệnh hay sao?

– Chúng tôi là anh em sinh đôi. - Julius quay về phía tôi nói. - Tôi đã nói

với anh là anh tôi chỉ ra đời trước tôi có ba tiếng đồng hồ thôi.

– Ở trường hợp khác thì ba tiếng còn có nghĩa hơn cả một cuộc đời. Em luôn là một kẻ mộng mơ, em như không sinh ra từ thế giới này. Anh buộc phải luôn luôn để mắt tới em. Em biết không, anh luôn luôn nghĩ tới hạnh phúc của em. Ấy thế mà bỗng nhiên em đối xử với anh như đối với một kẻ thù đáng phỉ nhổ.

– Tại vì tôi muốn lấy vợ.

– Tại vì đến Chúa cũng chẳng hiểu nổi em định se duyên kết tóc với một kẻ như thế nào chứ! Anh Ross, anh hãy để mắt nhìn nó kìa. Nom có tội nghiệp chưa. Nó đứng kia tựa như chuẩn bị để nhấc bỏ ngay thanh rào cản chắn ngang đường. Julius! Julius! Tỉnh lại đi! Đừng vội. Anh Ross có thấy không, nó cứ muốn phải thực hiện mọi lời đề nghị theo toàn bộ các luật lệ phép tắc, hết như một nhà cố vấn thương mại ấy. Người ta đổ vào đầu em quá nhiều chuyện yêu đương vớ vẩn rồi. Hãy nhớ lại mối tình của Tristan và Isolde cùng nỗi bất hạnh mà họ phải hứng chịu. Thế mà em lại gọi anh ruột của mình là tên phát xít vì anh ta không muốn em hành động không đúng. Julius, anh chỉ muốn em lấy một cô gái Do Thái bình thường thôi.

– Tôi không cần một cô gái Do Thái bình thường. Tôi muốn lấy cô gái mà tôi yêu!

– Không! Không đời nào! Anh thử nghĩ xem nó đòi yêu con bé ấy đấy Julius, mày hãy nhìn xem mày nom giống kẻ nào hử? Anh Ross, nó định cầu hôn với con bé ấy đấy. Anh hãy nhìn nó xem, anh Ross!

– Tôi chả biết giúp anh và anh Julius ra sao. - Tôi nói. - Tôi đang có bộ com lê mới. Bộ com lê dành cho tên trợ lí của một gã bịp bợm. Đúng như thế không, anh Lowy?

– Tôi đùa đấy mà!

Một lúc sau cuộc trò chuyện của hai anh em nhà Lowy đã bình tĩnh, ôn tồn hơn. Julius không gọi anh mình là tên “phát xít Do Thái” nữa. Thay vào đó anh ta gọi anh trai là “tên phụng quốc Do Thái”, sau nữa là “người cuồng tín trong chuyện gia đình”. Trong cơn tức giận, Lowy-anh đã phạm một sai lầm có tính chất chiến lược: anh ta lôi tôi vào cuộc.

– Liệu anh có lấy một cô gái Do Thái làm vợ không?

– Tại sao lại không? - Tôi hỏi anh ta. - Khi tôi mười sáu tuổi bố tôi khuyên tôi nên lấy vợ Do Thái. Nếu làm khác đi, tôi sẽ chẳng còn ra hồn người đâu.

– Thấy chưa? - Julius nói về đặc thẳng.

Cuộc tranh cãi lại bùng nổ với một sức mạnh mới. Nhưng nhờ vào đức tính kiên nhẫn của mình, Lowy-anh đã áp đảo được ông em lẳng mạn, si tình kia. Tôi không mong điều gì khác hơn thế nữa. Nếu giả như Julius cứ khẳng khẳng một mực đòi lấy cô gái kia, anh ta sẽ chẳng xuất hiện ở đây, khoác cái áo Marengo kia, mà sẽ đi ngay đến với nữ chúa của mình với bộ tóc hung được nhuộm cho đen lại như Lowy-anh đã dự kiến. Việc thuyết phục anh chàng đừng nên cầu hôn vội hóa ra không phải là một việc khó.

– Em chẳng mất gì cả đâu! - Lowy-anh an ủi Julius. - Cần suy nghĩ lại mọi việc cho sâu sắc hơn thôi.

– Nhưng nếu cô ấy tìm được người khác thì sao?

– Không tìm được đâu, Julius. Chẳng phải vô ích em cũng đã hành nghề này với anh ba mươi năm nay. Chẳng lẽ chúng ta chưa từng cam đoan với khách hàng đến cả nghìn lần là món hàng họ đang kén chọn đã có nhiều người khác muốn lấy ngay trưa nay hoặc chiều nay, nhưng đó chỉ là một thủ thuật khôn khéo mà thôi. Nào, em đi vào trong kia và cởi ngay cái áo vớ vẩn kia ra!

– Không! - Julius phản đối gay gắt không ngờ. - Tôi đã mặc nó rồi, tôi không cởi ra đâu.

Lowy-anh lo ngại chuyện rắc rối kia lại tái diễn.

– Thôi được, tùy ý em. - Anh ta nói với sự nhượng bộ.

– Chúng ta đi đâu bây giờ? Hay đi xem chiếu bóng? Xem bộ phim có Paulette Goddard thủ vai.

– Đi xem phim sao? - Julius tiếc rẻ nhìn chiếc áo khoác màu sẫm của anh. Trong rạp hát tối om, sẽ không ai nhìn thấy cái áo đó.

– Thôi được, Julius. Thế thì chúng ta tới nhà hàng vậy. Chọn nhà hàng sộp nhất. Ta sẽ đặt món ăn ngon nhất. Gan gà chiên chẳng hạn. Tráng miệng với kem và cam tươi. Em muốn đi đâu, anh chiều đấy.

– Đến khách sạn Người Láng Giềng. - Julius tuyên bố một cách dứt khoát.

Lowy-anh thoáng suy nghĩ tựa như để hiểu rõ hơn điều vừa nghe được.

– Nào, muốn Người Láng Giềng thì tới Người Láng Giềng.

– Anh ta quay sang tôi. - Anh Ross, xin mời anh đi cùng anh em tôi. Hôm nay nom anh rất bảnh. Cái gói gì của anh thế?

– À, bộ đồ cũ.

– Thế thì để nó lại ở đây. Anh sẽ tới lấy sau.

Tôi trở về khách sạn Reuben gần mười giờ khuya.

– Có ai gửi cho anh cái túi kia kìa. - Melikov báo tin. - Nếu tôi không nhầm trong đó có chai rượu.

Tôi mở chiếc túi giấy ra.

– Lạy Chúa! - Melikov kêu lên. - Vodka Nga thứ thiệt!

Tôi nhìn trong ngoài cái túi giấy. Không có một dòng chữ nào ngoài chai rượu.

– Anh có nhận thấy chai rượu không còn đầy không? - Melikov hỏi tôi. - Tôi không có lỗi trong chuyện với đây đâu đấy nhé!

– Tôi biết. - Tôi nói. - Có ai đó đã uống đi hai cốc lớn. Uống chứ? Một ngày gì đâu!



## X



**T**ôi rẽ vào gặp Kahn. Chúng tôi được mời tới dự bữa tiệc của gia đình Vriesländer.

– Họ tổ chức một bữa tiệc lớn. - Kahn giải thích. - Hôm kia họ được công nhận là công dân Mỹ.

– Sao nhanh thế? Chẳng lẽ họ không cần đợi năm năm để nhận giấy tờ à?

– Gia đình Vriesländer cũng đã chờ đợi năm năm rồi. Họ đến Mỹ từ trước chiến tranh, trong làn sóng đầu tiên của những người di tản khôn ngoan nhất.

– Đúng là những người khôn ngoan, - tôi tán thưởng. - Tại sao lúc đó chúng ta lại không nảy ra trong đầu ý định ấy nhỉ?

Ngày hôm nay cái tên Vriesländer đã chết đi và cái tên Daniel Warwick đã ra đời. Vriesländer đổi tên khi được nhập quốc tịch Mỹ.

Chúng tôi bước vào một gian phòng tiếp khách rộng thênh, rực rỡ ánh đèn điện. Có thể nhận ra ngay là sống ở nước Mỹ, Vriesländer không để phí thời gian vô ích. Tất cả ở nơi đây đã nói lên sự giàu có của ông ta. Trong gian phòng ăn nổi bật lên một cái tủ đứng cực lớn. Trên bàn là những chiếc đĩa có chân đựng các loại bánh và giữa sự xa hoa, choáng lộn kia là hai chiếc bánh kem: một cái mang dòng chữ “Vriesländer”, cái kia là

dòng chữ “Warwick”. Cái bánh kem thứ nhất bao một đường viền bằng sôcôla, với một chút tưởng tượng có thể coi như đây là một viền khăn tang, còn đường viền trên chiếc bánh thứ hai là những bông hoa hồng xinh xắn làm bằng một thứ bột thơm đặc biệt.

– Sự sáng tạo trong việc bếp núc của tôi đấy. - Vriesländer nói với vẻ tự hào. - Thế nào, các anh có thích không?

Gương mặt rộng bản, hồng hào của ông ta ánh lên vẻ mãn nguyện.

– Hôm nay chúng ta sẽ xẻ ra và ăn chiếc bánh “Vriesländer”, - ông ta giăng giải. - Cái thứ hai sẽ không ai được đụng đến. Chiếc bánh này đại loại như một thứ biểu tượng.

– Tại sao ông lại nghĩ ra cái tên Warwick? - Kahn hỏi. - Nếu tôi không nhầm, đó là một dòng họ nổi tiếng ở bên Anh?

Vriesländer gật đầu xác nhận:

– Chính thế đấy. Nếu đã đổi tên họ, nên tìm một cái họ tên nào thật xứng đáng. Ta uống gì đây, ông Kahn?

Kahn ngạc nhiên nhìn chủ nhà.

– Sâm banh, tất nhiên, nhãn hiệu Dom Perignon. Thế mới xứng với trường hợp tiệc mừng ngày hôm nay.

Vriesländer thoáng bối rối.

– Loại đó, đáng tiếc quá, trong nhà tôi lại không có, ông Kahn ạ. Nhưng bù vào đó, tôi xin mời các vị thử sâm banh hảo hạng của Mỹ.

– Sâm banh Mỹ à?... Tốt nhất là cho xin một ly Bordeaux.

– Hay sâm banh California? Một loại rượu không tồi.

– Ông Vriesländer, - cố giữ bình thần, Kahn nói, - tuy thành phố Bordeaux đã bị bọn Đức chiếm đóng, nhưng thành phố ấy chưa gia nhập xứ California đâu. Không nên đi quá xa vào thứ tình cảm yêu nước mới

mẻ của ông như vậy.

– Vì sao cơ? - Vriesländer ưỡn ngực ra, giữa ve áo vét ông ta vạt trên mình sáng lấp lánh những chiếc cúc bằng xa phía. - Vì sao hôm nay ta lại nhắc đến quá khứ làm gì hở? Có thể uống cả rượu Hà Lan lẫn rượu vang Đức. Nhưng chúng tôi không đặt hai thứ rượu ấy. Ở Hà Lan và ở Đức chúng ta đã phải trải qua quá nhiều điều rồi. Cũng theo nguyên cố đó chúng tôi không đặt rượu vang Pháp. Thêm vào đó, những loại rượu này cũng chả khá hơn bao lăm. Tất cả chỉ là quảng cáo tuốt! Nhưng rượu vang Chile thì quả là thứ hảo hạng.

– Ôi, ông lại còn đem cả những nỗi tức giận của ông hòa vào các loại rượu nữa?

– Mỗi người một tính. Thôi xin mời các vị ngồi vào bàn cho.

Chúng tôi lần lượt theo ông chủ ngồi vào bàn.

– Anh thấy không, còn có cả những người lưu vong thành đạt nữa đấy chứ. - Kahn nhận xét. - Quả là số người này cũng ít thôi. Ở Đức, Vriesländer đã bị tước mất tất cả những gì mà gã đã gom góp, dành dụm được ở bên ấy. Nhưng một số của cải từ những cái được gọi là “sự lạnh lẽn, tháo vát” thì đã không mất đi vô ích và bây giờ đã thấy hiệu nghiệm. Những người “thiếu cương quyết” tạo nên cái đa số chủ yếu của dân lưu vong. Những người này giẫm chân tại chỗ, không biết họ muốn quay về Đức hay không. Ngoài số người đó ra, ở bên này còn có cả số người bị đặt tên là “dân trú đông”. Những người này buộc phải quay trở về Đức vì ở đây họ không tìm được công việc làm.

– Thế anh xếp tôi vào hạng người nào đây? - Đưa tay tiếp một chiếc đùi gà nấu đông, tôi hỏi Kahn.

– Anh thuộc lớp sóng người di tản muộn muộn nhất, cái lớp sóng vừa trào lên rồi vội vã rút ngay. Gia đình Vriesländer này nấu ăn cực ngon, có

đúng thế không anh?

– Các món ăn này họ đều nấu nướng tại nhà sao?

– Đúng thế đấy. Lão già này thật may mắn vì hồi còn ở bên châu Âu lão ta đã kiếm được một bà đầu bếp người Hungary. Bà ta hết sức trung thành với ông chủ và đã theo lão ta qua Thụy Sĩ tới Pháp để nhồi mọi thứ cao lương mỹ vị vào cái dạ dày của lão. Không những thế bà ta còn mang dùm cho lão ta rất nhiều của nả có giá trị. Một số mặt đá quý không có vỏ vàng hoặc vỏ bạc bọc bên ngoài trước khi đến biên giới bà đầu bếp này đã cuộn lẫn với ruột bánh mì rồi nuốt vào bụng. Thực ra thì cũng chẳng phải làm như vậy đâu. Bà ta là người Hungary thì có ai khám xét đâu. Bây giờ ở bên này bà ta vẫn tiếp tục nấu nướng cho nhà Vriesländer. Đúng là một thứ nô bộc đáng giá nghìn vàng!

Tôi đưa mắt nhìn bao quát phòng ăn. Một nhóm khách đang xúm quanh chiếc tủ búp phê.

– Tất cả đám người kia đều là dân lưu vong sao? - Tôi hỏi.

– Không, không phải tất cả. Ngài Vriesländer rất yêu mến, sủng mộ những người bạn Mỹ của ngài. Anh không nhận ra sao, mọi người trong cái gia đình này đều nói tiếng Anh cả. Với âm sắc Đức, nhưng dù sao họ vẫn đang nói tiếng Anh.

– Hợp lí thôi. Nhưng họ sẽ còn học tiếng Anh thêm nữa cơ mà?

Kahn cất tiếng cười. Trên chiếc đĩa ăn của anh ta là một tảng thịt lớn, rán vàng.

– Tôi là một kẻ háu ăn. - Nhận ra ánh mắt của tôi vừa liếc qua đĩa thịt rán trên tay anh ta, Kahn nói. - Món bắp cải đỏ cũng là một trong những...

– Tôi biết, - tôi cắt ngang anh ta, - là một trong những ham thích nhiều không kể xiết của anh.

– Càng nhiều ham muốn càng tốt. Đặc biệt là khi vì những ham muốn đó anh lại bị những nỗi hiểm nguy đe dọa. Điều này khiến anh không còn nghĩ tới ý định tự vẫn nữa.

– Có khi nào anh định tự vẫn chưa?

– Có chứ. Một lần. Nhưng mùi thơm của món gan xào hành đã cứu tôi. Thật là một tình cảnh bi thảm. Anh biết đấy, cuộc đời trôi qua dưới những lớp sâu khác nhau, nhưng mỗi người trong chúng ta lại có những người lính gác, những vị quan tòa của mình. Thông thường những người lính gác, những vị quan tòa này không cùng canh gác giống như nhau. Thế mà các lớp vữa của cuộc đời lại kết tầng lên nhau, giữa các lớp sâu kia đôi khi cuộc đời lại tắt. Cái nguy hiểm nhất là khi những người lính canh kia bỗng cùng xuất hiện một lúc. Khi đó ý muốn tự vẫn sẽ hình thành, hình thành mà không có nguyên cớ gì thật rõ rệt. Chính vào một tình thế như vậy mùi thơm của món gan xào với hành đã cứu tôi. Tôi quyết định dù có chết cũng phải chết trong trạng thái no nê mãn nguyện. Thế là tôi cứ chờ cái chết bằng những câu chuyện phiếm được điểm vào giữa là những cốc bia. Tôi cứ ăn, cứ uống, cứ nói và tôi làm dấu thánh cho cuộc đời mình. Anh có tin mọi điều xảy ra đúng như vậy không? Đây không phải là một câu chuyện tiểu lâm đầu. Tôi sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện rất hay hiện lên trong kí ức của tôi mỗi khi tôi nghe thấy cái thứ tiếng Anh ếch nhái mà những người di tản của ta nói chuyện với nhau. Nó khiến tôi mủi lòng khi nhớ tới một bà già lưu vong nghèo đói, bệnh hoạn, không nơi nương tựa, chở che mà tôi tình cờ quen biết. Người đàn bà này đã quyết định tự vẫn và quả là bà ta cương quyết sẽ mở vòi hơi ga rồi, nhưng bà ta lại không làm như vậy chỉ vì bà tiếc cái công đã bỏ ra hàng tháng hàng năm trời để nói được tiếng Anh một cách lưu loát, trôi chảy. Anh hãy thử lắng nghe đám người trong nhà Vriesländer nói tiếng Anh kia kìa. Mủi lòng lắm chứ, phải không nào? Cái chết hài hước kia té

ra cũng không cứu giúp họ thoát khỏi bị kịch mà ngược lại. Anh để ý cô gái ăn miếng bánh phết mứt kia không, nàng đẹp đấy chứ nhỉ?

Tôi đưa mắt nhìn cô gái.

– Nàng không chỉ đẹp đâu. - Tôi thốt lên ngạc nhiên. - Cái đẹp của nàng có vẻ gì đó thiêng liêng mà bí ẩn. - Tôi liếc nhìn cô gái một lần nữa. - Cô ta như một nữ thánh. Nếu cô ta không ăn bánh mứt với vẻ thèm khát khốn khổ như thế kia, cô ta sẽ thuộc số những người phụ nữ hiếm hoi mà cánh mày râu khó lòng đứng vững được trước mặt họ. Thật là một gương mặt khả ái làm sao! Cô ta có một cái bấu hay sao kia? Hay cô ta mắc bệnh cường giáp? Nếu nữ thần này ghé vào đây với gia đình nhà Vriesländer, chắc chắn có điều gì đó không ổn đang xảy ra với cô ta.

– Hãy đợi đến lúc cô ta đứng lên xem sao! - Kahn thì thào đầy trang trọng. - Cô gái này quả là một sự toàn bích đến kì lạ. Thân hình cân đối. Bộ ngực căng đầy. Làn da không chê vào đâu được nữa. Cặp giò thật lí tưởng. Thật không còn điểm gì mà chê được nữa.

Tôi đưa mắt nhìn Kahn.

– Anh không tin điều tôi nói sao? - Kahn hỏi tôi. - Tôi biết rất chính xác mọi thứ là như vậy mà. Cô ấy tên là Carmen. Trên gương mặt cô ta là sự hòa trộn vẻ đẹp của hai ngôi sao màn bạc Greta Garbo và Dolores del Rio cộng lại.

– Thế à...

Kahn vươn vai.

– Nhưng cô ta ngốc nghếch lắm đó. - Kahn nói. - Và không phải chỉ là sự kém cỏi thường tình, mà là sự ngốc nghếch không thương nỗi cơ.

– Thật tiếc! - Tôi nói lửng lơ.

– Nhưng cô nàng lại quá đẹp.

– Liệu với sự ngu ngốc quá sức tưởng tượng như vậy thì lấy gì để cầm giữ những gã đàn ông đây?

– Bằng sự bất ngờ chứ còn bằng cái gì nữa.

– Quả là thế. Những bức tượng còn ngu ngốc hơn cô ta phải không anh?

– Nhưng tượng thì câm lặng còn Carmen thì biết nói.

– Cô ấy thường nói những điều gì?

– Tất cả những gì xuẩn ngốc mà anh có thể tưởng tượng ra. Nghĩa là hết như một kẻ tiểu thị dân hèn mọn nhất. Cô ta ngốc nghếch đến thảm hại. Dạo còn ở bên Pháp, thỉnh thoảng tôi cũng gặp gỡ cô ta. Cái sự ngốc nghếch kì quái của cô ta đôi khi lại như tấm áo khoác mầu nhiệm che chở cho cô ta. Có một lần một mối hiểm họa đe dọa đổ ụp xuống đầu cô ta. Carmen cần phải rời khỏi nơi đang ở ngay tức khắc. Thế là tôi quyết định đưa cô ta chạy trốn. Nhưng cô ta lại khước từ. Anh có hình dung được không, cô ta bảo cô ta còn phải tắm, phải thay quần áo đã. Sau đó cô ta tỉ mẩn thu xếp bộ đồ trang điểm cần mang theo. Trong khi đó thì bọn Gestapo đã tới khá gần rồi. Tôi cũng chẳng buồn ngạc nhiên nữa khi cô ta lại rẽ vào cửa hàng cắt tóc để làm đầu. May sao ở đấy không còn chị thợ cắt tóc nào. Rồi cô ta đòi ăn sáng nữa. Tôi phải thật bình tĩnh mới không ném khúc bánh mì nhồi thịt vào gương mặt đẹp tuyệt trần của Carmen. Cô ta bình thản ăn, còn tôi thì nổi da gà vì lo sợ. Rồi cô ta lại loay hoay tìm mảnh giấy sạch để gói khúc bánh mì chưa ăn hết mang theo. Tôi hầu như đã nghe rõ tiếng ủng của bọn Gestapo vang lên ngay phía sau lưng. Cuối cùng rồi cô ta cũng ngồi vào chiếc xe của tôi. Vẫn với vẻ chậm rãi, không chút vội vã. Và vào chính cái buổi sáng ấy tôi đã phải lòng cô ta.

– Mê ngay lúc đó?

– Không. Dĩ nhiên là khi chúng tôi đã thoát khỏi vòng hiểm nguy. Cô ta không hề hay biết điều đó. Tôi ngại rằng cô ta ngốc nghếch đến độ không nhận ngay ra cả những biểu lộ của tình yêu cũng nên.

– Ít khi gặp chuyện như vậy lắm.

– Đôi khi cũng có những lời đồn thổi về cô ta bay đến tai tôi. Cô ta vượt qua mọi nỗi hiểm nguy hết như một chiếc thuyền buồm trong câu chuyện cổ tích. Và trong những tình huống không thể nào tin được, cái tính hồn nhiên có một không hai của cô ta tựa như đã tước vũ khí của bọn giết người. Tôi cho là không một ai có thể ép cô ta làm điều gì khi cô ta không muốn. Tất nhiên cô ta đã sang bên này bằng một trong những chuyến máy bay cuối cùng.

– Hiện nay cô ta đang làm gì?

– Số phận đã mang lại cho cô ta một sự may mắn tuyệt vời: hiện cô ta làm người mẫu trong cửa hàng của ông Saks nằm trên Đại lộ số Năm. Bản thân cô ta không tìm nổi chỗ làm ấy đâu. Có người khác đang đến tận miệng cô ta.

Tôi xăn một miếng bánh ngọt có chữ Vriesländer. Quả là chiếc bánh thật ngon: sôcôla đắng được phủ một lớp hạnh đào. Có lẽ chiếc bánh cũng mang một điều gì đó có tính chất tượng trưng. Tôi thấy rõ là cái cô Carmen kia đã cuốn mất hồn anh bạn Kahn của tôi. Nếu cái tính bình tĩnh mà Kahn phải nhờ công tìm kiếm để đối chọi lại với sự đe dọa của tử thần thì đối với Carmen lại tựa như thuộc bản tính của cô ta. Và chính điều này đã cuốn hút Kahn như nam châm đối với magnet.

Trên gương mặt anh ta lúc này nhuộm đầy vẻ suy tư mơ màng.

– Đấy sẽ là sự liêu lĩnh lớn nhất trong tất cả sự liêu lĩnh của tôi.

– Cái gì cơ?

– Sự liêu lĩnh lớn nhất. - Kahn lặp lại.



– Chả lẽ anh chưa chán những chuyện yêu đương như vậy sao?

– Chưa. - Kahn cũng xắn một khoanh bánh ngọt, nhưng anh ta xắn khúc bánh có mấy chữ "Vries" - Tại sao lão già không đặt tên cho mình giản dị bằng hai tiếng "Lander" nhỉ? - Kahn nhận xét.

– Có thể ông ta muốn bắt đầu tất cả mọi chuyện từ đầu. - Tôi nói. - Cái đuôi của tên cũ không làm cho ông ta hài lòng. Nói chung thì cũng dễ hiểu cả thôi.

– Anh sẽ đặt tên cho mình như thế nào nếu được nhập quốc tịch Mỹ?

– Tôi sẽ tự cho phép mình đùa cợt trong việc này.

– Tại Pháp tôi có quen một ông bác sĩ nha khoa. Trước ngày ông ta rời bỏ nước Đức, bọn Gestapo lại mời ông ta đến để chúng gặp. Trong cơn thất vọng, ông bác sĩ đã vĩnh biệt tất cả những người thân. Họ đều nghĩ rằng lần này bọn Gestapo sẽ đưa ông ta đi trại tập trung. Té ra bọn chúng chỉ làm phiền ông ta vì cái tên của ông ta mà thôi. Theo chúng với cái tên Do Thái, ông ta không thể ra khỏi nước Đức được. Chúng đã thả ông ta ra khi ông ta đồng ý mang một cái tên mới.

Cuối cùng thì người ta đã bê cà phê ra.

– Anh nghĩ sao, liệu những nguyên tắc sống của ông lão Vriesländer có hòa hợp với thứ cognac Pháp được không?

– Nếu không thì đã có cognac Bồ Đào Nha hoặc Tây Ban Nha. Tuy có hơi ngọt một chút nhưng không sao...

Bà Vriesländer bước vào.

– Cuộc khiêu vũ đã bắt đầu, thưa quý ngài. Lúc này chiến tranh đang diễn ra, kể cũng không phải đạo khi tổ chức nhảy múa. Nhưng vào một trường hợp như hôm nay quả là cũng không đáng mang tội. Kia, các vị khách quân nhân của chúng ta đã bước vào vòng nhảy rồi.

Chúng tôi nhận ra vài sĩ quan Mỹ trong đám khách khứa của chủ nhà. Tấm thảm đã được trải rộng trong gian phòng khách. Một cô tiểu thư của ông Vriesländer trong tấm áo đỏ tía vội chọn ngay bạn nhảy là một anh chàng trung úy người Mỹ trẻ măng. Thấy rõ anh chàng còn tiếc rẻ không muốn rời khỏi hai người bạn của anh đang ăn kem một cách ngon lành. Ngay lúc đó bước vào vòng nhảy là hai cô gái giống nhau như hai giọt nước, hai cô đều rất đẹp và rất vui vẻ.

– Đó là hai chị em sinh đôi nhà Koller, từ Hungary sang. - Kahn giải thích. - Một trong hai cô sang đây từ hai năm trước. Từ tàu thủy cô gái thuê ngay xe tắc xi đến thẳng ông bác sĩ nổi tiếng về nghề giải phẫu thẩm mỹ. Nửa tháng sau cô ta xuất hiện giữa đám bạn hữu với chiếc mũi thẳng và đã được rút ngắn bớt, với bộ ngực căng phồng như của các nữ thần Hy Lạp. Cô ta biết được địa chỉ ông bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ kia ngay trên đường từ Hungary sang Mỹ và đúng là cô ta không bỏ lỡ cơ hội lấy một phút. Khi cô em thứ hai tới nơi, người ta cũng đưa ngay cô ta từ tàu thủy tới vị bác sĩ kia. Hai tháng sau cô này cũng như được làm lại và thế rồi con đường công danh của cô ta bắt đầu. Người ta nói là cô em thứ ba cũng sang đây, nhưng cô ta từ chối không chịu làm phẫu thuật thẩm mỹ. Những cái lưỡi độc địa liên tục tung tin, hai cô chị liền cấm cửa không cho cô em thứ ba đi đâu, chùng nào còn chưa chịu đi mỹ viện.

– Thật là tuyệt! - Tôi nói. - Tất cả mọi người sang bên này đều có thể đổi thay tất cả, từ cái tên, gương mặt, đến chiếc mũi, bộ ngực. Hệt như trong một vũ hội hóa trang. Hoặc trong một câu chuyện cổ tích. Một cô bé xấu xí được nhúng xuống nước, quay tít vài vòng và thế là có một cô gái khác ra đời. Tôi ủng hộ chị em nhà Koller, ủng hộ trò lột xác này.

Ông Vriesländer bước vào.

– Sắp có món thịt hầm rồi. Nhà bếp sẽ mang ra hầu chư vị vào khoảng mười một giờ đêm. Sao các anh không nhảy hơ?

– Chúng tôi thích món thịt hầm như kia hơn điệu tango và điệu waltz cung đình này.

– Đúng là hai anh thích món ấy thật chứ?

– Còn có thứ gì tuyệt hơn thế!

– Tôi vui thật đấy. - Ông Vriesländer quay gương mặt lăm tấm mồ hôi về phía chúng tôi. - Thời buổi bây giờ cũng hiếm trò gì làm ta vui được, phải thế không hai anh bạn?

– Ngài mà cũng nói thế sao, ngài Vriesländer?

– Đúng thế đấy. Tôi hoàn toàn không thể nào rút ra khỏi cái cảm giác khó chịu của nỗi lo âu. Hoàn toàn không thể. Anh nghĩ là tôi dễ dàng khoác cho mình một cái tên lạ hoắc lắm sao, hử anh Kahn. Chính về phương diện này một mối lo âu cứ gặm nhấm tôi mỗi ngày.

– Nhưng tự ngài muốn thay đổi tên tuổi cơ mà, thưa ngài Vriesländer! - Kahn lưu ý ông chủ nhà một cách nhẹ nhàng. - Và nếu cái tên mới không làm ngài cảm thấy thoải mái, ngài có thể cải tên họ một lần nữa, có sao đâu?

– Anh cho rằng có thể làm như vậy được à?

– Ở cái xứ sở tuyệt vời này làm việc ấy dễ dàng hơn bất cứ ở đâu khác. Ở đây người ta coi việc này như một điều hết sức tự nhiên, nhiều người đã thay đổi họ tên vài ba lượt trong cuộc đời. Vì cơ có gì mà cứ phải buồn nhớ cái quá khứ của mình cơ chứ, trong khi cái quá khứ đó từ lâu cũng đã thay hình đổi dạng rồi? Các vị bác sĩ đã chứng minh rằng cơ thể con người ta cứ bảy năm lại đổi mới một lần, y như rắn lột xác.

Trên gương mặt Vriesländer nở một nụ cười nhân hậu.

– Anh quả là cả một kho báu đấy, anh Kahn ạ! - Ông ta nói và đi đến với một nhóm khách khác.

– Nhìn kìa, Carmen đang nhảy! - Kahn nói.

Tôi quay đầu lại và nhìn thấy cô gái đang nhảy uyển chuyển, nhẹ nhàng trong vòng tay của một sĩ quan Mỹ trẻ trung.

## XI



**B**uổi tối hôm sau tôi nhận được bức thư của ông luật sư: tờ giấy phép cư trú của tôi được kéo dài thành sáu tháng. Tôi tựa như đang ngồi trên một chiếc đu: lên rồi lại xuống, xuống rồi lại lên. Cuối cùng rồi cũng quen dần đi với cảm giác này. Ông luật sư dặn tôi gọi điện thoại cho ông ta vào trưa mai. Tôi cố đoán xem vì lí do gì đây.

Khi tôi trở lại cái khách sạn nghèo nàn tội nghiệp mà tôi đang trú ngụ, tôi gặp Natasha Petrovna đang ở đó.

– Cô chờ Melikov à? - Tôi hỏi có phần bối rối.

– Không, tôi đợi anh đấy. - Cô cất tiếng cười. - Chúng ta chưa quen biết nhau nhiều, thế mà lại có khá nhiều điều cần bỏ qua cho nhau. Thật là kì. Anh nói đi, hiện quan hệ giữa chúng ta ra sao?

– Tuyệt vời! - Tôi đáp. - Chí ít ra chúng ta cũng không cảm thấy buồn chán mỗi lần gặp mặt nhau.

– Anh đã ăn tối chưa?

Tôi nhắm tính số tiền còn lại trong túi áo.

– Chưa. Chúng ta đến nhà hàng Longchamps chứ?

Natasha nhìn tôi. Tôi đang mặc bộ com lê mới.

– Một bộ đồ mới!

Cô nói, còn tôi đọc được niềm vui trong ánh mắt Natasha nên vội co chân lên:

– Cả giày cũng mới nốt. Theo ý cô tôi đã đủ tiêu chuẩn để vào nhà hàng Longchamps chưa đây?

– Tối hôm qua tôi đã ở đó. Hoàn toàn chán phèo. Mùa hè ngồi ở ngoài trời dễ chịu hơn nhiều. Nhưng ở Mỹ người ta còn chưa nghĩ tới điều đó. Ở đây không có chỗ bán cà phê sao?

– Chỉ có chỗ bán đồ ngọt thôi.

Natasha liếc nhìn tôi rất nhanh.

– Quả là một nơi dành cho những bà già người ngoại quốc đã thoang thoảng bốc lên mùi ẩm mốc.

– Trong phòng của tôi còn cả một soong đầy thịt hầm theo kiểu Szeged, - tôi nói, - đủ cho cả đến sáu người khỏe mạnh ăn no, do một bà đầu bếp người Hungary nấu. Tối hôm qua món thịt hầm này tuyệt ngon, hôm nay còn ngon hơn nữa. Người ta nói món thịt hầm theo kiểu Szeged này để qua đêm càng ngon hơn...

– Anh kiếm ở đâu ra món thịt hầm Szeged đó?

– Hôm qua tôi được mời ăn cơm tối.

– Lần đầu tiên tôi mới nghe nói rằng có một vị khách được mời ăn lại còn mang về nhà thịt của gia chủ đủ cho tới sáu người ăn đấy! Mà ở đâu lại hào hiệp như vậy? Ở...

Tôi nhìn Natasha bối rối.

– Không, không phải ở quán bia của người Đức đâu. Thịt hầm Szeged là món ăn Hungary, chứ không phải là món ăn Đức. Tôi được mời tới một gia đình. Ăn bữa tối và nhảy. - Tôi nói thêm để trả đũa sự nghi ngờ của Natasha.

– Lại còn nhảy múa nữa kia à! Anh có những chỗ quen biết thật tuyệt vời.

Tôi không muốn cuộc thăm vấn này tiếp tục kéo dài.

– Những gã độc thân ẩn dật tại những khách sạn tồi tàn, buồn tẻ mà đi nhận một soong thịt hầm của một bà chủ nhân hậu thì có gì là lạ đâu. Tại gia đình ấy mọi điều đều hết sức dễ chịu. - Tôi giảng giải. - Thức ăn, đồ uống thì đủ cho cả một đại đội lính. Ngoài ra gia chủ còn khoản đãi tôi và anh bạn tôi đưa chuột muối và bánh ngọt phết mứt hạnh đào. Thật là những món ăn nơi thiên đường. Đáng tiếc món thịt hầm bây giờ nguội ngắt rồi.

– Thế không thể hâm cho nóng lại à?

– Ở đâu cơ? - Tôi sửng sốt. - Tôi chỉ có một cái ấm đun điện, ngoài ra chẳng có đồ dùng gì hơn.

Natasha phá lên cười.

– Tôi hi vọng là trong phòng của anh sẽ có những bức tranh khắc để anh khoe với khách khứa tới thăm chứ!

– Tôi còn chưa kịp quan tâm tới điều đó. Thế nào, cô không muốn tới nhà hàng Longchamps sao?

– Không. Anh đã miêu tả món thịt hầm của anh quá quyến rũ... Lát nữa Melikov sẽ về thôi. - Natasha nói. - Ông ta chắc chắn là sẽ trợ giúp được tôi và anh. Còn bây giờ ta hãy dạo phố chừng nửa giờ. Suốt ngày hôm nay tôi chưa ra ngoài trời đấy. Dạo chơi sẽ làm cho món thịt hầm của anh ăn ngon thêm.

– Thế thì đi!

Chúng tôi dạo gót lang thang trên đường phố. Những tòa nhà như nhuộm màu lửa trong ánh tà dương. Trong các quây hàng người ta đã bật đèn. Natasha thú thật với tôi là rất mê giày dép. Cô không thể bàng quan mà bước qua cửa hàng giày dép được. Thậm chí nếu rẽ vào cửa hàng giày dép một tiếng đồng hồ trước, bây giờ trên đường trở về cô không

thể cưỡng lại ý muốn đứng ngoài khung kính quây hàng để kiểm tra xem họ đã bày ra mặt hàng gì mới chưa.

– Thật là rô dại, phải không anh?

– Vì sao cơ?

– Vì trong khoản thời gian ngắn ngủi đó làm gì có mặt hàng mới để họ bày ra cơ chứ. Tôi cũng đã kịp ngó khá kĩ lưỡng rồi.

– Nhưng vẫn có thể họ vừa đưa ra thứ gì mới thì sao? Ngoài ra, biết đâu người chủ cửa hàng bỗng nảy ra ý muốn phải trình bày lại quây bán thì sao?

– Sau khi cửa hàng đã đóng cửa ấy à?

– Thế thì còn vào lúc nào khác nữa? Khi cửa hàng mở cửa, chủ còn bận bán hàng.

Natasha lại đưa mắt nhìn tôi sắc lẹm.

– Anh... anh ơi... - cô đưa ngón tay gõ gõ lên hai bên màng tang, - thực ra tôi cũng đã chứng kiến hai ba lần họ sắp xếp lại quây rồi. Anh có biết ở đây họ làm điều đó như thế nào không? Họ đeo găng tay vào và sắp xếp không hề phát ra một tiếng động và cứ làm ra vẻ không hề biết tới những ánh mắt hau háu đang từ ngoài tấm kính phóng nhìn vào.

Natasha diễn tả những ánh mắt kia trên gương mặt mình.

– Ở các cửa hàng quần áo thời trang cũng vậy à?

– Đấy là nghề nghiệp của tôi mà. Cứ khi sắp chiều thì tôi chán ngấy những trò vè như vậy đến tận cổ.

Chúng tôi đang dạo ở một nơi cách không xa cửa hàng của Kahn mấy. Tôi nghĩ, tại sao mình không rẽ vào mượn anh ta cái bếp điện nhỏ. Tôi thật ngạc nhiên vì Kahn đang có mặt ở cửa hàng.

– Cô chờ cho một lát, - tôi nói với Natasha, - chúng ta sẽ giải quyết



vấn đề bữa tối ngay bây giờ đây.

Tôi mở cửa bước vào cửa hàng của Kahn.

– Tôi linh cảm là anh bạn sẽ tới mà. - Kahn nói, mắt phóng qua vai tôi nhìn Natasha Petrovna. - Anh bạn có muốn mời người bạn gái của anh vào đây không?

– Tuyệt nhiên không nên, - tôi đáp. - Tôi chỉ muốn mượn anh cái bếp điện thôi.

– Mượn ngay bây giờ à?

– Đúng vậy.

– Thế thì không ổn rồi. Chính tôi đang cần tới nó. Hôm nay radio sẽ tường thuật cuộc đấu giành giải vô địch môn đấm bốc. Carmen sẽ tới đây ăn cơm tối với tôi. Cô ta sẽ xuất hiện ngay bây giờ cho mà coi. Cô ta thế là đã lỡ hẹn bốn mươi lăm phút rồi.

– Carmen à? - Tôi hỏi và đưa mắt nhìn Natasha. Đột nhiên nàng bỗng trở nên đáng khao khát và xa cách với tôi biết bao sau tấm cửa kính quầy hàng, tựa như có cả khoảng cách hàng trăm cây số giữa tôi và nàng. - Carmen à? - Tôi nhắc lại.

– Đúng thế, mà tại sao hai bạn lại không ở lại đây với bọn này nhỉ? Chúng ta sẽ cùng nhau ăn bữa tối và sau đó nghe tường thuật trận đấm bốc.

– Một ý nghĩ thật tuyệt! - Tôi tán thưởng ngay. - Nhưng có đủ thức ăn không?

– Mọi thứ đã sẵn sàng!

– Chúng ta sẽ ăn tối ở đâu cơ? Đối với bốn người thì gian phòng của anh quá nhỏ.

– Chúng ta sẽ ăn ở ngoài cửa hàng.

– Ở cửa hàng à?

Tôi bước ra gặp Natasha đứng bên kia tấm kính cửa hàng trong ánh chiều bàng bạc vẫn với cảm giác nàng xa xôi, cách ngăn với tôi biết bao. Nhưng khi tôi đã bước lại bên cạnh nàng, một thứ cảm giác khác hẳn xâm chiếm lấy tôi: Natasha trở nên gần gũi hơn rất nhiều lúc trước đây. “Áo giáp của ánh sáng, bóng tối và hình nàng phản chiếu qua tấm kính đây mà”, - tôi thầm nghĩ và như rút ra khỏi nỗi buồn vô cớ.

– Anh ấy mời chúng ta ăn cơm tối, - tôi nói, - và nghe buổi tường thuật tranh giải vô địch môn đấu bốc!

– Nhưng còn món thịt hầm của anh thì sao?

– Ở đây cũng có thịt hầm. - Tôi nói thêm.

– Sao cơ?

– Rồi cô sẽ tận mắt thấy.

– Chẳng lẽ khắp thành phố này bạn bè của anh mỗi người đều có một soong thịt hầm à? - Natasha ngạc nhiên hỏi.

– Chỉ ở những điểm chiến lược thôi.

Tôi nhận ra Carmen đang đi tới. Cô gái mặc một tấm áo ngoài màu sáng, đầu không đội mũ. Natasha nhìn cô gái với ánh mắt trầm đánh giá. Carmen không hề tỏ ra bực bội hoặc tò mò vì ánh mắt soi chọc của Natasha. Trong làn ánh sáng khi thành phố đã lên đèn, mái tóc đen của cô gái như được nhuộm thành màu nâu đỏ.

– Em đến hơi chậm một lát, - cô nói giọng uể oải, - nhưng không sao, phải không ạ? À, có món thịt hầm trên bàn rồi. Em hi vọng hai anh có mang về đây một khúc bánh ngọt rưới mứt hạnh đào chứ?

– Rưới mứt hạnh đào, rưới mứt táo, có cả. - Kahn khẳng định. - Ngày hôm nay trước bữa cơm trưa anh đã nhận được một gói to từ nhà bếp

không bao giờ cận thức ăn của ông Vriesländer.

– Có cả rượu vodka kìa! - Natasha đã nhận ra.

– Thật là một ngày của những bất ngờ.

Món thịt hầm quả là ngon miệng hơn ngày hôm trước. Bởi lẽ chúng tôi ăn món này trong tiếng đàn organ. Kahn mở radio để không tuột đi buổi bình luận tranh giải vô địch môn đấm bốc. Buộc phải nghe cả chương trình trước buổi tường thuật này. Cũng kì lạ khi nhạc của Johann Sebastian Bach hòa quyện cũng không đến nỗi tồi với món thịt hầm theo kiểu Szeged, tuy tôi có cảm giác là nhạc của Franz Liszt sẽ hợp cảnh hợp tình hơn. Chúng tôi nhận ra phía bên ngoài tấm kính quây hàng đã nhóm họp một đám người qua đường chờ nghe buổi tường thuật trận đấm bốc, như lúc này thì họ đang chăm chăm nhìn chúng tôi. Chúng tôi như những chú cá vàng trong bể nuôi cá và họ đối với chúng tôi cũng tựa tựa như vậy.

Đột nhiên vang lên tiếng gõ cửa. Tôi và Kahn cứ nghĩ là cảnh sát tìm đến nhưng hóa ra là anh hầu bàn từ khách sạn phía đối diện mang vào bốn suất rượu.

– Ai gửi cho chúng tôi đây? - Kahn hỏi.

– Một ngài hói đầu. Có lẽ ông khách qua đường này nhìn qua tấm kính thấy các ông các bà uống rượu vodka và chai rượu đã cận.

– Bây giờ ông khách lạ kia đâu rồi?

Người hầu bàn nhún vai.

– Bốn suất rượu này ông khách đã trả tiền rồi. Lát nữa tôi sẽ sang lấy cốc.

– Thế thì xin anh mang thêm cho bốn suất nữa!

– Vâng.

Chúng tôi nâng cốc chúc sức khỏe đám người không quen biết đứng phía bên kia tấm kính. Trong ánh sáng của hàng đèn quảng cáo, tôi nhận ra chỉ ít có năm người sói đầu. Không thể nào nhận mặt nổi vị khách phúc đức kia. Chính vì vậy chúng tôi đã xử sự một cách hết sức đặc biệt: chúng tôi nâng cốc chúc mừng đám nhân loại chưa hề biết tên biết tuổi kia. Đáp lại, đám nhân loại ấy bắt đầu dùng ngón tay gõ nhịp lên mặt kính. Tiếng organ đã ngừng chơi. Tiếng nói của Kahn nổi lên oang oang. Anh ta bắt đầu phân phát những khoanh bánh ngọt. Anh ta xin lỗi vì chưa pha cà phê: để có cà phê phải mò lên gác trên và lục tìm hộp cà phê. Hiệp một của trận đấu bắt đầu.

Khi cuộc đấu kết thúc, Natasha Petrovna vươn vai, tay vẫn cầm cốc rượu vodka. Kahn đã thấm mệt. Anh ta là người cố vũ cho cuộc tranh tài nồng nhiệt nhất. Carmen thiếp ngủ một cách ngoan ngoãn, hiền lành.

– Tôi biết nói gì với hai bạn bây giờ đây, - phất tay về phía Carmen, Kahn nói.

– Cứ để cô ấy ngủ, - Natasha thì thào, - thôi chúng tôi đi đây. Rất cảm ơn anh Kahn vì mọi điều. Chúc ngủ ngon!

Chúng tôi bước ra ngoài đường phố.

– Có lẽ anh ta muốn ở lại một mình với cô ấy.

– Tôi không hoàn toàn tin là như vậy.

– Vì sao anh không tin cơ? Cô ta rất đẹp, - Natasha cất tiếng cười, - một vẻ đẹp đến bất nhẽ. Đẹp đến nỗi ở những người khác bỗng nảy nở cả một loạt những gì kém giá trị.

– Vì thế cô bỏ đi sao?

– Không. Chính vì thế mà tôi đã nán lại. Tôi rất thích những ai xinh

đẹp. Nhưng cũng đôi khi những người như vậy lại làm cho tôi cảm thấy buồn phiền.

– Vì sao cơ?

– Vì vẻ đẹp sẽ qua đi. Và tuổi già xộc tới liền. Để tránh cái cảm giác buồn rầu đó có lẽ cần đến một thứ gì đó lớn hơn nhiều một vẻ đẹp đơn thuần.

Chúng tôi thông thả dạo gót trên đường phố. Những chiếc tủ hàng đang thiu thiu ngủ chứa đầy những đồ trang sức loại rẻ tiền. Một vài cửa hàng thực phẩm vẫn còn mở cửa đón khách.

– Thật lạ lùng, - tôi nói, - tôi chưa hề bao giờ suy nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta già nua đi. Có thể bởi lẽ lúc nào đầu óc tôi cũng đọc một suy nghĩ về vấn đề “cố sao để được sống sót” và vì thế tôi chẳng nghĩ ngợi tới điều gì khác nữa...

Natasha phá lên cười.

– Và tôi cũng chẳng suy nghĩ tới điều gì khác.

– Có lẽ vấn đề sống còn luôn luôn lù lù hiện ra trước mắt tôi. Melikov khẳng định là tôi không qua nổi vấn đề kia đâu.

– Melikov luôn là một người già cỗi.

– Luôn luôn à?

– Luôn luôn quá già đối với cánh chị em. Nhưng ở đây không đơn giản là chuyện tuổi tác.

– Đúng thế, nếu xem xét sự việc một cách thuần túy.

– Tất cả chỉ là sự chối bỏ niềm vui sống dưới những tên gọi đẹp đẽ mà thôi. Anh có đồng ý với tôi không nào?

– Có thể. Tôi không biết nữa. Tôi không thể hiểu thêm hơn nữa về phương diện này.

Natasha ném sang phía tôi một cái nhìn rất nhanh.

– Hoan hô anh, - nàng nói với nụ cười trên môi và nắm lấy tay tôi.

Tôi chỉ sang bên trái.

– Kìa, cửa hàng giày dép. Vẫn còn sáng đèn. Ta đến xem nhé?

– Nhất định rồi.

Chúng tôi tiến đến gần cửa hàng hơn.

– Một thành phố lớn khủng khiếp, - Natasha thốt lên, - không biết đâu là vùng ngoại ô nữa. Anh thích New York chứ?

– Rất thích.

– Vì sao?

– Vì người ta chưa đuổi tôi khỏi nơi đây. Lý do quá đơn giản, phải không?

Natasha nhìn tôi ngẫm nghĩ điều gì đó.

– Và anh hài lòng về điều ấy chứ?

– Hài lòng vì một thứ hạnh phúc cón con. Thứ hạnh phúc của con người sơ đẳng có được một chỗ trú qua đêm và miếng ăn.

– Có đủ hai thứ đó chứ? - Nàng hỏi lại.

– Cho bước khởi đầu, đúng thế. Những cuộc phiêu lưu mạo hiểm đã khiến tôi chán ngấy rồi, đặc biệt nếu chúng lại trở thành những thói quen.

Natasha cất tiếng cười.

– Hạnh phúc ở một nơi thâm sơn cùng cốc, phải thế không anh? Anh tưởng tượng ra tất cả điều đó. Tôi không tin vào bất cứ một lời nào của anh.

– Tôi cũng vậy. Nhưng đôi khi tôi cũng tự an ủi mình bởi những câu

cách ngôn như vậy.

Natasha lại cất tiếng cười.

– Để không rơi vào sự thất vọng, phải không nào? Ôi, tất cả những điều đó tôi đã nghe đến thuộc lòng rồi.

– Ta đi đâu bây giờ? - Tôi hỏi.

– Một vấn đề lớn của một thành phố lớn. Tất cả mọi thứ chẳng bao lâu nữa sẽ làm cho người ta chán ngấy.

– Ta đến El Morocco có được không?

– Ngày hôm nay trong đầu anh hiện lên toàn những địa điểm dành cho các nhà triệu phú, tựa như anh là ông chủ của một xưởng sản xuất giày dép lớn.

– Tôi cần công diễn trước mắt thiên hạ bộ com lê mới của tôi chứ.

– Chứ không phải để họ thấy anh đi với tôi sao?

– Tôi không quen trả lời những câu hỏi như vậy.

Chúng tôi tới gian phụ của El Morocco, chứ không phải gian đại sảnh với cái trần hình sao và những chiếc đi văng kẻ sọc như những chú ngựa vằn. Trong gian nhỏ, Karl Inwald đang hát những ca khúc Hungary.

– Cô uống gì đây? - Tôi hỏi.

– “Xe tam mã Nga”.

– Đây là thứ rượu gì?

– “Xe tam mã Nga” ấy à? Vodka, bia gừng và nước chanh. Rất mát nhé!

– Tôi cũng thử xem sao.

Natasha thu chân lên đi văng, tháo giày để dưới sàn.

– Khác với người Mỹ, tôi không thích thể thao lắm, - nàng nói. - Tôi

không biết cưỡi ngựa, bơi lội hay chơi tennis. Tôi thuộc hạng người thích co căng lên đi vắng và tán gẫu.

– Cô có thể kể gì thêm nữa về bản thân mình?

– Tôi là người thiên về cảm xúc, một kẻ lãng mạn và còn là một kẻ không ai chịu đựng nổi nữa đây. Tôi mê thứ lãng mạn rẻ tiền. Càng rẻ tiền càng tốt. Thế nào, “xe tam mã Nga” anh cảm thấy ra sao?

– Tuyệt.

– Còn những bài hát Hung?

– Cũng tuyệt vời.

– Thật tốt. - Nàng ngồi thu mình rất thoải mái trong một góc đi vắng. - Đôi khi có một nhu cầu không thể cưỡng nổi là làm thế nào để những đợt sóng xúc cảm nuốt chửng ta đi, và ta sẽ quên phắt, bất kể sự thận trọng và dè dặt nào, cũng như mọi thứ được gọi là thị hiếu tốt. Sau đó có thể rũ sạch và thanh thản tự cười nhạo chính mình. Chúng ta sẽ hành động như thế nhé.

– Thì tôi cũng đã bắt đầu rồi đây.

Trên gương mặt Natasha vừa biểu lộ điều gì vui vẻ, thích thú lại vừa phảng phất nét buồn. Mặt nàng nhỏ nhắn, xinh xắn, với đôi mắt màu xám tro ẩn dưới những cuộn tóc dày nặng.

– Nào chúng ta hãy bắt đầu! - Nàng nói. - Tôi mang một mối tình bất hạnh, tôi thất vọng về mọi phương diện, tôi cô độc, tôi cần được chở che, an ủi, tôi không còn muốn nghe bất cứ điều gì nữa và tôi cũng không biết tôi sống để làm gì. Thật là đủ cho khúc dạo đầu rồi. - Nàng hớp một ngụm lớn và nhìn tôi như thiêu đốt.

– Không. - Tôi phản bác lại. - Tất cả những điều như vậy chỉ là tiểu tiết.



– Nhưng tôi không biết tôi sống để làm gì nữa.

– Mà ai biết được điều này chứ? Nếu ví như có ai đó biết được thì sự hiểu biết kia chỉ làm rối rắm cuộc sống thêm thôi mà.

Natasha nhìn tôi chăm chăm.

– Anh nói nghiêm túc đấy chứ?

– Tất nhiên là không rồi. Chúng ta đang tào lao thiên tượng mà. Cô không muốn như vậy sao?

– Không hoàn toàn đâu, chỉ một phần thôi.

Một người chơi dương cầm đi đến bên bàn và cất tiếng chào Natasha.

– Karl, - nàng nói, - hãy hát một khúc *aria\** từ vở *Bá tước Luxembourg* đi anh.

Aria: bài hát trong một vở nhạc kịch.

– Xin sẵn sàng làm theo ý chị.

Tay Karl bắt đầu chạy trên phím đàn. Anh ta hát rất hay và cũng là một nghệ sĩ dương cầm rất giỏi.

*Ai có thể gọi hạnh phúc tới đúng thời gian định trước.*

*Và lại một lần nữa biết giấu đi những nỗi đau hiện ra trước mắt.*

Natasha lắng nghe Karl hát đấy nhưng thực ra nàng lại như đang chìm sâu trong những suy nghĩ riêng tư của mình. Bài hát hết sức bình thường nhưng giai điệu lại rất đẹp, tuy lời ca, bao giờ cũng vậy, thật xằng bậy, nhảm nhí.

– Anh thấy bài ca thế nào? - Natasha hỏi.

– Thứ tâm lí tiểu thị dân.

Nàng chỉ suy nghĩ thoáng lát rồi nói với tôi:

– Thế thì anh phải thích nó lắm nhỉ. Hệt như cách anh đánh giá cao

thứ hạnh phúc trong cái góc khốn khổ khốn nạn của anh tại khách sạn.

Một thứ biện luận tuyệt vời, - tôi thầm nghĩ.

– Anh không thể bỏ qua mà không cần phê phán sao? - Bỗng nhiên Natasha nói với tôi rất bình thản. - Anh không thể đề cập tới điều gì mà không phê phán hoặc lên án nó sao? Anh sợ à?

Thật là những câu hỏi hết sức đặc địa giữa một hộp đêm ở New York vào lúc nửa đêm! Tôi cảm thấy bức bối với chính tôi bởi lẽ Natasha nói rất đúng. Thật là thảm thương biết bao khi mọi ý nghĩ của tôi đều xuất phát từ thân phận của một thằng người Đức.

– Khúc *aria* này làm tôi nhớ lại một thời kì đã xa xôi, tức những năm tháng trước khi cuộc chiến này nổ ra, - tôi nói. - Đây là một khúc *aria* rất cổ xưa, ngay đến cha tôi cũng thuộc lòng. Tôi còn nhớ rõ, thỉnh thoảng cha tôi vẫn hát nó. Cha tôi là một người đàn ông đã phát phì, thích đồ cổ và những khu vườn xưa nhiều kỉ niệm. Tôi cũng hay được nghe khúc *aria* này. Đây là một khúc *aria* tình cảm rút ra từ một vở opera. Tại những khu vườn ở vùng ngoại ô hoặc các thôn xóm Hungary, vào lúc hoàng hôn buông xuống, người ta vừa uống rượu vang vừa hát nó và khúc ca càng trở nên mùi mẫn, dễ làm rơi nước mắt hơn. Khúc ca càng xoáy sâu vào lòng dạ khi ta nghe nó dưới ánh sáng của những ngọn nến leo lét cháy, với sự hòa điệu của tiếng đàn dương cầm, tiếng ghi ta, tiếng kèn acmonica, vào những đêm hôm khuya vắng, tĩnh lặng. Dạo đó người ta còn hay hát một bài ca nữa: *Nhạc hết rồi, rượu cũng chỉ còn vài giọt thôi...*

– Anh Karl chắc cũng biết bài ca ấy.

– Nhưng lúc này tôi không muốn nghe anh ta hát bài ấy đâu. Đây là bài ca cuối cùng tôi được nghe khi bọn Quốc xã chỉ mới chiếm được nước Áo. Sau đó, chúng tiến công ô ạt.

Natasha đắm chiêu nghĩ ngợi một lát.

– Thế nào rồi anh Karl cũng sẽ hát lại khúc *aria Bá tước Luxembourg*.  
Nếu anh không muốn nghe, tôi bảo anh ta đừng hát lại nữa.

– Thì anh ta chỉ vừa hát xong đó thôi.

– Khi nào có mặt tôi ở đây, anh ta thường hát nó vài lần.

– Nhưng chúng ta cũng đã từng tới nơi này. Sao lần đó tôi không nghe thấy bài ca này?

– Hôm ấy không đến phiên của anh ta.

– Tôi nghe khúc ca này cũng với sự mãn nguyện như cô thôi.

– Thật thế sao? Khúc ca không gợi trong anh những kỉ niệm buồn ư?

– Cô không thấy rằng, nhiều điều phụ thuộc vào sự cảm nhận của từng người à? Nói gọn lại là, mọi hồi ức đều buồn thảm cả vì chúng gắn liền với quá khứ.

Nàng ngước lên nhìn tôi.

– Liệu đã tới lúc uống “xe tam mã Nga” lần nữa chưa anh?

– Nhất định rồi. - Bây giờ đến lượt tôi nhìn nàng.

Natasha không có vẻ đẹp ẩn chứa sự bi thảm của Carmen, nhưng gương mặt của nàng lại sở hữu những đường nét hội họa rất tuyệt diệu. Cặp mắt của nàng ánh lên tinh nghịch và luôn chứa đựng vẻ giễu cợt nhưng cũng lại rất nhanh chóng trở nên mơ mộng, dịu dàng.

– Sao anh lại nhìn tôi chăm chăm thế? - Natasha ném ánh mắt dò xét về phía tôi. - Sao, mũi tôi quá dài à?

– Không. Tôi chỉ vừa mới nghĩ là tại sao cô đối xử với đám bồi bàn và các chàng nhạc công hết sức thân thiện, còn đối với bạn bè lại đầy sự châm chọc, khiêu khích như vậy thôi.

– Tại vì họ là những kẻ không được chở che. - Nàng lại chăm chú nhìn tôi. - Tôi là kẻ hay khiêu khích, châm chọc lắm sao? Hay anh là người có quá nhiều thiên kiến?

– Vâng, có lẽ tôi có quá nhiều thiên kiến đấy.

Natasha cất tiếng cười.

– Bản thân anh không tin vào những gì anh nói đâu. Không một ai tự coi mình là người có quá nhiều thiên kiến đâu. Anh thú thật đi, anh không tin vào điều anh nói, phải không?

– Dẫu sao cũng phải tin một phần chứ.

Karl hát lần thứ hai khúc *aria Bá tước Luxembourg*.

– Đấy, tôi đã bảo trước cho anh rồi mà.

Một số người vừa bước vào quán. Họ cúi đầu chào Natasha. Nàng quen biết khá nhiều, tôi đã để ý thấy điều này. Sau đó có hai người đàn ông đi lại phía bàn của chúng tôi và nói chuyện với nàng. Tự nhiên trong tôi xuất hiện thứ cảm giác hẫng hụt tựa như máy bay rơi vào một cái túi không khí. Tôi cảm thấy chao đảo, tròn trành, điều này tuyệt nhiên không phải do món thịt hầm hoặc do rượu vodka gây ra. Có thể vì những hồi ức cũ với hình ảnh thành Vienna và người cha chết vì không kịp trốn chạy.

– Ở đây trở nên đông đúc quá rồi. - Natasha nói. - Chắc các vở kịch cũng vừa kết thúc. Ta đi thôi, anh nhé?

Các nhà hát vừa đóng cửa, - tôi thầm nghĩ, - và lập tức các hộp đêm đông ních các nhà triệu phú và mọi hạng người sống bám khác, cuộc chiến tranh vẫn đang xảy ra và tôi thì ở đâu đó giữa hai lớp sóng này. Có thể đấy là một ý nghĩ không công bằng và hay hóm gi, bởi vì giữa đám khách vừa chen chúc bước vào khách sạn kia có nhiều người mặc binh phục. Không phải tất cả bọn họ đều là những con chuột cống hèn nhát

cả đâu. Ở đây có cả những người từ các mặt trận được nghỉ phép trở về nhà. Nhưng lúc này làm sao mà tôi giữ được sự tỉnh táo, công tâm? Một nỗi bức bối yếu ớt như chẹn ngang cổ họng tôi.

Cất tiếng chào và trao đổi nụ cười với những người quen, chúng tôi bước đi trên một đoạn hành lang hẹp với những chiếc bàn trang điểm, những chiếc giá treo mũ áo. Ngoài phố tiết trời ấm áp, ẩm ướt. Một loạt tắc xi đứng chờ ngay trước cửa khách sạn. Người gác cổng vội mở cửa một chiếc tắc xi.

– Không cần tắc xi đâu. - Natasha nói. - Tôi sống ngay kể đây mà!

Đường phố trở nên tối hơn. Chúng tôi đã đi đến nhà của Natasha. Nàng vươn vai như một chú mèo.

– Tôi thích những cuộc trò chuyện đêm hôm như thế này khi người ta bàn đến đủ mọi thứ chuyện mà hóa ra lại cũng chẳng bàn đến chuyện gì cả. - Natasha nói. - Tất cả những gì mà tôi nói với anh, lẽ đương nhiên là không đúng như thế đâu.

Ánh sáng chói gắt của ngọn đèn đường hắt lên gương mặt nàng.

– Tất nhiên rồi, - tôi xác nhận, lòng vẫn sôi sục vì một nỗi bức bối yếu ớt khi mình tự thương hại chính mình.

Tôi choàng tay ôm hôn nàng, đinh ninh rằng nàng sẽ tức giận đẩy tôi ra.

Nhưng không như vậy. Natasha chỉ nhìn tôi với ánh mắt bình thản và có phần ngạc nhiên. Nàng đứng lặng một lát rồi cũng lặng lẽ bước vào nhà.

## XII



Tôi vừa từ nhà ông luật sư về. Betty Stein đưa cho tôi một trăm đô la, để trả khoản tiền nộp cho ông ta bước đầu. Nhìn lên chiếc đồng hồ có con chim cú cu treo trên tường văn phòng ông ta, tôi cố gắng nài nỉ ông luật sư bớt thêm cho tôi số tiền ông ta đòi nộp. Nhưng ông ta là người không chịu lùi ai một phân. Năm trăm đô la đối với tôi quả là một món tiền quá lớn.

Ông luật sư nói rằng đối với những người khác ông còn đòi một số tiền lớn hơn thế nhiều.

– Những người lưu vong như anh, - ông ta nói, - hằng năm tới nước Mỹ có tới hơn một trăm năm mươi nghìn người. Anh không phải là một ngoại lệ đáng động lòng trắc ẩn đâu. Mà anh muốn gì nào? Anh còn khỏe, còn có sức vóc, lại trẻ trung nữa. Tất cả các nhà triệu phú đều bắt đầu sự nghiệp công danh của họ bằng những thứ anh đang có đấy. Tình thế của anh lúc này nào có đến nỗi gì cho cam. Khốn khó chỉ là những ai già cả, bệnh hoạn, nghèo đói hoặc là dân Do Thái ở bên nước Đức thôi! Tôi còn có công việc khác quan trọng hơn nhiều. Xin anh đừng quên nộp khoản tiền còn lại đúng kì đấy nhé!

Tôi lê bước trong thành phố còn mờ mịt lớp sương ban mai. Vầng mặt trời tỏa ánh nắng xuyên qua những đám mây trong suốt, sáng lấp lánh. Những chiếc xe chạy vút qua toát lên vẻ tươi mới, choáng lộn. Công viên Trung tâm đầy ắp tiếng trẻ reo cười. Nỗi bực bội đối với ông luật sư dịu lắng đi, bây giờ chỉ còn đọng lại trong tôi nỗi bực tức đối với chính mình,

vì cái trò thâm thương mà tôi vừa bày ra.

Tôi đi qua khu bể bơi của những con sư tử biển. Lũ sư tử biển như bóng lộn lên dưới vầng mặt trời ấm áp, hết như những bức tượng đồng biết ngọ nguậy. Những chú hổ, chú báo và lũ khỉ đột được nhốt trong những chiếc chuồng sắt để ở ngoài trời. Chúng nô náo đi ngược, đi xuôi, ngược nhìn thế giới bên ngoài chuồng giam bằng những cặp mắt màu hổ phách trong suốt, vừa nhìn thấy tất cả mà lại cũng chẳng nhìn thấy điều gì hết. Những con khỉ đột đùa giỡn, ném vỏ chuối vào nhau. Đàn thú nom không còn là những con vật đói mỗi nữa, chúng bình thản, no nê trong buổi ban mai. Chúng đã lãng quên mọi nỗi đe dọa và cơn đói bụng - hai mối tác động của thiên nhiên, và để trả giá cho điều đó, chúng chỉ đành cam chịu một cuộc đời có phần đơn điệu đôi chút mà thôi. Nhưng ai mà biết nổi, chúng thích cảnh hoang dã nơi rừng rú hơn hay là cuộc đời có phần đơn điệu mà no đủ, yên hàn hơn? Thú vật cũng như con người ta, đều có những thói quen không ai muốn từ bỏ. Ấy thế mà từ những thói quen kia đến một cuộc đời đơn điệu lại cũng gần trong tấc gang. Những cuộc nổi loạn xảy ra cũng hiếm hoi thôi. Vô tình tôi bỗng nhớ đến Natasha Petrovna và triết lý về thứ hạnh phúc trong cái góc hộp đêm thâm hại của tôi. Nàng tuyệt nhiên không phải là một người nổi loạn, còn tôi thì bằng lòng với thứ hạnh phúc thâm hại kia cũng hợp lý thôi. Cả hai chúng tôi không có đất dưới chân, số phận xua đuổi chúng tôi lang bạt khắp nơi, chỉ đôi khi chúng tôi mới tìm được bến bờ để ổn định lại tinh thần. Nhưng liệu có phải là những con thú trong chuồng kia cũng có những khoản di chuyển và những bận ngừng nghỉ như chúng tôi không? Chỉ có điều chúng ít làm âm ỉ, ồn ào mà thôi.

Tôi rẽ vào một cái quán bên đường, gọi một tách cà phê. Uống tách cà phê, tôi nhớ tới một buổi sáng mùa hạ ở Paris, trong vườn Luxembourg. Dạo đó tôi phải đóng giả một kẻ phóng đảng để che mắt bọn cảnh sát.

Còn hôm nay tôi đến gần một viên cảnh sát xin lửa hút thuốc và anh ta đã đưa chiếc bật lửa cho tôi. Nhớ đến vườn Luxembourg, tôi nhớ đến khúc *aria Bá tước Luxembourg* tại hộp đêm El Morocco. Nhưng lúc đó là đêm còn bây giờ là một ngày sáng sủa, gió thổi mạnh. Mà ban ngày mọi vật nom đều khác lạ hẳn.

– Gió cuốn anh đi đâu đấy? Anh hoàn toàn biệt tăm biệt tích. - Silvers nói. - Để có tiền trả cho ông luật sư chẳng lẽ cần đến từng ấy thời gian cơ à?

Tôi thật sững sốt ngạc nhiên. Cái vẻ luôn luôn tỏ ra mình thuộc tầng lớp thượng lưu của Silvers đã bay biến đi đâu cả rồi. Tiện thể cũng cần nói thẳng ra là cái vẻ choáng lộn bề ngoài của ông ta không gây cho tôi sự tin tưởng bao giờ.

Lúc này nom ông ta cẩu kính, căng thẳng. Cúi hơi thấp cái đầu chải kĩ lưỡng, Silvers rảo những bước chân gấp gáp trong phòng. Cả những nét đều đặn, mềm mại trên gương mặt ông ta cũng biến mất. Silvers như con thú sắp lao vào đoạt mồi.

– Đi thôi, tôi và anh có ít thời gian lắm. Chúng ta cần phải treo tranh lên.

Chúng tôi bước vào gian phòng khách xếp đầy đồ gỗ. Silvers đi sang gian phòng giữa, mang tới hai bức tranh đặt trước mặt tôi.

– Anh hãy nói ngay cho tôi biết, không cần nghĩ ngợi làm gì, anh sẽ mua bức tranh nào trong hai bức này?

Lại một lần nữa là hai bức tranh của Degas. Cả hai bức đều không có khung. Cả hai đều vẽ những cô vũ nữ.

– Nào, linh hoạt lên chứ. - Silvers yêu cầu.



Tôi chỉ bức tranh bên trái.

– Bức này.

– Tại sao? Bức ấy vẽ không kĩ bằng bức kia.

Tôi nhún vai.

– Tôi thích bức ấy hơn. Còn nói ngay với ông vì sao thực là một việc khó. Ông hiểu điều này tốt hơn tôi nhiều.

– Đương nhiên là hơn rồi. - Silvers cần nhìn một cách khó chịu. - Đi thôi. Cần phải lồng hai bức tranh này vào khung trước khi người mua tới.

Tôi mang trong kho ra mấy chiếc khung.

– Cần phải đo kích thước trước đã, - ông ta lâu bầu. - Hai cái khung này vừa đấy. Chúng ta không còn thời gian để lồng tranh vào khung cho thật khít khao đâu.

Lắp vào khung, hai bức tranh thay đổi một cách kì lạ. Bức vẽ lúc trước tựa như lẫn lộn vào trong khoảng không gian, bây giờ đột nhiên như được tập trung lại, nổi bật hơn rất nhiều. Cả hai bức tạo ra ấn tượng hoàn chỉnh.

– Nhất định phải lồng khung mới đưa ra mắt khách hàng. - Silvers nói. - Chỉ những gã bán đồ cổ mới có thể phán xét về tranh mà không cần có khung. Thậm chí các ông giám đốc các viện bảo tàng cũng không phải lúc nào cũng có năng lực hiểu thấu đáo mọi góc cạnh. Theo anh, cái khung nào tốt hơn cả?

– Chiếc này.

Silvers nhìn tôi tọc mạch.

– Thị hiếu của anh quả là không tồi. Nhưng chúng ta sẽ chọn chiếc khác. Chiếc này đây. - Ông ta đặt cô vũ nữ vào cái khung khá rộng được trang hoàng nom sang trọng hơn.

– Liệu cái khung không quá rộng với một bức tranh còn chưa được vẽ xong chứ? - Tôi hỏi.

– Không sao cả. Bức tranh cần chính một cái khung như vậy.

– Tôi hiểu. Cái khung làm giảm nhẹ sự chưa hoàn thiện.

– Cái khung được làm khá kỹ lưỡng, hoàn thiện và điều này truyền sự hoàn thiện cho một bức tranh chưa hoàn thiện. Khung nói chung đóng một vai trò rất lớn. - Lựa một dáng ngồi cho thoải mái hơn, Silvers lên lớp cho tôi. Nhiều lần tôi đã để ý thấy ông ta thích lên giọng dạy dỗ. - Một số người buôn bán các tác phẩm nghệ thuật thường hay tính từng xu từng hào khi đặt mua khung. Họ cho rằng khách hàng không lưu tâm lắm đến một chiếc khung của bức tranh. Giá khung bây giờ khá đắt. Những khung mạ vàng tuy còn đắt hơn nữa, nhưng thoạt nhìn vẫn nghĩ là khung thực từ thời xa xưa.

Tôi thận trọng đặt một bức tranh của Degas vào khung. Trong khi đó Silvers chuẩn bị khung cho bức thứ hai.

– Ông định đưa cho khách xem cả hai bức một lúc hay sao? - Tôi hỏi.

Silvers mỉm cười ma mãnh:

– Không. Tôi giữ lại bức thứ hai.

Cuối cùng cả hai bức tranh cũng đã được lồng khung. Silvers bảo tôi mang một trong hai bức vào gian phòng ngủ.

Bà vợ của ông ta có một gian phòng ngủ thật tuyệt vời. Trên tường và ở khoảng cách giữa hai ô cửa sổ treo một số bức vẽ chì và bột màu.

– Tháo bức tranh của Renoir xuống. Thế vào chỗ nó anh treo bức tranh của Degas cho tôi. Bức của Renoir xin anh treo hộ ở chỗ bàn trang điểm, còn bức phác thảo của Berthe Morisot anh thu đi hộ cho. Anh kéo bức rèm phía bên phải lên một chút. Chút nữa. Thế, bây giờ thì đủ sáng rồi.

Bỗng có tiếng chuông gọi cửa.

– Ông khách đến đấy! - Silvers kêu lên. - Anh hãy chờ, khi nào tôi gọi anh hãy xuất hiện.

Tôi bước vào khu nhà kho và ngồi đợi trên một chiếc ghế. Ở đây tôi có cảm giác như ngồi trong gian khám đá nhà tù. Có lẽ tôi đã thiêu thiêu ngủ được một lát. Đột nhiên tiếng chuông lại vang lên. Nghe rõ Silvers đang trò chuyện với một người nào đó. Tôi bước ra gian ngoài. Tại đó tôi nhìn thấy một người đàn ông đẩy đà với đôi tai đỏ hồng và cặp mắt lợn nhỏ tí hí.

– Anh Ross, - Silvers nói với giọng ngọt ngào, - xin anh mang giùm cho tôi bức phong cảnh sáng màu của Sisley.

Tôi mang bức tranh đặt trước mặt Silvers và ông khách hàng. Mãi một lúc rất lâu Silvers không hề thốt ra một lời nào. Ông ta phóng mắt ra ngoài khung cửa ngắm nhìn những đám mây.

– Ngài thích chứ? - Silvers hỏi ông khách, đương nhiên bằng một giọng cố ý làm ra vẻ chẳng xằng xái gì. - Đây là một trong những tác phẩm khá nhất của nhà danh họa Sisley. Bức *Nạn hồng thủy* này là niềm mơ ước của bất cứ nhà sưu tập nào.

– Vớ vẩn. - Ông khách đáp lại bằng giọng còn thờ ơ hơn giọng của Silvers nhiều.

Silvers mỉm cười:

– Nếu bức tranh là thứ vớ vẩn thì bình phẩm cũng chẳng khác hơn! - Silvers nhận xét với ý giễu cợt. - Anh Ross, - Silvers nói với tôi bằng tiếng Pháp, - anh hãy mang bức tranh tuyệt tác này cất đi.

Tôi ngần ngừ giây lát đợi xem Silvers bảo tôi sẽ mang bức tranh nào tới. Nhưng chẳng thấy ông ta nói gì, tôi đành mang bức tranh của Sisley đi. Nhưng tôi vẫn còn kịp nghe thấy lời của ông ta nói với vị khách: “Ngài

Cooper ơi, hôm nay tâm thần ngài không ổn rồi. Thôi ta để đến một dịp khác vậy.”

Thật là ma mánh! - Tôi tự nghĩ trong cái gian nhà kho dùng đục tối. - Bây giờ thì ngài Cooper phải toát mồ hôi hột mất. Một lúc sau tôi lại nghe thấy Silvers gọi tôi và thế là tôi bắt đầu bê hết bức tranh này đến bức tranh khác ra phòng ngoài. Silvers và ông khách đang hút thuốc lá trong một chiếc hộp thuốc dành riêng cho khách. Sau đó đến lượt tôi phải dẻo lưỡi đối đáp với khách.

– Bức tranh của Degas không có ở đây thưa ngài Silvers! - Tôi nói.

– Thế bức tranh ở đâu? Nó cần phải ở đây chứ?

Tôi bước đến, xấp gần Silvers thì thào nhưng cố ý để ông khách nghe thấy:

– Thưa ông ở gác trên, trong phòng của bà nhà ạ.

– Ở đâu?

Tôi nhắc lại điều vừa nói bằng tiếng Pháp rằng bức tranh hiện đang treo trong phòng ngủ của bà Silvers.

Silvers vỗ vỗ vào trán.

– À, à, đúng rồi. Tôi hoàn toàn quên điều đó. Thôi thế là không xong rồi...

Tôi thán phục ông chủ không sao kể xiết. Bây giờ một lần nữa, Silvers lại nhường lời cho vị khách. Ông ta cũng không hề hé răng nói là bức tranh ấy là món quà ông đã tặng bà vợ, thuộc quyền sở hữu của bà ta. Đơn giản là ông ta chỉ im lặng và chờ đợi.

Tôi cũng lẩn vào cái hang của mình và quyết định chờ đợi. Tôi có cảm giác như Silvers đang nắm chắc cái cần câu mà con cá mập kia đã ngoắc phải lưỡi và cuộc vật lộn giữa ông ta và con cá mập chẳng biết rồi sẽ

kết cục ra sao đây - hoặc con cá mập sẽ kéo ông ta xuống đáy biển sâu hoặc ông ta sẽ vật được nó lên thuyền - câu trả lời ngay lúc này thật khó. Nhưng dẫu sao thì Silvers vào lúc này cũng có lợi thế hơn vì nói trắng ra là con cá mập chỉ có một lối thoát thôi, nhả mồi ra và bơi đi thẳng. Silvers và cá mập cứ ngồi đó nói với nhau về tình hình đồng tiền mất giá, hàng hóa trở nên khan hiếm, về những ngày yên ổn xa xưa, và cuộc chiến đang diễn ra hiện nay... Rồi bỗng làm như tình cờ tôi nghe thấy cá mập hỏi Silvers:

– Ông còn một bức tranh của Degas mà ông muốn đưa cho tôi coi phải không nhỉ?

– À, đó là bức tranh treo trong phòng ngủ của vợ tôi chứ gì? - Silvers vươn vai.

Và ngồi trong kho tôi bỗng nghe một hồi chuông réo gọi tôi.

– Bà nhà có nhà không anh?

– Không ạ. Bà ấy đã đi đâu đó nửa giờ trước đây.

– Thế thì anh làm ơn mang hộ bức tranh treo gần tấm gương trong buồng ngủ của bà ấy xuống đây cho tôi với.

– Xin ngài phải chờ cho một lúc mới được ạ, - tôi nói, - để bức tranh không bị gió làm rơi, ngày hôm qua tôi đã bắt thêm mấy cái đinh vít để nó gắn khá chắc vào tường. Xin ngài chờ cho mấy phút để tôi gỡ đinh vít ra ạ.

– Không cần đâu! - Silvers cắt ngang lời tôi. - Tốt hơn là để tôi và ngài đây lên tầng gác. Ngài không thấy có gì trở ngại chứ ngài Cooper?

– Cũng hơi phiền một chút.

Tôi lại trở về cái hang của mình. Một lát sau tôi nghe thấy bước chân hai người đã trở xuống phòng dưới và tôi được lệnh lên gác gỡ bức tranh

kia mang xuống. Thực ra thì có chiếc đinh vít đinh việc gì đâu, tôi chỉ việc đứng trên đó vài phút cho qua chuyện thôi. Qua ô cửa sổ nhìn ra sân tôi thấy bà Silvers đang ẩn dưới bếp. Bà ta ra hiệu hỏi tôi mọi việc đã xong chưa. Tôi lắc đầu tỏ ý nỗi hiểm nguy còn chưa qua, bà ta còn phải ẩn náu ở nơi đó một lát nữa đã.

Tôi mang bức tranh xuống phòng khách và bước ra. Rồi sau đó ông chủ và vị khách nói với nhau những gì tôi không hay biết, bởi lẽ Silvers đã đóng sầm cửa lối dẫn vào gian nhà kho. Cuộc trò chuyện giữa hai người ở phòng khách kéo dài khoảng thêm nửa tiếng nữa, khi tôi được Silvers gọi vào thì mọi chuyện đã trót lọt.

– Xin có lời chúc mừng ông, - tôi nói.

– Khoảng hai năm nữa khi các tác phẩm nghệ thuật lên giá, thằng cha này tha hồ mà vênh váo đây.

– Thế thì tại sao ông lại bán tranh đi?

– Bởi lẽ tôi không thể không làm như vậy được. Để đồng tiền lưu thông mà. Vừa nãy anh nghĩ ra cái trò bắt đinh vít bức tranh vào tường quả là khá đấy. Anh đã tiến bộ trông thấy trong nghề nghiệp này...

– Có nghĩa là tôi xứng đáng được ông cho tiền thưởng chứ?

Silvers nheo mắt lại:

– Anh đạt được tiến bộ khá nhanh, nhưng xin anh đừng quên cho là anh đến đây để học nghề mà tôi không đòi anh phải trả tôi một đồng xu, một thứ nghề mà bất kì ông giám đốc viện bảo tàng nào cũng khao khát được thụ giáo đấy.

Buổi tối tôi đến thăm chị Betty Stein để cảm ơn chị vì số tiền chị đã cho tôi mượn. Tôi thấy chị với đôi mắt sừng mọng và tâm trạng bất an.

Một số bạn bè đã tập trung ở đây rõ ràng là để an ủi chị.

– Nếu tôi đến không đúng lúc, ngày mai tôi sẽ lại, - tôi nói, - tôi muốn đến để cảm ơn chị.

– Cảm ơn vì điều gì cơ? - Chị Betty nhìn tôi bối rối.

– Vì khoản tiền chị đưa để tôi nộp cho ông luật sư, - tôi nói, - tôi đã được gia hạn hộ chiếu rồi. Như thế là tôi có thể ở lại đây một thời gian nữa.

Chị Betty òa khóc.

– Chuyện gì đã xảy ra với chị ấy thế? - Tôi hỏi anh bạn diễn viên Rabinowitz.

– Anh chưa hay sao? Moller đã chết. Chết ngày hôm kia rồi.

Rabinowitz ra dấu để tôi đừng hỏi thêm nữa. Anh ta đưa chị Betty đến ngồi vào chiếc ghế xô pha rồi quay trở lại với tôi. Trong phim anh thủ vai những tên phát xít bất trị nhưng trong cuộc đời anh lại rất hiền lành, dịu dàng.

– Moller treo cổ tự vẫn, - Rabinowitz nói, - tự vẫn ngay ở trong phòng của anh ta. Anh ta treo cổ lên cọc đèn chùm. Các bóng đèn và cả ngọn đèn chùm trong phòng anh ta đều bật sáng tất cả. Có lẽ anh ấy không muốn chết trong tăm tối. Hình như anh ấy treo cổ vào lúc đêm.

Tôi định ra về.

– Hãy ở lại đây với chúng tôi! - Rabinowitz nói. - Càng nhiều bạn bè ở bên cạnh, chị Betty càng cảm thấy nguôi vơi hơn. Chị ấy không muốn ở một mình.

Không khí trong gian phòng hết sức nặng nề, ngột ngạt.

– Tôi là một con bò ngu ngốc! - Chị Betty hét lên trong cơn nước nức. - Đáng lí ra cần phải bình tĩnh hơn. - Chị đứng lên. - Bây giờ tôi đi pha cà

phê cho anh. Hay anh muốn uống thứ gì khác?

– Không cần đâu chị ơi, tôi không cần gì cả.

– Không, tôi đi pha cà phê cho anh đây!

Tấm áo chị Betty vện trên người kêu sột soạt, chị đi ra bếp.

– Đã rõ nguyên do chưa? - Tôi hỏi Rabinowitz.

– Chẳng lẽ phải cần đến nguyên do sao?

Tôi bỗng nhớ đến thứ triết lí của Kahn về bước ngoặt trong cuộc đời, về những con người bị tách lìa quê hương, xứ sở - theo như lời Kahn nói, hình như nỗi hiểm nguy rình rập họ khắp nơi, khắp chốn.

– Không, - tôi đáp.

– Không nên nói anh ta chết vì bị sự túng đói dồn vào chân tường. Anh ta cũng không phải là người hay đau yếu. Hai tuần trước còn nhiều người gặp anh ta.

– Anh ta đang làm việc à?

– Anh ta đang viết. Nhưng không được in ấn một tí gì cả. Trong vài năm anh ta chẳng được in một dòng nào cả. Điều ngại nhất là chị Betty cứ nằng nặc đòi được nhìn thấy Moller lần cuối.

– Thế bây giờ đang để anh ta ở đâu?

– Tại nhà xác. Anh đã bao giờ phải đến những nơi như vậy chưa? Tốt nhất là nên tránh xa. Người Mỹ là một dân tộc còn trẻ, họ không chấp nhận cái chết. Họ hóa trang cho người quá cố nom như người đang ngủ. Người ta ướp xác nhiều người.

– Nếu người ta hóa trang cho Moller... - Tôi nói.

– Chúng tôi cũng nghĩ ngợi về việc này, nhưng chẳng có ích gì. Muốn ướp xác cũng tốn kém lắm. Cái chết ở Mỹ là một trò đùa đắt giá mà.



– Chẳng riêng gì ở Mỹ đâu, - một người khác xen vào.

– Nhưng lẽ dĩ nhiên không phải là ở Đức.

Tôi để ý thấy trong cái khung ảnh treo trên tường nhà chị Betty không còn bức ảnh của Moller. Bức chân dung của anh ta treo ở một phía tường khác, chưa đóng khung đen, nhưng chị Betty đã gắn lên góc khung ảnh một băng vải tang. Trên ảnh Moller mỉm cười, một nụ cười từ mười lăm năm trước. Chị Betty bước vào với chiếc khay tách trên tay. Chị rót cà phê vào từng cái tách một.

– Đường đây các anh, - chị nói.

Mọi người uống cà phê, tôi cũng uống theo.

– Ngày mai sẽ chôn anh ấy. - Chị Betty nói. - Các anh đi cả chứ?

– Tôi sẽ đi, nhưng chôn ở đâu?

– Ở đường số 14.

– Sao lại ở đấy?

– Người ta không chôn mà thiêu xác. Thiêu xác rẻ tiền hơn.

– Cái gì cơ?

– Thiêu xác.

– Thiêu xác, - tôi lặp lại như cái máy.

Chị Betty bước lại gần chúng tôi.

– Anh ấy nằm ở nhà xác một mình giữa những người xa lạ, - chị thở than. - Nếu giả như quan tài của anh ấy được đặt ở đây giữa chúng ta trước khi chôn... - Chị quay về phía tôi. - Anh muốn hỏi gì nhỉ? Ai cho anh vay tiền? Vriesländer.

– Vriesländer?

– Tất nhiên rồi. Ngoài ông ta ra còn ai khác đâu? Nhưng sáng mai anh

nhất định đi đưa anh Moller chứ?

– Nhất định rồi, - tôi đáp.

Thế là đã rõ. Ông già Vriesländer cho tôi vay tiền. Còn biết nói gì nữa đây?...

Rabinowitz tiến tôi ra đến cửa.

– Chúng tôi cần phải ngăn không để chị ấy nhìn thấy Moller, - Rabinowitz thì thào đủ tôi nghe được. - Ý tôi muốn nói là vì anh ấy tự vẫn nên người ta buộc phải mổ xác Moller. Chị Betty không biết điều này. Anh cũng đã biết chị ấy là người luôn muốn làm theo ý mình bằng mọi cách. May sao anh bạn tôi đã bỏ một viên thuốc ngủ vào tách cà phê của chị ấy rồi. Cái khó nhất là trong buổi đám ma anh ấy làm sao giữ được chị Betty ở nhà. Mai anh đến chứ?

### XIII



Mấy tiếng thiêu xác tự dưng cứ làm tôi mỗi lúc một thêm bức bối. Tôi biết rằng các cơ quan phụ trách việc chôn cất không có lò thiêu xác riêng của họ. Lò thiêu xác chỉ có tại các trại tập trung bên Đức mà thôi. Ý nghĩ này cứ dai dẳng bám riết trong đầu tôi, ong ong như tiếng vo ve của một đàn ruồi đang bay hỗn loạn. Tôi cảm thấy hết sức nặng nề, khó chịu khi phải sống lại những đoạn hồi ức xa xưa, bởi vì tôi đã thề với mình rằng sau lễ cầu hồn, nếu còn phải tiếp tục đưa người quá cố đến tận nơi hỏa táng, tôi sẽ khước từ không đi. Không, tôi không khước từ nổi vì tôi không tìm ra được lí do gì để giải thích với mọi người.

Có ai vừa nói gì với tôi, nhưng tôi không để tâm tới. Tôi muốn ỏi mưa vì sự ngọt ngào và vì mùi thơm gần gũi của những vòng hoa. Tôi nhận ra Vriesländer, Rabinowitz. Đám tang vốn vẹn chỉ có chừng hai mươi hoặc ba mươi người. Một nửa trong bọn họ tôi chưa hề quen biết, nhưng cứ xét theo bề ngoài của họ, đa phần họ là các nhà văn, các nghệ sĩ. Hai chị em Koller, Kahn và Carmen cũng có mặt ở đây. Lễ cầu hồn may sao, kết thúc khá chóng vánh.

Chúng tôi bước ra đường phố. Người đi bên cạnh tôi hóa ra là ông già Vriesländer. Tôi thậm nghĩ có nên lợi dụng lúc này bày tỏ lòng cảm ơn vì ông ta đã cho tôi mượn tiền không đây?

- Ta đi thôi, - ông già nói, - tôi có xe riêng.
- Đi đâu ạ? - Tôi hỏi trong cơn hoảng hốt.

– Đi đến chị Betty. Chị ấy sẽ cho ta uống và ăn chút gì.

– Đã đến giờ tôi phải đi làm rồi, - tôi nói.

– Ô, lúc này đang giờ nghỉ ăn trưa. Anh có thể ở đó một chốc lát thôi cũng được. Chỉ cần để chị ấy nhận ra anh đã tới. Chị ấy sẽ xúc động lắm. Bao giờ chả vậy. Anh quá hiểu tính khí chị Betty rồi. Nào đi thôi.

Cùng đi với chúng tôi tới nhà chị Betty có Kahn, Rabinowitz, hai chị em Koller và Carmen.

– Đây là cơ hội duy nhất để chúng ta làm chị Betty tin rằng chúng ta không vĩnh biệt anh Moller. - Rabinowitz nhận xét. - Chúng ta đã nói là sau lễ cầu hôn, chúng ta sẽ đến với chị ấy. Chị Betty rất tự hào vì tài tháo vát của một bà nội trợ của mình. Chị ấy đã dậy từ sáu giờ sáng để chuẩn bị tất cả. Chúng tôi đã khuyên chị ấy làm cho món xa lát và những thứ đồ nguội. Thời tiết nóng nực như thế này những món như vậy thích hợp hơn.

Chị Betty ra đón chúng tôi. Hai chị em Koller liền lao ngay vào bếp với chị Betty. Chiếc bàn đã được phủ khăn ăn. Sự bận rộn, xằng xái nơi đây có điều gì đó khiến ta đắm mủi lòng.

– Những cuộc họp mặt sau đám tang như thế này có tự thời xa xưa, - Rabinowitz nói, - những phong tục hết sức cổ...

Say sưa, Rabinowitz giảng giải về những phong tục và thói quen đã nảy sinh từ buổi ban mai của nhân loại.

Kĩ lưỡng, tỉ mỉ quá - tôi lắng nghe Rabinowitz nói một cách lơ là, trong đầu thầm nghĩ, và tôi cố tìm cách làm sao rút lui khỏi nơi đây mà không ai để ý thấy. Chị em Koller đã bước ra với những đĩa thức ăn trên tay: cá mòi bỏ lò, gan xào... Những chiếc đĩa được phân phát cho mọi người. Tôi để ý thấy trong số khách đã có mặt ở nhà chị Betty trước khi chúng tôi tới, có một anh chàng đã xoắn xuýt lấy một trong hai chị em

Koller. Như thế đấy, cuộc sống vẫn tiếp tục dòng chảy của mình. Cái cuộc sống ấy có thể là hết sức khủng khiếp mà cũng có thể là hết sức tuyệt vời, điều này phụ thuộc vào cách nhìn nhận của mỗi người. Thôi cứ coi là cuộc đời này tuyệt vời đi!

Suốt buổi chiều tiếp theo đó tôi lắng nghe Silvers giảng dạy.

– Thói khoe mẽ và ghen tị là những kẻ đồng minh ta còn chưa đánh giá hết nằm trong bản tính của các gã buôn đồ cổ, - ông chủ giảng giải. - Một bức tranh dù chỉ một lần thôi đã được trưng bày tại viện bảo tàng Louvre hoặc Metropolitan, giá trị của nó sẽ tăng lên rất nhiều. Người mua tác phẩm nghệ thuật hiểu rất rõ nhà triệu phú cụ thể nào thích bức tranh nào và cứ thế họ tăng giá lên...

– Trong thực tế có những vị giàu có yêu thích những tác phẩm hội họa thật sự hay sao?

– Ý anh muốn nói tới các nhà sưu tầm chân chính chứ gì? Những người như vậy cứ chết dần chết mòn đi. Bây giờ người ta sưu tầm tranh để đầu tư tiền bạc vào đó hoặc để khoe khoang sự giàu có đối với thiên hạ.

– Thế sao trước kia không như vậy?

Silvers nhìn tôi giễu cợt.

– Vào thời buổi yên hàn, mọi điều diễn ra một cách khác. Vào thời điểm ấy sự am tường nghệ thuật thật sự có thể được hình thành dần dà trong suốt cuộc đời của một hai thế hệ. Sau mỗi cuộc chiến tranh liền xảy ra sự phân định lại quyền sở hữu: có kẻ khuynh gia, có kẻ phát lên. Những nhà sưu tập xưa kia trở thành kẻ quét sơn, đánh vôi hồ. Bọn giàu xổi mới nổi trở thành các nhà sưu tập, sưu tập tuyệt nhiên không vì tình

yêu không gì cưỡng nổi đối với nghệ thuật đâu. Bao giờ thì bọn buôn nhà đất và bọn sản xuất súng đạn kia mới có được tình yêu ấy? Nó chỉ xuất hiện khi họ đã trở thành các nhà triệu phú, vì bà vợ họ ghen tị nhà mình không có tranh Monet, còn ông triệu phú kia có một loạt tranh của nhà danh họa. Thật đáng thương sao những bức tranh vô giá. Chúng bỗng bị mua đi bán lại hết như những tên nô lệ.

Silvers hào hứng, hùng hồn và không nhận ra tôi không quan tâm nhiều đến những điều ông ta đang rao giảng. Thật không cố ý nhưng đầu óc tôi lại trở về với buổi lễ tang Moller. Khi tôi rời khỏi nhà chị Betty, đột nhiên Carmen bỗng tru lên: “Ông Moller tội nghiệp! Bây giờ thì ông ta đã hóa thành tro trong lò hỏa thiêu rồi!” Tiếng kêu của Carmen vừa như khía vào lòng dạ tôi lại vừa khiến tôi suýt phì cười. Suốt buổi sáng hôm nay ý nghĩ về việc thiêu xác cứ âm ỉ trong tôi như cơn đau răng. Tôi đã được chứng kiến cảnh thiêu xác như thế nào rồi. Tôi hiểu rõ gương mặt, mớ tóc, cặp mắt của người chết trong ngọn lửa ra sao...

Silvers vẫn thao thao bất tận. Tôi bỗng phát ghen tị với ông ta vì sự hiểu biết và nhất là vì niềm say mê cái công việc mà ông ta đang thực thi.

Đang ngồi trong góc phòng tôi bỗng nhận ra chiếc xe Rolls-Royce đã có lần đậu trước khách sạn nơi tôi ở. Tôi nhảy vội ra đường mong gặp Natasha Petrovna.

– Anh ấy kìa rồi, - Natasha reo lên, - phải đổ vodka cho anh ấy liền. Hay lúc này trời quá nóng nực, không nên...

– Tôi cần phải học cách pha chế thứ nước uống “xe tam mã Nga” mới được, - tôi nói. - Mùa hè ở New York hết như trong một cái bếp lò sưởi khổng lồ. Ở Paris hoàn toàn khác cơ.

– Hôm nay tôi lại đóng vai trò của một kẻ phiêu lưu đây! - Natasha nói. - Tôi có quyền sử dụng chiếc Rolls-Royce và anh tài cho tới mười

một giờ. Anh có muốn phiêu lưu với tôi lần nữa không?

Nàng nhìn tôi với ánh mắt mời mọc. Còn tôi thì nghĩ mình đã tiêu sạch tiền rồi.

– Đi đâu cơ? - Tôi hỏi.

Nàng cất tiếng cười.

– Không đến nhà hàng Longchamps nữa đâu. Ta ra Công viên Trung tâm ăn món hamburger.

– Và uống Coca-Cola.

– Uống bia để xót thương thứ tình cảm châu Âu của anh.

– Tốt.

– Natasha muốn kéo tôi đi theo cô ấy, - Melikov nói xen vào, - nhưng tôi lại muốn mời hai người tới nhà Raoul.

– Đến để dự lễ hỏa thiêu hay vì một lễ lạc gì tưng bừng, vui vẻ? - Natasha hỏi.

– Để bàn chút công chuyện. Raoul muốn thuê nhà và cưới John. Tôi cần phải khuyên ngăn anh ta. Ông sếp của tôi ra lệnh như vậy.

– Sếp nào cơ? - Tôi hỏi.

– Ông chủ khách sạn ta ở ấy.

– Cái ông sếp bí mật kia là ai vậy? Tôi đã gặp ông ta lần nào chưa nhỉ?

– Cô chưa gặp đâu, - Melikov đáp cụt lủn.

– Bớ lão cái nhà ông này! - Natasha bực bội.

– Cô không nên nói như vậy. Natasha không nên nói như vậy. Đây là những lời lẽ không hay ho gì.

– Tôi biết lão ta, - Natasha nói. - Tôi sống ở đấy mà. Lão mập ú, phục

phịch, mặc bộ com lê ngắn tùn. Lão muốn ngủ với tôi mà.

– Natasha! - Melikov nói như quát.

– Thôi được, tôi sẽ chiều theo ý ông. Ta nói chuyện khác vậy. Nhưng quả là lão ta muốn ngủ với tôi mà.

– Ai mà chả muốn điều đó, Natasha? - Melikov lại mỉm cười.

– Nhưng luôn luôn không phải là người tôi cần đến, ông Melikov ạ. Thật là cay đắng! Rót cho tôi thêm chút vodka nữa.

Nàng quay sang tôi.

– Rượu vodka ở đây thật ngon bởi vì ông chủ của ông Melikov ngoài nhiều việc khác ra, còn là chủ nhà máy nước nữa. Chính vì thế rượu vodka ở đây rẻ hơn ở nơi khác. Nó còn rẻ nữa đối với riêng tôi bởi lẽ ông chủ vẫn chưa từ bỏ ý muốn được ngủ với tôi. Lão ta có sự kiên nhẫn thật đặc biệt. Sức mạnh của lão ta là ở chỗ đó.

– Natasha! - Melikov kêu to.

– Thôi đủ rồi, ta đi thôi. Hay anh còn muốn uống thêm chút rượu của lão bố láo đó? - Nàng hỏi tôi.

Tôi lắc đầu.

– Tôi thích uống rượu vodka trong xe Rolls-Royce! - Melikov tuyên bố.

– Tốt nhất là hãy uống ở đây, - Natasha nói. - Trong xe nếu xảy ra chuyện gì đã có sẵn một chai rượu Đan Mạch. Hình như tối hôm qua ông chủ của chiếc xe đi chơi với mèo.

Chúng tôi bước ra ngoài phố. Anh tài đứng hút thuốc bên xe.

– Ngài có muốn tự lái lấy không, thưa sếp? - Anh ta hỏi tôi.

– Lái chiếc Rolls-Royce này ăy à? Không, tôi không chơi liêu đâu. Tôi lái dở lắm. Ngoài ra tôi lại không có quyền được cầm lái.



– Thật tuyệt! Không có gì ngán hơn một anh chàng lái xe nghiệp dư. - Natasha nói.

Tôi nhìn nàng. Có cảm tưởng là nàng sợ sự buồn chán hơn mọi thứ trên đời này. Tôi yêu Natasha. Nàng là hiện thân của niềm tự tin vào bản thân mình. Chính vì thế rõ ràng là nàng ưa thích những cuộc phiêu lưu mạo hiểm, trong khi tôi căm ghét chúng, từ rất lâu rồi sự phiêu lưu mạo hiểm đã là thứ bánh mì hằng ngày của tôi. Thứ bánh mì khô, răn. Khô răn và nghiệt ngã như những chiếc cùm.

– Đúng là cô muốn tới Công viên Trung tâm sao?

– Mà sao lại không cơ chứ? Quán nhậu ở đây cũng đã mở cửa. Có thể ngồi ngoài trời và ngắm những con sư tử biển đùa giỡn. Trong lúc đó những chú hổ còn đang ngủ. Nhưng những chú bồ câu thì lại sà thấp sát bàn ăn. Thậm chí những chú sóc chạy ra tận đường xe. Còn nơi nào có thể gần thiên đường hơn thế nữa?

– Cô nghĩ anh xế tài hoa của chiếc Rolls-Royce sẽ hài lòng nếu trong bữa trưa ta mời anh ấy ăn hamburger và uống nước khoáng? Bia hoặc rượu thì có lẽ không nên mời anh ta rồi!

– Anh hiểu rất nhiều chuyện đấy. Anh ấy uống như một chú gấu. Có điều là không phải hôm nay vì sau đó anh ta phải chở người chủ của chiếc xe này đi xem hát. Còn hamburger thuộc sở thích của anh ta. Và cả của tôi nữa.

Yên ắng quá. Ngoài chúng tôi ra, ngoài hàng hiên còn vài ba người khách nữa. Ánh chiều tà vương vấn trên các tán cây. Những con gấu nâu đã sắp đi ngủ. Chỉ riêng những con gấu trắng vẫn mê mải bơi lội trong những chiếc bể bơi nhỏ nhỏ của chúng. Anh tài xế của chiếc Rolls-

Royce ngồi riêng ra một góc đã ăn hết sạch ba chiếc hamburger khá lớn có rưới nước sốt cà chua với dưa chuột muối cùng một cốc cà phê đen.

– Thật tiếc không thể dạo chơi ở đây ban đêm được. - Natasha nói. - Sau chừng một tiếng đồng hồ nữa nếu còn ở đây là một việc cực nguy hiểm. Khi những con thú bốn chân thiếp ngủ là lúc những con thú hai chân thức dậy. Hôm nay anh ở đâu đấy? Ở chỗ con thú bán tranh à?

– Phải. Lấy tranh của Degas ra, lão chủ giảng giải cho tôi ý nghĩa của cuộc đời. Cuộc đời của lão, đương nhiên, chứ không phải là cuộc đời của Degas đâu.

– Thật kì lạ. Từ khắp mọi nguồn chúng ta nhận được rất nhiều lời khuyên bảo, đúng thế không nào?

– Cô cũng nhận được những lời khuyên bảo cơ à?

– Cũng thế thôi. Mỗi một người đều muốn dạy dỗ tôi. Và mỗi một người đều biết mọi điều thông tỏ, giỏi giang hơn tôi. Nghe những lời khuyên như vậy cứ nghĩ là hạnh phúc đã đầy ắp trong từng ngôi nhà. Nhưng thực ra lại không phải như vậy. Con người ta quả là những bậc thầy trong việc bảo ban, dạy dỗ người khác.

Tôi nhìn nàng:

– Tôi cứ nghĩ là cô không cần tới những lời khuyên bảo cơ đấy!

– Tôi cần đến khôn cùng. Nhưng những lời khuyên kia đối với tôi lại thật vô bổ. Tôi làm mọi điều khác hẳn người ta đã khuyên tôi. Tôi không muốn trở thành người bất hạnh thế nhưng tôi lại là người bất hạnh. Tôi không muốn trở thành người cô đơn thế nhưng tôi lại là người cô đơn. Anh sẽ cười nhạo tôi cho mà xem. Anh nghĩ rằng tôi có nhiều bạn bè quen biết? Đúng là như vậy, lại cũng chẳng phải là như thế.

Nàng đưa cặp mắt xinh đẹp mơ màng ngắm nhìn buổi chiều tà đang sẫm đặc lại trên khuôn viên trong tiếng kêu cuối cùng của bầy thú. Tôi

lắng nghe những điều lắm nhảm trẻ con của nàng cùng với cái cảm giác mà buổi sáng nay tôi đã nghe Silvers nói. Cuộc sống của nàng là điều gì không hiểu nổi và hoàn toàn xa cách đối với cuộc sống của tôi, nàng cũng chịu sự chi phối của những dục vọng bình thường và những nỗi đau thương chân thành. Nàng cũng hoàn toàn không thể nào hiểu rằng hạnh phúc đó không phải là một trạng thái ổn định mà chỉ là những gợn sóng trên mặt nước. Và không phải nàng, không phải những người như nàng đêm đêm quần quai, vật vã với nghĩa vụ báo thù, với niềm hoài nghi vào sự vô can của bản thân, vào sự sa lầy của chính mình trong tội ác, vào cái dàn nhạc của những tiếng kêu khóc, thét lác đang quấy quả kí ức của chúng ta. Có thể ghen tị với hạnh phúc và sự thành đạt của những người ở xung quanh tôi, ghen tị với thói vô liêm sỉ một cách trắng trợn, những lời nói ba hoa rỗng tuếch, những thất bại chẳng đầu đốn gò mà vì chúng họ phải trả giá bằng tiền bạc hoặc tình yêu. Bọn họ làm tôi nhớ tới bầy chim vườn địa đàng líu lo ca hát trong một thế kỉ khác. Ôi, sao tôi muốn được làm một con chim địa đàng như vậy và để rồi được cùng họ líu lo ca hát!

– Đôi khi con người ta đánh mất đi lòng dũng cảm, - Natasha nói, - và đôi khi cứ có cảm tưởng là con người ta cũng đã quen đi với cả nỗi tuyệt vọng nữa. Nhưng thực ra không phải như vậy. Mỗi một lần họ chịu một nỗi đau lớn hơn. Nỗi đau lớn đến độ khủng khiếp. Có cảm tưởng là mỗi một lần vết bỏng của họ càng đau rát hơn. Và càng ngày nỗi đau càng diễn ra một cách chậm rãi hơn. - Natasha đưa tay lên đỡ lấy đầu. - Tôi không muốn bị bỏng rát thêm nữa.

– Thế cô làm cách nào để lẩn tránh tai họa đó? - Tôi hỏi. - Vào tu viện chẳng?

Nàng khoát tay làm một cử chỉ thiếu cương quyết.

– Không thể lẩn tránh chính mình được đâu.

– Không, có thể chứ. Nhưng chỉ đạt được một lần trong cả cuộc đời mà thôi. Con đường để thoát chạy về phía sau cũng không có đâu. - Tôi nói và nghĩ tới Moller, nghĩ tới cái đêm nóng nực ở New York một mình một bóng anh treo cổ lên cái cọc cây đèn chùm trong bộ com lê đẹp nhất mà anh có được, nhưng không cần đến cà vạt. Có lẽ anh đã nghĩ là đeo cà vạt vào, cái chết đến chậm chạp và sẽ hành hạ anh nhiều hơn. Tôi không tin vào điều này. Có ranh giới gì đâu? Mọi điều như nhau cả thôi khi người khách trên tàu mong muốn mau chóng đến nơi cần đến bằng cách tắt tả chạy ngược chạy xuôi trên hành lang của chính con tàu kia!

– Vài ngày trước cô nói với tôi là cô cảm thấy bất hạnh, sau đấy chính cô lại phủ nhận những lời nói đó. Mọi điều ở cô thay đổi nhanh biết bao! Thế tức thị cô là con người rất hạnh phúc đấy!

– Không đơn giản như vậy đâu. Có thực là anh ngây thơ đến như vậy không? Hay đơn giản ra là anh chỉ muốn chế nhạo tôi thôi?

– Không đơn giản như vậy à? - Tôi nhắc lại lời nàng vừa nói. - Tôi không học đòi thói xấu nhạo báng người khác đâu. Và tôi cũng không tin vào tất cả mọi điều người ta nói với tôi. Nhiều điều như thế đã bị thổi phồng hoặc bóp méo đi.

Natasha nhìn tôi đầy hoài nghi.

– Anh thật hết sức lạ lùng, - nàng nói, - phán xét y hệt như một ông cụ. Anh hãy nói xem có bao giờ anh muốn trở thành một mục sư không?

Tôi cười.

– Chưa bao giờ.

– Thế mà đôi khi anh gây cho tôi cảm tưởng anh là một ông mục sư đấy. Tại sao anh không nhạo báng người khác? Anh quá nghiêm chỉnh. Thấy rõ là anh không có được chất hài hước. Ôi, những con người Đức này...

Tôi lắc đầu.

– Cô nói đúng đấy. Người Đức chúng tôi không hiểu sự hài hước là gì. Đúng như thế đấy.

– Thế các anh lấy gì thay cho sự hài hước này?

– Sự hí hửng độc địa. Gần với điều mà cô đặt tên cho là sự hài hước đấy, tôi muốn nói tới cái ý muốn nhạo báng, cười giễu người khác.

Trong thoáng lát nàng trở nên bối rối.

– Thật trùng đích, thưa giáo sư! Anh sâu sắc biết bao!

– Như một người Đức chính cống, - tôi cười.

– Còn tôi là một kẻ bất hạnh. Tâm hồn tôi trống rỗng biết bao! Tôi chỉ là một kẻ đa sầu đa cảm thôi. Và luôn luôn bị bỏng rát. Anh có hiểu tôi nói gì không?

– Tôi hiểu.

– Điều này có xảy ra với người Đức các anh không?

– Có xảy ra chứ. Trước kia.

– Cũng xảy ra với các anh à?

Một người hầu bàn vừa bước lại với chúng tôi.

– Anh tài xin hỏi, anh ấy có thể gọi một suất kem sôcôla được không ạ?

– Hai suất, - tôi nói.

– Cần phải rút ra nhiều điều từ anh. - Natasha nói vội vã. - Chúng ta có thể nói chuyện với nhau một cách thông minh nhất, phải không? Anh cũng là một kẻ bất hạnh chứ?

– Tôi không biết. Bất hạnh, đó là một khái niệm không rõ ràng.

Nàng nhìn tôi phân vân. Trời đã sập tối. Đôi mắt nàng nom càng long

lạnh hơn.

– Có nghĩa là không có chuyện gì để nói với anh nữa, - nàng bỗng nói như hát. - Cả hai chúng ta đều như cá nằm trên thớt.

– Đúng thế đấy, - tôi khẳng định, - chúng ta chẳng có gì để bảo ban, trao đổi với nhau đâu. Cả hai chúng ta đều bị bỗng và cả hai đều phải thận trọng đến tội nghiệp.

Người hầu bàn mang tích kê thanh toán ra.

– Hình như đã đến giờ quán đóng cửa rồi, - Natasha nói.

Trong một khoảnh khắc nào đó tôi lại cảm nhận ra nỗi sợ hãi vốn khá quen thuộc với tôi. Tôi không muốn chỉ còn lại đơn độc một mình. Tôi sợ hãi vì Natasha sắp rời khỏi tôi.

– Cô vẫn còn được làm chủ chiếc xe đến khi chủ nhân của nó xem xong vở kịch chứ? - Tôi hỏi.

– Vâng. Anh muốn ta lái xe đi đâu đó à?

– Đúng như vậy đấy.

Chúng tôi đứng lên. Dãy hành lang và khuôn viên đã vắng ngắt bóng người. Bóng tối như chiếc khăn đen bao phủ các tàn cây. Có cảm giác tựa tựa như ta đang đứng giữa cánh đồng làng, nơi mà dưới hồ bơi những con sư tử biển vẫn ì oạp đùa nước. Những con thú khác trở mình trong chuồng hết như trâu bò cọ mình vào máng cỏ.

Nàng nắm tay tôi. “Bây giờ chẳng việc gì mà sợ hãi nữa, chúng ta không đơn thương độc mã đâu!” Tôi trầm nghĩ và cảm thấy nàng ở bên cạnh. Tôi cảm thấy ngượng ngùng vì ý nghĩ ấy vừa vụt qua đầu. Ngay lập tức tôi tự trấn an, nàng không khỏe hơn ta đâu, nàng như cánh hoa trước cơn gió mạnh mà chính ta mới là nơi nương tựa của nàng.

Natasha cũng như tôi, không muốn chỉ có một mình vào những giây

phút khó khăn của cuộc đời. Một sự dịu dàng không tên toát ra từ màn đêm bao bọc lấy chúng tôi và có cảm giác nó như một bức tường che chở mọi hiểm nguy cho hai đứa.

– Tôi yêu em, Natasha! - Đột ngột, hầu như chưa hề chuẩn bị trước tôi buột miệng nói với nàng khi chúng tôi sóng bước trên con đường được chiếu sáng bởi những ngọn đèn đêm dẫn ra Đại lộ số Năm. Trước mặt chúng tôi đổ dài cái bóng của anh tài xế. - Tôi chưa hiểu em đâu, nhưng tôi yêu em, - tôi nhắc lại, trong đầu kịp ý thức rằng tôi vừa gọi nàng bằng tiếng “em” lần đầu tiên.

Nàng quay sang tôi.

– Không đúng đâu, - nàng đáp, - anh nói dối đấy thôi. Chẳng có phần trăm nào của sự thật cả, tuy rằng, những lời anh vừa nói nghe rất dễ chịu.

## XIV



Silvers phái tôi mang bức tranh vũ nữ đến cho Cooper, tiện thể giúp ông ta treo bức tranh lên tường. Cooper sống trên lầu bốn của một tòa nhà nằm ở Đại lộ Công Viên. Tôi cứ nghĩ là người hầu mở cửa cho tôi, hóa ra lại là chính ông ta. Cooper không mặc áo vét ngoài.

– Anh vào đi, - ông ta nói. - Mong anh cùng tôi cứ thông thả tìm ra chỗ thích hợp nhất để treo nàng vũ nữ này lên. Anh có muốn uống rượu whisky không? Hay tốt hơn cả là uống cà phê?

– Xin cảm ơn, cho tôi uống cà phê.

– Còn tôi thì uống whisky vậy. Đó là cách chọn lựa thông minh nhất vào lúc thời tiết nóng nực như thế này.

Cooper thu lớp giấy phủ ngoài và đặt bức tranh lên bàn.

– Liệu có chuyện lường gạt gì trong việc tôi mua bức tranh này không đây? - Cooper hỏi. - Ông Silvers khẳng định như đinh đóng cột là ông ta đã tặng bà vợ bức tranh này. Trở về nhà mà bà ta không thấy bức tranh này nữa, sẽ có một trận lôi đình xảy ra. Thật là bịa đặt!

– Và chính vì sự bịa đặt đó mà ông mua bức tranh này chứ gì?

– Tất nhiên không phải như vậy rồi. Tôi mua bức tranh chỉ vì tôi muốn có bức tranh này thôi. Anh có đoán được lão Silvers cắt cổ tôi bao nhiêu tiền bức tranh này không?

– Không, tôi không biết.

– Ba mươi nghìn đô la.



Cooper nhìn tôi dò xét. Tôi hiểu ngay là ông ta nói dối, cốt để kiểm tra qua tôi.

– Thế nào? - Ông ta nói. - Một khoản tiền không nhỏ, đúng thế không?

– Đối với tôi thì đấy là cả một gia tài.

– Thế nếu anh mua, anh sẽ trả giá bao nhiêu nào?

Tôi mỉm cười.

– Không trả một xu nào cả.

– Vì sao? - Cooper hỏi rất nhanh.

– Rất giản dị thôi: tôi không có khoản tiền như ông. Trong tình cảnh hoàn toàn trống túi của tôi hiện nay thì chỉ ba mươi lăm đô la tôi cũng không mua.

– Thế nếu anh có tiền, anh sẽ trả giá bức tranh này bao nhiêu nào? - Cooper vẫn chưa chịu buông tha.

– Tất cả tài sản của tôi. Nếu ông đánh giá cao những bức tranh của ông thì ông hãy tin là niềm say mê nghệ thuật ấy cũng chính là món tiền hời. Và ông đừng suy nghĩ thiệt hơn làm gì nữa. Tôi cho là ông Silvers sẽ mua lại những bức tranh của ông với giá cao hơn ấy chứ.

– Ông Silvers ấy à? Một gã bịp số một. Để sau đó gã lại bán cho tôi đắt hơn năm mươi phần trăm chứ gì?

Nói được câu này ra Cooper có vẻ yên tâm hơn. Ông ta hỏi tôi:

– Thôi, ta sẽ treo nàng vũ nữ này ở đâu đây?

Chúng tôi bước vào gian trong. Ngay lúc đó có điện thoại gọi ông ta.

– Anh cứ ngắm nghía cho kĩ lưỡng, đừng đi đâu mà vội. Có thể sẽ tìm được chỗ ưng ý nhất đấy.

Theo cô hầu phòng tôi đi vào phòng ngủ rồi lên trên tầng gác thượng,

cuối cùng tôi và ông ta quyết định treo ở phòng khách.

Trở về nhà, tôi kể lại mọi chuyện với Silvers.

– Một thằng kẻ cướp! - Silvers kêu lên bai bai. - Cứ mỗi lần tôi cho mang hàng đến, lão ta lại chằng ra một cạm bẫy mới. Thật là lão khách hàng có một không hai. Anh có biết lão ta bắt đầu sự nghiệp công danh như thế nào không. Ban đầu đi nhặt sắt vụn, sau đó thì bán cả toa tàu chở sắt. Trước chiến tranh, đúng thời điểm thích hợp nhất, lão bắt tay vào nghề kinh doanh súng đạn. Khi khả năng này không còn kiếm chác ở Nhật được nữa, lão ta liền liên kết với bọn Mỹ. Có thể nói mỗi bức tranh của Degas mà lão ta có được lão đã đổi bằng mạng sống của hàng trăm, nếu không muốn nói là của hàng nghìn người dân vô tội.

Tôi chưa bao giờ thấy Silvers bức bối, phẫn nộ đến như vậy. Cái giá của những bức tranh Degas của Cooper mà Silvers vừa nói rõ ràng là điều ông ta bịa đặt ra, nhưng những lời nói của ông ta lại như những mũi kim chọc thẳng vào tiềm thức của tôi. Sự bịa đặt và thói đạo đức giả gây ra những ấn tượng mạnh mẽ hơn sự thật.

– Đã như vậy tại sao ông lại kết liên buôn bán với ông Cooper? - Tôi tò mò muốn biết. - Vì với cung cách ấy ông cũng trở thành người cùng hội cùng thuyền với ông ta còn gì?

Silvers mỉm cười, tuy lòng ông còn đang sôi lên giận dữ.

– Tại sao à? Tại vì tôi cần bán hàng cho lão ta! Tôi không thể đứng ngoài công việc làm ăn được. Còn tôi là kẻ liên đới với lão ta sao? Về phương diện nào? Trong chiến tranh à? Đó chỉ là sự vu oan giá họa thôi.

Tôi vận dụng hết nỗ lực để an ủi ông Silvers và làm cho ông ta hiểu rằng tất cả những câu hỏi mà tôi nêu ra chỉ xuất phát từ kiểu suy nghĩ lô gích của tôi mà thôi.

– Tóm lại là tôi không nhúng tay vào việc buôn bán cái chết. - Cuối

cùng Silvers đã bình tĩnh trở lại. - Tôi đã moi ở lão ra được món hời năm nghìn đô la vì bức tranh kia. Lí ra cần moi thêm ở lão một nghìn rưỡi đô la nữa.

Ông ta mang tới cho mình một cốc whisky soda.

– Anh có muốn uống không?

– Tôi vừa uống cà phê rồi. Cảm ơn ông. Ông hoàn toàn có thể bù lại phần của mình, - tôi nói, - có lẽ chỉ một lát nữa ông Cooper lại tới thôi. Tôi đã làm cho ông ta hiểu rằng còn một bức tranh khác của Degas hoàn toàn tạo thành một cặp tuyệt vời với bức tranh mà ông ta đã mua và tôi còn nói là, theo như sự hiểu biết của tôi, bức tranh thứ hai xét về mặt nghệ thuật còn giá trị hơn bức ông ta mới mua nhiều.

Silvers nhìn tôi đắm chiêu.

– Anh khá tiến bộ đấy. Chúng ta giao kèo như thế này nhé: nếu trong tháng này Cooper lại xuất hiện để mua bức tranh của Degas, anh sẽ được thưởng một trăm đô la.

Trước khách sạn Plaza tôi bỗng nhìn thấy Natasha. Nàng đang đi ngang qua mảnh đất đang trồng cây để sang phố 59. Lần đầu tiên sau một thời gian dài gián đoạn tôi được nhìn thấy nàng vào ban ngày. Nàng bước đi nhanh nhẹn, đôi tay vung vẩy, người hơi cúi về phía trước. Natasha không nhận ra tôi.

– Natasha! - Tôi cất tiếng gọi khi nàng đi ngang bằng với tôi. - Tối hôm nay em định mượn cái vương miện nào ở cửa hàng Cleef và Arpels đấy?

Natasha ngây người ra giây lát.

– Ôi anh đấy à? - Nàng thốt lên. - Anh mang bức tranh Renoir ở nhà

ông Silvers đến El Morocco để đổi lấy đồ nhậu đấy à?

– Anh là người nhút nhát lắm, - tôi thở dài. - Anh chỉ dám nghĩ đến việc mang đến quảng cáo xem họ có mua không, còn em lại xui anh làm việc tày đình. Em đi xa hơn anh đấy...

– Chính vì vậy có lẽ em sẽ sống ít hơn anh. Anh có muốn đi ăn trưa với em không đây?

– Ở đâu?

– Em mời anh mà. - Nàng cười nói.

– Thế thì không tiện rồi. Anh là một kẻ ăn bám già nua. Lại không có duyên nữa...

– Anh thì hoàn toàn không có duyên rồi, nhưng vấn đề không phải là ở chỗ đó. Ta đi thôi và đừng hành hạ mình làm gì. Tất cả bọn em đều ăn cơm trưa ở đây, trả bằng phiếu. Thanh toán vào cuối tháng. Như vậy anh khỏi phải lo lắng gì về phẩm giá của anh cả. Ngoài ra em muốn giới thiệu anh với một bà mệnh phụ đã có tuổi. Bà ta rất giàu có lại rất thích các tác phẩm nghệ thuật. Em đã kể cho bà ta nghe về anh rồi.

– Nhưng, Natasha, anh có phải là người buôn bán tranh đâu.

– Đương nhiên anh không phải là Silvers. Nhưng nếu anh dắt khách đến cho ông ta, lẽ đương nhiên ông ta phải trả phần trăm tiền hời cho anh.

– Cái gì cơ?

– Phần trăm tiền hời. Điều này đã được thỏa thuận như thế rồi. Chẳng lẽ anh không biết có tới nửa số người lương thiện sống bằng khoản tiền dắt mối đó sao?

– Quả là anh không biết.

– Thế thì đã đến lúc anh cần biết rồi đấy. Còn bây giờ thì ta đi thôi.

Em cảm thấy đói bụng rồi. Hay là anh ngại?

Natasha nhìn tôi thách thức.

– Em rất đẹp, - tôi nói.

– Nói hay lắm!

– Nếu kiếm được tiền dặt mối, anh sẽ mời em ăn trưa có món trứng cá và rượu sâm banh.

– Nói rất hay. *D'accord\**. Bây giờ thì anh không còn hành hạ mình nữa chứ?

D'accord (tiếng Pháp trong nguyên bản): Tốt lắm.

– Hoàn toàn không. Bây giờ anh chỉ còn một nỗi sợ không gian thôi.

– Anh cũng không khác với những người khác lắm đâu, - Natasha nói.

Nhà hàng hầu như đã kín đặc người. Tôi có cảm tưởng tựa như mình vừa bị nhốt vào một cái lồng được trang hoàng hết sức đẹp, trong lồng bướm bướm, quạ đen và vẹt chen chúc bên nhau. Những người hầu bàn lăng xăng chạy qua chạy lại. Giống như ở các nơi khác, tại đây Natasha cũng có rất nhiều người quen.

– Em quen biết có lẽ đến nửa thành phố New York mất?

– Không đâu. Em chỉ quen biết những kẻ ăn không ngồi rồi và những ai liên quan đến chuyện mốt mét thôi. Nghĩa là những người như em. Để anh không tự giày vò mình vì nỗi sợ hãi không gian, ta hãy xem thực đơn mùa hè hôm nay có món gì nào?

– Thực đơn mùa hè, cái tên gọi nghe mới lạ làm sao!

Natasha cất tiếng cười.

– Đó thực ra chỉ là một trong những thức ăn kiêng mà thôi. Tất cả người Mỹ đều ăn một thức ăn kiêng nào đó.

– Sao vậy? Nom mọi người đều khỏe mạnh như thế cơ mà.

– Để họ không mập phì ra. Người Mỹ cố sao để gìn giữ tuổi trẻ và vóc dáng. Mỗi một người đều muốn mình mãi mãi trẻ trung và thân hình được cân đối. Tuổi tác ở đây không được trọng nề đâu. Một ông già bệ vệ nghiêm chỉnh chỉ được sự kính nể ở nước Hy Lạp cổ đại thôi, còn ở Mỹ họ lập tức bị đưa tới nhà an dưỡng dành cho người già ngay. - Natasha hút thuốc và nháy mắt ra hiệu với tôi. - Bây giờ anh và em không nên dấn động đến cái chuyện một phần nhân loại đang chết đói đấy nhé! Có lẽ anh đang định nói đến chuyện đó phải không nào?

– Anh không đến nỗi ngốc như em tưởng đâu. Anh hoàn toàn không nghĩ tới điều đó.

– Thế thì được.

– Anh đang nghĩ đến châu Âu. Ở bên đó mọi người không đến nỗi chết đói, nhưng quả là thực phẩm ít hơn ở bên này rất nhiều.

Nàng nhìn tôi qua hàng mi rậm.

– Anh không có cảm giác là anh sẽ có lợi hơn nếu giả như anh bớt nghĩ về châu Âu hơn sao? - Nàng hỏi tôi.

Tôi sửng sốt vì câu nàng vừa hỏi.

– Anh đang cố tập để không nghĩ đến nó nữa.

Natasha cất tiếng cười.

– Kia bà mệnh phụ giàu có đã tới rồi.

Tôi chờ đợi để được nhìn thấy mẫu người phốp pháp như ông Cooper nhưng đi về phía chúng tôi lại là một người đàn bà duyên dáng với những lọn tóc màu bạch kim và đôi má hồng hào. Cái nhà bà này hiển nhiên là suốt đời sẽ mãi mãi cứ được chăm chút và tinh tươm hết như chưa từng bao giờ bước chân ra khỏi mấy bức tường nhà trẻ. Bà ta đâu đó đã xấp xỉ

bảy mươi, nhưng ta dễ dàng đoán bà chừng chỉ mới năm mươi tuổi.

Bà ta rất yêu thích thành phố Paris và bà sung sướng gặp tôi để trò chuyện về thành phố này. Tôi cố gắng kể cho bà ta nghe cuộc sống của tôi ở thành phố ấy, nhưng kể như thế nào để bà ta cảm nhận ra dường như chưa từng xảy ra chiến tranh với Paris, với nước Pháp. Tôi nhìn Natasha và kể về sông Seine, về hòn đảo St. Louis, về hai bờ sông Grands Augustins, về những đêm mùa hè tại vườn Luxembourg, trên đại lộ Champs-Élysées và trong rừng Boulogne. Tôi nhận ra cặp mắt của Natasha như nóng ấm, tươi tỉnh lên và tôi càng cảm thấy thanh thản, thơ thới để kể về mọi điều.

Thời giờ trôi qua khá nhanh. Bữa trưa đã kết thúc. Bà Whympers đứng lên tạm biệt chúng tôi.

– Anh có thể rẽ qua chỗ tôi vào năm giờ chiều ngày mai được không? Sau đó tôi và anh sẽ đến ông Silvers của anh để tôi xem bộ sưu tập của ông ta.

– Được thôi, thưa bà, - tôi nói và định nói gì đó thêm, nhưng Natasha đã giẫm lên chân tôi ở dưới gầm bàn, tôi liền im lặng.

Khi bà Whympers đi rồi, Natasha phá lên cười.

– Thế nào, mọi chuyện không vô ích chứ? Anh định giải thích với bà ta là ông Silvers chỉ vừa mới khai mấy thùng hàng ra chứ gì? Nhiều người ở đây chỉ chuyên sống bằng những tin tức mới nhất thôi đấy.

– Nói tóm lại, họ là những điệp viên trong công việc buôn bán chứ gì?

– Họ là những người tư vấn, - Natasha cải chính lại, - nghĩa là những con người có uy tín, biết bảo vệ những ông triệu phú nhỏ trước lũ cướp trong nghề buôn tranh. Mai anh đi với bà ta chứ?

– Tất nhiên - tôi đáp.

- Hoan nghênh anh.
- Vì tình yêu em đấy!
- Hoan nghênh anh một lần nữa.
- Nói đúng ra là không có sự cố vũ của em anh vẫn tới với bà già. Anh là người thực dụng hơn em tưởng nhiều.
- Anh mỗi lúc lại càng trở nên đáng yêu hơn đấy.
- Nghĩa là anh dần dà càng trở nên con người hơn chứ gì?
- Anh chưa là người đâu. Anh còn là bức tượng mới chập chững dò những bước đi đầu tiên thôi.
- Mọi điều xảy tới nhanh đến không ngờ. Bà Whympers này có biết quái gì về anh đâu.
- Anh đã kể về chính cái điều bà ta thích: Paris, mùa hè trong rừng Boulogne, mùa thu trên sông Seine...
- Và không nói một lời nào về các bức tranh cả...
- Chính điều đó làm bà ta đặc biệt thích thú. Anh đã hành động đúng: không nói một lời về chuyện làm ăn.

Chúng tôi thanh thần dạo bước trên phố 54. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và vui vui. Chúng tôi dừng chân bên một cửa hàng bán đồ cổ, ở đây có bán những chuỗi ngọc Ai Cập. Những chuỗi óng ánh xanh ngời màu xanh nước biển. Từ cửa hàng bán đấu giá nhiều người bước ra với những tấm thảm quý. Thật tuyệt vời những cảm giác về cuộc sống hiện diện ngay trước mắt ta. Và còn tuyệt vời hơn khi ta cảm thấy còn lâu lắm đêm mới sắp xuống.

- Tối hôm nay cho anh được gặp em nhé? - Tôi hỏi.

Nàng gật đầu.

- Ở tại khách sạn à?



– Vâng.

Chia tay nhau, tôi đi ngược lại. Ánh nắng mặt trời lấp lánh xuyên qua tấm màn bụi. Không gian nồng nặc mùi hơi ga và như đặc quánh trở lại. Tôi đứng trước cửa hàng bán đấu giá, rồi cuối cùng đã bước hẳn vào bên trong cửa hàng. Một nửa gian hàng đã vắng người, bầu không khí ngự trị nơi đây có cái gì đó như cả vật cả người dường như thiu thiu ngủ. Công việc rao bán những tấm thảm kết thúc. Bây giờ người ta rao bán những bức tượng thánh. Tôi lại bước ra phố và ngắm nhìn chiếc tủ kính quây hàng. Giữa những thứ đồ đạc nặng nề của thời kì Phục hưng tôi nhận ra hai bức tượng Trung Quốc bằng đồng, một trong hai bức kia rõ ràng là phiên bản tượng thời nhà Minh, nhưng bức thứ hai hoàn toàn có thể là bức tượng cổ thật.

Rời khỏi cửa hàng bán đấu giá tôi đi theo phố 54 và nhằm tới Đại lộ số Hai. Từ đó tôi đi thẳng đến cửa hàng của hai anh em nhà Lowy. Tôi bỗng nghĩ tới chuyện tôi sẽ mua bức tượng đồng của thật kia và bán lại cho anh em họ. Tôi cho là họ đã không nhận ra bức tượng này giữa những bình thiếc và những thứ đồ đạc kèn còi kia. Sau đó tôi nghĩ tới Natasha và tôi bỗng nhớ lại buổi tối nàng chở tôi trên chiếc Rolls-Royce tới khách sạn. Hôm đó tôi quá vội vã từ biệt nàng, hoặc nói đúng hơn trên suốt đường đi tôi im lặng: tôi chỉ bận tâm mỗi việc làm sao nhanh chóng thoát khỏi chiếc xe lỏng lẻo, sang trọng ấy. Lí do hoàn toàn trẻ con: tôi muốn rẽ vào ngay toilet. Mà việc này ở New York khó khăn hơn ở Paris nhiều. Tôi gắng chịu đựng và kết quả là tôi không đủ thời gian chia tay với nàng cho phải nhẽ nữa. Natasha nhìn theo tôi bực bội, còn chính tôi sau đó cũng tự sỉ vả mình vì tôi đã phá vỡ tất cả mọi điều do cái tính xuẩn ngốc cố hữu của tôi.

Đi đến gần cửa hàng anh em nhà Lowy, tôi trấn tĩnh lại và sắp xếp mọi ý nghĩ về cái việc tôi dự định tự nhúng tay vào công việc buôn bán.

Sau đó tôi bước qua ngưỡng cửa.

– Công việc ra sao, anh Lowy? - Lấy giọng có vẻ suồng sã, tôi hỏi con người lẳng mạn đang đứng trong quầy hàng.

– Tạm được thôi... Anh tôi hiện không có nhà. Anh ta ra tiệm ăn quen rồi, - Lowy-em đáp, - tôi thì bao giờ cũng thích hợp với món ăn Mỹ.

– Tôi mới tìm ra một bức tượng đồng, - tôi nói. - Nó được bán ở cửa hàng đấu giá với giá khá hời.

Lowy-em phẩy tay.

– Anh hãy nói điều này với anh tôi. Tôi chẳng còn hứng thú gì với công việc kinh doanh đâu. Bây giờ tôi chỉ nghĩ đến những chuyện liên quan tới cuộc sống và cái chết thôi. - Lowy-em đột ngột quay về phía tôi, hỏi, - Xin anh nói thực xem tôi đã nên cưới vợ chưa?

Một câu hỏi khá hiểm, trả lời như thế nào tôi cũng sẽ là người ở thế bất lợi.

– Theo quan điểm tướng số anh cầm tinh con gì? - Tôi đáp lại câu hỏi bằng một câu hỏi khác.

– Anh nói gì cơ?

– Anh sinh năm nào?

– Điều này thì có liên can gì tới việc tôi muốn hỏi ý kiến anh? Tôi sinh tháng 7 năm 1912.

– Đúng như tôi đoán. Anh cầm tinh con cua. Bản chất của anh là nhẹ dạ, say đắm trong đường tình, có thiên tư về nghệ thuật.

– Thế thì đã lấy vợ được chưa?

– Với tuổi anh thì khó đấy. Con cua bám riết anh lắm cho tới khi nào người ta còn chưa vặt càng của nó đi.

– Ôi một hình ảnh thật đáng sợ.

– Hình ảnh chỉ có tính chất biểu trưng thôi.

– Chỉ thế thôi sao? Xin anh đừng đùa giỡn nữa. Anh nói thật xem tôi đã nên lấy vợ chưa?

– Nếu ở nước Ý sùng đạo tôi sẽ trả lời anh là chưa. Còn ở đây mọi việc đơn giản hơn: trai gái, chồng vợ muốn bỏ nhau lúc nào mà chẳng được.

– Ai hỏi anh về chuyện ly hôn đâu. Tôi hỏi anh về chuyện lấy vợ cơ mà.

May sao tôi chưa phải trả lời thì Lowy-anh đã bước vào cửa hàng.

– Cái giống ăn bám kia sống ra sao? - Lowy-anh vui vẻ cất tiếng hỏi.

– Ông Silvers ấy à? Ông ta vừa mới tự nguyện tăng tiền công cho tôi.

– Lão ta có thể làm điều ấy. Bao nhiêu? Bao nhiêu đô la một tháng?

– Một trăm đô la.

– Bao nhiêu?

Cả hai anh em Lowy nhìn tôi chòng chọc.

– Lão ấy phải trả anh hai trăm đô la mới đúng, - Lowy-anh nói.

– Ông ta cũng muốn như vậy, - tôi nói, - nhưng tôi từ chối. Tôi cho rằng hiện tại tôi chưa xứng với khoản tiền đó. Có thể sang năm, lúc ấy là chuyện khác.

– Không thể nói chuyện một cách thông minh nhất với anh được, - Lowy-anh lầu bầu.

– Ngược lại thì có, - tôi nói. - Đặc biệt nếu ở đây ta bàn tới những bức tượng đồng. - Tôi nói cho anh ta nghe về phát hiện mới đây của tôi. - Tôi có thể mua bức tượng kia cho anh. Có lẽ người ta vẫn nghĩ rằng đấy là của rởm.

– Nhưng nếu là rôm thực thì sao?

– Thì có nghĩa là chúng ta bị sai lầm. Hoặc nếu anh muốn tôi phải bảo lãnh cho sự thua thiệt?

– Mà sao lại không cơ chứ? - Lowy-anh nhếch miệng cười. - Lương của anh cao mà!

– Bản thân tôi có thể mua những bức tượng ấy. Điều này đơn giản hơn, - tôi nói đầy thất vọng.

Tôi dự định sẽ bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với anh ta vì lời khuyên trên. Nhưng giống như mọi lần dự định kia hóa ra là một sai lầm.

– Món xúp đậu lăng có ngon không ngài Lowy? - Tôi hỏi.

– Xúp đậu lăng? Do đâu mà anh biết được tôi ăn xúp đậu lăng?

Tôi chỉ vào cái ve áo khoác ngoài của anh ta, ở đó có một hạt đậu lăng bẹp nát dính vào.

– Một món ăn quá nặng đối với thời tiết nắng nóng như năm nay đây anh Lowy ạ. Anh định liều mạng với chứng huyết áp sao?

– Anh quá tình mắt đấy, anh Ross ạ! - Lowy-anh nhận xét với nụ cười nhảu nhó. - Thì cũng phải tập làm quen với sự đùa cợt phải không. Họ treo giá bức tượng đồng kia bao nhiêu cơ?

– Để tôi tới xem lại đã.

– Được thôi. Tôi không muốn làm việc ấy. Ở đó họ biết mặt tôi. Anh sẽ báo cho tôi biết nhé.

– Tất nhiên rồi.

Bước đi chưa được chừng mười bước tôi bỗng cảm thấy ân hận.

## XV



Vào buổi sáng hôm sau khi tôi báo tin cho ông Silvers là bà Whympers sẽ tới thăm, ông Silvers tỏ ra rất xem thường cái tin tôi mới báo.

– Whympers? Bà Whympers này muốn gì? Bao giờ thì bà ta tới? Năm giờ chiều à? Tôi không biết lúc đó tôi còn ở nhà hay không nữa?

Nhưng tôi thừa biết con cá sấu lười nhác này còn có việc gì khác ngoài việc ngồi nhấp rượu whisky và đợi khách hàng tới.

– Thôi được rồi, - tôi nói, - ta sẽ nhất bà ta đến khi nào ông rồi rãi hãy hay.

– Mà thôi cũng được. Anh cứ mời bà già của anh tới đây, cứ mời tới đây! - Silvers hạ giọng làm lạnh. - Thà tôi tự giải khuây với những việc vớ vẩn như thế còn hay hơn.

Thật tuyệt! - Tôi thầm nghĩ. - Như thế là mình có cơ hội để đến xem lại bức tượng đồng ở cửa hàng bán đấu giá sau bữa ăn trưa, khi ở đó đã thưa người.

Buổi trưa tôi đến cửa hàng bán đấu giá và yêu cầu người ta cho tôi xem bức tượng đồng. Trong mấy gian cửa hàng khách không đông vì những thứ hàng bán ra như hôm trước không còn nữa. Những gian nhà rộng mênh mông chứa đầy đồ gỗ và các dụng cụ gia đình thuộc thế kỉ XVI, XVII tựa như đang thiu thiu ngủ. Tôi đứng bên khung cửa sổ trong một gian hàng với bức tượng đồng trong tay. Phía sau lưng tôi là gian hàng hầu như trống trơn chỉ còn lại ba thứ đồ lỏng lỏng phủ đầy bụi

bặm. Với một sự xao động thoáng nhẹ, tôi đưa mắt nhìn ra ngoài phố, nơi ấy vào bất cứ giây phút nào, Natasha cũng có thể bất thành linh xuất hiện. Tôi bỗng cảm thấy chẳng còn gắn bó gì với ông Silvers, chẳng còn gắn bó gì với cả biển người ngoài phố kia nữa. Tôi hiểu rằng nỗi xao cồn cào trong lòng tôi lúc này đã gắn liền với Natasha. Chính vào lúc ấy tôi nhận ra mình không chỉ cần sống sót mà còn cần đạt tới một điều gì lớn lao hơn thế nữa.

Tôi đặt bức tượng đồng lại chỗ cũ.

– Đây là thứ đồ rởm thôi, - tôi nói với ông già vừa mang bức tượng đến cho tôi xem. Nhưng tôi nhận ra ngay lời nói của tôi chẳng mấy may khiến ông già bận tâm.

Bức tượng, không còn nghi ngờ gì nữa, quả là thứ tượng thời cổ xưa, nhưng do trạng thái xao xao trong tôi lúc ấy khiến tôi không thể không thốt lên một lời nhận xét nào đó.

Tôi tìm tới nhà bà Whympers. Bà ta sống trên Đại lộ số Năm. Tôi đến đúng hẹn nhưng xem ra bà ta chẳng có vẻ gì nôn nóng, vội vã cả. Các bức tranh trong nhà bà Whympers hóa ra cũng không nhiều. Tất cả chỉ có mấy bức của Romney và Ruisdael.

– Tôi hi vọng sẽ được mời anh rượu Martini chứ? - Bà ta hỏi.

Tôi nhận ra trên bàn ngay trước mặt bà ta có một chiếc bình lớn chứa thứ nước trắng nom giống như rượu vodka.

– Martini pha lẫn rượu vodka thưa bà? - Tôi hỏi.

– Martini pha lẫn với vodka à? Tôi chưa uống như thế bao giờ. John, - bà Whympers nói với người hầu vừa bước vào, - trong nhà còn vodka chứ?

– Còn, thưa bà.

– Thế thì hãy pha Martini với rượu vodka hầu ngài Ross đây. Pha cả cho tôi nữa, anh John. Tôi muốn thử xem sao.

Uống xong tuần rượu, bà Whympers đứng lên bấm chuông.

– Xe đã chuẩn bị chưa, anh John?

– Dạ rồi ạ, thưa bà.

– Tốt! Thế thì ta đi tới nhà ngài Silvers thôi.

Chúng tôi ra khỏi nhà và ngồi vào một chiếc xe Cadillac màu đen, khá to. Tôi chợt nhận ra về khoản xe cộ bao giờ tôi cũng gặp may: hôm nay đi Rolls-Royce, mai đi Cadillac. Tôi còn để ý thấy trong chiếc xe này cũng có một hòm rượu dự trữ như trong chiếc xe Rolls-Royce. Tôi đã tưởng bà Whympers lại sẵn sàng mở nút chai, nhưng thay cho việc ấy bà ta nói chuyện với tôi về nước Pháp và Paris với thứ tiếng Pháp nhận rõ âm điệu Mỹ. Tôi liền chuyển sang nói tiếng Pháp ngay bởi lẽ điều này chỉ cho tôi thêm ưu thế vì tôi biết với thứ tiếng Pháp này tôi đã có uy tín như thế nào đối với Silvers.

Tôi hiểu rằng Silvers muốn xua tôi đi ngay để khoe khoang tài cán của ông ta, nhưng bà Whympers lại không chịu buông tha tôi ngay. Cuối cùng tôi đành nói rằng tôi đi pha rượu và bằng cách ấy tôi mới giải thoát nỗi tình cảnh trở trêu của mình. Tôi xuống bếp lục tìm vodka và pha đúng thứ rượu mà khi còn ở chỗ bà Whympers tôi đã cùng bà ta uống. Cô hầu gái mang rượu lên nhà và thế là tôi có cố vắng mặt khi ông Silvers tiếp bà khách.

Khi cô hầu gái quay trở lại, tôi đi sang gian nhà kho làm nghĩa vụ của mình. Hóa ra là Silvers đã tự mình vào đây trước tôi để mang cho bà Whympers vài bức tranh nhỏ của Renoir. Điều này khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Xưa nay Silvers ưa sai tôi mang tranh ra và ông chỉ giới thiệu với khách sau khi tôi đã thực thi nghĩa vụ của mình.

Một lúc sau Silvers xuống bếp tìm tôi.

– Anh không lên uống phần rượu của anh à? Lên nhà với chúng tôi!

Bà Whympers đã uống cạn cốc rượu của bà.

– Ôi, anh ta đây! - Bà ta reo lên. - Anh luôn luôn là người bội ước như vậy sao? Hay là anh sợ chính kiểu pha rượu do anh bày đặt?

Bà ta ngồi thẳng lưng, hết như một con búp bê, chỉ có điều hai cánh tay bà ta không mềm mại và đáng yêu như ở con búp bê mà khô khốc, cứng cỏi.

– Anh nghĩ sao về bức tranh này của Renoir? - Bà ta hỏi tôi.

Đấy là một bức tĩnh vật về hoa, dưới ghi dòng năm tháng bức tranh ra đời: 1880.

– Một tuyệt tác, - tôi nói. - Bà sẽ khó tìm được bức tranh nào khác có thể sánh với nó.

Bà Whympers gật đầu tán thưởng.

– Chúng ta uống thêm một chút nữa nhé? Trong những ngày như hôm nay tôi luôn luôn bị chứng đau đầu hành tội. Bệnh viêm dây thần kinh sinh ba mà. Thật đáng sợ. Bác sĩ nói là thứ duy nhất có thể trợ giúp cho tôi là hãy uống một chút. Rượu sẽ làm giãn rộng các mạch máu. Vì sức khỏe còn điều gì mà ta nỡ chối từ nữa.

– Tôi rất hiểu, - tôi nói, - tôi cũng mắc chứng thần kinh mất vài năm. Đây quả là một thứ bệnh rất khó chịu.

Bà Whympers nhìn tôi với ánh mắt nồng ấm tựa như tôi vừa mới ngợi khen bà. Tôi quay xuống bếp tìm thêm rượu vodka.

Chúng tôi tiễn bà Whympers ra đến tận đường. Cứ nhìn bà không ai đoán nổi bà ta vừa uống nhiều đến như vậy. Tôi đưa bà vào xe. Tuy thời tiết rất nóng bức vẫn cảm nhận được buổi chiều đang dịch tới. Lá xào



xạc trên ngọn cây. Bầu không khí đặc quánh giữa các ngôi nhà có phần mát hơn một chút.

Tôi quay vào nhà.

– Tại sao anh không nói ngay với tôi đấy là bà Whympers? - Silvers làm như vô tình hỏi tôi. - Tất nhiên là tôi khá biết rõ bà ta.

Tôi đứng sững lại.

– Thì tôi chả nói với ông điều đó là gì, - tôi cãi lại.

Silvers phẩy tay.

– Họ Whympers thì ở đâu chẳng gặp. Anh không nói với tôi đấy là bà André Whympers anh rõ chưa? Tôi quen biết bà ta đã lâu rồi. Thôi bây giờ thì điều đó cũng chẳng quan trọng gì.

Tôi hơi bối rối.

– Tôi mong là ông không giận tôi chứ? - Tôi nói đầy mỉa mai.

– Anh làm gì mà để tôi bức giận, - Silvers cải chính. - Cuối cùng thì bà ta cũng đã mua một thứ gì đó. - Silvers vẫy tay như muốn xua ruồi. - Nhưng cũng chưa có gì bảo đảm chắc chắn đâu. Những bà già như thế này mua một bức tranh có khi lấy đi trả lại đến cả chục lần. Và có khi rồi đem trả lại không mua nữa đấy. Kinh doanh quả không phải là một trò đùa như anh vẫn thường nói. - Silvers há miệng ngáp. - Thôi cứ coi là tạm xong. Thời tiết nóng nực này rất mệt mỏi. Xin chào anh. Anh nhớ mang những bức tranh còn lại cất vào kho nhé.

Tôi đứng tại chỗ nhìn hút theo ông ta. “Thật là phùng lừa đảo”, tôi nghĩ, “lão ta muốn nuốt trôi khoản tiền dặt mối lão phải trả cho tôi với cái cớ tôi đưa đến cho lão không phải là một vị khách hàng mới mẻ, mà là một người lão đã quen biết từ lâu rồi.”

– Rolls-Royce! - Tôi chạy ngoặt theo góc phố, miệng kêu to. Chiếc xe đậu sát vỉa hè, anh lái ngồi sau vô lăng. Thật hạnh phúc biết bao! Tôi chỉ vừa mới nghĩ xem tối hôm nay tôi sẽ đưa Natasha đi đâu chơi đây và tôi không thể nghĩ ra sẽ đưa nàng đi đâu. Khắp mọi nơi đều nong nực, bức bối. Hóa ra chính chiếc Rolls-Royce đã giúp tôi lối thoát. - Hóa ra những sự phiêu lưu liều lĩnh luôn bám gót anh. - Tôi nói. - Hôm nay em mượn xe được hết cả tối cho tới giờ tan rập hát chứ?

– Còn lâu hơn nữa, - Natasha nói. - Cho đến tận nửa đêm. Lúc ấy chiếc xe cần phải đỗ trước hộp đêm El Morocco.

– Em cũng phải có mặt ở đó sao?

– Cả hai chúng ta.

– Bà Whympers có chiếc Cadillac, - tôi nói. - Có thể bà ấy có cả xe Rolls-Royce cũng nên. Thế nào, em lại tìm thêm một khách hàng nữa cho ông Silvers sao?

– Đến khách sạn sẽ biết. Công chuyện với bà Whympers kết cục ra sao?

– Rất êm ả. Bà ấy mua một tác phẩm rất tuyệt của Renoir. Bức tranh rất phù hợp với phong cách ngôi nhà búp bê của bà ta.

– Nhà búp bê. - Natasha nhắc lại và rũ ra cười. - Con búp bê ấy, tưởng chừng như hiền lành và ngu ngốc lắm đấy, dường như chỉ biết chớp mắt kinh ngạc và mỉm cười, nhưng trong thực tế con búp bê ấy lại là người đứng đầu của hai công ty lớn. Ở đó bà ta không chớp mắt kinh ngạc đâu mà nắm lấy quyền điều hành của mình.

– Chẳng lẽ là như vậy sao?

– Anh sẽ còn thấy nhiều điều kì diệu khi anh tiếp xúc với người Mỹ đấy.

– Người Mỹ thì có liên can gì tới anh? Chính em là điều kì diệu nhất của anh, Natasha ạ!

Tôi thực sửng sốt khi nhìn thấy gương mặt nàng bỗng đỏ lựng đến tận chân tóc.

– Chính em là một điều kì diệu ư? - Nàng lẩm nhẩm trong miệng. - Có lẽ em cần phải phái anh đến với những người đàn bà như bà Whympers thường xuyên hơn nữa. Anh sẽ trở về với những kết quả đến sửng sốt cho mà xem.

Tôi nhếch mép cười.

– Ta đi đến Hudson đi. - Natasha đề nghị. - Thoạt đầu đến bến tàu, ở đó có những chiếc tàu đi biển, sau đó ta đi dọc theo Hudson đến cầu George Washington và đi tiếp dọc theo bờ sông, chừng nào còn chưa gặp một quán ăn như ý. Sao hôm nay em muốn ghé vào một quán rượu nhỏ, ngồi dưới ánh trăng hay đi tàu thủy trên sông đến thế.

Nàng áp sát vào người tôi. Tôi cảm nhận trên gương mặt mình những sợi tóc và làn da mát rượi của nàng. Có cảm tưởng như làn da ấy chẳng bao giờ nóng cả ngay vào những ngày như thế này.

– Anh đã từng là một nhà báo giỏi đúng không? - Nàng hỏi.

– Thường thôi!

– Thế bây giờ anh không muốn viết nữa sao?

– Viết cho ai đọc? Anh nắm tiếng Anh chưa thật tốt. Thêm vào đó cũng đã lâu rồi anh không thể viết được nữa.

– Có nghĩa anh giống như người nghệ sĩ chơi đàn dương cầm mà không có đàn chớ gì?

– Cũng có thể nói như vậy. Người bảo vệ vô danh của em có để chút thức uống gì trong xe không đấy?

- Bây giờ ta kiểm tra xem. Anh không thích nói về mình phải không?
- Không thích lắm!
- Em hiểu. Cả về cái công việc mà anh đang phải chịu đựng hiện nay nữa?
- Người chào bán các tác phẩm nghệ thuật và là một chú bé con trong việc hầu hạ kẻ khác.

Natasha mở chỗ cất rượu.

– Anh nhìn xem, chúng ta hết như những con ma, - nàng nói, - những con ma quái dị của quá khứ. Liệu có khi nào mọi điều xảy ra khác đi không? Ô, rượu vodka Ba Lan! Chẳng hiểu chủ nhân của chiếc xe này nghĩ gì trong đầu. Nước Ba Lan bây giờ còn đâu nữa.

– Đúng thế. - Tôi khẳng định với nỗi đắng cay. - Ba Lan như một quốc gia độc lập thì không còn nữa. Nhưng rượu vodka Ba Lan thì vẫn sống. Em thử nói xem ta nên khóc hay nên cười với kết luận này?

– Thôi uống đi anh thân yêu.

Nàng tìm được hai chiếc cốc nhỏ và rót rượu vào. Vodka thật ngon và lại rất lạnh nữa. Hộc đựng rượu hóa ra còn là một chiếc tủ lạnh.

– Hai con ma trong chiếc Rolls-Royce, - tôi nhận xét, - uống vodka ướp lạnh. Chúc em sức khỏe, Natasha!

– Anh có thể phục vụ trong quân đội được không, - nàng hỏi, - nếu giả thử anh thích?

– Không. Không ai cần tới anh cả. Ở đây anh là một người nước ngoài không ai cần và anh cũng cần phải lấy đó làm sung sướng bởi lẽ người ta không lừa anh vào trại tập trung dành cho những người không rõ lai lịch. Anh sống theo bản năng của loài chim, nhưng điều này cũng đã từng xảy ra với anh ở châu Âu rồi. Ở đây vẫn là thiên đường. Nếu có thể nói thêm

thì là một thiên đường mờ mịt, tách rời khỏi tất cả những gì có ý nghĩa trên thế giới. Điều này đặc biệt đối với anh. Nêu có thể nói thêm nữa, nơi đây là một thiên đường nhất thời, ở đó có thể tạm trú đông. Một thứ thiên đường ngoài ý muốn. A, Natasha! Thôi chúng mình hãy nói chuyện về những gì mà chúng ta còn có đi. Về những đêm đen, về những vì tinh tú, về những tia sáng của cuộc đời còn leo lét cháy trong mỗi chúng ta và không chỉ rọi sáng những tháng ngày đã qua. Em nhìn kia, mặt trăng! Những chuyến tàu thủy chở khách đã biến thành phương tiện vận tải quân sự. Còn chúng ta thì đang đứng bên hàng lan can ngăn cách cái thiên đường này với lịch sử của toàn thế giới và chúng ta buộc phải khoanh tay bất lực, vô vọng ngóng chờ để đọc trên báo những tin tức về thắng lợi, mất mát, về các xứ sở đang bị bom đạn phá hủy. Rồi chúng ta lại chờ, lại một lần nữa thức dậy vào mỗi buổi sớm mai, để rồi uống cà phê, nói chuyện với ông Silvers và bà Whympers, trong lúc đó thì biển máu trên thế gian này mỗi ngày tăng lên một xăng-ti-mét. Em đã đúng, khi em nói là cuộc sống của chúng ta ở nơi đây là cuộc điều hành thảm hại của những bóng ma.

Chúng tôi nhìn ra cầu tàu. Nơi ấy hầu như không còn bóng người, nhưng trong luồng ánh sáng xanh của hoàng hôn cũng còn nhận ra vài chiếc tàu màu thép sáng đang đậu trên bến không còn đèn lửa gì cả. Chúng tôi lại ngồi vào xe.

– Dần dà thì những mộng tưởng cổ lỗ, ngốc nghếch của em cũng bay hơi thôi, - Natasha thốt lên, - và cả cái tính đa sầu đa cảm của em nữa. Tha lỗi cho em, có lẽ em đã làm cho anh chán rồi.

– Chán à? Sao em lại có những ý nghĩ kì lạ như vậy? Có lẽ em cần phải tha thứ cho anh vì những gì nhầm nhứ, bậy bạ mà anh đã nói với em. Chỉ một điều đó cũng đủ chứng minh anh là một tên nhà báo kém cỏi! Em nhìn kia, mặt nước mới mờ màng làm sao! Và chứa đầy ánh trăng!

– Bây giờ chúng ta đi đâu, thưa bà? - Anh lái xe hỏi.

– Đến cầu George Washington. Có điều anh cho xe chạy chậm thôi.

Có một lúc cả hai chúng tôi đều im lặng. Tôi tự nguyên rủa mình vì sự ngốc nghếch không biết làm cách nào để giữ mạch chuyện tiếp tục được. Tôi đã xử sự hết như anh chàng trong hộp đêm El Morocco đã than khóc cay đắng vì nước Pháp, cho dù sự than khóc kia hoàn toàn chân thành. Nhưng anh ta không hiểu rằng không nên biểu lộ ra trước mặt mọi người nỗi đau khác niềm vui ra sao bởi lẽ điều đó chỉ gây ra ấn tượng tức cười thôi. Tôi gắng sức để thoát ra khỏi ngõ cụt này.

Ngay lúc đó đột nhiên Natasha quay sang phía tôi. Cặp mắt nàng long lanh.

– Thật tuyệt vời biết bao, anh xem kia! Dòng sông và những chiếc sà lan nho nhỏ, còn xa tí đằng kia là cây cầu.

Nàng đã quên từ lâu rồi câu chuyện trao đổi giữa hai chúng tôi. Tôi cũng đã nhiều lần để ý thấy điều này: nàng phản ứng rất nhanh với mọi chuyện nhưng lại cũng quên đi rất nhanh những chuyện đó. Cái đặc tính ấy rất cần đối với tôi một kẻ nhớ rất lâu những chuyện buồn thảm, khổ đau và quên đi rất nhanh những gì vui vẻ, mãn nguyện.

– Anh rất yêu em, - tôi thốt lên, - anh nói lên điều này ở nơi đây vào thời khắc mặt trăng đã mọc cao, bên cạnh một dòng sông đang chảy về biển mà trên mặt nước của nó phản ánh hàng trăm ngàn những mảnh trăng bị đập vỡ. Anh yêu em tha thiết. Anh sẵn sàng lập lại câu nói quen thuộc của mọi người rằng chiếc cầu Washington như một chuỗi hạt quý tô điểm cho vùng Hudson bất an. Anh chỉ mong sao để chiếc cầu kia thực sự trở thành chuỗi hạt quý, còn anh thì trở thành ngài Rockefeller hay hoàng đế Napoleon IV, hoặc kém cỏi nhất cũng là người đứng đầu hãng Cleef và Arpels. Theo em ý nguyện này trẻ con lắm không?

– Sao lại trẻ con? Anh sao thế, lúc nào cũng cố thận trọng gìn giữ hay sao? Hay thực ra anh không biết là cánh đàn bà thường lại rất thích cái tính trẻ con đó?

– Anh đã nhút nhát tự trong máu và mỗi lần trước khi nói một điều gì đó anh thường phải lên dây cót tinh thần. - Tôi đáp lại và ôm hôn nàng. - Anh muốn học lái xe, - tôi nói. - Anh có thể học ngay lúc này. Và ta có thể thả anh chàng tài xế ở một quán bar nào đó. Ngồi sau tay lái xe Rolls-Royce lúc đó chúng ta sẽ như đang ở Madrid, với một quý bà cứ lẻo đẻo theo sau, chỉ có điều lúc này đang có một người ở trước mặt chúng ta.

Natasha cười rất vui.

– Anh ta không làm phiền chúng ta đâu. Anh ta không biết tiếng Đức, còn tiếng Pháp cũng không biết lấy một chữ căn đôi, ngoài một tiếng ma đam.

– Có nghĩa là anh ta không làm phiền gì chúng ta cả, phải không? - Tôi hỏi lại.

Nàng im lặng trong giây lát.

– Anh thân yêu, đây là tai họa của một thành phố lớn đấy, - nàng nói khẽ. - Ở đây hầu như không nên chỉ có hai người vào bất cứ thời điểm nào.

– Thế thì lúc nào những đứa trẻ ra đời?

– Chỉ mình Chúa mới biết được điều đó mà thôi!

Tôi gõ vào tấm kính ngăn giữa chúng tôi và người lái xe.

– Anh có thể cho xe đỗ lại gần vườn hoa nhỏ kia được không? - Tôi hỏi và chìa tờ năm đô la cho anh ta. - Anh có thể đi đâu đấy ăn tối. Sau một tiếng nữa thì quay lại đón chúng tôi.

– Xin chấp hành, thưa sếp.

Chúng tôi rời khỏi xe.

– Có thể đi dạo chơi dọc bờ sông một lát em ạ, - tôi nói.

– Đi dạo à? Em làm sao mà đi dạo được trong đôi giày như thế này?

Tôi nhảy khựng ra giữa đường, tay khua khua như một chiếc cối xay gió. Trong làn ánh sáng đèn điện không thật tỏ lẫm trên đường phố, tôi đã nhận ra bộ phận tản nhiệt dài thượt của chiếc Rolls-Royce. Trên bờ sông này loại xe như vậy không phải là nhiều. Có thể đó chính là anh lái xe của chúng tôi đã quay trở lại cũng nên. Đúng như vậy. Đôi mắt Natasha ánh lên vẻ cười cợt không kìm nén nổi.

– Ta có thể ăn ở đâu bây giờ đây, anh tài? - Nàng hỏi.

– Món thịt rán thì ở khắp mọi nơi quanh đây đều không thể nuốt trôi được, - anh tài xế nói. - Hay ta tới quán Blue Ribbon? Ở đấy mát mẻ, còn món thịt bò hầm thì tuyệt rồi.

– Thịt bò hầm à? - Tôi nói.

– Thịt bò hầm, - anh ta nhắc lại, - món nhất hạng đấy!

Nhưng chúng tôi lại đến nhà hàng Ông Hoàng Biển Cả. Ở đó chúng tôi gặp Kahn. Anh là người khách duy nhất.



## XVI



**B**uổi trưa tôi tìm tới nhà Kahn. Anh ta mời tôi đi ăn trưa với anh ta tại một nhà hàng người Hoa. Kahn thích món ăn Hoa hơn mọi món ăn châu Âu. Niềm say mê này của anh được bắt đầu tại Paris. Ấy nhưng Paris về khoản này làm sao sánh được với New York: ở đây có cả một dãy phố người Hoa.

Chúng tôi đáp xe tới phố Mott. Nhà hàng được đặt dưới gian nhà hầm. Phải đi xuống một số bậc thang mới tới nơi được.

– Anh có để ý đến điều đặc biệt này không? - Kahn hỏi. - Ở New York hầu như không bao giờ nhìn thấy một người đàn bà Trung Quốc nào đi ngoài phố cả. Hoặc là họ ngồi ở nhà, hoặc họ đang bận rộn giải quyết vấn đề làm thế nào để tăng nhanh dân số. Đàn ông Trung Quốc đi ngoài đường thì vô thiên lủng, đàn bà thì không bao giờ thấy. Ấy thế mà phụ nữ Trung Quốc lại là những người đàn bà đẹp nhất trên thế gian này đây.

– Anh đọc trong các cuốn tiểu thuyết như vậy sao?

– Không, tôi đã từng sống ở Trung Quốc. - Kahn nói.

– Anh đã từng ở bên đó à?

– Tôi tới đây từ năm ba mươi. Và ở đó hai năm.

– Và sau đó trở về. Vì sao trở về cơ?

Kahn phì cười:

– Vì buồn nhớ quê hương.

Chúng tôi gọi món tôm rán dầu.

– Cô Carmen sống ra sao, anh? - Tôi hỏi. - Thấy rõ cô ta tựa như vừa mang dòng máu Polynesia vừa mang dòng máu người Trung Quốc. Ở cô ta có chất nhiệt đới mang màu sắc bi kịch.

– Thế mà cô ta sinh trưởng ở Pomerania, thuộc vùng Rügenwalde đấy. Những trò trớ trêu như vậy đôi khi vẫn thường xảy ra. Cô ta là dân Do Thái và cũng không bận tâm tìm hiểu vì sao nom vẻ ngoài của cô ta lại không ai nghĩ như vậy cả.

– Thoáng nhìn cứ ngỡ quê quán cô ta ở Timbuctoo, Hồng Kông hay ở Papeete.

– Nhưng xét về khoản trí lực, cô ta chỉ là một con bé Do Thái quê mùa thôi. Thật là tức cười. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi anh sẽ xử sự và sẽ nghĩ gì nếu anh ở địa vị của tôi. Khi mọi việc liên quan tới Carmen, tôi đành thúc thủ đấy. Đối với tôi, cô ta tựa như một quyển sách còn đang nằm tại nhà in. Tôi không bao giờ biết được cô ta nghĩ gì, xử sự ra sao. Anh lầm đấy: cô ta chẳng có gì lạ lùng cả đâu. Nói đơn giản ra cô ta là người của một hành tinh khác. Cô ta xuống đây với chúng ta từ những miệng núi lửa trên mặt trăng. Cô ta xuất hiện từ vực sâu thẳm của sự ngu ngốc, giản đơn, của sự ngây thơ, hồn nhiên mà chúng ta đã không thể hiểu nổi từ lâu rồi. Cô ta trong sạch như ngày đầu sáng thế. Nói gọn lại là, cô ta đúng là hình mẫu của một người đàn bà hoàn hảo. Anh có muốn tôi gọi thêm một suất tôm rán nữa không? Thật là một món ăn kỳ diệu!

– Nói chung thì anh sống ra sao? - Tôi hỏi. - Công việc làm ăn trôi chảy chứ?

– Tôi đang chết vì buồn chán đây. - Kahn đáp. - Nhưng cửa hàng thì đang hồi phát đạt. Vài năm nữa tôi sẽ trở thành một gã bán hàng thành thực, rồi vài năm sau nữa, tôi sẽ cùng đứng chung vốn. Và cứ thế, tôi có

thể nắm lấy toàn bộ công việc. Một viễn cảnh hấp dẫn. Đúng thế không anh?

– Dạo anh còn ở Pháp viễn cảnh cũng hấp dẫn đấy chứ.

– Nhưng lại cũng chỉ là viễn cảnh thôi. Sự an toàn ở bên ấy lại là một sự tình cờ ít chắc chắn nhất. Bởi lẽ sự an toàn đó không có thực. Và giữa viễn cảnh và hiện thực lại là một khoảng cách cực lớn. Ấy thế nhưng khi con người ta được an toàn rồi thì cuộc sống lại quay về phía ta bộ mặt thực của mình - đấy là sự buồn chán. Anh có biết tôi đã rút ra kết luận gì về điều này không? Những cuộc phiêu lãng đó đây kéo dài nhiều thế kỷ của người Di-gan đã giết chết cả tôi, cả anh. Lối sống ấy đã làm cho ta chán đến tận cổ cái lối sống tư sản no đủ, trì trệ rồi.

– Đừng rửa tất cả mọi người, - tôi cười, - phần đông bọn họ vẫn bằng lòng và vênh váo vì lối sống ấy đấy chứ? Chả bao lâu nữa người ta sẽ quên phắt đi kiểu sống Di-gan của họ. Xin anh thử hình dung mà xem, những người bán bột và thức ăn cho gà vịt bây giờ bỗng nhiên bị bắt buộc làm việc với chiếc thang trong tay... Ngay khi họ chỉ vừa được phép xuống khỏi thang, họ trở về với những bao bột và thức ăn cho gà của họ.

Kahn lắc đầu.

– Không phải tất cả mọi người đều như vậy đâu. Những người lưu vong đã ngấm thứ thuốc độc của bệnh phiêu lãng mạnh hơn anh nghĩ nhiều.

– Có nghĩa là họ trở thành những người bán hàng bị nhiễm độc chứ gì?

– Còn những họa sĩ? Còn các ông văn sĩ? Các nghệ sĩ nữa? Nghĩa là tất cả những ai trong tình cảnh lưu vong, họ không thể tìm ra cách sử dụng sức lực và tài năng của họ thì sao? Trong thời gian ấy họ đã già đi cả chục tuổi. Họ sẽ bao nhiêu tuổi khi họ lại một lần nữa trở về và bắt tay

vào những công việc quen thuộc?

Tôi suy nghĩ về những gì Kahn vừa nói. Điều gì sẽ xảy ra với tôi đây?

Bà Whympers đã chuẩn bị sẵn món rượu Martini cho cuộc viếng thăm của tôi. Lần này rượu được pha chế trong một cái bình cổ thon không lớn lắm. Tôi không còn làm chủ được mình nữa. Chỉ ít ra trong bình cũng chứa tới từ sáu đến tám suất rượu cho hai người.

Cố gắng để thoát khỏi nơi đây tôi nói một cách liến thoắng và vắn gọn:

– Tôi sẽ treo bức tranh của Renoir ở chỗ nào đây, thưa bà? - Tôi nắm lấy mọi thứ cần mang theo và việc làm này không mất quá hai phút.

– Thoạt đầu anh và tôi hãy suy nghĩ xem đã. - Bà Whympers trong tấm áo màu hồng chỉ tay vào chai rượu. - Rượu pha theo cách của anh đấy. Pha với vodka. Cũng thấy tươi tỉnh, mát mẻ hơn một chút, có phải không anh? Hôm nay quả là một ngày quá bức bối.

– Martini theo tôi quả là khá nặng đối với tiết trời nóng nực như thế này.

– Tôi không cảm thấy như vậy, - bà ta cất tiếng cười. - Mà cả anh cũng vậy. Nhìn mặt thấy liến mà.

Tôi ngơ ngác nhìn tứ phía.

– Có lẽ ta treo bức tranh ở đây chăng? Ngay ở bức tường này, phía trên chiếc đi văng, một vị trí thích hợp đấy, thưa bà.

– Ở đây theo tôi đã quá đủ tranh rồi. Anh ở Paris lần cuối cùng vào năm nào?

Tôi đành chịu khuất phục. Nhưng sau cốc thứ hai nữa sao tôi cũng

đứng lên.

– Bây giờ đã đến lúc tôi phải đi làm rồi. Tôi hy vọng rằng bà đã quyết định chỗ treo tranh?

– Không, tôi chưa hề quyết định gì cả. Thế theo anh thì sao?

Tôi chỉ khoảng tường trống giữa hai ô cửa sổ, nơi kê chiếc đi văng.

– Chỗ này làm ra để treo bức tĩnh vật vẽ hoa đây. Bức tranh treo ở chỗ này thực tuyệt. Ánh sáng cũng vừa độ.

Bà Whympers đứng dậy đi đến trước tôi. Vóc dạc bà nhỏ nhắn, kiêu kiêu, với mớ tóc bạch kim sáng long lanh. Đưa mắt nhìn khắp phòng một lượt, bà bước qua gian phòng bên. Ở đây có treo một bức chân dung sơn dầu với gương mặt của một người đàn ông khá nặng nề, chiếc cằm hơi vểnh ra phía trước.

– Ông chồng tôi đấy. - Bà Whympers nói khi đi qua bức chân dung. - Ông ấy chết năm ba mươi lăm. Bệnh nhồi máu cơ tim. Ông ấy làm việc quá nhiều. Ông ấy chẳng bao giờ có thời gian rảnh rỗi cả, vì thế bây giờ ông ấy lại chẳng biết dùng thời gian vào việc gì nữa. - Bà ta mỉm cười chua chát. - Người Mỹ làm việc để tìm đến cái chết. Ở bên châu Âu không như vậy phải không anh?

– Vào lúc này thì không. Bây giờ ở bên đó đàn ông đang chết nhiều hơn ở Mỹ rất nhiều.

Bà Whympers quay lại.

– Anh muốn nói tới chiến tranh chứ gì? Chúng ta không nên đề cập đến chuyện đó nữa nhé.

Chúng tôi lại đi qua thêm hai căn phòng nữa, sau đó leo lên cầu thang. Lối lên thang có treo mấy bức tranh của Guys. Tôi xách theo bức tranh của Renoir và cây búa, tìm xem chỗ nào có thể treo bức tranh được.

– Hay ta treo nó trong buồng ngủ của tôi? - Bà Whympers thốt ra tình cờ và đi lên trước.

Phòng ngủ quét vôi tường màu kem và vàng của bà ta nom hết sức kỳ lạ: một chiếc giường của thời kỳ Louis XVI được phủ vải gấm, những chiếc ghế bành, ghế dựa tuyệt đẹp, một cái tủ trang điểm đánh vec-ni đen ánh kiếu thời kỳ Louis XV. Tủ trang điểm được kê trên những chiếc chân bằng đồng cũng được thếp vàng. Trong giây lát tôi quên phứt cái ý nghĩ kỳ quái của mình và tôi bỗng thốt lên:

– Ở đây! Chỉ có chỗ này thôi! Phía trên chiếc tủ trang điểm.

Bà Whympers im lặng. Bà nhìn tôi với cái nhìn mờ mịt, tựa như không có tôi đang đứng trước mặt bà.

– Bà cũng thấy như vậy chứ? - Tôi hỏi, tay áp bức tranh của Renoir vào khoảng tường phía trên chiếc tủ trang điểm.

Bà Whympers không rời mắt khỏi tôi, sau đó bà mỉm cười.

– Tôi cần một chiếc ghế, - tôi nói.

– Hãy lấy bất cứ chiếc nào, - bà ta đáp.

– Chiếc ghế của thời đại Louis XVI được không ạ?

Bà Whympers lại mỉm cười:

– Sao lại không được nhỉ?

Tôi xách lấy một trong những chiếc ghế ấy. Cái ghế hết sức chắc chắn. Tôi thận trọng leo lên ghế, và bắt đầu ướm thử chỗ treo tranh. Tôi không hề nghe thấy một tiếng động nhỏ phía sau lưng. Tôi xác định độ cao và đóng đinh. Nhưng trước khi gõ búa tôi nhìn ngoái lại phía sau. Bà Whympers vẫn đứng nguyên trong tư thế cũ, điều thuốc lá trong tay và bà vẫn nhìn tôi với nụ cười kỳ lạ lúc này. Tôi đâm bối rối, và tôi cố sao đóng đinh càng nhanh càng tốt. Tôi treo bức tranh lên rồi nhảy khỏi ghế,

trả chiếc ghế về chỗ cũ. Bà Whymper vẫn tiếp tục đứng bất động ở chỗ cũ. Và đôi mắt vẫn không rời mọi cử động của tôi.

– Bà có ưng ý không? - Vừa thu dọn búa và đinh, tôi hỏi.

Bà ta gật đầu và bước lên trước tôi, đi ra cầu thang. Thở phào nhẹ nhõm, tôi nới gót theo phía sau bà ta. Bà Whymper trở về căn buồng đầu tiên và đưa tay vớ lấy bình rượu.

– Xin mời vì Renoir, vì thành công của tôi!

– Xin sẵn sàng, - tôi hưởng ứng, trong đầu thầm nghĩ sau cốc thứ hai “vì thành công của tôi”, tôi phải lui nhanh nếu không muốn bị khênh ra nghĩa địa.

Nhưng tôi lại không làm theo ý mình được. Sự lúng túng, khó xử lạ lùng nảy sinh giữa bà Whymper và tôi không chịu chấm dứt. Bà ta vẫn chăm chăm nhìn tôi với ánh mắt trống rỗng, đờ đẫn. Bà vẫn tằm tằm cười, khó mà đoán được nụ cười kia ngầm chứa ý nghĩa gì - một sự nhạo cợt tôi hay còn là điều gì nữa đây? Trong tình cảnh ấy tôi như một chú mèo già và tôi nghĩ là bà ta đang đùa giỡn, ve vuốt tôi.

– Tôi còn chưa ký vào séc thanh toán đâu, - bà Whymper nói, - anh hãy tới đây trong mấy ngày tới nhé. Lúc ấy anh sẽ nhận được tờ giấy cần thiết đó.

– Xin cảm ơn bà. Tôi sẽ gọi điện thoại báo trước.

– Anh có thể tới mà không cần gọi điện. Tôi luôn có mặt ở nhà vào khoảng năm giờ chiều trở đi. Cảm ơn vì công thức pha chế Martini với vodka.

Tâm trạng lúng túng, tôi bước ra ngoài đường phố nóng nực. Tôi có cảm giác như vừa bị người ta lừa lọc. Thêm vào đó người lừa tôi, như tôi có cảm giác, lại cũng đang ở một hoàn cảnh có phần đáng tức cười. Có thể thấy ngay là nếu lần sau tôi có tới đây, tấn kịch này vẫn diễn ra y

như vậy, tuy tôi không tin hẳn một trăm phần trăm. Có thể xảy ra một điều khác hẳn, chỉ có điều tôi không muốn tin vào dự cảm này dựa trên kinh nghiệm riêng của bản thân. Trong mọi trường hợp thì ngày hôm nay mối hiểm họa cũng đã qua rồi. Silvers chắc hẳn sẽ muốn đích thân đi nhận tờ séc bà Whympers trao. Ông ta không bao giờ lại mở ván bài của mình cho tôi thấy.

– Em đến đây không có xe à? - Tôi hỏi Natasha.

– Không có xe, không có tài xế, không có vodka, không còn cả sức lực nữa. Nực nội đến mức không sao chịu nổi. Cái khách sạn này lý ra đã phải đặt máy điều hòa từ lâu rồi.

– Lão chủ đời nào chịu.

– Tất nhiên là như thế. Đồ kẻ cướp!

– Anh có đá đấy, có thể pha chế món “xe tam mã Nga” được, - tôi nói.

- Và có cả bia, nước cam và rượu vodka.

Natasha nhìn tôi âu yếm.

– Chẳng lẽ anh mua tất cả ngấn ấy thứ sao?

– Đúng vậy. Đây, anh đã uống hai cốc Martini đấy.

Natasha phá ra cười.

– Ở nhà bà Whympers phải không?

– Đúng thế. Mà sao em biết?

– Bà ta nổi danh vì thứ đó mà.

– Thứ gì? Thứ rượu Martini ấy à?

– Cả thứ rượu Martini ấy nữa...

– Chẳng hiểu sao mọi điều cũng trôi chảy cả.



– Bà ta đã trả tiền bức tranh chưa?

– Chưa. Mà sao em lại hỏi thế? Em nghĩ là bà ta sẽ trả lại, không mua bức tranh nữa sao? - Tôi hỏi, thoáng thấy lo lắng.

– Em không nghĩ có chuyện đó.

– Bà ta có nhiều tiền đến mức mua mà không cần do dự, đắn đo không?

– Có thể như thế đấy. Ngoài ra bà ta còn rất thích những chàng trai trẻ.

– Cái gì cơ?

– Bà ta thích anh đấy.

– Natasha, - tôi nói, - em nói điều đó nghiêm chỉnh đấy chứ? Chả lẽ em muốn dắt anh tới với con ma men già khú kia sao?

Natasha cười sằng sặc.

– Quên chuyện đó đi, - nàng nói, - cho em uống đi.

– Không cho dù chỉ một giọt. Trước tiên hãy trả lời anh đi đã.

– Anh có thích bà ta không?

Tôi mở to mắt nhìn Natasha.

– Thế đấy! - Nàng nói. - Bà Whympers rất thích những chàng trai trẻ. Và bà ta thích anh. Có phải bà ta đã mời anh đến dự một buổi tiệc của bà ta không?

– Hiện nay thì chưa. Bà ta chỉ bảo hãy đến để nhận séc thanh toán. - Tôi nói mù mờ. - Nhưng, có lẽ anh không xứng đáng với niềm vinh dự ấy đâu.

– Nhất định phải tới! - Natasha chăm chăm nhìn tôi. - Khi đó bà ta phải mời cả em nữa.

– Em tin như thế sao? Thấy rõ là em đã nhiều lần tham dự vào những

tình huống như vậy và em biết trước được mọi việc, đúng thế không nào? Bà ta cần phải nhảy xổ tới ôm chầm lấy cổ anh, có đúng như vậy không?

– Không. - Nàng đáp khô khốc. - Cho em xin một ly vodka.

– Mà tại sao không phải Martini pha với vodka?

– Bởi vì em không uống Martini. Còn câu hỏi gì nữa không nào?

– Còn rất nhiều. Anh không quen để người ta buôn bán anh và anh cũng không phải là đồ ăn bằm.

Tôi không để ý thấy nàng đã hắt rượu vodka vào tôi. Tôi chỉ cảm thấy rượu chảy ướt mặt tôi và nhỏ giọt từ cằm xuống. Nàng nắm chặt chai rượu, trên gương mặt tái xanh của nàng đôi mắt nàng càng trở nên to hơn. Nhưng té ra là tôi vẫn nhanh hơn, tôi giằng được cái chai và tin chắc rằng cái chai đã được đẩy nút kỹ lưỡng, tôi ném chai rượu vào chiếc đi văng, cách xa hẳn Natasha. Ngay lập tức nàng lao đến bên chai rượu. Nhưng tôi đã nắm lấy tay nàng xô vào một góc phòng. Tôi giữ chặt hai tay nàng bằng một tay, còn tay kia tôi giật mạnh tấm áo trên mình nàng.

– Đừng động đến người tôi! - Nàng nói bần giọng.

– Anh không chỉ chạm đến em đâu! Anh sẽ ăn thịt em, ngay bây giờ... Em là của anh mà...

Nàng nhổ nước bọt vào mặt tôi, đưa chân đạp tôi.

Tôi dùng chân kẹp chặt đôi chân nàng. Nàng cố vùng ra, nhưng đã trượt và ngã bổ nhào. Tôi lại đẩy nàng xuống đi văng.

– Buông tôi ra. Anh điên rồi! - Nàng thì thào bằng một giọng cao vút nghe xa lạ hẳn. - Buông tôi ra, tôi kêu lên bây giờ đấy...

– Cứ kêu đi! - Tôi dần giọng. - Dẫu sao anh cũng phải trị cho em một trận. Đồ phù thủy.

– Người ta đang đi tới đây kìa! Chẳng lẽ anh không nhìn thấy sao? Buông tôi ra, đồ mất dạy, đồ súc vật... Buông tôi ra!...

Nàng nằm trên đi văng, người cong gấp lại để tôi không đè ngửa nàng ra được. Tôi cảm nhận rõ rệt những bắp thịt trên người nàng nổi căng lên, đôi bắp vế của nàng siết chặt lấy chân tôi, hầu như không phải tôi đang ôm chặt lấy nàng mà chính là ngược lại... Tôi cũng nhận ra là phía dưới làn váy của nàng, nàng không vận gì thêm nữa... Vận hết sức lực tôi đè ngửa nàng ra đi văng... Bây giờ mặt nàng kề sát mặt tôi, còn đôi mắt đảo điên của nàng thì không rời khỏi tôi nữa.

– Buông em ra, - nàng thều thào trong hơi thở gấp. - Không phải là ở đây. Chỉ cần không ở đây thôi! Buông em ra. Chỉ cần không phải là ở chỗ này.

– Thế thì ở đâu hở đồ ngốc nghếch này? - Tôi nghiêng rằng ken két vì phần nộ. - Rút tay lại không anh bẻ gãy tay bây giờ. Anh sẽ làm ngay ở đây...

– Không được ở đây, không được ở đây, - nàng thều thào mỗi lúc một nhỏ hơn và bằng một giọng hoàn toàn xa lạ.

– Ở đây chứ còn ở đâu nữa?

– Vào trong phòng anh. Không nên ở đây. Vào phòng của anh.

– Để cô chạy mất và sau đó cô nhạo báng tôi chứ gì.

– Em không chạy đâu, em sẽ không chạy đâu. Chỉ có điều là không phải ở đây. Anh thân yêu, anh thân yêu, nghe em đi...

– Cái gì? - Tôi hỏi.

– Buông em ra. Em xin thề là em không bỏ chạy đâu. Buông em ra đi. Mọi người đang đi lại đây kìa kìa.

Tôi buông nàng ra, đứng dậy. Tôi chờ đợi nàng sẽ xô giúi tôi và co

chân chạy. Nhưng nàng không chạy, nàng sửa lại váy, vuốt cho phẳng phiu.

Tôi bình tĩnh trở lại. Nàng đứng lên. Tôi không rời mắt khỏi nàng: bây giờ nàng có thể đi qua bên cạnh tôi và tôi không còn có thể giữ nàng được nữa.

– Đi thôi, - nàng nói.

– Đi đâu?

– Vào buồng anh.

Thoạt đầu tôi đi sau nàng, sau đó tôi bước kịp nàng. Không hiểu sao tôi lại đâm vội vã bước lên cầu thang, bước qua tấm bảng có đề mấy chữ “Hãy suy nghĩ đi!” để về phòng mình trên tầng hai. Tôi dừng lại trước cửa.

– Em có thể đi đi nếu em muốn, - tôi nói.

Nàng đẩy tôi sang một bên và dùng vai đẩy cánh cửa.

– Vào thôi, - nàng nói.

Tôi theo nàng vào phòng và đóng sập cửa lại. Nhưng tôi không khóa cửa. Tôi bỗng có một cảm giác khó chịu và tôi dựa lưng vào tường. Trong tôi bỗng nổi lên cảm giác tựa như tôi đang đứng trong một chiếc thang máy đang lao vùn vụt xuống phía dưới, trong lúc ấy lại có một sức mạnh vô hình nào đó kéo ngược tôi lên phía trên. Mắt tôi bỗng sầm tối như có ai vừa hắt vào mắt tôi cả một xô nước. Để không té nhào, tôi phải bấu hai bàn tay vào bờ tường.

Sau giây lát tôi nhận ra Natasha đang nằm trên giường.

– Sao anh không đến đây với em? - Nàng hỏi.

– Anh không thể.

– Cái gì cơ?

- Anh không thể.
  - Anh không thể được à?
  - Ừ, - tôi nói, - cái cầu thang chết tiệt!
  - Cầu thang thì có liên can gì ở đây?
  - Anh không biết nữa.
  - Cái gì cơ?
  - Anh không thể. Có thể thôi. Hãy đuổi anh đi nếu em muốn.
  - Đuổi khỏi phòng của chính anh ư?
  - Nếu không thì nhạo báng, cười cợt anh đi tùy em thích.
  - Tại sao em lại cần phải cười cợt, nhạo báng anh cơ chứ?
  - Anh không biết nữa. Anh nghe người ta nói rằng một gã đàn ông khi sa vào tình huống như thế này mọi người vẫn nhạo báng hắn.
  - Em thì chưa gặp chuyện đó bao giờ.
  - Vì thế em cần phải nhạo báng anh.
  - Em không muốn thế. - Natasha nói.
  - Vì sao em không đi đi?
  - Anh muốn em đi à?
  - Không.
- Cho đến tận lúc này nàng vẫn nằm bất động trên giường. Nhưng rồi nàng nhòe dầy đưa tay đỡ lấy đầu và nhìn tôi.
- Anh cảm thấy mình rất ghê tởm, - tôi nói.
  - Em lại không cảm thấy như vậy, - nàng nói. - Anh nghĩ thế nào, ta giải thích mọi chuyện vừa xảy ra sao đây?
  - Anh không biết nữa. Có lẽ anh không xứng với mấy tiếng “thân

yêu” của em.

– Còn em thì nghĩ mọi lỗi lầm là do chiếc cầu thang.

– Cái cầu thang cũng vậy. Nhưng sau đó vì lẽ gì bỗng nhiên em quyết định trở thành của anh?

– Thế tốt hơn cả là em không nên quyết định sao?

Tôi nhìn nàng như cầu cứu.

– Thôi đừng hỏi nữa. Mọi điều cùng nhau tác động tới anh.

Đây quả là một cuộc trò chuyện lạ lùng: cả nàng lẫn tôi không ai định tâm xích lại gần nhau. Lời nói của chúng tôi vang lên một cách đơn điệu, giá lạnh.

– Trong buồng anh có buồng tắm không?

– Không. Ngoài hành lang có đấy. Cửa thứ tư.

Nàng chậm rãi đứng dậy, đưa tay sửa tóc, rồi bước ra cửa. Khi đi ngang qua chỗ tôi đứng, nàng đưa tay xoa nhẹ lên tay tôi nhưng ánh mắt vẫn nhìn thẳng. Vừa cảm nhận ra sự chạm lướt của nàng tôi nhảy bổ khỏi tường và ôm chầm lấy nàng. Nàng vùng vằng muốn tuột khỏi tay tôi. Thân thể của nàng qua lần vải mỏng vừa trẻ trung vừa ấm áp. Và còn mềm mại tựa như tôi đang nắm trong tay một chú cá hồi. Ngay giây phút đó những gì xảy ra một lần nữa lại bùng thức dậy trong tôi. Tôi siết chặt người nàng áp vào người mình.

– Anh hoàn toàn không muốn chuyện đó với em, - nàng thì thầm, quay đi.

Tôi nâng bổng nàng lên, bế xốc lại giường. Hóa ra nàng nặng hơn tôi tưởng.

– Anh rất muốn, - tôi nói. - Rất muốn, chỉ riêng em thôi, một mình em, anh muốn chỉ một mình em trên thế gian này, anh muốn hòa tan trong em,

thắm thâu vào em...

Gương mặt của nàng hoàn toàn ngay sát cạnh và tôi nhìn thấy đôi mắt nàng sáng long lanh, nồng nàn.

– Thế thì anh ôm chặt lấy em nữa đi, - nàng nói nhỏ nhẹ xuyên qua hàm răng, nhưng mắt nàng vẫn không nhắm lại.

Giọng nói của nàng trở nên mỗi lúc một nhỏ hơn, nàng nói những lời cuống quýt, không mạch lạc, sau đó giọng nói ấy càng nhỏ hơn như tiếng thì thầm và sau cùng lặng tắt hẳn.

Rồi đột nhiên nàng ưỡn căng người ra, miệng thốt lên một điều gì đó, mắt nhắm lại và ngay lúc ấy nàng lại mở mắt ra.

– Trời mưa hay sao ấy nhỉ? - Nàng hỏi.

Tôi cười.

– Chưa đâu. Có lẽ đêm sẽ mưa.

– Tiết trời hình như mát hơn, phải không anh? Buồng tắm ở đâu anh?

– Ở ngoài hành lang. Cửa thứ tư.

– Có thể cho em mượn tấm áo khoác của anh được không?

Tôi đưa nàng tấm áo khoác ngoài tôi thường mặc sau khi tắm. Nàng cởi hết mọi thứ trên người, ngoài đôi giày. Nàng cởi một cách chậm rãi, mắt không nhìn tôi và cũng không cảm thấy ngượng ngập, bối rối. Nàng không gầy như tôi nghĩ. Là trước đây tôi nghĩ thế, còn lúc này tôi được nhìn tận mắt mình.

– Em đẹp lắm, - tôi nói.

Nàng ngẩng lên.

– Không đầy quá chứ?

– Phỉ phui. Không đâu.

– Thế à? - Nàng nói. - Trong trường hợp như thế này tương lai của em và anh hiện lên trong em dưới ánh sáng màu hồng. Em thích ăn. Cả đời lúc nào cũng cảm thấy đói. Vì điều này nên em chọn nghề người mẫu, - nàng nói thêm, - chỉ vì lí do ấy thôi.

– Hôm nay chúng ta sẽ ăn thỏa sức. Chúng ta sẽ gọi tất cả mọi thứ đồ ăn và món tráng miệng thật sang.

– Em sẽ cố gắng để không no phình như một cái thùng đựng rượu. Nếu không giữ như thế, người ta quăng em khỏi cửa hàng thời trang ngay. Vì vậy anh khỏi lo.

– Anh không lo đâu, Natasha ạ.

Cầm bánh xà phòng của tôi và chiếc túi của nàng, Natasha vui vẻ bảo tôi nghỉ ngơi chốc lát và nàng bước ra ngoài hành lang. Bây giờ đến lượt tôi có cảm giác như trời đang mưa. Thực ra thì tôi biết là không hề có mưa nhưng tôi vẫn đi đến bên cửa sổ và nhìn xuống dưới, ô cửa sổ nhìn ra mảnh sân sau: từ dưới đáy của chiếc giếng đá như bay lên hơi nóng nực từ những hố rác bốc mùi hôi thối. “Chỉ riêng trong phòng mình là đang mưa thôi”, - tôi thầm nghĩ. Tôi trở về giường, một lần nữa tôi lại ngã lưng trên chiếc nệm, mắt lơ đãng nhìn chiếc đèn không có chao treo trên trần nhà. Vài phút sau thì Natasha đã trở lại.

– Em bị nhầm phòng, - nàng nói. - Em cứ nghĩ phòng anh là phòng bên cơ.

– Ở bên ấy có ai không?

– Không có ai cả. Tối mịt. Chả lẽ các phòng ở đây không khóa cửa sao?

– Nhiều phòng không khóa cửa. Kẻ trộm cũng chẳng có gì mà lấy cả.

Từ thân thể Natasha phảng phất mùi xà phòng và mùi nước hoa. Nàng lấy nước hoa ở đâu nhỉ? Đây là một câu hỏi đối với tôi. Có thể lọ nước



hoa nằm trong túi xách của nàng. Mà cũng có thể có người nào đó bỏ quên trong buồng tắm và nàng lấy dùng.

– Bà Whympers, - nàng nói, - rất thích những chàng trai trẻ, nhưng rồi sự việc cũng chẳng tiến triển hơn. Bà ta sung sướng được tiếp chuyện với họ. Chỉ có vậy thôi. Hãy nhớ lấy điều này đấy anh nhé!

– Được thôi! - Tôi nói, tuy Natasha không cố ý làm tôi tin ở điều nàng nói.

Ngọn đèn sáng trưng trong gian phòng. Natasha chải tóc trước tấm gương khổng lồ treo phía trên bồn rửa mặt.

– Chồng bà ta chết vì bệnh giang mai. Không ngoại trừ khả năng chính bà ta cũng mắc bệnh ấy, - nàng nói thêm.

– Ngoài ra, bà ta mắc chứng ung thư và ra mồ hôi chân. Mùa hè bà ta thường rửa chân bằng rượu Martini pha với vodka. - Tôi nói với nàng cũng bằng cái giọng nàng nói với tôi.

Natasha phì cười.

– Anh không tin sao? Ừ, mà việc gì anh phải tin em nhỉ?

Tôi đứng lên.

– Em nghĩ sao nếu anh thích đụng chạm vào người em và anh lại luôn luôn là người không tự làm chủ nổi mình?

– Không phải bao giờ anh cũng như vậy cả, - nàng nói.

– Nhưng lúc này thì như vậy đấy.

Nàng áp sát vào người tôi.

– Em sẽ giết chết anh nếu anh không làm như vậy đấy.

Tôi tháo phăng tấm áo choàng trên người nàng vút xuống sàn.

– Em là người phụ nữ có cặp giò dài nhất trong tất cả những người

phụ nữ mà anh biết, - tôi nói và đưa tay tắt đèn. Trong bóng tối tôi chỉ nhận ra làn da trắng, cùng với những nét nhờ nhờ trên mắt và cửa miệng nàng.

Chúng tôi nằm dính chặt vào nhau và cùng cảm nhận ra những lớp sóng bóng đêm rào rạt đổ lên chúng tôi, hết lớp này đến lớp khác. Chúng tôi nằm khá lâu như vậy, tựa như nín thở tận hưởng cái cảm giác bỗng bênh, trôi nổi như người nhấp men say.

Natasha bỗng ngọ nguậy.

– Anh có thuốc lá không?

– Có. - Tôi đưa cho nàng thuốc lá và ngấm nàng trong ánh sáng của ngọn lửa que diêm vừa lóe lên.

Gương mặt nàng bình thản và trong sáng biết bao.

– Em có muốn ta uống một chút gì không? - Tôi hỏi.

Nàng gật đầu. Tôi nhận ra cử chỉ đó trong bóng tối nhờ chuyển động của đốm lửa ở đầu điếu thuốc.

– Chỉ có điều là đừng uống vodka.

– Anh không có tủ lạnh nên mọi thứ rượu hơi nóng một chút. Em muốn anh mang lên?

– Chả lẽ không có người khác có thể giúp anh làm điều ấy sao?

– Ở dưới nhà không có ai cả, ngoài Melikov.

Trong bóng tối tôi nghe thấy tiếng nàng cười.

– Ông ta cũng chẳng thèm để ý gì khi nhìn thấy chúng ta xuống đâu, - nàng nói.

Tôi không đáp. Tôi còn cần làm quen với điều nàng vừa nói. Natasha hôn tôi.

– Bật điện lên anh, - nàng nói, - chúng ta phá hủy những nguyên tắc sống quen thuộc của anh rồi. Mà em cũng lại thấy đói bụng rồi đây. Nào, ta tới nhà hàng Ông Hoàng Biển Cả đi.

– Lại đến đó à? Chả lẽ em không muốn tới một nhà hàng khác sao?

– Anh đã nhận được tiền dẫn bà Whympet tới mua tranh chưa?

– Chưa.

– Thế thì chúng ta tới nhà hàng Ông Hoàng Biển Cả là đúng rồi.

Natasha vùng dậy khỏi giường và bật công tắc điện. Sau đó nàng cứ trần truồng như vậy đi khắp phòng rồi mới chịu khoác chiếc áo khoác lên người, đi sang phòng tắm.

Tôi cũng đứng dậy mặc quần áo vào. Sau đó tôi lại ngồi xuống đi vắng và bắt đầu chờ nàng quay trở vào.

## XVII



**C**húng tôi chuẩn bị để đón nhà triệu phú Fred Lasky tới thăm.

– Ông ta sẽ đến sau mười lăm phút nữa, - Silvers nói. - Thoạt tiên anh mang ra hai bức tranh và tôi sẽ bảo anh mang bức tranh Sisley. Khi đó anh mang bức tranh của Sisley ra, đặt nó úp mặt vào tường và anh thì thảo vào tai tôi vài lời. Tôi làm bộ như không hiểu anh nói gì và tôi giận dữ hỏi anh có chuyện gì thế. Anh sẽ nói và nói to hơn là bức tranh Sisley ta đã hứa dành cho ngài Rockefeller rồi. Anh hiểu chưa nào?

– Tôi hiểu ạ, - tôi đáp.

Đúng mười lăm phút sau ông Lasky đến cùng với bà vợ.

Tất cả diễn ra trôi chảy. Bức tranh của Sisley một bức phong cảnh đã được mang vào trong phòng. Tôi thì thầm bên tai ông Silvers vài lời và đáp lại ông giận dữ ra lệnh cho tôi phải nói to hơn, kể cả những gì bí mật cũng được. - Silvers nói thế.

– Cái gì? - Silvers hỏi bằng giọng sừng sốt. - Chẳng lẽ là Sisley chứ không phải là Monet sao? Anh lầm rồi. Tôi đã ra lệnh cho anh để lại bức tranh của Monet cơ mà.

– Xin lỗi, thưa ngài Silvers, tôi sợ ngài nhầm ạ. Tôi đã ghi chính xác tất cả rồi. Xin ngài nhìn lại xem ạ, - tôi chìa cuốn sổ ra trước mặt Silvers.

– Quả là anh đã đúng, - Silvers nói, - nhưng không sao cả. Đã để lại có nghĩa là để lại.

Tôi đưa mắt nhìn ông Lasky. Ông ta gầy còm xanh xao, trên mình vận bộ y phục màu xanh, chân dận ủng nâu. Ông ta cố ý chải cho những lọn tóc thưa thớt che đi cái đầu đã hói trụi. Ngược với chồng, bà Lasky mập mạp gấp đôi ông và cao ăn đứt ông chồng cả một cái đầu. Từ đầu đến chân bà ta lóng lánh những hạt xa pha.

Tôi dừng lại, lưỡng lự giây lát, tay cầm bức tranh làm sao cốt để ông bà Lasky nhìn thấy một phần của bức tranh đó. Thế là bà Lasky lập tức bị mắc câu liền:

– Chắc ông Silvers đây không cấm ai được ngắm bức tranh kia chứ? - Bà ta nói bằng giọng khàn khàn. - Hay ngắm cũng không thể được?

Trong giây lát Silvers như biến thành một người khác.

– Dạ, đâu có chuyện đó! Xin bà vì lượng Chúa tha thứ cho. Anh Ross, sao anh không để chúng tôi ngắm bức tranh này? - Ông ta nói với giọng có vẻ bị phật ý và hướng về phía tôi, ông nói bằng tiếng Pháp như vào những lần tiếp khách hàng khác. - *Allez vite, vite!*\*

Tiếng Pháp trong nguyên bản: Nhanh lên, nhanh lên!

Tôi làm bộ luống cuống vội vã đặt bức tranh lên một chiếc giá. Sau đó tôi vội vã trở về chỗ của tôi trong gian nhà kho, tai vẫn nghễnh lên lắng nghe ông chủ của tôi trò chuyện với khách ở gian bên. Hình như khách sắp sửa ra về.

Cuối cùng thì Silvers bước vào gian nhà kho, người sực nức mùi xì gà.

– Anh có muốn hút thuốc Partagas không? - Vẻ mặt mãn nguyện, ông ta hỏi tôi.

Tôi từ chối. Khi một người còn mắc nợ tôi một khoản tiền chưa trả mà bỗng nhiên lại xử sự một cách hào phóng như vậy lập tức khiến tôi sinh nghi. Tôi vẫn đang chờ ông chủ trả cho tôi món tiền vì tôi đã dẫn bà Whympers tới mua tranh. Tối hôm nay tôi dự định đi chơi với Natasha. Tôi

sẽ đưa nàng tới ăn bữa tối tại một nhà hàng có máy điều hòa. Thế mà lúc này trong túi tôi chẳng còn một đồng nào.

– Vợ chồng ngài Lasky mắc mỗi trận Sisley rồi. - Silvers nói. - Anh đã thấy sự trù liệu của tôi chưa? Tôi đã nói với vợ chồng ngài Lasky là ông Rockefeller nghĩ rằng chúng ta không thể bán ngay bức tranh này sau cái hạn kia một vài ngày. Nghe thấy tôi nói như vậy bà Lasky sướng như điên. Có phải là chuyện đùa đâu khi bà ta cướp được bức tranh ngay trước mũi một con người như Rockefeller.

– Một ngón đòn thường thôi, - tôi thốt ra, vẻ thờ ơ, - điều tôi quan tâm hơn cả chính là ở chỗ những kẻ mắc câu kia là ai?

– Vì sao anh lại cần biết điều đó?

– Bởi lẽ chỉ có những tên cướp vô lương tâm, làm giàu tuyệt nhiên không phải nhờ vào những hoạt động lương thiện mới bị mắc bẫy thôi, thưa ông.

– Em cần đến chỗ anh thợ nhiếp ảnh, - Natasha nói, - anh đi cùng với em. Ta ở đây không lâu đâu.

– Độ bao lâu?

– Một tiếng hay hơn một chút thôi. Mà sao anh lại hỏi như vậy? Anh ở đây buồn lắm phải không?

– Hoàn toàn không buồn. Đơn giản là anh chỉ muốn biết khi nào chúng ta có thể đi ăn tối, trước khi tới chỗ anh nhiếp ảnh hay sau đó?

– Sau đó. Lúc ấy chúng ta muốn bao nhiêu thời giờ cũng được. Còn nếu đi ngay lúc này, em chỉ có được nửa tiếng thôi. Mà chẳng lẽ điều đó quan trọng lắm sao anh? Mà anh đã nhận tiền dặt bà Whympers đến mua tranh chưa?

– Chưa đâu. Nhưng lại có mười đô la do anh em nhà Lowy thưởng cho. Họ nghe theo lời anh đã mua bức tượng Trung Quốc kia chỉ mất hai mươi đô la thôi. Còn lúc này anh khao khát mong muốn được vui chơi thoải mái với em bằng khoản mười đô la đó.

Natasha nhìn tôi âu yếm.

– Nhất định chúng ta sẽ vui chơi thoải mái tối hôm nay.

Nơi làm việc của anh thợ nhiếp ảnh thật mát mẻ. Mọi cánh cửa sổ đều đóng lại hết để máy điều hòa làm việc. Tôi có cảm giác đang ngồi trong một chiếc tàu ngầm. Những người còn lại thấy rõ là chẳng một ai để tâm đến điều này, cảm giác của tôi chỉ chứng tỏ tôi là một người mới giữa bọn họ.

– Sang tháng tám trời còn nóng bức hơn nữa. - Nicky nói để an ủi tôi.

Những ngọn đèn chiếu bật sáng. Ngoài Natasha, ở đây còn một cô gái người mẫu tóc vàng mà tôi đã gặp khi tôi đến lần trước. Và còn cả anh chàng tóc đen nhánh, gương mặt xanh mét vốn là chuyên gia về hàng tơ Lyon ở cửa hàng này. Anh ta cũng đã nhận ra tôi.

– Chiến tranh đang đi gần tới giai đoạn kết cục, - anh ta nói với giọng rất kịch. - Còn một năm nữa thôi và rồi chúng ta sẽ quên đi cuộc chiến tranh này.

– Anh tin như vậy sao?

– Tôi có những chứng cứ hãn hoi.

– Thật thế sao?

Tôi thở dài. Đúng, tôi hiểu rằng nước Đức đang ở trong một tình thế hết sức nặng nề, nhưng dẫu sao tôi cũng không thể nào tin nổi rồi có một lúc nào đó chiến tranh sẽ kết thúc.

– Thực như vậy đấy, - anh bạn mặt xanh xao nói với tôi, - rồi anh sẽ

thấy như tôi nói cho mà coi. Chỉ sang năm thôi chúng tôi lại có thể nhập tơ Lyon được rồi.

Một cơn xúc động kì lạ ập vào tâm chiếm tôi: cái khoảng chân không vĩnh viễn mà những kẻ lưu vong chúng tôi đang sống đây đột nhiên như mất đi cái vô cùng vô tận của nó. Những chiếc đồng hồ sẽ đổ hồi tích tắc đều đặn, những tháp chuông sẽ lại ngân nga, các cuốn phim đã ngừng chiếu sẽ xè xè chuyển động. Nó sẽ chuyển động mỗi lúc một nhanh hơn, chuyển động cả về phía trước lẫn phía sau, trong sự thiếu nhất quán điên rồ của nó hết như cái suốt chỉ xổ tung ra. Đọc tin tức trên báo chí tôi thực sự không tin là chiến tranh rồi sẽ có một lúc nào đó chấm dứt. Nhưng thậm chí nếu giả như chỉ cần trong phút giây tôi cho rằng cái khả năng kia có thể xảy ra, thì tôi cũng hiểu ngay là tôi sẽ phải đón đợi sự xuất hiện một điều gì đó khác còn dữ dội, khủng khiếp hơn cả cuộc chiến tranh này nhiều. Cái nếp nghĩ đó đã hằn in trong óc tôi rồi. Nhưng lúc này thì anh bạn mặt xanh xao đang ngồi trước mặt tôi đây, đối với anh ta, chiến tranh kết thúc có nghĩa là một lần nữa nước Mỹ lại được nhập hàng tơ Lyon. Chỉ có và chỉ cần thế thôi! Tơ Lyon, thứ hàng xa xỉ này đối với anh bạn Mỹ kia hẳn phải có ý nghĩa hơn bản thân cuộc chiến tranh đang xảy ra chứ?

Cuối cùng thì Natasha cũng đã xuất hiện. Nàng mặc một chiếc áo dài trắng hở vai ôm sát lấy người. Tay nàng đi găng lên đến tận khuỷu, trên đầu và quanh cổ đeo những hạt ngọc quý mượn ở cửa hàng Van Cleef và Arpels. Tôi bỗng cảm thấy như có mũi kim chích vào ngực. Tôi nhớ tới buổi tối hôm trước. Đứng trước mặt tôi lúc này đâu phải nàng của tôi vào tối hôm qua. Đây là một người đàn bà tựa như không phải bằng máu thịt, toàn thân sáng lấp lánh với đôi vai để trần lạnh lẽo như tạc bằng đá hoa cương, trong một gian phòng với cái mát lạnh giả tạo. Thậm chí những hạt đá quý lấp lánh trong mái tóc nàng dường như cũng là biểu trưng cho



một điều gì đó: chúng chỉ có thể trang trí trên đầu Nữ thần Tự do đang đứng ở bến cảng New York mà thôi.

– Hàng tơ Lyon, - anh bạn mặt xanh mét đang ngồi bên cạnh tôi chỉ tay vào Natasha thốt lên, - tấm áo cô ấy đang mặc may từ cuộn vải tơ cuối cùng của cửa hàng chúng tôi đấy!

– Chả lẽ lại như vậy sao?

Tôi không rời mắt khỏi Natasha. Với vẻ mặt chăm chú nàng im lặng bước đi trong ánh sáng của những ngọn đèn chiếu.

– Anh có hài lòng về chiếc xe Rolls-Royce không? - Một người nào đó vừa ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh lên tiếng hỏi.

Tôi ngoái lại.

– Đây là chiếc xe của ông sao?

Người tôi chưa hề quen biết gật đầu xác nhận. Anh ta vóc dạc cao lớn, tóc đen nhánh và trẻ hơn như tôi thường đoán.

– Tên tôi là Fraser, - anh ta tự giới thiệu. - Natasha đã định đưa anh đến chơi với tôi từ mấy hôm trước.

– Tôi bận quá, - tôi nói. - Rất cảm ơn ông vì đã có nhã ý mời tôi.

– Hôm nay thì chúng ta sẽ bù lại vậy, - anh ta nói. - Tôi cũng đã nói với Natasha rồi. Chúng ta sẽ tới quán Lüchow's. Ông đã tới quán này bao giờ chưa?

– Chưa, - tôi hơi sửng sốt đáp. Tôi đã định cùng Natasha tới Ông Hoàng Biển Cả. Tôi muốn ở đó chỉ có riêng hai chúng tôi thôi. Nhưng tôi không biết làm cách nào để thoát khỏi hoàn cảnh nan giải này. Tôi không thể từ chối để trở nên lố lăng khi Natasha đã đồng ý và tiếp nhận lời mời của ông bạn này. Tôi không nghĩ Natasha lại muốn khoe với tôi một ông Whympers nào đó.

– Thỏa thuận với nhau rồi nhé! Thôi lát nữa ta sẽ gặp nhau.

Fraser nói bằng giọng lịch sự nhưng rõ ràng anh ta là người đã quen không để người khác cưỡng lại ý định của mình.

Tôi tiến tới chỗ Natasha khi nàng đang đẩy va li lại.

– Em tháo bỏ những hạt đá quý ra rồi à?

– Một anh nhân viên cửa hàng Van Cleef và Arpels đã thu chúng về rồi.

– Bây giờ ta đi tới Lüchow's chứ?

– Anh muốn tới đó sao?

– Sao lại anh? - Tôi hỏi lại. - Anh muốn tiêu xài với em cho hết mười đô la ở Ông Hoàng Biển Cả cơ mà. Nhưng em đã nhận lời mời của ông chủ chiếc Rolls-Royce rồi.

– Em đã nhận lời sao? Anh ta đi đến gặp em và nói đã thỏa thuận với anh rồi.

– Anh ta nói với anh sau khi trò chuyện với em.

Natasha cất tiếng cười.

– Thật xạo!

Tôi nhìn thẳng vào mắt nàng. Và tôi không biết có nên tin nàng hay không đây? Nếu nàng nói thật tức thì tôi đã mắc mỗi một cách ngu ngốc. Nhưng tôi lại hoàn toàn không thể nghĩ rằng Fraser đã bày đặt ra trò cạm bẫy vớ vẩn này làm gì. Điều này không phù hợp với diện mạo của anh ta.

– Thôi, đã vậy thì cứ đi, - Natasha nói. - Ta dành mười đô la của anh đến ngày mai.

Chiếc Rolls-Royce đã chờ chúng tôi bên kia hè phố. Tôi ngồi vào xe với những tình cảm trái ngược nhau. Sau khi đã ở trong phòng có máy điều hòa, lúc này cái oi nồng ban đêm như làm chúng tôi ngộp thở.

– Sang năm tới tôi sẽ cho mắc máy điều hòa vào trong xe, - Fraser nói.  
- Người ta đã phát minh ra máy điều hòa dùng cho xe hơi nhưng hiện tại còn chưa sản xuất hàng loạt. Chiến tranh đang tiếp diễn mà.

– Mùa hè sang năm chiến tranh sẽ kết thúc, - tôi nói.

– Anh tin là như vậy sao? - Fraser hỏi. - Trong trường hợp này anh dự kiến giới hơn cả Eisenhower đấy. Ta làm một chút vodka chứ?

– Rất cảm ơn anh, - tôi đáp, - nhưng lúc này thời tiết quá nóng nực.

May sao quán Lüchow's không ở xa lắm. Tôi hết sức sửng sốt vì Lüchow's là một nhà hàng của người Đức. Lúc đầu tôi cứ ngỡ là xe chúng tôi lạc vào một dãy phố của người Đức cơ. Sau thì tôi hiểu chiếc Rolls-Royce này đã mang lại cho tôi nỗi bất hạnh.

– Anh có thích món thịt nai rán với trái nam việt quất không? - Fraser hỏi tôi. - Và cả món bánh khoai tây rán nữa?

– Chả lẽ ở Hợp chủng quốc cũng có trái nam việt quất sao?

– Có chứ. Ở bên Đức các anh gọi tên hơi khác đi một chút, phải không? - Fraser vẫn nói với giọng lịch sự nhưng tôi cũng nhận ra cái vẻ xỏ xiên trong câu hỏi của anh ta.

– Có lẽ là như vậy, - tôi đáp. - Đã lâu rồi tôi không còn ở quê hương nữa. Trong khoảng thời gian đó đã có bao nhiêu điều thay đổi. Không ngoại trừ cả cái quả nam việt quất này bây giờ cũng được đặt tên là “nam việt quốc xã”...

– “Nam việt quốc xã”? Nghe thật tức cười. - Nói đến đây Fraser cất tiếng cười.

– Uống gì đây? - Natasha hỏi.

– Gì cũng được. Nhưng có lẽ ngài Ross thích uống một vại bia hơn? Hoặc rượu vang Rhein? Ở đây vẫn trữ được ít chai vang Rhein của Đức

chính hiệu đấy!

– Tôi không khước từ một vai bia. Có lẽ bia thích hợp với bầu không khí ở đây hơn.

Trong lúc Fraser trao đổi với người hầu bàn, tôi đưa mắt nhìn bao quát cái nhà hàng này. Nó nửa như những quán bia trên phố, nửa lại như một hộp đêm. Ngoài ra nó còn phẳng phất giống những quán rượu trang nhã, thanh lịch tại Berlin thời Cộng hòa Weimar. Quán chật lén người. Dàn nhạc chơi nhạc khiêu vũ xen kẽ với những bản dân ca. Tôi đoán không phải ngẫu nhiên Fraser mời chúng tôi tới nhà hàng này. Anh ta đã nhóm lên ngọn lửa mà tôi sẽ cháy thiêu trong đó, một ngọn lửa được đốt với thứ củi của dân lưu vong chúng tôi. Để giữ được chừng nào hay chừng ấy mặt mũi của mình, tôi buộc phải bảo vệ đến từng chi tiết nhỏ cái tổ quốc không có tội lỗi gì của tôi trước những đòn tấn công của tên người Mỹ này.

– Ta có gọi món cá muối không? - Fraser hỏi. - Cá muối ở cái quán này đặc biệt ngon. Và để nhắm với cá muối, chúng ta cần nhấp một cốc rượu Steinhäger Đức vẫn còn bán ở đây chứ nhỉ?

– Một ý tưởng tuyệt diệu, - tôi nói. - Nhưng đáng tiếc, bác sĩ nghiêm cấm tôi uống thứ rượu này.

Chúng tôi ngồi đợi. Natasha khẽ huých vào bên sườn tôi khi nàng cho gọi món cá muối với củ cải đỏ. Đúng là một món ăn Đức trăm phần trăm.

Rượu vang làm cho tôi bốc lên. Tôi bắt đầu tuôn ra những lời châm biếm cay nghiệt khiến Fraser hết sức thích thú. Đến lượt mình, Fraser hỏi tôi có cần anh ta giúp đỡ gì không. Trong vai trò của một đức Chúa trời của Washington sẵn sàng dọn dẹp mọi ngáng trở trên con đường đời của tôi, Fraser càng nói càng như chất thêm củi vào đống lửa đang dần

dân bùng cháy trong lòng kẻ lưu vong là tôi. Nhưng tôi đâu chịu khuất phục, tôi tuyên bố là mọi chuyện của tôi đều hết sức ổn thỏa và tôi hết sức cảm ơn sự quan tâm của anh ta.

Món thịt nai rán quả là tuyệt vời, vì vậy tôi dễ dàng nhận ra tại sao khách khứa ở đây chật như nêm. Ở New York có lẽ không tìm đâu ra một cái quán nào khác có món ngon như thế này.

Tôi giận mình vì không có năng khiếu hài hước để làm nhẹ đi bầu không khí đã tạo ra giữa ba chúng tôi. Có cảm tưởng là Natasha không để ý đến điều đó. Bây giờ nàng đang gọi món nước quả. Tôi cũng không ngoại trừ khả năng nàng làm ra vẻ như vậy thôi, còn trong thực tế nàng cũng nhận ra cái tình thế không dễ chịu gì giữa ba chúng tôi, nhưng nàng phải tăng lời đi vì tình thế kia là do chính sự ngốc nghếch của tôi tạo ra. Nhưng cũng có một điều khác dễ dàng nhận ra ngay: Natasha đã cùng với Fraser đến cái quán này lần này không phải là lần đầu và bây giờ Fraser làm tất cả mọi việc cố ý để tôi thấy rõ điều đó. Lại thấy rõ là tối hôm nay tôi cùng họ trải qua buổi tối cuối cùng. Tôi cũng không thích để người Mỹ quở trách tôi vì lòng tốt của họ. Tôi không muốn chịu ơn mỗi một người Mỹ bởi cái cớ mà vì họ tôi được sống ở nước Mỹ. Tôi cảm ơn chính quyền nhưng tôi không thể cảm ơn anh chàng Fraser này vì anh ta đã có làm gì lợi lộc cho tôi đâu.

– Liệu ta có nên kết thúc tối hôm nay tại El Morocco hay không nhỉ?

Tôi đã cảm nhận thật đầy đủ thân phận kẻ lưu vong của mình. Tôi chỉ mong mỗi một điều Natasha chấp nhận ý kiến Fraser vừa nêu ra. Nàng thích đến quán này lắm kia mà.

– Tôi mệt lắm, - nàng nói, - hôm nay là một ngày rất vất vả của tôi. Anh hãy đưa tôi về nhà.

Chúng tôi bước ra phố trong cái oi nồng ngọt ngào.

– Chúng ta đi bộ thôi, - tôi nói với Natasha.

– Tôi sẽ chở các bạn, - Fraser nói.

Đây chính là chỗ tôi nghi ngờ nhất. Fraser muốn đưa tôi về nhà còn sau đó anh ta và Natasha sẽ đi tiếp. Họ sẽ đến El Morocco hay đến nhà anh ta. Ai mà biết được. Nhưng tôi dính dáng gì vào chuyện này nhỉ? Tôi có quyền hành gì với Natasha đây? Và quyền hành - hai chữ đó có nghĩa gì đây? Và nếu có nghĩa thì cái quyền ấy thuộc về Fraser chứ? Tôi đơn giản ra chỉ là một kẻ xâm lược. Thêm vào đó là một kẻ xâm lược đang đóng vai người bị xúc phạm.

– Anh cùng đi chứ? - Fraser hỏi với giọng không mấy thân thiện.

– Tôi sống không xa đây. Tôi có thể đi bộ được.

– Có họa là điên, - Natasha phản đối, - đi bộ vào lúc nực nội, oi ả như thế này sao? Anh Fraser hãy chở chúng tôi về nhà tôi, từ ấy anh Ross về nhà anh ấy chỉ hai bước chân.

– Được thôi.

Chúng tôi ngồi vào xe. Đến nhà Natasha, anh ta tạm biệt chúng tôi.

– Thật là một buổi tối tuyệt vời! Chúng ta sẽ tái ngộ vào một lần khác nhé.

– Rất cảm ơn. Sẽ tái ngộ.

“Không bao giờ!” - Tôi thầm rửa trong đầu, khi tôi nhìn Fraser hôn vào má Natasha tạm biệt.

– Ngủ ngon, anh Fraser, - nàng nói. - Tôi rất tiếc không thể đi với anh được. Tôi quá mệt.

– Thôi lần sau vậy. Chúc ngủ ngon, *darling*.

“*Darling*”, - tôi nghĩ. Ở nước Mỹ, từ này chẳng có nghĩa gì mà lại cũng mang rất nhiều ý nghĩa. Người ta có thể nói như vậy với cô điện

thoại viên mà người ta chưa từng biết mặt. Người ta lại cũng có thể gọi như vậy với những người đàn bà mà người ta yêu hơn cả cuộc sống của mình. “*Darling*” - lần này anh chàng Fraser kia bằng tiếng gọi ấy muốn gài một trái mìn nổ chậm đây.

Tôi và Natasha đứng đối diện nhau. Ngay lúc này tôi hiểu rằng nếu tôi không kiểm chế mình, mọi điều sẽ kết thúc tấp lự.

– Một con người thật hết sức đáng yêu, - tôi nói. - Em cảm thấy một thực sao, Natasha?

Nàng gật đầu.

– Đúng thế đấy. Mọi thứ thật chán phèo, còn anh chàng Fraser thì thật đáng tởm.

– Anh không thấy như vậy. Vì anh, Fraser đã đưa chúng ta tới cái nhà hàng Đức kia và đã cư xử thật đáng yêu. Những người như anh ta thật hiếm gặp đấy.

Natasha ngước nhìn tôi.

– *Darling*, - nàng nói và đâu có biết tiếng này khiến tôi đau nhói như đang đau răng, - đừng cố gắng trở thành một kẻ hào hoa phong nhã làm gì. Anh ta làm em buồn chán đến nẫu ruột gan.

– Tối hôm nay cũng vậy sao?

– Tối hôm nay cũng thế thôi. Em không biết anh đã nghĩ như thế nào mà nhận lời mời xuân ngốc đó.

– Anh nhận lời mời ấy à?

– Đúng thế, chính anh. Anh hãy thử nói dối ấy là do em đi nào?

Tôi cũng đã định nói như vậy, nhưng may sao tôi bỗng nhớ tới bài học mà cha tôi đã dạy tôi vào cái ngày khi tôi tròn mười bảy tuổi.

“Con, - ông nói, - đang đặt bước chân vào cái thời đại của đàn bà.

Chính vì lẽ đó con hãy ghi nhớ nằm lòng: trên đời này đã có biết bao kẻ ngu xuẩn, ngốc nghếch cứ muốn chứng minh cái uy quyền của họ đối với đàn bà và sự hợp lí của cái uy quyền đó.”

– Anh có lỗi, - tôi lầm bầm, - nếu có thể xin em tha thứ cho anh vì anh đã ngốc nghếch như vậy.

Natasha nhìn tôi bán tín bán nghi.

– Anh nghĩ anh ngốc nghếch thật sao, hay đây chỉ là một sự vuốt ve, nhân nhượng?

– Vừa thế này vừa thế khác, Natasha.

– Vừa thế này vừa thế khác?

– Thì biết làm sao được? Anh hoàn toàn bị quẩn trí và đã biến thành một tên ngốc thực sự rồi.

– Em không để ý thấy.

– Chẳng cần để ý thấy làm gì. Tất cả những gã đàn ông đang mê mẩn đàn bà đều trở thành những con chó dại hết. Em đã biến anh thành người như thế nào có trời mà biết được.

Gương mặt của nàng bỗng biến đổi hẳn.

– Thật tội nghiệp anh của em! - Nàng nói. - Em không thể đưa anh lên tầng trên được. Cô bạn láng giềng của em sẽ xử ngắt mất. Và cô nàng sẽ rình rập, nghe ngóng bên ngoài cánh cửa suốt đêm nay thôi. Không thể được.

Tôi muốn đánh đổi mọi thứ mà tôi có trên đời này để được bén gót theo nàng. Nhưng tôi cũng lại cảm thấy không thể làm như vậy được. Như thế cũng rõ ràng, những người khác cũng không được nàng cho phép như tôi. Tôi vòng tay ôm lấy vai nàng.

– Anh và em còn nhiều thời gian ở phía trước. - Nàng nói. - Nhiều thời



gian đến khôn cùng. Ngày mai, ngày kia, những tuần lễ tới, những tháng tới... Nhưng dẫu sao em với anh vẫn có cảm tưởng là chỉ một buổi tối không như ý như vừa nói, toàn bộ cuộc đời bỗng mất đi ý nghĩa có phải không anh?

– Anh vẫn như nhìn thấy những hạt đá quý của cửa hàng Van Cleef và Arpels trên tóc em. Anh muốn nói là anh lại nhìn thấy những hạt đá ấy. Ở quán Lüchow's anh hầu như đã không nhìn thấy chúng.

Natasha cười ngặt nghẽo.

– Lúc ở nhà hàng anh không chịu đựng nổi em, có đúng thế không?

– Đúng thế.

– Em cũng không chịu được anh. Thôi chúng ta không nên tái diễn lại những trò như thế nữa nhé? Chúng ta hiện giờ đã ở giới hạn của mọi sự bực bội, căm ghét rồi.

– Không phải lúc nào cũng vậy sao?

– Lạy Chúa, không bao giờ. Không thì cuộc sống sẽ biến thành một thứ mật ngọt mất.

Tôi cho rằng trong thế giới này quả là còn thiếu một thứ mật ngọt. Nhưng tôi lặng im không nói gì cả. Đó là cái tính cách đã mọc rễ đâm chồi trong tôi. Cái tính cách muôn ngàn lần đáng nguyên rủa.

Natasha kéo tôi đến cửa.

– Hôn em đi! - Nàng thì thầm. - Và hãy yêu em đi. Em cần cảm thấy được có người đang yêu em. Hoặc anh cắt xéo đi, cắt đi. Hoặc em tự lột áo quần em ra đây.

– Lột ra đi! Không ai nhìn thấy chúng ta đâu.

Nàng xô tôi ra ngoài đường.

– Đi đi! Chính anh có lỗi ở tất cả mọi điều. Đi đi...

Nàng đóng sập cửa lại. Đêm ngọt ngạt, ẩm thấp. Tôi chậm rãi lê gót tới ga xe điện ngầm. Từ dưới đường hầm phủ vào mặt tôi một làn không khí nóng hập. Ga xe điện ít ánh sáng quá. Chuyển tàu vọt ra khỏi bóng đêm và từ từ dừng lại. Các toa hầu như không còn khách. Ở một toa có một người đàn bà đứng tuổi, ngồi xa chút nữa là một người đàn ông. Tôi ngồi ở đầu bên kia toa. Và chúng tôi lăn đi dưới lòng đất của một thành phố xa lạ.

## XVIII



**K**ahn đề nghị tôi cùng anh ta tham gia “một vụ trấn lột” một người tên là Hirsch để bảo vệ bác sĩ Gräfenheim. Theo Kahn cho biết, gã Hirsch kia đã vay ông bác sĩ một khoản tiền mà không chịu trả. Bác sĩ không hề có trong tay một tờ giấy biên nhận, thậm chí một bức thư mang nét chữ của gã Hirsch kia. Bác sĩ lại không có một xu trong túi nên cũng không thể nhờ vả giới luật sư được. Vì vậy Kahn phải ra tay.

Ngôi nhà của gã Hirsch ở tại phố 54. Kahn bấm chuông. Một người hầu ra mở cửa và đưa chúng tôi vào gian phòng với những đồ đạc của thời Louis XV.

– Ngài Hirsch ra bây giờ đấy ạ.

Gã Hirsch béo quay, tầm vóc trung bình, tuổi chừng năm mươi. Cùng vào phòng với gã là một con chó Đức. Kahn mỉm miệng cười.

– Lần cuối cùng tôi đã nhìn thấy giống chó này là tại một nhiệm sở của bọn Gestapo, thưa ông Hirsch. - Kahn nói. - Ở đó bọn chúng nuôi giống chó này để đi săn người.

– Yên lặng nào, Harro! - Gã Hirsch vỗ vỗ lên lưng con chó. - Các ông muốn nói chuyện với tôi sao? Nhưng sao các ông không báo trước là các ông tới đây không phải chỉ có một người? Tôi không có nhiều thời giờ đâu.

– Xin giới thiệu với ông ngài Ross đây. Tôi không giữ ông lâu đâu, thưa ông Hirsch. Chúng tôi tới thăm ông vì công việc có liên can tới bác sĩ

Gräfenheim. Ông bác sĩ đang ốm, lại chả còn tiền nong gì cả. Ông ấy buộc phải ngừng công việc của mình tại trường đại học. Ông có quen bác sĩ chứ?

Hirsch không đáp mà vẫn tiếp tục vỗ vỗ lên lưng con chó đang gằm gừ dưới chân.

– Có nghĩa là ông có quen biết bác sĩ Gräfenheim, - Kahn nói. - Tôi chỉ không rõ ông có biết tôi hay không. Tôi là Kahn, mang bí danh Kahn-Gestapo. Tại Pháp tôi đã từng đánh lừa bọn Gestapo rất nhiều lần. Trong cái trò ú tim ấy không phải lúc nào cũng chỉ toàn những ngón dễ chịu đâu. Như vậy tôi xin nói thẳng với ông là con chó của ông khó mà làm tôi nổi da gà đấy. Mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi là thu góp tiền giúp bác sĩ Gräfenheim. Tôi nghĩ rằng ông có thể giúp bác sĩ trong việc này chứ? Ông định giúp bác sĩ bao nhiêu đây?

Hirsch không rời mắt khỏi Kahn.

– Mà vì sao tôi phải giúp ông ta cơ chứ?

– Với câu hỏi ấy có nhiều lời đáp, nhiều nguyên nhân. Một trong những lời đáp đó là sự thông cảm.

Hirsch ngồi im lặng rất lâu, mắt vẫn không rời khỏi Kahn. Sau đó gã móc từ trong túi áo ra một chiếc ví và trao cho Kahn hai tờ giấy bạc.

– Đây tôi giúp hai mươi đô la. Nhiều hơn thì tôi không thể đâu. Rất nhiều người đã tìm đến gặp tôi với mục đích quyên góp như thế này.

Tôi cứ nghĩ là Kahn sẽ ném hai tờ bạc vào mặt gã Hirsch, nhưng anh vẫn đút vào túi.

– Tuyệt, ông Hirsch ạ! - Kahn nói. - Ông còn phải trả thêm chín trăm tám mươi đô la nữa. Ông bác sĩ Gräfenheim không chịu nhận ít hơn số tiền ấy đâu.

– Ông cứ tha hồ mà nói đùa, nhưng tôi không có thời gian để...

– Ông có thời giờ để nghe tôi đây, ông Hirsch ạ. Tôi biết ở gian bên cũng không có một vị luật sư nào ngồi ở đấy đâu. Còn bây giờ tôi xin phép kể cho ông nghe một câu chuyện mà chắc ông sẽ thích thú. Hiện tại ông vẫn chưa phải là công dân Mỹ, nhưng ông hi vọng sang năm sẽ đạt được điều này. Chính vì vậy những chuyện ngồi lê đôi mách là không có lợi cho ông. Hợp chủng quốc rất nguyên tắc về phương diện này. Tôi và ông bạn Ross, một nhà báo, xin cảnh báo trước cho ông những gì không hay.

– Hai ông không phản đối nếu tôi gọi cảnh sát chứ?

– Không may may. Họ đến đây chúng tôi sẽ nộp cho họ toàn bộ giấy tờ.

– Giấy tờ! Sự dọa dẫm ở nước Mỹ sẽ bị trị tội rất nghiêm. Cút xéo khỏi nơi đây ngay.

Kahn ngồi xuống một trong những chiếc ghế mạ vàng.

– Ông Hirsch ơi, ông cho là ông hành động thông minh lắm sao? Nhưng không phải như vậy đâu. Ông cần trả lại tiền cho bác sĩ Gräfenheim. Trong túi tôi có sẵn tờ giấy của các cơ quan phụ trách vấn đề người tị nạn với lời đề nghị không cho phép ông nhập quốc tịch Mỹ. Tờ giấy có chữ kí của hàng trăm người di tản. Tôi lại có một tờ giấy khác cũng không đồng ý để ông nhập quốc tịch Mỹ với lí do ông đã từng cộng tác với Gestapo khi còn ở Đức. Ngoài ra tôi còn một mảnh báo, cắt ra từ tờ nhật báo xuất bản ở Lyon, trong đó nói là tên Do Thái Hirsch trong lần khảo cung tại một nhiệm sở Gestapo đã cung khai hai nơi ở của hai người tị nạn khiến họ đã bị bắt và bị bắn chết. Ông không phản đối chứ, ông Hirsch? Có thể kể phạm những tội trạng đó không phải là ông, nhưng tôi vẫn xác nhận đó là ông.

– Cái gì?

– Đúng. Tôi sẽ xác nhận đó là ông. Ở đây mọi người đều biết tôi đã từng tham gia cuộc kháng chiến ở Pháp. Và người ta sẽ tin tôi hơn là tin ông.

Gã Hirsch nhìn Kahn như muốn nuốt chửng anh.

– Ông muốn tạo ra những chứng cứ giả chứ gì?

– Tôi dựa theo một nguyên tắc: có vay có trả. Lời dạy trong kinh Thánh đấy ông Hirsch ạ. Ông hại bác sĩ Gräfenheim thì đến lượt chúng tôi tiêu diệt ông. Vì thế ở đây chẳng quan trọng gì mà phải phân biệt đâu là thật đâu là giả cả. Tôi đã nói với ông là tôi đã từng sống dưới sự răn dạy của bọn Quốc xã và thế là tôi đã học được điều gì đó.

– Cảnh sát ở Mỹ...

– Chúng tôi cũng đã nghĩ tới việc này, - Kahn ngắt ngang lời gã, - và sự hiểu biết của chúng tôi cũng không đến nỗi tồi. Chúng tôi không cần cảnh sát làm gì. Để đối phó với ông, số giấy tờ hiện nằm trong túi tôi là quá đủ rồi. Ông không nhất thiết phải vào nhà tù đâu. Chúng tôi sẽ đưa ông tới trại tập trung dành cho người nước ngoài là đủ rồi.

Gã Hirsch sờ vào chiếc cổ đeo của con chó.

– Tôi không để tiền ở nhà...

– Thế thì trao cho chúng tôi ngân phiếu vậy.

Đột nhiên gã Hirsch thả con chó ra.

– Harro! Đi! - Gã quát lên với con chó và mở cửa.

Con chó chạy vụt ra ngoài, gã đóng cửa lại.

– Thế là phải đấy, - Kahn nói.

– Tôi không trao cho các ông ngân phiếu đâu! - Gã Hirsch tuyên bố. - Chính các ông cũng đã hiểu lí do vì sao rồi.

Tôi nhìn gã chăm chú. Thoạt đầu tôi không tin rằng gã sẽ đầu hàng nhanh chóng đến thế đâu. Có lẽ Kahn đã đúng. Nỗi sợ hãi khủng khiếp cộng với những cảm giác phạm tội đã khiến gã không tự tin vào mình.

– Ngày mai tôi sẽ đến thăm ông một lần nữa, - Kahn nói.

– Còn các thứ giấy tờ ông giữ thì sao?

– Tôi sẽ hủy ngay trước mặt ông.

– Tôi chỉ trao cho ông tiền khi ông trao cho tôi các giấy tờ đó.

Kahn lắc đầu.

– Không thể được, ông biết còn ai khác có thể làm chứng chống lại ông không?

– Ai dám bảo đảm là ông có mấy thứ giấy tờ đó thật?

– Tôi bảo đảm. - Kahn gần giọng. - Như vậy là quá đủ cho ông rồi chứ?

Gã Hirsch im lặng hồi lâu. Cuối cùng gã đành nói:

– Được. Giờ này ngày mai.

Chỉ chờ có thế, Kahn liền đứng dậy khỏi ghế. Hirsch đứng đó, gục gặc đầu. Bất ngờ gã thì thào, toàn thân toát đầy mồ hôi:

– Con trai tôi đang bị bệnh. Nó là đứa con trai duy nhất của tôi. Vậy mà các ông lại... Các ông phải cảm thấy xấu hổ! Tình trạng của nó đang nguy kịch. Còn các ông...! - Gã bất thần hét toáng lên.

– Tôi hy vọng con trai ông sớm khỏe lại. - Kahn nói nhỏ. - Bác sĩ Gräfenheim có thể khám cho nó, ông ấy là bác sĩ giỏi nhất mà.

– Anh muốn tới một nơi nào đó thật yên tĩnh, - tôi nói với Natasha. - Ra ngoại thành và đến một cái hồ nào đó, ở đấy sẽ không đầm đìa mồ

hôi như thế này.

– Em không có xe. Hay là ta gọi điện cho Fraser?

– Không đời nào.

– Hoàn toàn không nhất thiết phải để anh ta đi cùng đâu. Chúng ta chỉ mượn xe của anh ta thôi.

– Dù sao cũng không nên. Tốt nhất là đi xe điện ngầm hoặc xe ô tô buýt.

– Đi đâu?

– Chính thế đấy: đi đâu đây? Ở thành phố này, như anh thấy, mùa hè dân số như tăng lên gấp đôi.

– Ở khắp mọi nơi là cái nóng đến không thể chịu được. Tội nghiệp Robert của em!

Tôi bực bội quay ngoắt đi. Đây là lần thứ hai trong ngày hôm nay tôi bị gọi là “tội nghiệp”.

– Liệu có nên tới Cloisters, nơi trưng bày thảm da thú không? Anh chưa bao giờ được thấy thảm da thú cả. Em đã thấy chưa?

– Em cũng chưa thấy. Nhưng buổi chiều thì bảo tàng đóng cửa. Và người ta cũng không cho người lưu vong vào đâu.

– Đôi lúc anh thấy chán phèo cái thân phận của một anh dân lưu vong rồi. - Tôi nói, lòng càng cảm thấy bực bội hơn. - Ví như suốt ngày hôm nay anh luôn được nhắc nhở mình là người lưu vong. Thoạt đầu là Silvers, sau đó là Kahn. Em nghĩ sao, làm cách nào để chỉ còn là một con người thôi?

– Khi nào con người ta không nghĩ đến gốc gác, huyết thống nữa, họ sẽ chỉ còn là con người thôi, Robert thân yêu ạ. Thậm chí ngay cả tình yêu cứ dính dáng vào chuyện gốc gác, huyết thống cũng có thể dẫn đến



thảm kịch đấy.

– Trong trường hợp người ta tiếp nhận tình yêu không giống như em và anh.

– Thế em và anh đã tiếp nhận tình yêu như thế nào nào?

– Trên phương diện tổng thể chứ không phải từng bộ phận.

– Cụ thể hơn nữa xem sao anh? - Natasha nói.

– Ví như tình yêu ấy là cả một đại dương nói chung, chứ không phải một con sóng riêng lẻ. Thế em nghĩ ra sao? Hay không nghĩ gì cả?

– Em ấy à? - Trong giọng nói của nàng dễ nhận ra sự ngạc nhiên trước một câu hỏi mà nàng không chuẩn bị lời đáp.

– Ừ, em ấy. Và cả số bạn bè đông vô thiên lủng của em nữa.

Nàng lặng ngắt một lúc, sau đó nàng nói:

– Cũng nghĩ như anh thôi. Anh Robert này, liệu một ly nhỏ vodka có giết chết em không?

– Không sao đâu, thậm chí ngay cả lúc nóng bức như thế này.

Melikov hôm nay trực nhật. Tôi bảo ông ta đưa cho một chai vodka và hai cái ly.

– Trước khi anh và em cãi nhau, chúng ta cần nghĩ xem nên đi đâu bây giờ, - tôi nói. - Có cãi nhau tốt hơn cả là nên tìm đến một nơi mát mẻ, chứ không nên ở nơi nóng bức, ngột ngạt như thế này. Thôi anh cũng chẳng cần ra ngoài ô hay đến một cái hồ nào làm gì. Bây giờ anh có tiền rồi. Ông Silvers đã trả tiền anh dẫn bà Whympers tới.

– Bao nhiêu cơ?

– Hai trăm năm mươi đô la.

– Tên keo kiệt. Phải năm trăm mới đáng.

– Thôi chẳng cần quan tâm đến điều đó làm gì. Ông ta giải thích là lí ra ông ta không phải trả anh đồng nào vì ông ta đã quen biết bà Whympers từ lâu rồi. Đây mới là điểm trừ gan chọc tức anh, chứ không phải là hai trăm rưỡi hay năm trăm. Số tiền ông ta trao có thể chấp nhận được. Nhưng anh hết sức giận vì tựa như lão Silvers tặng anh quà, chứ không phải trả tiền cho công sức của anh.

Natasha đặt ly rượu xuống.

– Anh lúc nào cũng căm ghét kiểu tặng quà đó sao?

– Anh không biết nữa, - tôi ngạc nhiên nói. - Có lẽ không phải lúc nào cũng như vậy. Mà tại sao em lại hỏi thế?

Nàng nhìn tôi chăm chú.

– Em có cảm tưởng là mấy tuần lễ trước đây anh không xử sự như vậy.

– Em nghĩ thế sao? Có thể lắm. Anh không có khiếu hài hước. Có thể mọi chuyện là nằm ở điểm này.

– Khiếu hài hước anh có thừa. Nhưng hôm nay cái khiếu ấy đã thay đổi rồi đấy.

– Ai mà đủ sức lực để giữ nụ cười trong cái oi nóng như thế này?

– Fraser, - Natasha trả lời không nghĩ ngợi. - Trong bất cứ thời tiết nào anh ta cũng có thể cười cợt, châm chọc được.

Biết bao ý nghĩ quay cuồng trong đầu tôi, nhưng tôi không thể nói ra cái điều muốn nói. Thay cho điều đó, tôi bình thần nhận xét:

– Anh rất thích anh ta. Đúng, em nói đúng, nụ cười thường trực ở anh ta. Trong buổi tối hôm ở nhà hàng Lüchow's, anh ta đã là người rất niềm nở, lịch sự.

– Cho em thêm nửa ly nữa, - Natasha nói, miệng mồm mỉm cười nhìn

tôi.

Tôi lặng lẽ rót cho nàng nửa ly.

Nàng đứng lên, vuốt bờ vai tôi hỏi:

– Anh định đi đâu bây giờ?

– Anh không thể đưa em về phòng anh, ở đây đông người quá.

– Thế đưa em tới một nhà hàng nào mát mẻ vậy.

– Được thôi. Nhưng đừng đến Ông Hoàng Biển Cả nữa. Ta đến một nhà hàng của người Pháp tại Đại lộ số Ba.

– Nhưng ở đây mọi thứ đều đắt cả.

– Không đắt với người trong túi có hai trăm năm mươi đô la. Dù là quà tặng hay gì đi nữa, số tiền này vẫn là của anh.

Ánh mắt Natasha trở nên dịu dàng.

– Nói hay lắm, anh thân yêu. Mặc kệ mấy thứ triết lý đạo đức!

Tôi gật đầu. Tôi cảm thấy như mình đang trốn chạy khỏi vô số những mối hiểm họa khác.

Khi chúng tôi rời khỏi nhà hàng, vòm trời xanh lét những tia chớp. Những cơn gió cuốn theo bụi đất và những mảnh giấy vụn bay mù mịt.

– Bắt đầu rồi, - tôi nói. - Phải kêu tắc xi nhanh lên thôi.

– Để làm gì anh? Vào tắc xi lại toát mồ hôi thôi. Tốt nhất là ta đi bộ.

– Nhưng sẽ ướt mất. Em không có áo mưa, cũng không có dù. Trời đổ mưa bây giờ đây.

– Càng mưa, càng ướt càng hay. Tối hôm nay em cũng đang định gội đầu.

– Em sẽ ướt như chuột lột, Natasha ạ.

– Tắm áo em đang mặc bằng vải nilon, thậm chí không bao giờ phải ủi cả.

Chúng tôi đứng nép mình cạnh bức tường của những tòa nhà. Lúc này những tia chớp lóe lên không ngớt giữa khoảng trống của các ngôi nhà chọc trời: có cảm giác như chớp phóng lên từ những cái ống ngầm đặt dưới lòng đất. Và sau đó mưa bắt đầu đổ xuống. Những hạt mưa khá nặng rơi trên mặt đường nhựa. Thoạt đầu chúng tôi còn nhìn thấy những hạt mưa, sau đó chỉ cảm nhận ra có mưa thôi.

Natasha ngửa mặt đón mưa, miệng nàng he hé mở, mắt nheo nheo.

– Giữ chặt em nhé! - Nàng kêu lên.

Gió mỗi lúc một mạnh thêm, trong giây lát phố xá đã vắng tanh. Chỉ ở dưới các vòm cổng là nhận ra những người đứng trú mưa. Chốc chốc lại có một ai đó, cong gập người chạy men theo các bức tường dưới những làn mưa mau hạt. Mưa điểm nhịp trên mặt đường và phố xá bỗng biến thành một dòng sông trắng.

– Ôi, - Natasha bỗng kêu vâng. - Hóa ra anh mặc bộ com lê mới.

– Em nhận ra hơi muộn, - tôi nói.

– Em chỉ nghĩ về mình thôi. Còn em chẳng có thứ gì mới cả. - Natasha hất ngược chiếc áo lên đến tận bắp đùi nom rõ cái quần lót màu trắng. Nàng không có vợ, còn đôi giày gót cao của nàng cũng đã ướt sũng nước. - Còn anh thì khác. Liệu bộ com lê bị ướt có làm sao không? Hay là lại phí cả một mớ tiền?

– Cũng quá muộn rồi, - tôi nói. - Anh sẽ hong khô và ủi lại. Kệ nó em ạ. Chúng ta cứ hãy sung sướng vì cái thời tiết dữ dội này đã. Đây, ta đến tắm ở cái vòi phun trước cửa khách sạn Plaza đi.

Natasha cười, đẩy tôi vào dưới một chiếc cổng nhà.

– Dù sao cũng phải cứu lấy lần vải lót và lớp nỉ đã. Không thể để hỏng cả bộ com lê của anh được. Chao, mưa thế này quả là chưa bao giờ thấy. Ấy thế mà lại diện com lê mới đi chơi mưa đây. Thôi cứ đứng dưới vòm cổng như thế này cũng đủ lí thú rồi. Anh nhìn kia, chớp mới khiếp làm sao! Lạnh rồi đấy. Mà gió mới khiếp chứ.

“Nàng vừa thực tiễn lại vừa hồn nhiên biết bao”, - tôi hôn lên gương mặt nhỏ bé, ấm áp của nàng, thầm nghĩ. Chúng tôi đang ở giữa những quầy kính của hai cửa hàng: một quầy bày bán những tấm chằng bưng chằng mông dành cho những người đàn bà có tuổi, cửa hàng kia bày bán các loại thú rừng. Ở cửa hàng thứ hai có một chiếc bể cá vàng với những chú cá màu sắc sặc sỡ đang ngoe nguẩy bơi lội. Ngày xưa tôi cũng nuôi cá và biết được khá nhiều chủng loại cá khác nhau. Một thứ cảm xúc hết sức đặc biệt bỗng nảy sinh trong tôi: trong làn ánh sáng mờ ảo tôi như thấy hiển hiện tuổi thơ ấu của mình, cái thế giới mà nhờ một phép màu nào đó mọi vật không hề biết tới năm tháng, tuổi tác, không hề bị hủy hoại, không tắm trong máu đỏ và nước mắt.

Tôi ôm Natasha trong vòng tay mà cảm nhận hơi nóng của thân thể nàng, đồng thời cũng lại cảm nhận được một phần của “cái tôi” của một thời rất xa, ở đâu đó rất xa. “Cái tôi” đó đang cúi xuống một vòi phun nước đã bị hỏng, từ lâu rồi không còn tung ra những tia nước trắng lấp lánh dưới ánh nắng nữa. Tôi cúi xuống cái vòi nước ấy và lắng nghe âm điệu của một quá khứ xa xăm...

– Anh sẽ nói gì, nếu em sẽ có phần eo như thế kia? - Nàng hỏi.

Tôi quay lại. Natasha đang nhìn quầy kính bên trong bày bán những tấm nịt chằng.

– Em có phần eo tuyệt đẹp, - tôi nói, - em sẽ không bao giờ phải mang

những tấm chằng kia đâu.

– Thế thì hay quá. Mưa hình như tạnh rồi. Ta đi thôi anh!

Tôi chợt nghĩ có lẽ không có gì xuẩn ngốc hơn khi quay lại quá khứ, khi nhìn vào cái bể nuôi cá.

– Anh nhìn kìa, những chú khỉ. - Natasha bỗng reo lên khi nhìn qua cái quây kính, nhận ra một cái lồng lớn có gác những cành cây. Trong lồng là những chú khỉ đuôi dài không giây phút nào chịu đứng yên một chỗ. - Chúng là những kẻ lưu vong thật sự đấy! Dân lưu vong bị giam giữ trong lồng! Thực ra thì các anh cũng chưa bị dẫn đến tình cảnh thế này đâu. - Natasha nói.

– Chẳng lẽ lại đúng như vậy sao? - Tôi hỏi.

Natasha ngược nhìn tôi.

– Em có biết gì về anh đâu! - Nàng nói. - Và em cũng không muốn biết nữa. Mỗi một người đều có những vấn đề của mình, có lịch sử của mình... Người khác ngó dòm vào chỉ càng buồn thêm thôi. - Nàng lại đưa mắt nhìn chăm chăm những tấm chằng bày trong tủ kính. - Buồn đến phát khóc lên được. Thời gian trôi đi mới nhanh làm sao! Chẳng bao lâu nữa em cũng sẽ mặc vừa khít tấm chằng kia. Và em sẽ ghi tên gia nhập câu lạc bộ dành cho các bà già. Đôi khi em thức giấc, mồ hôi ướt đầm người vì sợ hãi. Anh có như vậy không?

– Anh cũng thế.

– Thật sao? Nhìn anh, em không thấy điều ấy.

– Nhìn em cũng vậy, Natasha ạ.

– Thôi ta hãy giành lấy ở cuộc đời này càng nhiều thứ càng tốt anh nhé!

– Chúng ta sẽ hành động như vậy!

– Cũng vẫn chưa đủ đâu. - Nàng ép chặt vào tôi và tôi cảm nhận được cơ thể nàng suốt từ chân tới đầu. Tấm áo nàng đang mặc trên người như tấm áo tắm. Tóc nàng cuộn lại thành từng mớ sũng ướt, gương mặt nàng nhợt nhạt.

– Vài ngày nữa em sẽ có một căn hộ mới, - nàng nói thì thầm, - lúc ấy anh có thể đến với em, chúng ta sẽ không phải ẩn náu tại các khách sạn, các quán rượu nữa. - Natasha mỉm cười. - Và trong căn hộ của em sẽ có máy điều hòa nhiệt độ.

– Em được cấp hộ mới sao?

– Không. Đó là căn hộ của bạn em.

– Cửa Fraser sao? - Tôi hỏi và hàng nghìn những mắc mớ thật khó chịu lại cuộn lên trong đầu tôi.

– Không, không phải của Fraser, - Natasha lại cất tiếng cười. - Không khi nào em lại biến anh thành loài tằm gửi một lần nữa đâu, nếu điều đó không cần thiết vì hạnh phúc của chúng ta.

– Thì anh cũng đã trở thành phùng tằm gửi rồi, - tôi nói. - Anh đang buộc phải nhảy múa trên những sợi dây đạo đức trong đôi ủng của loài heo. Thật không khó gì đoán ra anh thường bị trượt ngã. Làm một người lưu vong đứng đắn, nghiêm chỉnh quả là một việc cực kì khó em ạ.

– Trong trường hợp như vậy, thà làm người lưu vong không đứng đắn, nghiêm chỉnh có lẽ hơn, - Natasha nói vậy và đi lên trước tôi.

Trời về khuya se lạnh. Giữa những đám mây ở đâu đó xa thẳm, le lói những vì sao. Những vệt sáng từ những chiếc đèn pha ô tô hắt lên mặt đường ẩm ướt tạo nên cảm giác tựa như những chiếc xe đang lướt đi trên những tảng băng đen.

– Em có dáng vẻ đỏng đảnh nom rất tức cười, - tôi nói với Natasha. - Đi với em anh thấy mình như một người của những thế kỉ sau vừa từ bãi

tầm trở về với một cô gái là thần dân của sao Hỏa. Tại sao cho đến tận bây giờ những nhà tạo mốt không nghĩ ra một kiểu áo như em đang khoác trên người lúc này nhỉ?

– Họ cũng đã nghĩ ra rồi đấy chứ, - Natasha nói, - có điều anh chưa nhìn thấy đó thôi. Cứ chờ đến khi anh vào mấy gian phòng khiêu vũ của quán cà phê Society.

– Anh cùng vừa nghĩ tới chuyện đó, - tôi nói và đẩy nhẹ nàng vào một ô cửa tối mò. Từ nàng thoảng bay mùi mưa đêm, mùi rượu vang, mùi tỏi.

Khi chúng tôi về tới nhà nàng, cơn mưa đã tạnh hẳn. Trên con đường ngược trở lại tôi đi bộ. Thỉnh thoảng lại có một chiếc tắc xi vè vè bám theo tôi, mời tôi lên. Ấy thế mà trước đây một giờ đồng hồ trên phố xá chẳng có bóng một chiếc xe nào. Tôi hít sâu vào lồng ngực làn khí trời mát mẻ như uống một thứ rượu vang tuyệt diệu và tôi nhớ lại ngày vừa qua. Tôi cảm thấy ở một nơi nào đó đang ẩn náu những mối tai họa. Mối tai họa kia không đe dọa tôi từ bên ngoài mà nằm ngay trong chính bản thân tôi. Tôi lo sợ rằng tôi đã vô tình bước qua cái ranh giới tai họa kia và lạc vào một vùng đất lạ, được điều hành bởi những thế lực mà tôi không thấu hiểu nổi. Hiện tại thì tôi chưa rõ những nguyên nhân của mối tai họa kia. Nhưng dẫu sao, tuân theo số phận, tôi cũng đã bước vào cái trận đồ bát quái, ở đó tồn tại những giá trị hoàn toàn khác mà tôi chưa từng biết tới. Nhiều điều mới cách đây chưa bao lâu tôi còn thờ ơ, lãnh đạm, bây giờ đột nhiên bỗng trở nên có giá. Trước kia tôi tự coi mình như một người xa lạ, bây giờ tôi bỗng như một phần máu thịt ở nơi đây. “Điều gì đã xảy ra với mình thế? - Tôi tự hỏi mình. - Có gì đâu, mình đã yêu.” Tôi cũng biết rằng ngay một kẻ xa lạ cũng vẫn có thể yêu đương say đắm, thậm chí yêu cái đối tượng không thích hợp với anh ta lắm. Anh ta yêu chỉ vì anh ta cảm thấy nhu cầu cần phải yêu và cũng chẳng quan trọng đấy là yêu ai. Nhưng tôi lại cũng biết là trên con đường này một nỗi



hiểm họa đang bám riết lấy tôi: bất ngờ tôi có thể rơi vào một cái bẫy và đánh mất đi định hướng của mình.

## XIX



**N**gày mai người ta sẽ quyết định mổ cho chị Betty - Kahn nói với tôi qua điện thoại. - Chị ấy hết sức sợ hãi. Anh có định đến thăm chị ấy không?

– Nhất định chứ. Chị ấy mắc bệnh gì?

– Hiện chưa biết chính xác. Hai bác sĩ Gräfenheim và Ravic đã chẩn đoán cho chị ấy. Chỉ phẫu thuật mới rõ cái u chị Betty mang trong người là u gì: lành hay dữ.

– Chết thật! - Tôi nói.

– Bác sĩ Ravic sẽ trông nom chị ấy. Ông ta bây giờ là trợ lí tại bệnh viện Mount Sinai.

– Ông ấy mổ cho chị Betty à?

– Không đâu. Ông ấy sẽ có mặt lúc ca mổ diễn ra thôi. Tôi không rõ người ta cho phép Ravic tự mổ được không. Bao giờ thì anh đến thăm chị Betty?

– Vào lúc sáu giờ. Sau khi hết giờ làm việc tôi sẽ đi luôn.

Tôi lên đường tới nhà chị Betty. Ngày ấm áp, mây vẫn vũ, vòm trời màu xám tro. Chị Betty nằm trên giường, trong tấm áo màu hồng.

– Các anh tới đúng lúc để vĩnh biệt tôi, - Betty rên rẩm, - ngày mai người ta đặt tôi dưới mũi dao rồi.

– Cô nói gì nhăng cuội thế, Betty, - bác sĩ Gräfenheim bực bội. - Sáng

mai anh em đưa cô tới bệnh viện. Một thủ tục thông thường. Và người ta thực hiện nó một cách hết sức chu đáo.

– Dao kéo vẫn là dao kéo, - chị Betty phản bác lại, - tôi hiểu chứ, có quan trọng gì đâu khi người ta cắt chân hay cắt đầu anh.

Tôi đưa mắt nhìn bao quát căn phòng. Có chừng mười người bạn hữu đến thăm chị Betty. Phần nhiều là những người quen. Ravic cũng đã tới. Anh ta ngồi bên cửa sổ, mắt lơ đãng nhìn ra ngoài phố. Trong phòng ngột ngạt, nức nộ nhưng các cánh cửa sổ lại đều đóng kín. Betty cho là mở cửa sổ ra còn nóng hơn nữa. Chiếc quạt trần xè xè quay trên trần nhà. Cánh cửa thông sang gian phòng giữa bỗng mở ra. Hai chị em sinh đôi nhà Koller mang cà phê và mút táo vào. Thoạt đầu tôi không nhận ra họ. Hai cô đã nhuộm tóc để trở thành những cô gái tóc vàng. Theo yêu cầu của chị Betty, hai cô mang vào phòng ngủ hai bức tranh chạm trổ miêu tả quang cảnh Berlin. Trước đó hai bức được treo ngoài phòng khách lớn, còn bây giờ chúng được đặt trên chiếc tủ trang điểm kê sát ngay đầu giường chị nằm.

– Anh Ross, - tôi bỗng nghe chị Betty gọi tên tôi. - Tôi rất vui vì anh đã đến thăm tôi. Chỉ có ở chỗ bạn bè thân quen mới tìm được sự nương tựa...

– Đối với tất cả những người lưu vong chúng tôi, chị như người chị hiền, người mẹ đẻ. Thiếu chị chúng tôi quả là những kẻ phiêu dạt thật đáng thương.

– Công việc của anh với người chủ mới ra sao rồi? - Chị Betty hỏi.

– Rất tốt, chị ạ. Chẳng bao lâu nữa tôi có thể trả món tiền đã vay ông Vriesländer.

Chị Betty chống tay nhắc đầu lên khỏi gối, nhìn tôi với khuôn mặt đồ dừ.

– Ông ta rất giàu. Khoản tiền đó ông ta không cần tới đâu. Anh chỉ phải trả khi nào làm ăn thật khá giả đã. Tôi rất mừng vì công việc của anh tiến triển tốt. Không phải tất cả dân lưu vong đều nhanh chóng nhập cuộc như anh đâu. Tôi không nên nằm đây lâu quá, anh Ross ạ. Nhiều người cần tới sự trợ giúp của tôi, phải không anh?

Khi rời khỏi nhà chị Betty tôi hỏi Ravic:

- Chị ấy mắc bệnh gì vậy?
  - Chưa mổ thì khó mà nói chắc được.
  - Anh đã thi xong hết các môn rồi chứ?
  - Thi xong rồi.
  - Anh sẽ mổ cho chị Betty chứ?
  - Ừ.
  - Thôi, tạm biệt anh Ravic.
  - Bây giờ tôi đổi tên là Fresenburg rồi. Từ đây trở đi tôi mang cái tên này.
  - Còn tôi thì vẫn là Ross. Đó chỉ là cái tên tạm thời thôi.
- Ravic cười rồi bước đi.

– Sao anh lúc nào cũng phải ngó trước ngó sau thế? Hay là em giấu giếm ở đây xác một đứa trẻ con? - Natasha nói.

– Anh luôn luôn ngó trước ngó sau như vậy đấy. Một thói quen lâu ngày rồi. Bỏ đi chẳng dễ đâu.

– Trước đây anh luôn luôn buộc phải lẩn trốn à?

Tôi ngạc nhiên nhìn Natasha. Sao lại có một câu hỏi ngốc nghếch đến như vậy không biết! Có bao giờ người ta lại hỏi nàg: “Em luôn luôn

buộc phải hít thở như vậy sao?” không? Nhưng đầu sao tôi cũng cảm thấy sung sướng: Ơn trời, nàng chưa từng bị ném trái điều gì cả!

Natasha đứng bên một khung cửa sổ khá rộng trong một căn phòng trần thấp tè. Trước khung cửa sổ tràn ngập ánh sáng, thân thể nàng như một hình ảnh vừa thực vừa không thực. Thật hay biết bao không phải giằng giãi cho nàng rõ mọi việc đã xảy ra. Thế là tôi thoát khỏi cái cảm giác của một kẻ lưu lạc. Tôi ôm hôn nàng.

– Do ánh sáng mặt trời vai em nóng rực lên, - tôi nói.

– Em chuyển sang đây hôm qua. Tủ lạnh chật ních thức ăn. Cả ngày hôm nay có thể không phải ra khỏi nhà. Em xin nhắc anh hôm nay là ngày chủ nhật đấy nhé, phòng có lúc cần.

– Anh cũng nhớ là như vậy. Trong tủ lạnh có cả đồ uống chứ?

– Hai chai vodka. Chúng mình còn có cả hai chai sữa tươi nữa.

– Em nấu nướng có khá không?

– Biết nói sao bây giờ đây anh? Em biết rán bít tết và mở đồ hộp. Ngoài ra chúng ta còn đầy hoa quả và cả một chiếc radio nữa. Nào, chúng ta sẽ bắt đầu cuộc đời của những kẻ tiểu thị dân lương thiện.

Natasha cất tiếng cười. Tôi giữ nàng trong vòng tay và không cười theo. Những gì nàng vừa nói tựa như những mũi tên mềm mại đâm vào da thịt tôi. Không đau đâu nhưng cảm nhận ra ngay.

– Một cuộc đời như thế này không hợp với anh, phải không nào? - Nàng hỏi. - Rất tiểu thị dân!

– Ngược lại, đối với anh đây chính là thứ ngoại biệt lớn nhất mà con người ta được hưởng thụ vào những năm tháng này. - Tôi phản bác lại, đôi cánh mũi phập phồng hít thở mùi thơm từ tóc nàng, mùi của cây bách hương. - Hiện nay cuộc đời bình thường nhất của một anh kế toán cũng

có thể so sánh với cuộc đời của một ông hoàng xưa kia. Anh có thể suốt ngày này qua tháng khác uống bia và nghe radio được. Anh tiếp thu những tiện nghi của cuộc đời tiểu thị dân này như được khoác lên mình một tấm áo choàng màu huyết dụ.

– Anh đã được xem vô tuyến truyền hình bao giờ chưa?

– Rất ít khi.

– Em cũng nghĩ thế. Rồi anh sẽ chán ngay cho mà xem. Trong tấm áo choàng màu huyết dụ kia, đôi vai anh tựa như cũng đã bắt đầu ngứa ngáy rồi thì phải?

– Lúc này tấm áo chưa gây ra chuyện đó đâu. Em biết không, hôm nay là lần đầu tiên chúng mình không phải chen vai thích cánh ở những khách sạn, những quán rượu đông đúc, ồn ào nữa.

Natasha gật đầu.

– Thì em cũng đã nói với anh điều đó rồi. Nhưng lúc đó anh vẫn còn hoài nghi tự hỏi liệu căn hộ này có liên quan gì tới anh Fraser không.

– Bây giờ anh vẫn còn nghi ngờ. Có điều là chuyện đó cũng chẳng can cố gì đến anh cả.

– Anh trở nên thông minh hơn rồi đấy. Xin anh cứ yên tâm. Anh không đủ cơ sở để nghi ngờ em đâu.

Tôi đưa mắt nhìn khắp căn hộ một lượt. Đó là một căn hộ trung bình nằm trên tầng lầu thứ mười lăm, có đủ phòng khách, phòng ngủ, bếp và buồng tắm. Đứng trong phòng khách hay phòng ngủ nhìn qua cửa sổ có thể thấy được phong cảnh tuyệt vời của thành phố New York từ phố 57 tới tận phố Wall... Những tòa nhà chọc trời và những tòa nhà thấp hơn. Đối với Fraser thì căn hộ này quả là chưa đủ rộng.

– Anh có thích nơi này không? - Natasha hỏi tôi.

– Mong sao mọi người dân New York có được một chỗ ở như thế này. Rộng rãi, thoáng đãng còn cả thành phố thì nhìn rõ như nằm trong lòng bàn tay. Em nói đúng, hôm nay chúng ta quả phải phát điên lên mất.

– Anh đi mua mấy tờ báo chủ nhật đi. Sắp bán báo ngay cạnh đây, ở chỗ góc ngoặt ấy. Khi đó chúng ta sẽ có đủ mọi thứ mà ta mơ ước. Trong lúc đó thì em ở nhà thử pha cà phê xem sao...

Một lát sau, với nắm báo trên tay tôi vào thang máy với một người đồng tính luyến ái, tự giới thiệu mình là Jasper, cùng lên lầu mười lăm. Đây là một gã thanh niên tóc hung, mặc bộ đồ thể thao, tay dắt con chó xù biệt danh là René. Jasper mời tôi ăn sáng với anh ta nhưng tôi từ chối. Trong tâm trạng vui vẻ, phấn chấn tôi bấm chuông gọi Natasha. Nàng mở cửa cho tôi với bộ ngực để trần, tóc quăn cao, dưới hông quăn ngang chiếc khăn tắm.

– Tuyệt! - Tôi nói, tay vứt nắm báo ra mặt bàn. - Em ăn vận như vậy hoàn toàn phù hợp với nét chung của tầng mười lăm này.

– Nét chung gì?

– Cái nét mà anh bán báo ở góc đường đã nói với anh. Anh ấy khẳng định là ở tầng này trước đây là một nhà chứa.

– Em tắm, - nàng nói, - lần thứ hai rồi đấy. Thế mà chờ mãi anh vẫn chưa về. Anh mua báo ở quảng trường Thời đại phải không?

– Không. Anh chạm mặt với một thế giới anh chưa từng biết tới. Thế giới của người đồng tính luyến ái. Em có biết họ ở đây đông nhưng nhúc nhích không?

Natasha gạt đầu rồi vứt tấm khăn tắm ra sàn nhà.

– Em biết chứ. Căn hộ này trước kia cũng thuộc một cặp như vậy. Em hi vọng bây giờ thì anh hiểu rõ căn nguyên mọi chuyện rồi chứ?

– Chính vì vậy em đón anh với cách ăn vận vậy sao?

– Em không nghĩ là em suồng sã như vậy khiến anh bức bối đến thế. Mà điều này, theo em thì có mang lại điều gì xấu đối với anh đâu.

Chúng tôi nằm trên giường. Sau tuần cà phê chúng tôi uống bia.

– Anh yêu em tha thiết, Natasha, - tôi nói. Trong lúc này tôi chỉ còn một sự quan tâm: không thể mặc vào người bộ pyjama của người khác mà nằng vừa quằng cho tôi. - Anh hết sức mến mộ em đấy. Nhưng dù sao anh vẫn không thể mặc bộ pyjama của người khác được.

– Nghe em đây, anh Robert! Bộ pyjama này đã được giặt và là rất kĩ rồi. Hơn thế, anh Jerry là một người đặc biệt sạch sẽ.

– Ai cơ?

– Anh Jerry. Khi anh ngủ trong khách sạn của anh, anh nằm trên tấm trải giường, thử hỏi anh có biết đã bao nhiêu người lăn lộn trên đó không?

– Đúng vậy. Nhưng đó là chuyện khác. Anh không rõ ai đã nằm trên tấm trải giường ấy. Những người ấy anh không biết.

– Anh Jerry cũng là người mà anh không quen biết.

– Anh biết thằng cha ấy qua em. Đó chính là sự khác nhau. Một đấng là con gà mà em chưa bao giờ nhìn thấy, còn một đấng là con gà mà chính em đã nuôi nấng và vỗ béo.

– Thật tiếc. Em sẽ mãi ngần ngại biết bao nếu được nhìn thấy anh trong bộ pyjama màu đỏ kia. Nhưng thôi, em buồn ngủ lắm rồi. Anh không bức mình nếu em ngủ vài tiếng đồng hồ chứ? Vì bia và những trò ân ái, bây giờ em thấy mệt bã cả người. Thôi anh cứ tạm đọc báo vậy nhé.

– Anh cũng sẽ không nghĩ ngợi gì đâu. Anh sẽ nằm bên cạnh em, thế là đủ lắm rồi.



– Theo anh, liệu cứ thế này ta có thiếp đi được không? Em cho là khó đấy

– Nào hãy thử xem. Anh cũng cố chớp mắt một chút.

Vài phút sau Natasha đã ngủ thiếp đi. Tôi ngấm nhìn nàng rất lâu, nhưng ý nghĩ của tôi bỗng bỗng trôi nổi ở một nơi nào đó khá xa. Chiếc máy điều hòa chạy rất êm, hầu như không nhận ra tiếng động. Phía dưới vẳng lên tiếng đàn dương cầm. Có một ai đó đang đánh một bài tập dành cho người mới chơi đàn. Anh ta đánh đàn rất kém. Có lẽ chính vì thế tiếng đàn lại gợi trong tôi những hồi ức của thời thơ ấu, những ngày hè nực nội, khi từ một tầng gác khác cũng vẳng sang tiếng đàn dương cầm và ngoài cửa sổ những chùm hoa dẻ rụng đưa trong gió.

Đột nhiên tôi sực tỉnh. Hình như tôi cũng vừa thiếp đi thì phải. Tôi thận trọng bò ra khỏi giường, bước sang phòng bên cạnh, để mặc quần áo. Áo quần của tôi vứt rải rác khắp nơi. Tôi gom nhặt lại, sau đó đến bên cửa sổ ngấm nhìn cái thành phố xa lạ chẳng gần bó với tôi một chút kỉ niệm nào. Rồi tôi bước ra giữa phòng và từ nơi đó tôi đứng ngấm Natasha. Nàng nằm đè lên chăn nệm, trần truồng, tay gối dưới đầu, mặt quay vào tường. Tôi rất yêu nàng. Yêu vì nàng không biết nghi ngờ. Còn yêu vì nàng đã trở thành một phần đời không thể thiếu được của tôi, đồng thời nàng lại không chất lên vai tôi gánh nặng.

Tôi đi sang phòng bên phóng mắt xuống phố xá rồi lại trở về đứng giữa phòng ngấm Natasha đang ngủ. Tôi vừa phát hiện ra một điều thú vị. Khi tôi vừa quay đi, tôi vừa thấy nàng trong tấm gương treo đối diện với giường nàng nằm. Thế là tôi như nhìn thấy hai nàng Natasha. Một cảm giác lạ lùng xâm chiếm lấy tôi.

Natasha bỗng trở mình. Thở một hơi nhẹ, nàng lật mình nằm sấp. Tôi cứ suy nghĩ mãi xem liệu có nên giúp nàng mang cái khay chứa những

chiếc vỏ bia, giấy lau tay, những miếng pho mát và bánh mì chưa ăn hết xuống bếp hay không. Sau tôi nghĩ cũng chẳng cần. Bởi lẽ tôi ghi điểm với nàng không phải bởi tài nội trợ. Thậm chí tôi cũng chẳng buồn đặt chai vodka vào tủ lạnh nữa. Tôi cứ đứng sững như vậy, tự ngạc nhiên vì hoàn cảnh sống mới mẻ này. Hình như một cuộc đời như thế này tôi cũng từng trải qua, nhưng đã lâu lắm rồi. Và nó không bao giờ quay lại nữa. Tôi biết rằng những hồi ức là những điều đặc biệt nguy hiểm. Nếu anh đã đặt chân lên chặng đường của những kỉ niệm, tức thì anh đã bước lên một chiếc cầu hẹp không có tay vịn, hai bên là vực sâu hun hút và anh chỉ có một lối thoát duy nhất: tiến lên phía trước mà không được trù trù, nghĩ ngợi gì. Tất nhiên tôi không thể lựa chọn con đường ấy được. Với bất kì một bước chân không chính xác nào, những miếng vực sâu hun hút kia sẵn sàng nuốt chửng tôi.

Tôi lại ngấm nhìn Natasha. Tôi rất yêu nàng, nhưng trong tình cảm ấy tôi không hề thấy mây may nổi quuyến luyến, bịn rịn. Và cho đến chừng nào niềm quuyến luyến, bịn rịn kia chưa xuất hiện, nghĩa là tôi vẫn được an toàn. Tôi có thể dứt tình với nàng không hề đau khổ, vật vờ. Tôi yêu bờ vai tuyệt đẹp, đôi cánh tay ngọc ngà, những ngón tay thon thả, mềm mại của nàng, nhưng tôi lại vẫn có thể tỉnh táo nói với nàng: “Hãy để tôi yên, hỡi con người từ thế giới khác tới đây! Hãy đừng bỏ tôi trước khi tôi bỏ em. Em sinh ra trên cõi đời này để cứu chuộc người khác. Em là hiện thân của sự bùng nổ không kìm nén lại, cũng là sự yên ổn đến vô cùng.”

– Anh đang làm gì thế?

Tôi giật mình buông rơi hai tay.

– Chả lẽ em nhìn thấy anh sao? - Tôi ngạc nhiên hỏi. - Vì em nằm úp sấp, mặt vẫn quay vào tường cơ mà!

Nàng chỉ tay vào một chiếc gương nhỏ đặt trên chiếc tủ thấp kê gần

đầu giường bên cạnh cái radio.

– Anh muốn bỏ bùa em hay sao? - Nàng hỏi. - Hay là anh đã chán cái tổ ấm gia đình này rồi?

– Chẳng phải như thế này mà cũng chẳng phải như thế kia đâu. Điều chủ yếu là chúng ta đã định sau bữa ăn trưa sẽ xuống dạo chơi ở Đại lộ số Năm, rồi sau đó mới quay trở về với radio, bút viết, bếp điện và những giây phút ái ân, phải không em?

Nhưng rồi chúng tôi cũng không xuống phố. Thay cho dự định đó, chúng tôi vẫn ở nhà, mở tung các ô cửa sổ cho luồng không khí nóng tràn vào các phòng. Sau đó chúng tôi đóng cửa sổ lại, vận máy điều hòa đến hết công suất để không đổ mồ hôi. Vào lúc trời sập tối, trong tôi xuất hiện một cảm giác lạ lùng, tựa như hai chúng tôi sống trong khoảng chân không, trong một trạng thái quá yên ắng và mọi vật mất trọng lượng hoàn toàn.

## XX



**T**ôi có tổ chức một buổi tiếp khách thân mật, trong phạm vi gia đình. Tôi xin mời cả anh đấy!

– Xin cảm ơn ông, - tôi nói thờ ơ. - Đáng tiếc là tôi phải từ chối. Tôi không có bộ vét cho những buổi tiệc long trọng như thế này.

– Không cần đâu. Bây giờ đang là mùa hè. Mỗi người có thể ăn vận tùy theo ý muốn.

– Thế thì xin lĩnh ý ông, - tôi nói.

– Anh có thể mời bà Whympers cùng đến với anh được không?

– Sao ông không trực tiếp mời bà ta?

– Hiện tại thì chưa thể được. Bà ta là chỗ quen biết của anh cơ mà.

Tôi nhìn Silvers. Con người này mới ma mãnh làm sao.

– Tôi nghĩ rằng mình không đủ tư cách để mời bà ấy. Còn chính ông đã nói với tôi bà ta là chỗ quen biết của ông, mà quen biết cũng từ lâu rồi.

– Nói thì nói thế thôi, - Silvers đánh trống lảng. - Trong buổi họp mặt hôm nay sẽ có rất nhiều nhân vật thú vị đấy.

Tôi dễ dàng hình dung ra những nhân vật thú vị kia là ai rồi. Trong buổi họp mặt tôi không nhìn thấy Rockefeller, Ford và Mellon, tuy Silvers vẫn nói những nhà đại triệu phú này là chỗ bạn bè đáng tin cậy của ông ta và họ nhất định sẽ tới. Nhưng có mặt trong bữa tiệc là những nhà triệu phú khác. Họ ồn ã và lảm nhảm. Tất cả bọn họ đều tự coi mình là các nhà

sưu tập tranh và các đồ nghệ thuật khác, chứ không đơn giản là chỉ mua về để bày biện trong nhà thôi. Chính ở điểm này ẩn náu cái thủ thuật chủ yếu nhất của Silvers. Ông ta đã biến các khách hàng của mình thành các nhà sưu tập, tạo cho họ mối quan tâm là các viện bảo tàng sẽ thường xuyên đến hỏi mua hoặc mượn các bức tranh của họ cho các cuộc triển lãm, hoặc để đưa vào các bộ sưu tập quốc gia với hàng chữ đề: “Bức tranh này thuộc bộ sưu tập của ông A, bà B”. Bằng cung cách ấy, đám khách hàng này bước lên cao hơn một bước trên cái thang vô hình gia nhập vào xã hội thượng lưu.

Đột nhiên tôi nhận ra bà Whympers trong đám khách khứa. Bà vẫy tay gọi tôi tới.

– Chúng ta làm gì ở đây giữa những con cá mập này hả? - Bà ta hỏi. - Người ta mời tôi tới đây vì mục đích gì cơ chứ? Thật là những con người đáng tởm lợm. Chúng ta rời khỏi nơi đây đi thôi.

– Dạ, đi đâu ạ?

– Đi đâu mà chẳng được. Đến El Morocco hoặc về nhà tôi.

– Tôi rất vui lòng, nhưng tôi không thể đi được, thưa bà. Nói như thế nào đây, tôi còn nghĩa vụ phải hầu hạ ông Silvers...

– Hầu hạ à? Thế còn tôi? Anh vừa có nghĩa vụ hầu hạ vừa quen biết tôi. Anh cần đưa tôi về nhà ngay. Bởi vì người ta mời tôi tới đây là vì anh đấy.

Lí lẽ của bà Whympers khiến tôi cứng họng.

– Xin phép hỏi, bà có phải là người Nga không ạ?

– Không. Mà sao anh lại hỏi như vậy?

– Bởi lẽ một số phụ nữ Nga có những lập luận có lô gích một cách nghiêm ngặt, dựa trên những tiền đề, những kiến giải không có thực và

sau đó họ đề ra yêu sách với những người khác. Đây là những người đàn bà rất hấp dẫn, rất nữ tính nhưng cũng lại rất nguy hiểm.

Bà Whympers cười phá lên.

– Anh quen biết nhiều phụ nữ Nga lắm sao?

– Một vài người ạ. Họ cũng là dân lưu vong. Tôi nhận ra rằng họ có năng lực thiên phú gán ghép những tội lỗi không có thực cho những người đàn ông chẳng mắc tội gì. Theo như họ nói, điều này cũng không hề làm lụi tắt đi tình yêu của họ đâu.

– Anh biết nhiều chuyện đấy. - Bà Whympers nhìn tôi với ánh mắt soi mói. - Thôi ta đi chứ? Ở đây thì cũng chẳng để làm gì cả. Anh đưa tôi về nhà tôi.

– Tôi có thể đưa bà về nhà, nhưng sau đó tôi phải quay lại đây ngay.

– Được thôi.

Tôi tự đoán là ngay dưới cổng kia, chiếc xe riêng với người lái đang chờ bà ta. Ấy thế mà tôi vẫn ngạc nhiên trước sự chèo kéo của bà Whympers. Nhận ra điều đó, bà ta nói với tôi:

– Dẫu sao thì anh cũng vẫn phải đưa tôi về. Tôi không cần anh đâu mà sợ, - bà ta nói, - tài xế sẽ đưa anh trở lại đây. Tôi hết sức ghét phải về nhà một mình. Anh không thể hình dung nổi căn hộ của tôi khi đó vắng vẻ, trống trải như thế nào đâu.

– Bà nhầm đấy, thưa bà. Tôi hình dung được ạ.

Tiến bà Whympers về đến nhà, chiếc xe riêng của bà chở tôi quay trở lại. Nửa đường tôi bỗng bảo anh lái xe đưa tôi thẳng về nơi ở của Natasha.

– Anh ở đâu về thế? - Nàng hỏi. - Ở với các nhà sưu tập của anh à? Muốn xả hơi một chút chứ gì?

- Anh không ở chỗ các nhà sưu tập, cũng chẳng ở chỗ bà Whympers.
- Anh đi mua cho em nửa cân xúc xích salami và bánh mì đen nữa.
- Có mua bơ không?
- Nhà mình còn bơ. Nếu anh mua pho mát thì em không phản đối đâu.

Tôi cảm thấy hạnh phúc được nàng sai đi mua sắm. Từ ngày Natasha đến sống ở đây, quan hệ của hai chúng tôi bước sang một thời kì mới. Trước đây chúng tôi gặp nhau thưa thớt, tình cờ, còn bây giờ tôi có thể ở với nàng suốt cả buổi tối.

Ở dưới cửa hàng lên, tôi nói với Natasha:

– Anh cần tắm một cái đây! Anh rất mến phục em, nhưng anh cần tắm đã. Anh có cảm tưởng như mình bị vấy bẩn từ chân đến đầu.

– Làm thế nào mà anh lại có thể từ chỗ ông Silvers về đây nhanh như vậy được?

– Anh đưa tiễn bà Whympers về nhà bà ta. Lão Silvers mời bà ta mà không báo cho anh biết.

– Và bà ấy buông tha anh nhanh chóng thế sao? Hoan hô anh.

Tôi nhẹ nhàng đắm mình trong bồn nước ấm.

– Bà ấy không muốn buông tha anh đâu. Nhưng vì sao mà em biết được anh thoát khỏi bà ta không dễ dàng gì?

Natasha cười ré lên:

– Ai mà chả biết điều này.

– Ai mà chả biết sao? Cụ thể là ai mới được?

– Những ai tiếp xúc với bà ta. Bà ta luôn cảm thấy cô độc nhưng lại không quan tâm đến những người đàn ông cùng lứa với bà. Anh Robert tội nghiệp của em. Anh sợ quá phải không?

Tôi nhੌm lên nắm lấy vạt áo của Natasha, định kéo nàng chìm vào bồn tắm, nhưng nàng đã thét lên:

– Buồng em ra, chiếc áo này không phải của em. Hàng mẫu đấy!

Tôi buông nàng ra.

– Em xem, chúng ta chả có tí tư hữu nào cả nhỉ. Căn hộ không phải của chúng ta, áo em đang mặc không phải của chúng ta, cả đá quý lẫn vàng bạc em đeo cũng không phải của chúng ta nữa...

– Đúng vậy đấy. Như vậy thì ta không cần chịu trách nhiệm gì cả. Thế là anh mơ gì được ấy nhé, có đúng không nào?

– Thương anh đi, hôm nay anh trải qua một ngày cực xấu, - tôi nói. - Mọi thứ cứ như siết chặt lấy anh.

Natasha đứng lên.

– Và anh lại còn định kết án em vì em đã giới thiệu để anh làm quen bà Whympers? Thế mà anh đã có một bản công ước lòng danh.

– Công ước gì?

– Công ước viết rằng chúng ta không nên làm cho nhau đau đớn, rằng chúng ta kết hợp với nhau chỉ để quên đi những mối tình xa xưa. Ôi, lạ Chúa tôi! Anh đã tặng em tất cả những điều như vậy sao? Và hai đứa ta run rẩy như những chú cừu sau cơn bão, đang ẩn náu dưới bóng rợp của một mối tình chẳng cần thiết cho ai, ẩn náu để làm rộng hoặc thêm vết thương mà những kẻ khác đã châm chích lên người chúng ta.

Nàng nôn nóng đi lại trong buồng tắm. Còn tôi thì giương mắt nhìn nàng ngạc nhiên. Vì cơn cố gì bỗng nhiên nàng nhớ lại có đến một nửa những chuyện tâm sự ngổc nghếch mà chúng tôi đã nói với nhau khi đã cảm thấy bắt đầu gần gũi? Tôi tin rằng tôi đã không nói tất cả những điều như vậy, tôi không đến nỗi xuẩn ngốc như vậy. Nói đúng hơn có



thể tất cả là do nàng đã tự nghĩ ra... cũng có thể nàng phịa thêm cho tôi chẳng? Trong đầu tôi thoáng lướt qua biết bao ý nghĩ và tôi hiểu là nàng đã đúng một phần, tuy tôi không muốn xác nhận điều đó. Tôi chỉ ngạc nhiên bởi lẽ sao nàng lại linh cảm được tất cả một cách chính xác đến như vậy.

– Cho anh xin một ly vodka. - Tôi nói dè dặt và quyết định phải phản công lại. Khi lương tâm con người ta không được trong sạch thì phản công là một phương sách hữu hiệu nhất.

– Thật tuyệt vời khi chúng ta lừa dối lẫn nhau. Liệu có phải như thế không anh?

– Theo anh nghĩ, đấy là một chuyện thường tình, - tôi nói, lòng vui vui vì đã nhìn thấy một chút tia sáng le lói.

– Em không biết nữa. Sau mỗi lần em lại quên đi tất cả.

– Sau mỗi lần à? Em thường hay gặp những chuyện như vậy sao?

– Em cũng không biết nữa. Em không phải là một cái máy tính. Có thể anh là một cái máy tính còn em thì không.

– Anh nằm trong bốn tấm, Natasha. Một vị trí đặc biệt không có lợi chút nào. Nào ta hãy ký kết thỏa ước hòa bình thôi?

– Hòa bình à? - Nàng nhắc lại với giọng độc địa. - Thứ hòa bình ấy thì cần cho ai đây?

Nắm lấy tấm khăn tắm, tôi đứng lên. Nếu giả như tôi có thể đề ra một cách kết thúc cho cuộc trò chuyện kiểu này giữa tôi và nàng, tôi sẽ chạy khỏi gian nhà tắm như trốn chạy khỏi bệnh dịch tả.

Natasha bắt đầu vạch mặt tôi chẳng ra nghiêm chỉnh cũng chẳng ra đùa bỡn, nhưng sau đó nàng như bị kích động thêm, rồi nàng chuyển hẳn sang tâm trạng nổi đóa. Tôi nhận ra điều này qua ánh mắt nàng, qua cử

chỉ và giọng nói bỗng trở nên the thé, chanh chua. Tôi cần phải tỉnh trí nhìn nhận lại ở cả hai phía. Trước hết phải công nhận rằng nàng đúng. Thoạt đầu tôi đã định mượn cớ chuyện bà Whympet, tôi sẽ phản công lại nàng. Nhưng đột nhiên mọi chuyện xoay ngược theo chiều hướng khác.

– Cái áo em mặc tuyệt đẹp, - tôi nói, - còn anh thì lại muốn chìm em vào bồn nước với cái áo ấy đấy.

– Thế tại sao anh không chìm đi?

– Vì nước thì quá nóng còn cái bồn thì quá chật đối với hai người.

– Thế vì sao anh lại mặc quần áo vào?

– Vì lạnh.

– Sao anh không vặn máy điều hòa?

– Không cần vì như vậy lại quá nóng.

Nàng nhìn tôi đầy ngờ vực.

– Anh muốn bỏ trốn chứ gì? Đồ hèn! - Nàng nói.

– Em nói gì mà khó nghe thế! Chả lẽ anh lại bỏ món xúc xích và pho mát mà đi nổi sao?

Natasha bỗng nhiên nổi điên lên.

– Cút xéo đi! - Nàng thét lên the thé. - Cút về cái khách sạn ổ lợn của anh đi. Về với cái hang hôi hám của anh ấy. Ở đấy anh tìm đúng chỗ của mình.

Nàng run lên vì giận dữ. Tôi giơ tay đỡ phòng trường hợp nàng vơ lấy cái gạt tàn thuốc lá ném về phía tôi. Tôi không nghĩ là nàng sẽ ném trượt đích đâu. Lúc này nom nàng càng đẹp tuyệt. Cơn giận dữ không làm méo mó đi những đường nét trên gương mặt nàng mà ngược lại càng khiến nàng đẹp hơn. Tôi muốn nhảy tới ôm chầm lấy nàng, nhưng một giọng nói từ bên trong đã ngăn tôi lại: “Đừng làm như vậy.” Lối thoát duy nhất

đối với tôi lúc này là hãy biến đi, biến đi không chậm trễ.

– Rồi em sẽ hiểu ra tất cả thôi, - tôi nói, chân bước ra khỏi phòng rồi đóng sập cửa lại. Khi chờ thang máy tôi cố gắng lắng nghe xem có động tĩnh gì ở phía sau lưng không. Tuyệt nhiên không. Có lẽ nàng nghĩ rằng tôi sẽ quay lại chẳng?

May mắn làm sao, tối hôm nay Melikov trực khách sạn.

– *Cafard?*\* - Ông ta hỏi tôi.

Cafard? (tiếng Pháp trong nguyên bản): Trông mặt cậu buồn thế?

– Chẳng lẽ nhìn mặt tôi ông cũng nhận ra sao?

– Cách xa một kilômét cũng nhận thấy. Muốn uống không?

Tôi lắc đầu.

– Tôi mới ở giai đoạn một, uống vào chỉ thêm nguy thôi.

– Ở giai đoạn một có nghĩa là như thế nào?

– Nghĩa là từ khi ông tự biết rằng ông vừa xử sự tồi tệ và ngu ngốc chứ sao.

– Thế khi nào bắt đầu giai đoạn hai?

– Khi tôi thấy rằng mọi chuyện thế là kết thúc. Mà lỗi là do mình gây ra.

– Thôi, thế thì làm vại bia vậy. Ngồi vào cái ghế bành kia và chấm dứt tấn kịch tâm lý này đi!

– Ừ.

– Xin chào! - Có người vừa nói phía sau lưng tôi.

Lachmann! Tôi đứng ngay lên và định chuồn khỏi nơi đây. Nhưng Lachmann đã ấn vai tôi ngồi lại chỗ cũ.

– Hôm nay tớ sẽ không khóc than với cậu nữa đâu! - Lachmann nói

thều thào. - Nỗi bất hạnh của tớ đã chấm hết rồi. Tớ đánh liều đấy!

– Tức là móc được mụ ta rồi chứ gì? Ôi kẻ đào huyệt đáng thương!

– Móc ai cơ?

Tôi ngước lên:

– Còn ai nữa? Cả cái khách sạn này đã chán ngấy trò than khóc của cậu rồi, thế mà bây giờ cậu còn ồm ồm lên tiếng hỏi “móc ai cơ?”

– Đấy là chuyện đã qua rồi. - Lachmann nói. - Tớ quên đi rất nhanh.

Tôi nhìn Lachmann ngạc nhiên.

– Sao? Quên đi rất nhanh à? Và chính vì vậy cậu cứ ti ti than khóc hết tháng này qua tháng khác chứ gì?

– Tất nhiên rồi. Chỉ quên nhanh sau khi đã xóa sạch mọi thứ trong kí ức.

– Xóa sạch cái gì? Xóa sạch những gì không trong sạch phải không?

– Đâu chỉ là chuyện lời nói. Sự thật là tớ chẳng đạt được điều gì cả. Cái thằng cha Mexico và con lợn cái Puerto Rico kia đã lừa dối tớ.

– Không ai lừa dối cậu cả. Cậu chỉ không đạt được cái cậu muốn thôi. Có sự khác biệt đấy.

– Thôi bây giờ cũng đã khuya rồi. Tớ chẳng muốn tranh cãi với cậu làm gì nữa. Tớ vừa tìm ra một hạt ngọc trai. - Lachmann thì thào. - Một hạt ngọc trai tuyệt bích. Nhưng lần này không có gã Mexico nào ngáng chân.

Melikov vẫy tay gọi tôi đến bên quầy rượu.

– Anh có điện thoại, Ross.

– Ai đấy?

– Natasha. - Melikov đáp.

Tôi nắm lấy ống nghe.

- Anh đang ẩn núp ở đâu đấy?
- Ở văn phòng của ông Silvers.
- Đừng nói xằng. Đang uống rượu với Melikov chứ gì?
- Đang nằm sóng sượt trước tấm ghế bành bọc nhung để van xin lòng đoái thương của em và tự phỉ nhổ số phận khốn nạn của mình. Anh hoàn toàn thành một xác chết rồi.

Natasha cười giòn tan.

- Về đi, anh Robert!
- Có phải mang theo dao búa không?
- Không cần đâu, anh chàng ngốc. Anh không nên để em ở lại đây một mình. Có thể thôi.

Tôi bước ra ngoài phố. Dây phố sáng lấp lánh dưới ánh đèn đêm. Chiến tranh và mọi tai họa như ở đâu tít tắp xa. Dây phố về khuya im lìm trong làn gió mát và những mộng mơ của nó. Tôi chưa bao giờ coi dây phố này là đẹp cả, nhưng lúc này tôi bỗng thấy nó như hiện ra trong một câu chuyện thần thoại.

– Đêm hôm nay anh sẽ ở lại đây, - tôi nói với Natasha. - Anh không về khách sạn của anh đâu. Anh muốn khi ngủ và khi thức dậy được có em ở bên cạnh. Sau đó anh sẽ mang từ cửa hàng Anh em nhà Stern về cho em bánh mì, sữa và trứng. Đây sẽ là lần đầu tiên chúng ta thức dậy bên nhau. Anh nghĩ rằng, trong mọi chuyện va chạm giữa anh và em vừa rồi có một nguyên nhân: anh và em rất ít khi được ở bên nhau. Và thế là mỗi lần gặp nhau chúng ta lại buộc phải làm quen với nhau lại từ đầu.

Natasha vươn vai.

– Em thì luôn nghĩ rằng cuộc đời này dài lê thê đến phát sợ lên được và chính vì thế không nên lúc nào cũng ở bên nhau. Chán lắm.

Tôi buột miệng cười.

– Em nói có phần đúng đấy. Nhưng anh chưa buộc phải trải qua cái tâm trạng buồn chán ấy đâu. Bản thân số phận chó má của anh đã không cho phép anh chán nản... Anh có cảm giác như, - tôi tiếp tục mạch suy nghĩ của mình, - hai đứa chúng ta đang bay trên một quả khinh khí cầu. Không phải trên máy bay đâu mà là trên một quả khinh khí cầu lượn lơ rất êm ả, quả khinh khí cầu mà hai anh em Montgolfier đã phát kiến ra vào đầu thế kỷ mười chín. Chúng ta bay lên đến một độ cao mà ở đấy không còn nghe thấy gì nhưng lại nhìn rõ tất cả: những chiếc xe hơi nhỏ xíu như những món đồ chơi, những ngọn đèn đêm nhấp nháy như chuỗi hạt cườm chẳng khắp thành phố. Chúng ta phải cảm ơn Chúa trời lòng lành vô cùng: Chúa đã đặt ở nơi này một chiếc giường rộng đến thế và treo trên bức tường kia một tấm gương để khi em đi lại trong phòng, anh có được hai cô Natasha, một cô hiền dịu lặng lẽ không nói bao giờ.

– Với cái cô Natasha câm lặng kia thì mọi sự đơn giản hơn, phải không?

– Không.

Natasha quay ngoắt lại.

– Một lời đáp trung thực.

– Em rất đẹp, - tôi nói. - Thông thường, lúc đầu anh hay để ý xem những người đàn bà có cặp chân như thế nào, sau đó có phần hông ra sao, rồi cuối cùng mới để ý tới gương mặt của họ... Với em mọi điều diễn ra ngược lại. Thoạt đầu anh để ý tới gương mặt em, sau đó mới tới đôi chân và khi đã say mê em rồi anh mới để ý tới phần sau của em. Em nom rất cân đối, còn phía sau cũng có thể hơi phẳng một chút, như tất cả những cô người mẫu gây giở xương vì không kiếm đủ tiền xài. Điều này khiến anh rất lo.

– Nhưng rồi cũng đâu vào đấy phải không anh?

– Biết nói thế nào đây. Có nhiều cách nhìn nhận khác nhau. Điều kì lạ là anh cũng không để ý đến điều đó lâu đâu.

– Anh nói tiếp đi!

Nàng lười nhác nằm cuộn tròn trong chăn nom như một chú mèo. Nàng dùng một chiếc cọ lông nhỏ xiu bôi màu lên những móng tay, móng chân.

– Anh đừng động đến em bây giờ nhé, - nàng nói, - để sơn khô đã, kéo chúng ta dính nhớp màu sơn cả. Anh nói tiếp đi!

– Anh luôn luôn nghĩ là mình sẽ không đủ sức đứng vững trước những người đàn bà da rám nắng, vì mùa hè suốt ngày họ đắm trong nước biển và phơi mình dưới ánh nắng. Còn em thì lại quá trắng, tựa như em chưa bao giờ nhìn thấy mặt trời. Ở em có nét gì đó của mặt trăng. Mắt em màu xám tro, mơ màng... Tất nhiên anh không nói tới bản tính mãnh liệt của em. Em là nữ thần Nymphe. Hiếm ai dễ lầm lạc như em. Em đang ở đâu giữa vòm trời nở rộ những chùm pháo hoa, những quả tên lửa, những phát súng đại bác... Tất cả lại đang diễn ra không hề có một chút thanh âm.

– Anh cứ nói nữa đi. Anh có muốn uống một chút gì không?

Tôi lắc đầu.

– Anh thường phân tích những cảm giác của mình bằng cặp mắt của người ngoài một chút. Anh tiếp thu các cảm giác ấy, nói thế nào nhỉ, không phải từ mặt chính diện, mà từ mặt nghiêng. Những cảm giác ấy không đổ ngập trong anh mà tựa như chúng lướt qua bên cạnh. Chính anh cũng không biết vì sao lại như thế nữa. Có thể là do anh sợ, mà cũng có thể là do anh không thể thoát khỏi một cái vòng lẩn quẩn. Nhưng với em mọi điều đã xảy ra khác hẳn. Với em anh chẳng phải suy nghĩ gì cả. Mọi

cảm giác của anh tựa như những ô cửa được mở tung ra. Ân ái với em thật tuyệt vời và cũng rất tuyệt vời được ở bên em sau chuyện ấy... Như lúc này đây. Đối với nhiều người đàn bà khác, chuyện này là trường hợp hiếm, mà có khi họ cũng không đủ sức quyến rũ anh, làm cho anh thích nữa. Còn đối với em không biết giai đoạn nào tuyệt hơn giai đoạn nào: khi ân ái với em, có cảm giác như được bay lên đỉnh cao của vạn vật, còn khi nằm cạnh em trên giường trong sự yên ả hoàn toàn lại có cảm tưởng như đang tiếp tục ân ái với em...

– Móng tay, móng chân em sắp khô rồi, nhưng anh cứ nói đi...

Tôi nhìn sang gian phòng tranh tối tranh sáng kể bên.

– Thật sung sướng khi cảm thấy có em ngay ở bên cạnh và bỗng nghĩ rằng con người ta có thể bất tử được lắm chứ, - tôi nói. - Trong khoảnh khắc nào đó ta bỗng bắt đầu tin là khả năng bất tử rất có thể xảy ra. Và khi đó cả anh lẫn em cứ thả sức mà nói những lời chẳng đâu ra đâu, để cảm nhận ra mình giữa cái trạng thái lâng lâng, nửa thật nửa hư, để gần gũi nhau thêm, vượt qua cái khoảng trống dù sao vẫn còn nhận ra được, dù đấy là những lời nói của các bà hàng thịt hàng cá, của cánh tài xế, của đám lính tráng... Miễn sao tất cả giúp ta yêu nhau nồng nàn hơn, mãnh liệt hơn, cụ thể hơn...

Natasha vươn chân ra và ngắm nhìn những ngón chân vừa sơn. Sau đó nàng vui mặt vào chiếc gối.

– Nhưng anh thân yêu ơi, sau khi em sơn móng tay móng chân, ta không nên ân ái đấy nhé.

– Không ai biết rõ hơn em và anh, hai kẻ lãng mạn. Đối với em mọi điều đều phải làm khác đi. Em không nên nói dối anh.

– Chính anh mới là người nói dối có nghề, - nàng nói bằng cái giọng đã bắt đầu ngái ngủ. - Em mong sao đêm nay anh không bỏ đi đâu...



– Có đi đâu thì cũng phải có em đi cùng.

– Thế nhé!

Vài phút sau nàng đã ngủ. Nàng thiếp đi rất nhanh. Tôi đắp chăn cho nàng và sau đó rất lâu, tôi cứ nằm chong chong, tai lắng nghe hơi thở của nàng, đầu óc nghĩ vẫn vơ đủ mọi thứ chuyện...

## XXI



**K**hông ai nói thật với tôi cả, - chị Betty than thở, - cả bạn lẫn thù.

– Chị không có kẻ thù đâu, chị Betty ạ!

– Anh là một người bạn vàng của tôi. Nhưng sao mọi người không nói thật với tôi chứ? Tôi chịu đựng được mà. Còn gì khủng khiếp hơn là không biết điều gì đang thực sự xảy ra với mình.

– Người ta nói thật với chị đấy. Nhưng tại sao cứ nhất thiết phải nghĩ rằng sự thật là một điều gì tồi tệ nhất?

Chị Betty mỉm cười như một đứa trẻ.

– Để tôi còn định liệu một cách khác đi. Nếu người ta nói với tôi: “Mạng sống của chị đang bị đe dọa đấy” tôi sẽ bắt đầu đấu tranh, tôi sẽ đấu tranh trong cái khoảng thời gian ngắn ngủi còn lại. Nếu không, khoảng thời gian quý báu mà ít ỏi kia sẽ trôi qua một cách vô vị nhất.

Chị Betty đã từ bệnh viện trở về nhà ba ngày trước đây. Bây giờ chị tự hành hạ mình và hành hạ bạn hữu bởi những câu hỏi không bao giờ ngớt. Chị ngồi hết giờ này qua giờ khác trong chiếc ghế bành kiểu Voltaire mà chị đã mua ở cửa hàng anh em nhà Lowy chỉ vì cái ghế bành ấy khiến chị khuây khỏa nỗi nhớ châu Âu. Quanh chị vẫn là những bức tranh đồng chạm trở phong cảnh Berlin. Những tin tức về các vụ ném bom thành phố Berlin bây giờ bay sang đây hầu như từng ngày. Những tin tức như vậy rõ ràng đã ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của chị Betty. Khi chị còn ở bệnh viện, bác sĩ Gräfenheim đã buộc phải giấu báo chí khỏi mắt chị.

Nhưng ngày hôm sau ông lại bắt gặp chị ôm chiếc radio trong tay. Lòng xót xa vì thủ đô Berlin bị phá hủy lại mâu thuẫn hoàn toàn với lòng căm thù của chị đối với chế độ Quốc xã, những kẻ đã giết hại nhiều thành viên trong gia đình chị. Vì lẽ đó, chị Betty rất ngại rằng lòng xót xa kia bị mọi người và đám bè bạn quen thuộc biết được. Đây cũng là mối mâu thuẫn trong lòng nhiều người lưu vong Đức. Tin tức về mỗi trận bom đánh phá Berlin vừa làm cho họ vui mừng, vừa khiến họ rên rỉ khổ đau. Niềm hi vọng và nỗi khiếp sợ hòa quyện, đan xen nhau trong lòng những người dân Đức lưu vong. Chị Betty là một con người vừa hùng hực như lửa, lại vừa dễ xúc động đến yếu đuối. Chị cứ như nổi trôi giữa sự xô bồ, hỗn loạn này và cảm thấy mình là một người bất hạnh. Chị thanh minh, buộc tội rồi lại thanh minh, nhưng sau đó trước mặt chị hiện lên một trong những điều mong lung nhất: nỗi sợ trước cái chết.

– Hiện nay anh sống ra sao, anh Ross? - Chị Betty hỏi.

– Tốt, rất tốt, chị ạ.

– Tôi thật mừng cho anh!

Tôi để ý thấy từ những gì tôi vừa nói, một niềm hi vọng lại như vừa bùng lên trong chị. Nếu người khác sống tốt cũng có nghĩa là chị có thể hi vọng rằng chị sẽ sống dễ chịu.

– Tôi rất vui, - chị lặp lại. - Hình như anh vừa nói anh sống rất khá phải không?

– Vâng, đúng như vậy, chị Betty ạ.

Chị sung sướng gật đầu.

– Họ giới bom vùng Olivaer Platz ở Berlin, - chị nói thấp giọng, - anh đã nghe tin này chưa?

– Họ ném bom khắp Berlin, chứ không phải chỉ một vùng thôi đâu.

– Tôi biết. Nhưng trong đó có vùng Olivaer Platz. Trước kia chúng tôi sống ở đó mà. - Chị quay đầu nhìn đảo bốn phía. - Mọi người đều giận tôi khi tôi nói điều này ra. Ôi, thành phố Berlin già nua và nhân hậu của tôi.

– Đó là một thành phố rất xấu, - tôi dè dặt phản đối, - ví như so sánh với Paris hoặc Rome. Ý tôi muốn nói về mặt kiến trúc.

– Anh nghĩ sao, liệu tôi có sống nổi tới lúc ta có thể trở về quê hương, bản quán không?

– Tất nhiên. Tại sao lại không?

– Thật đáng sợ nếu tôi không thể. Tôi chờ đợi đã quá lâu.

– Vâng đúng thế. Nhưng đến ngày ấy ở bên đó mọi thứ sẽ khác đi chứ không như ta vẫn ghi nhớ trong kí ức đâu. - Tôi nói.

– Nhưng vẫn còn lại cái gì đó như cũ. Không phải mọi người Đức đều là bọn Quốc xã cả.

– Đúng vậy, - tôi nói và đứng lên. Tôi không thể chịu đựng hơn nữa những cuộc trò chuyện như thế này. - Chúng ta còn kịp thảo luận về đề tài này vào một dịp khác chị ạ.

Tôi rời khỏi nhà chị Betty với bác sĩ Gräfenheim. Ông ta mới đến New York, làm trợ lí tại bệnh viện. Ông sống ở đây nhưng không được phép hành nghề riêng. Bệnh viện cấp cho ông sáu mươi đô la một tháng, nơi ở và đồ ăn không mất tiền.

Buổi chiều ấm nhưng không ngọt ngào như mọi khi.

– Điều gì xảy ra với chị Betty thế, thưa ông? - Tôi hỏi. - Hay là ông không muốn nói?

– Anh hãy hỏi anh Ravic.

– Nhưng anh Ravic lại khuyên tôi nên hỏi ông.

Gräfenheim im lặng, về lương lự.

– Người ta đã mổ chị ấy, sau lại khâu lại. Điều đó có đúng không, thưa ông? - Tôi hỏi.

Gräfenheim không trả lời.

– Trước kia chị đã từng bị mổ phải không ạ?

– Đúng vậy, - ông ta nói.

Tôi không muốn hỏi thêm nữa.

– Thật tội nghiệp cho chị ấy! - Tôi nói. - Liệu có thể kéo dài được bao lâu hở ông?

– Không một ai biết rõ điều này cả. Đôi khi bệnh phát triển rất nhanh, đôi khi lại chậm.

– Một căn hộ! - Tôi hét lên. - Ánh sáng! Đồ đạc! Giường nệm! Một người đàn bà! Bếp điện để rán thịt! Một cốc vodka! Trong tất cả những thứ này có thể tìm ra mặt sáng sủa của nó, cái mặt nằm ngay trong cuộc đời bất hạnh mà ta đã có được. Trong cái cuộc đời ấy chẳng có gì có thể trở thành thói quen được. Thật tuyệt làm sao! Ta hưởng khoái lạc của mọi điều tựa như lần này là lần đầu tiên trong đời. Tất cả thấm vào tận xương tủy ta. Không phải là chỉ chạm qua mà là ngấm tận xương tủy, ngấm tận thần kinh, mạch máu, dâng lên đến não bộ của ta. Nào cho anh nhìn em tí, Natasha! Anh mê mẩn, thậm chí tôn sùng em cũng vì em luôn ở bên anh. Vì chúng ta cùng sống trong một thời đại. Còn sau đó là vì tất cả những gì còn lại. Anh, một gã Robinson đang đi tìm thằng Thứ Sáu của mình. Những dấu vết trên cát. Những dấu chân. Em đối với anh là

con người đầu tiên trên Trái Đất. Cứ mỗi lần gặp em anh lại cảm nhận ra điều này một lần nữa. Đây, ở đây là cái mặt sáng sủa trong cuộc đời muôn vàn lần đáng nguyên rửa của anh?

– Anh uống nhiều lắm, phải không? - Natasha hỏi tôi.

– Không một giọt. Anh không uống chút nào cả, ngoài cà phê và nổi u buồn.

– Anh buồn lắm sao?

– Trong hoàn cảnh hiện nay của anh cũng chỉ buồn một lúc thôi. Rồi sau đó bỗng quay ngoắt tất cả, tựa như trong một giấc mơ. Và lúc bấy giờ nổi buồn chỉ còn là cái nền để tôn thêm cho một cuộc đời quá đầy đủ mà thôi. Cái buồn lặn xuống dưới đáy, còn cuộc đời thì nổi lên bề mặt, giống như nước trong vò, hũ khi người ta bỏ những viên đá vào. Như vậy là những gì anh nói hoàn toàn không phải là sự thật đâu. Anh chỉ mong cho chúng trở thành sự thật thôi. Nhưng dẫu sao trong đó cũng có một phần sự thật. Nếu không như vậy thì cuộc sống sẽ mòn mỏi đi như miếng nhung trong hộp dao cạo.

– Em mừng vì anh không buồn nữa, - Natasha nói. - Nguyên do của nỗi buồn em không quan tâm. Những gì tạo ra nguyên cớ ấy tự thân chúng là những điều đáng ngờ rồi.

– Thế cả những biểu lộ tình yêu của anh đối với em cũng đáng ngờ sao?

Natasha cười rĩ:

– Đây mới là thứ nguy hiểm đây. Những ai có thiên hướng tôn thờ những tình cảm cao cả thông thường biết lừa dối cả bản thân mình lẫn những người khác.

Tôi sửng sốt nhìn nàng:

– Vì sao em lại nói như vậy?

– Em nói thế thôi.

– Em nghĩ như vậy thực sao?

– Mà sao lại không? Chẳng lẽ anh không phải là chàng Robinson à? Một chàng Robinson cứ tự thuyết phục mình mãi là trên cát có những dấu chân lạ đấy thôi?

Tôi không đáp. Những lời nói của nàng chạm vào tự ái của tôi mạnh hơn tôi tưởng nhiều. Thế mà tôi đã nghĩ rằng tôi tìm ra mảnh đất cứng để đặt chân rồi, hóa ra đấy chỉ là một thứ bãi bồi mà ngay từ bước đầu tiên tôi vẫn có thể bị lún chìm ngấm. Chẳng lẽ tôi đã cố ý phóng đại lên sự vững chắc trong mối quan hệ giữa hai chúng tôi? Tôi muốn tự an ủi mình sao?

– Anh không biết nữa, Natasha, - tôi đáp, cố gắng thoát ra khỏi những ý nghĩ nặng nề. - Anh chỉ biết một điều: cho đến nay anh chưa hề tạo được bất cứ thói quen nào. Người ta nói rằng nên coi những nỗi bất hạnh đã nếm trải như những cuộc phiêu lưu mạo hiểm. Anh không tin vào kiến giải này. Mà nói thật ra thì tin ở điểm gì cơ chứ?

– Đúng, bám vào đâu để tin được nhỉ? - Nàng hỏi lại.

Tôi cười:

– Vào thứ vodka đang sóng sánh trong chiếc cốc của anh đây, vào miếng thịt trên bếp, và anh hi vọng vào hai chúng ta nữa... Dầu sao thì anh vẫn tôn thờ em, cho dù em nhìn thấy ở đó một mối hiểm họa. Tôn thờ cũng là một niềm vui càng nảy nở sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

– Điều ấy thì đúng thôi. Mà cũng không cần bằng cứ đâu. Những điều như vậy chỉ có thể cảm nhận mà thôi.

– Cũng có thể như vậy. Và càng bắt đầu nhận ra sớm thì càng tốt.

– Thế chúng ta sẽ bắt đầu cảm nhận từ đâu đây?

– Cứ cho là từ căn phòng này đi! Từ những ngọn đèn kia, từ chiếc giường này! Cho dù những vật ấy không thuộc về chúng ta. Cái gì, suy cho cùng, thuộc về con người? Và quyền sở hữu ấy kéo dài bao lâu? Mọi thứ đều gắn bó với nhau và đều là thứ đánh cắp của cuộc đời rồi sẽ lại được đánh cắp một lần nữa.

Natasha quay ngoắt lại:

– Và chúng ta cũng đánh cắp cả chính mình nữa?

– Đúng vậy.

– Trong hoàn cảnh như vậy sao con người ta không thất vọng và không tương một viên đạn vào đầu cho xong?

– Việc ấy không bao giờ muộn cả. Ngoài ra còn có những phương cách khác nhẹ nhàng hơn.

– Em đoán được anh định nói gì rồi.

Natasha đi xung quanh bàn.

– Theo em ta nên tổ chức ăn mừng...

– Ăn mừng gì?

– Ăn mừng người ta đã cho phép anh ở nước Mỹ thêm ba tháng nữa.

– Em nói đúng.

– Thế anh sẽ làm gì nếu giả như người ta không gia hạn cho anh như vậy?

– Sẽ cố để được xuất cảnh sang Mexico.

– Tại sao lại là Mexico?

– Ở bên ấy chính phủ nhân đạo hơn. Họ cho phép nhập cảnh ngay cả dân tị nạn từ Tây Ban Nha.



– Cả những người cộng sản à?

– Miễn là những thằng người. Với Hitler thì hai chữ “cộng sản” hiểu thế nào cũng được. Hễ ai chống Hitler, thằng cha này đều coi là cộng sản ráo. Bất cứ tên độc tài nào cũng đều bắt đầu sự nghiệp công danh của mình bằng cách phá vỡ hết mọi khái niệm.

– Thôi chúng ta nói chuyện chính trị như thế là đủ rồi. Liệu sang Mexico rồi anh có muốn trở về Mỹ không?

– Nếu có thứ giấy tờ đủ quyền hạn. Và thêm điều này nữa, nếu người ta không tống cổ anh khỏi nơi đây. Nào, cuộc tra hỏi hôm nay đã kết thúc chưa đây?

– Chưa đâu. Tại sao người ta lại cho anh ở lại đây?

– Ôi, đây là cả một câu chuyện rồi rắm. Nếu giả như Mỹ không tuyên chiến với Đức, có lẽ người ta không cho anh đặt chân lên đây đâu. Có thể rút ra kết luận là tình thế càng xấu lối thoát càng tốt. Cái bi luôn luôn đi liền cái hài mà. Nếu không như vậy biết bao người có số phận như anh đã chết rục từ lâu rồi.

Natasha đến ngồi cạnh tôi.

– Cuộc đời của anh chả dễ gì mà hiểu cho nổi.

– Thật đáng tiếc.

– Nhưng chính vì vậy anh lại tự hào với cuộc sống ấy.

Tôi lắc đầu.

– Không, Natasha ạ. Anh chỉ giả vờ làm ra vẻ tự hào thôi.

– Và anh đóng kịch thật giỏi.

– Cũng như anh Kahn thôi. Có phải thế không em? Có những kẻ lưu vong tích cực và những kẻ lưu vong thụ động. Anh và anh Kahn cố làm ra vẻ tích cực. Giống như bọn anh đã xử sự khi còn ở bên Pháp. Một tình

thế bắt buộc mà! Đáng lí ra phải than khóc cho số phận của mình thì bọn anh lại sửa chữa sự sai trái của số phận bằng những cuộc phiêu lưu mạo hiểm. Và những cuộc phiêu lưu mạo hiểm ấy ở bọn anh mang đầy sự thất vọng, chán chường.

Khi trời đã quá khuya, tôi và Natasha quyết định rời khỏi nhà đi xuống đường phố. Bầu trời đêm đầy sao. Gió lang thang đâu đó phía trên đầu chúng tôi, phía trên những mái nhà không cao lắm ở phố 55 và 56.

– Chẳng bao lâu nữa mùa thu sẽ tới. - Natasha nói.

– Thật may!

– Làm sao lại may? Không cần phải giục giã thời giờ đâu anh!

Tôi cười.

– Em nói hết như một bà lão tám mươi.

– Đừng nên hối thúc thời gian. Thế mà anh lại như đang xua đuổi thời giờ qua đi cho mau hơn.

– Anh sẽ không làm như vậy nữa! - Tôi hứa với nàng mà không nhận ra mình vừa nói dối.

– Anh đi đâu mà vội vã thế? Anh có muốn quay trở về nhà không?

– Nghe anh nói, Natasha! Anh còn chưa quen thuộc khu vực này. Lẽ nào anh lại muốn quay trở về?

– Em cũng chỉ nghĩ như thế thôi. Cũng không nghĩ tới điều gì khác đâu.

Tôi lắc đầu.

– Anh không đoán nổi ngày mai sẽ ra sao... Mùa thu sắp tới, sau đó là mùa đông, còn sau đó nữa là mùa hè và rồi lại tới mùa thu, còn chúng ta thì vẫn cười vui như cũ, sẽ ở bên nhau như cũ, phải không em?

Natasha áp sát vào người tôi.

– Đừng bỏ em, anh nhé! Em không thể sống một mình đâu. Em không phải là một nữ anh hùng. Tính cách của em tuyệt nhiên không phải là tính cách anh hùng.

– Anh đã gặp trong sử sách của nước anh cả triệu triệu những người đàn bà có tính cách anh hùng rồi. Đây là đặc điểm dân tộc của họ. Có điều ở những người đàn bà này, cái chất anh hùng kia lại thay thế cho sức quyến rũ nữ tính. Thật muốn lộn mửa vì bọn họ. Thôi, nỉ non như thế với nhau đủ rồi. Anh và em hãy tận hưởng đêm đầu tiên của cái mùa hè muộn này.

Chúng tôi đi ngược lên tới Đại lộ số Năm, bỏ qua khách sạn Sherry-Netherland, tới Công viên Trung tâm. Mặc dù ngoài phố đầy ắp âm thanh, chúng tôi vẫn nhận ra tiếng sư tử gầm. Chúng tôi dừng lại bên quán Vieille Russie để ngắm những bức tranh thánh và những quả trứng mã não phủ vàng do Fabergé ngày xưa đã tạo ra cho những dòng họ Sa hoàng. Những người Nga lưu vong cho đến bây giờ vẫn bán những quả trứng như vậy ở đây.

– Ở đây mùa thu đã đến, - Natasha nói, tay chỉ về phía Công viên Trung tâm. - Thôi ta quay lại, tới cửa hàng Van Cleef và Arpels đi anh.

Chúng tôi chậm rãi thả bước qua những quầy kính phía bên trong trưng bày các mốt áo quần mùa thu.

– Đối với em, tất cả những thứ áo quần kia đã thuộc về một thời kì xa xưa. - Natasha nói. - Những mẫu áo quần này chúng em đã mặc để chụp ảnh ngay từ dạo tháng sáu. Em luôn luôn phải sống trước thời gian. Ngày mai chúng em đã phải mặc đồ lông rồi. Có lẽ chính vì vậy em cảm thấy thời gian trôi đi quá nhanh. Mọi người đều vui mừng vì mùa hè, còn trong máu em đã trôi chảy mùa thu rồi.

Tôi dừng lại và hôn nàng.

– Điều kì lạ nhất là những gì em và anh đang nói với nhau, - nàng thốt lên, - hết như lời các nhân vật của Turgenev hay của Flaubert! Những con người của thế kỉ XIX! Bây giờ trong máu của em đang là mùa đông đấy chứ: nào là những chiếc lò sưởi, nào là những tấm áo lông... Em là nhà ga cho những con tàu thời gian lăn bánh. Thế trong máu anh đang là mùa gì?

– Trong máu anh ấy à? Chính anh cũng không hay biết nữa... Có lẽ trong đó là kí ức về những điều tàn bạo, những sự hủy diệt. Anh hoàn toàn chưa quen mùa thu và mùa đông ở nước Mỹ. Anh còn chưa rõ những ngôi nhà chọc trời kia vào những ngày mùa đông nom giống cái gì.

Chúng tôi đã tới phố 42. Bây giờ chúng tôi lại quay trở về nơi ở của mình ở Đại lộ số Hai.

– Thế nào, đêm nay anh có ở lại với em không?

– Có thể được như vậy sao?

– Đương nhiên rồi. Ở đây anh đã có sẵn bàn chải đánh răng và khăn trải giường. Pyjama thì cũng không nhất thiết phải có làm gì, còn dao cạo râu thì em sẽ đưa cho anh. Đêm hôm nay em hoàn toàn không muốn ngủ một mình. Trời sẽ nổi gió. Nếu gió làm em thức giấc, em muốn có anh bên cạnh và an ủi em. Em muốn mọi điều như ý em, em muốn anh an ủi em và rồi hai chúng ta sẽ thiếp ngủ trong cảm giác mùa thu đang xích lại gần, em muốn quên mùa thu đi để rồi lại hối tiếc khi nhớ lại nó.

– Anh sẽ ở lại với em.

– Thế thì hay quá. Chúng ta sẽ nằm xuống giường, áp sát vào nhau. Chúng ta sẽ nhận ra nhau trong tấm gương phía đối diện và rồi cùng nhau lắng nghe tiếng gió thổi ù ù bên ngoài cửa sổ. Khi nào gió thổi mạnh hơn, trong mắt em và anh sẽ thoáng qua vẻ lo sợ, những đôi mắt ấy sẽ thắm đen lại. Anh sẽ ôm em chặt hơn và sẽ kể cho em nghe về xứ

Florence, về thành phố Paris và Venice, về tất cả các thành phố khác mà em và anh chưa bao giờ qua cùng với nhau.

– Anh chưa bao giờ tới Florence cũng như Venice.

– Chả sao cả, anh vẫn có thể kể cho em nghe tựa như anh đã từng tới nơi đó. Có lẽ em sẽ khóc òa lên và khi đó chắc nom em sẽ xấu xí đến phát khiếp đi được. Khi em khóc em hoàn toàn không đẹp chút nào đâu. Nhưng anh phải tha thứ cho em nhé, tha thứ cho cả cái tính đa sầu, đa cảm của em nữa, anh nhé?

– Tất nhiên rồi.

– Khi đó anh hãy đến bên em và hãy nói, anh sẽ mãi mãi yêu em và không bao giờ chúng ta sẽ già đi cả.

## XXII



**T**ôi có một tin thú vị cho anh đây, - Silvers nói. - Chẳng bao lâu nữa, tôi và anh sẽ lên đường chiếm lĩnh Hollywood. Anh có ý kiến ra sao về việc này nào?

– Chiếm lĩnh bằng tài năng diễn xuất của ông và tôi sao?

– Không. Bằng những bức tranh. Tôi đã nhận được từ Hollywood nhiều lời mời và tôi quyết định thử thăm thú nơi đó như một chuyên gia xem sao!

– Ông muốn kéo tôi đi theo?

– Đúng thế đấy. - Silvers hào hứng nói. - Anh có một thị hiếu không kém và anh sẽ rất có lợi cho tôi.

– Bao giờ ta sẽ lên đường?

– Chừng hai tuần lễ nữa.

– Ta đi có lâu không?

– Cũng độ hai tuần. Nhưng cũng có thể kéo dài hơn. Los Angeles đối với giới buôn bán tranh hầy còn là một vùng đất hoang. Đây còn là một mỏ vàng nữa...

– Mỏ vàng? Ý ngài là như thế nào?

– Thôi xin anh đừng hỏi tôi những câu hỏi ngớ ngẩn nữa. Người khác mà ở vào địa vị anh thì chỉ nhẩy lên vì sung sướng thôi. Hay anh không muốn đi? Nếu như vậy thì tôi buộc phải tìm một người giúp việc khác

thế chân anh thôi.

– Tức ông sẽ sa thải tôi?

Silvers nổi xung.

– Anh làm sao thế hử? Đương nhiên là tôi phải để anh nghỉ việc rồi. Làm sao khác được. Nhưng tại sao anh không muốn đi cùng tôi hử? Hay anh cho rằng số tiền anh tích góp được không đủ để chi dùng. Tôi sẽ cho anh ứng trước.

– Tôi lấy đâu ra tiền để mua quần áo cho chuyến đi này? Chả lẽ tôi lại chi bằng tiền túi sao?

Silvers cất tiếng cười. Cuối cùng ông ta lại trở về với bản tính cố hữu của mình.

– Anh cho là như vậy à?

Tôi gật đầu. Đối với chuyến đi này quả là tôi không hề thờ ơ. Nhưng tại California tôi hoàn toàn không có một người quen nào. Còn cái viễn ảnh suốt ngày phải mặt đối mặt với Silvers khiến tôi rùng mình sợ hãi.

– Tôi cần ông tăng tiền công cho tôi, để mua một bộ com lê mới.

– Bao nhiêu?

– Một trăm đô la mỗi tháng.

Silvers như nhảy dựng lên.

– Úi chao! Anh định đặt may bộ đồ này ở cửa hiệu ông Knize sao? Ở Mỹ người ta chỉ mặc quần áo may sẵn thôi. Mà sao anh không thích bộ quần áo anh đang mặc? Đẹp và hợp với anh đấy chứ!

– Không xứng với một người đi theo giúp việc cho ông. Có lẽ tôi phải mua thêm một bộ vét cũng nên?

– Chúng ta đến Hollywood không phải để khiêu vũ hoặc chạy lăng xăng qua các buổi vũ hội.

– Ai mà biết được! Theo tôi đấy không phải là một việc không cần thiết đâu. Ngoài ra, xin ông biết cho là không nơi nào trái tim của các nhà triệu phú lại dễ mềm đi như tại các hộp đêm. Chính chúng ta đã có ý định đưa họ vào bẫy với các thủ thuật quen thuộc làm cho họ tin là nếu họ mua tranh của chúng ta họ sẽ trở thành những con người thuộc thế giới thượng lưu cơ mà?

Silvers nhìn tôi giận dữ.

– Đấy là một thứ bí mật thuộc nghề nghiệp! Không ai được nói thành lời cái bí quyết này. Và xin anh hãy tin tôi: có trời mà biết được các nhà triệu phú ở Hollywood tự đánh giá mình ra sao! Họ đã luôn coi mình là những người có văn hóa... Thôi, tôi sẽ tặng thêm cho anh hai mươi đô la mỗi tháng.

– Một trăm đô la, - tôi không chịu lùi.

– Anh đừng quên là anh làm việc không hợp lệ. Vì anh tôi cũng đã liều mạng ở nhiều việc...

– Bây giờ thì không còn tình trạng ấy nữa đâu. Tôi đã có giấy phép cư trú ở Mỹ. Hiện tại trong vòng ba tháng, sau đó họ sẽ tự kéo dài thời hạn cho tôi thôi.

Silvers bặm môi lại.

– Thế thì sao nào? - Ông ta hỏi.

– Bây giờ tôi có quyền được làm việc rồi, - tôi đáp.

– Anh định tìm một nơi làm khác sao?

– Đương nhiên là không. Ví như ở chỗ ông Wildenstein suốt từ sáng tới tối tôi sẽ phải lằng xằng bên những bức tranh. Ở chỗ ông tôi thích hơn.

Cuối cùng cũng đi tới thỏa thuận Silvers sẽ tặng thêm cho tôi bảy



mười lăm đô la mỗi tháng. Bây giờ tôi không còn nhắc tới bộ vét nữa.

Tôi đến nhà ông Vriesländer để trả ông ta một trăm đô la mà tôi đã vay để trả tiền cho ông luật sư.

– Xin mời ngồi, - ông Vriesländer, bàn tay thọc sâu món tiền tôi trả vào túi chiếc áo da cá sấu, - anh đã ăn cơm tối chưa?

– Chưa ạ, - tôi trả lời không cần nghĩ ngợi gì nhiều: ở nhà ông này đồ ăn thức uống tuyệt ngon.

– Thế thì ở lại đây với chúng tôi. - Ông ta nói giọng cương quyết. - Bữa tối nay có thêm năm sáu vị khách nữa. Quả là tôi cũng không biết đó là những ai. Nếu anh muốn biết xin anh cứ hỏi bà nhà tôi ấy. Anh uống chút whisky nhé?

Kể từ ngày được nhập quốc tịch Mỹ, Vriesländer không uống một thứ rượu gì khác ngoài whisky để chứng tỏ mình đã là người Mỹ một trăm phần trăm rồi. Nhưng còn khoản lời ăn tiếng nói thì có khác. Sau một thời gian cả nhà ai cũng uốn éo nói bằng tiếng Anh, thì bây giờ mọi người lại trở về với thói quen xưa cũ: người ta nói cả tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Do Thái, tiếng Hungary - tùy thích.

Khách hóa ra vẫn là những người quen cũ: Tannenbaum, bác sĩ phẫu thuật Ravic, ma đam Staël...

Bà Vriesländer xuất hiện trong bộ áo thời xa xưa với cái thắt lưng treo cao gần ngực.

– Cocktail! Vị nào muốn đây?

Tôi và Ravic xin được uống vodka.

Tôi nhận ra thêm trong số khách có hai chị em sinh đôi và nàng Carmen. Hai chị em nhà Koller nom xinh tươi như những đóa hoa anh túc.

Carmen vận toàn đồ đen như để cố ý nhấn mạnh cái đẹp mang chất bi kịch của mình.

– Hai tuần nữa tôi sẽ đi Hollywood, - Tannenbaum trịnh trọng tuyên bố, mắt không rời hai chị em Koller.

– Với tư cách gì? - Ông Vriesländer hỏi.

– Với tư cách của một diễn viên. Theo ngài thì tôi còn tư cách gì khác mà tới đó nữa?

Tôi giật mình. Nhưng quả tình tôi không tin vào điều anh chàng này vừa nói. Có lúc nào mà anh ta thôi nhắc tới Hollywood đâu. Đúng là anh ta đã từng tới đó, để sắm một vai phụ, vai một người tị nạn trong một bộ phim chống phát xít.

– Lần này anh sẽ thủ vai gì? - Tôi hỏi.

– Một đội trưởng đội SS, - anh ta đáp.

– Chẳng lẽ anh lại sắm vai ấy được sao, khi anh là một người Do Thái?  
- Bà Vriesländer lên tiếng hỏi.

– Mà sao lại không, thưa bà?

– Anh vẫn mang họ Tannenbaum sao?

– Bí danh của tôi khi sắm vai là Gordon T. Crow. Chữ T là từ họ của tôi.

Mọi người đều nhìn anh ta với ánh mắt nghi ngờ. Đúng là nhiều người lưu vong vẫn sắm vai những tên Quốc xã. Các ông chủ ở Hollywood vẫn tuyển người Do Thái sắm vai bọn phát xít. Đối với họ thù hay bạn thì có quan trọng gì, trong mắt họ mọi người châu Âu đều giống nhau cả thôi.

– Người Mỹ từ chối không chịu thủ vai những tên Quốc xã, - một vị khách nhỏ thó ngồi bên dãy bàn đối diện khiêu khích nhìn Tannenbaum. -

Họ sợ vai ấy làm mất danh giá của họ. Bằng mọi giá họ lúc nào cũng muốn mình là người khả ái, đáng yêu. Họ trao vai những tên Quốc xã cho người lưu vong chúng ta. Thôi cũng đành, vai gì cũng là để thoát khỏi cảnh túng đói mà thôi.

– Nghệ thuật là nghệ thuật! - Tannenbaum đỏ mặt phản bác lại. - Chẳng lẽ ông lại không đồng ý sắm vai Rasputin, hay vai Thành Cát Tư Hãn hay vai Ivan bạo chúa sao?

– Vai anh sắm là vai chính à, anh Tannenbaum? - Một người lên tiếng hỏi.

– Tất nhiên là không rồi, - vị khách nhỏ thó kia xen ngang xỏ xiên. - Làm sao có thể sắm vai chính được? Vai chính bao giờ cũng là một diễn viên Mỹ khả ái cặp cùng một nữ diễn viên Mỹ cũng không kém phần khả ái như anh ta. Luật là như vậy mà!

– Thôi xin đừng tranh cãi nhau nữa, - ông Vriesländer lên tiếng dàn hòa, - tốt hơn là hãy giúp đỡ lẫn nhau. Nào, hôm nay món tráng miệng thứ ba của chúng ta là món gì đây?

– Bánh ngọt nhân mận khô và bánh sôcôla.

Giống như mọi khi, tại gia đình Vriesländer người ta không chỉ chuẩn bị cho khách bữa ăn tối mà còn cả phần gói mang về nhà. Ravic không ăn suất của mình. Tannenbaum xin hai suất liền. Tôi bí mật nhét vào túi áo chị đầu bếp của gia đình hai đô la. Chị ta mang cho tôi cả một soong đầy thức ăn và một gói bánh ngọt. Hai chị em nhà Koller cũng nhận mỗi người hai suất liền. Carmen không mang gì về cả, nàng ngại bẩn tay.

Buổi tối hôm đó Natasha bận công việc chụp ảnh các kiểu áo quần mẫu. Nàng đưa tôi chìa khóa căn hộ để tôi về trước đợi nàng. Tôi lên lầu

với món thịt hầm ngon tuyệt và gói bánh ngọt. Sau đó tôi lại xuống phố để mua bia.

Khi tôi mở cửa bằng chiếc chìa khóa của mình và bước vào căn phòng vắng vẻ, một thứ cảm giác hết sức kì lạ nồn nao, cồn cào trong tôi. Tôi hoàn toàn không làm cách nào nhớ nổi xưa kia tôi đã bao giờ trải qua một trạng huống như thế này chưa - tôi có cảm tưởng như lúc nào tôi cũng chỉ trở về căn buồng của mình thuê tại khách sạn hoặc đến thăm nhà của một người nào đó. Còn bây giờ tôi bỗng nhiên trở về chính ngôi nhà của mình. Vào cái thời khắc tôi đưa tay đẩy cánh cửa, toàn thân tôi bỗng gai gai nổi da gà bởi một nỗi xúc động bí ẩn. Tôi linh cảm tựa như ở một nơi nào đó rất xa, rất xa, ngôi nhà thân yêu xa xưa mà tôi đã từng sống đang vọng tới nơi đây lời kêu gọi tôi hãy trở về với nó.

Trong căn hộ rất mát mẻ. Tôi nhận ra tiếng động cơ xè xè của máy điều hòa và chiếc tủ lạnh đặt trong bếp. Có cảm tưởng như những hồn thiêng canh giữ căn hộ này đang thì thầm trò chuyện với nhau. Tôi đưa tay bật công tắc điện, rồi đặt bia vào tủ lạnh, còn soong thịt hầm tôi đặt lên bếp với ngọn lửa vắn nhỏ, để món thịt sẽ nóng hôi hổi khi Natasha trở về. Sau đó tôi lại tắt đèn rồi mở rộng các ô cửa sổ. Một luồng không khí nóng bốc lên từ đường phố trong giây lát ủa ập vào mấy gian phòng. Cái bếp ga xòe chùm tia lửa xanh lét hình quạt nom như thứ ánh sáng bí ẩn của thần linh. Tôi mở đài dò tìm làn sóng đang truyền đi bản nhạc của Debussy. Tôi ngồi trở lại ghế bành kê bên cửa sổ, mắt nhìn xuống thành phố. Lần đầu tiên tôi ngồi đợi Natasha trong căn hộ này. Trong lòng tôi mọi căng thẳng dịu lắng hết, chỉ còn lại một sự yên ổn, tĩnh lặng và tôi sung sướng lặng lẽ đeo đuổi sự yên ổn, tĩnh lặng này. Tôi còn chưa nói với Natasha tôi buộc phải rời nàng, đi theo Silvers tới California.

Natasha về sau đó gần một giờ đồng hồ.

– Anh ở đâu hở Ross? Sao anh ngồi trong bóng tối vậy?

Nàng quẳng chiếc va li nhỏ nàng luôn mang theo người vào trong phòng.

– Em bẩn quá và đang đói mềm người ra đây. Em chả biết lúc này nên bắt đầu từ việc gì trước?

– Em hãy đi tắm đi. Khi em ngồi trong bồn nước anh sẽ mang vào cho em một đĩa thịt bò hầm. Thịt đang đặt trên bếp còn nóng sôi. Thịt ăn với dưa chuột. Tráng miệng thì có bánh sôcôla.

– Anh lại đến gia đình có bà nấu bếp người Hungary tuyệt vời đấy à?

– Ừ, anh đến đây và mang về thức ăn như con quạ tha mồi về nuôi con. Hai ba ngày tới ta không phải mua thức ăn nữa.

Natasha cởi hết áo quần. Từ trong nhà tắm bốc ra làn hơi nước nóng thoang thoang mùi thơm nước hoa của hãng Mary Chess. Tôi mang thịt hầm vào cho nàng. Giây phút đó trên trái đất này chỉ còn lại sự thanh bình, yên ổn.

– Hôm nay em lại sắm vai một bà hoàng sao? Em có đội chiếc vương miện của cửa hàng Van Cleef và Arpels không? - Tôi hỏi trong lúc Natasha đang khoan khoái hít hà mùi thơm của món thịt hầm.

– Không. Hôm nay em sắm vai nàng Anna Karenina. Em đứng trên nhà ga chẳng phải ở Petersburg, cũng chẳng phải ở Moskva, mình quần kín đồ lông thú và chờ đợi số phận mình sẽ được quyết định bởi anh chàng Vronsky kia. Và em đã hoảng sợ biết bao, khi xong việc bước ra đường phố, em không hề thấy một chút tuyết nào.

– Em giống Anna Karenina đấy!

– Vẫn còn giống sao?

– Lúc nào cũng giống.

Natasha cười:

– Mỗi người hình dung ra nàng theo cách của mình. Em sợ là nàng mập hơn phụ nữ bây giờ nhiều. Những quan niệm về vẻ đẹp luôn thay đổi mà. Ở thế kỉ XIX, người ta còn chưa biết tới kiểu tắm bồn như bây giờ là gì... Khi em chưa về, anh làm gì? Đọc báo à?

– Hoàn toàn ngược lại. Anh đã cố gắng không nghĩ ngợi gì về mọi tin tức trên báo cả.

– Vì sao cơ?

– Suy nghĩ mãi, suy nghĩ hoài thì cũng có gì thay đổi được đâu cơ chứ. Nàng im lặng một lúc lâu nhìn tôi.

– Anh buồn lắm phải không Robert?

– Anh không bao giờ chịu nói thực điều này đâu. Và nói chung buồn là gì nhỉ? Đặc biệt khi con người ta đã bị tước đoạt đi chính cuộc đời của mình.

Natasha lắc đầu:

– Anh đừng giấu em, anh mong muốn điều gì cơ?

Tôi nhìn nàng sửng sốt.

– Anh mong muốn điều gì à? - Tôi nhắc lại. - Nhưng ý em muốn hỏi như thế nào?

– Trong những ngày tới ấy. Anh mong muốn gì trong những ngày sắp tới? Anh sống vì lẽ gì?

– Ra thôi em, - tôi nói, - chủ đề này không thích hợp để trao đổi trong nhà tắm. Ra khỏi bồn tắm đi em.

Natasha đứng lên.

– Nhân danh điều gì mà anh đang sống? - Nàng hỏi.

– Chả lẽ con người ta nhất thiết cần phải biết điều này sao? Hay là

em biết?

– Em thì chẳng cần biết làm quái gì. Em sống bằng thứ ánh sáng phản chiếu lên người em. Còn anh lại là chuyện khác.

– Em sống bằng ánh sáng phản chiếu à?

– Đúng thế. Em làm người mẫu để người ta chụp ảnh mà. Nhưng thôi, xin anh đừng lãng tránh, hãy trả lời em đi!

– Trong những lời của em anh nhận ra những mô típ quen thuộc - một thứ suy đoán điể hình của những người tiểu thị dân. Trong thực tế ai mà biết được điều này nhỉ? Và nếu như bỗng nhiên em tìm ra cái “vì sao và để làm gì” kia, thì những câu trả lời cũng ngay lập tức trở thành điều không có thực. Anh không muốn bận tâm vì những câu hỏi muôn ngàn lần đáng nguyên rủa đó. Thế thôi.

– Mọi điều không như anh vừa nói đâu. Anh biết rất rõ anh sống để làm gì và vì sao anh sống. Có điều anh không muốn nói với em. Có thể anh không muốn trả lời ngay cả chính anh nữa. Em nghe thấy anh kêu thét lên...

– Cái gì?

– Khi anh ngủ mơ, anh kêu thét lên.

– Anh thét lên điều gì?

– Em không nhớ nổi. Em đang ngủ và giật mình choàng tỉnh vì tiếng thét của anh.

Tôi thở dài như trút được gánh nặng.

– Ai mà chẳng gặp những giấc mơ hãi hùng. Em hỏi anh sống bằng gì à, để làm gì à? Anh sống bằng tình yêu, vì tình yêu...

Nàng đang ngồi trên giường, hơi bối rối, nhưng thật hiền hậu dịu dàng.

– Đúng thế, chỉ có tình yêu là còn lại, - nàng nói.

Tôi gật đầu.

– Tình yêu bên cạnh một chiếc lò sưởi ấm áp, dưới ánh điện, trong khi bên ngoài khung cửa gió đang lồng lộng thổi, những chiếc lá vàng đang xào xạc cuốn chạy trên mặt đường... Thử tình yêu, như em vẫn tin chắc là như vậy, không đe dọa em bởi bất kì một sự mất mát nào.

Natasha vươn vai.

– Em lại thấy đói rồi. Thịt bò hầm còn không anh?

– Còn đủ cho cả một đại đội. Em ăn ngay thịt hầm sau khi tráng miệng nhé?

– Tối hôm nay em cảm thấy mình ăn thế nào cũng ngon. Anh ở lại đây với em đêm nay chứ?

– Ừ.

– Thật tuyệt. Thế thì em sẽ không hành hạ anh bởi những câu chuyện về những ước mơ mùa thu không trọn vẹn của em nữa đâu... Em nhớ, hình như trong tủ lạnh của mình không còn bia nữa anh nhỉ?

– Không, có đấy. Anh mới mua.

– Có thể vừa ngồi trên giường vừa ăn được không anh?

– Nhất định là được rồi.

Natasha cười giòn tan.

– Em sẽ cẩn thận không để vấy bẩn lên khăn trải giường. Lúc này anh muốn làm gì nếu ví thử anh được lựa chọn?



## XXIII



**B**ây giờ thì chính chị Betty tin chắc là chị đã mắc bệnh ung thư.

Đối với chị Betty thời kì dần vặt, hoài nghi đã qua đi, bây giờ chị thực sự bước vào một cuộc chiến đấu ngoan cường vì mỗi ngày sống còn lại. Chị không muốn chết. Chị muốn sống và chị muốn lại một lần nữa trở về với Berlin. Chị không muốn người ta sẽ chôn cất chị ở New York. Chị muốn về yên nghỉ tại khu Olivaer Platz - nơi có ngôi nhà của chị, nơi chị đã sống một phần đời không thể nào quên.

Lúc này mỗi ngày chị mua cả một núi báo, chị còn mua một tấm bản đồ nước Đức rồi treo ngay trong phòng ngủ của mình. Đọc báo, chị ghi bản đồ những mũi tiến công của các lực lượng quân Đồng minh. Sáng sáng nghe những bản thông báo chiến sự, chị cứ đẩy những chiếc kim găm mũi tiến của đối phương từng chút xa hơn, sâu hơn. Cái chết của bản thân chị và cái chết đang đe dọa nước Đức cứ đuổi nhau vùn vụt, chẳng cái chết nào chịu thua cái chết nào lấy nửa bước chân. Nhưng chị Betty tràn đầy nghị lực thép, quyết giành lấy thắng lợi trong cuộc tranh đua này.

Xét về bản chất, chị Betty là một con người hết sức đôn hậu: trái tim mềm yếu của chị vẫn thường tan chảy như một tảng bơ dưới ánh nắng mặt trời. Chị sẵn sàng làm mọi điều để lau khô dòng nước mắt ngay cả của những người chị chưa từng quen biết. Chị vẫn đối xử với bạn bè với một tấm lòng như vậy. Nhưng ở một góc nào đó trong con người chị, Betty cũng lại là một người hết sức cứng rắn nghiệt ngã: cái chết đang

treo lơ lửng trên đầu nước Đức mà chị Betty tiếp thụ không phải là tấn thảm kịch của loài người mà chỉ là tấn thảm kịch của một số đông. Chị hoàn toàn không thể hiểu nổi tại sao người Đức còn chưa chịu kéo cờ trắng đầu hàng. Cứ theo lời Kahn thì chị Betty xem việc này như sự xúc phạm tới cá nhân chị. Nhiều người lưu vong cũng đứng về phía chị Betty, đặc biệt là những ai vẫn còn nuôi hi vọng sẽ có một người nào đó thuyết phục được những người cầm đầu nước Đức. Nhưng tự trong thâm tâm chị Betty, mọi sự kiện đang xảy ra bây giờ hầu như chỉ khuôn lại trong số phận của riêng chị: liệu chị có kịp trở về khu Olivaer Platz của chị hay không? Mỗi sáng thức giấc, điều trước tiên mà chị nghĩ tới là quân Đồng minh hiện đã tiến tới đâu. Nước Đức trong tiềm thức của chị đã thu nhỏ lại đến tận ranh giới của thành phố Berlin rồi.

– Anh đi có lâu không, anh Ross? - Chị Betty hỏi tôi.

– Tôi không biết thật chính xác. Khoảng hai tuần. Mà cũng có thể lâu hơn.

– Thế là tôi không có anh ở cạnh để san sẻ nỗi niềm rồi.

– Tôi cũng vậy. Chị là thiên thần che chở cho tôi.

– Thiên thần che chở, một thiên thần mà bệnh ung thư đang thiêu đốt trong cơ thể.

– Chị không mắc bệnh ung thư đâu, chị Betty ạ.

– Tôi cảm nhận ra con ác quỷ này mà, - chị nói, giọng nhỏ hẩn đi. - Tôi cảm thấy nó cắn rứt tôi đêm đêm. Tôi nghe thấy tiếng của nó. Tôi ăn tới năm lần một ngày. Hình như tôi hơi phát phì ra thì phải? Anh thấy thế nào?

– Tuyệt. Khí sắc chị vẫn hồng hào, tươi tắn lắm.

– Anh nghĩ sao, liệu tôi có làm được như ý muốn không?

– Trở về Đức ấy ạ? Mà tại sao không chứ?

Chị Betty nhìn tôi, đôi mắt bất an của chị nằm sâu trong những vòng thâm quầng.

– Liệu họ có cho ta trở về không?

– Ai cơ? Người Đức ấy à?

Chị Betty gật đầu.

– Suốt đêm hôm qua tôi đã suy nghĩ về việc này. Nếu bỗng nhiên chúng bắt được chúng ta ở ngoài biên giới, chúng sẽ tống chúng ta vào trại tập trung ngay.

– Đây là trường hợp hết sức ngoại lệ. Lúc đó chúng là kẻ chiến bại rồi, chúng không thể ra lệnh và cai quản được. Ra lệnh và cai quản lúc đó là người Mỹ, người Anh, người Nga.

– Tất cả những người lưu vong đều quan tâm đến chiến thắng hay thất bại. Riêng tôi chỉ quan tâm tới chốn Olivaer Platz của tôi thôi.

– Chị đã trải qua mọi điều. Bây giờ chị có thể bình tâm hướng mọi ý nghĩ của mình cho khu Olivaer Platz được lắm chứ?

– Tôi biết thế. Nhưng...

– Chị đừng nghe ai chỉ trích, phê phán chị cả. Đám dân lưu vong ở đây không bị hiểm họa đe dọa nữa. Chính vì thế nhiều kẻ trong bọn họ như đang bị loạn thần kinh. Chúng ta thấy quá đủ với anh chàng diễn viên Tannenbaum rồi. Không nên có một gã thứ hai như vậy.

Mưa gió phía ngoài cửa kính, gian phòng trở nên tối hơn. Chị Betty bỗng hắt xì hơi liên tiếp.

– Anh ta nói rằng nếu người ta giao cho anh ta sắm vai Hitler, anh ta sẽ thể hiện hẳn như một kẻ nhếch nhác chuyên đào mả các mệnh phụ. Theo anh ta, Hitler là chuyên gia của những tấn kịch đã lỗi thời.

Tôi đứng dậy.

– Thôi tạm biệt chị Betty. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ quay về đây. Tôi hi vọng là đến ngày ấy chị sẽ quên đi hết mọi nỗi sợ hãi do trí tưởng tượng phong phú của chị phác vẽ nên. Chị lại trở thành chị Betty như xưa. Mong sao chị trở thành một nữ văn sĩ. Tôi chỉ mong có một nửa trí tưởng tượng của chị.

Ra tới cổng tôi gặp bác sĩ Gräfenheim.

– Chị ấy sao rồi? - ông hỏi tôi.

– Rất tồi, - tôi nói. - Ông đã cấp thuốc cho chị ấy rồi chứ?

– Hiện thì chưa. Nhưng sẽ có ngay thôi.

Tôi bước đi trên đường phố sũng ướt vì mưa. Đến cửa hàng của Kahn tôi liền rẽ vào.

– Bao giờ thì anh đi Hollywood đấy?

– Hai ngày nữa.

– Có thể ở đó anh sẽ gặp Carmen.

– Carmen à?

Kahn cười.

– Có một gã nào ở đó mời cô ta kí hợp đồng trong một vai nào đó. Trong vòng ba tháng. Với giá một trăm đô la một tuần. Nhưng chẳng bao lâu cô ta cũng sẽ trở về đây thôi. Carmen là một người bất tài.

– Cô ta muốn đi chứ?

– Không. Rất nặng nề khi phải ra đi. Tôi buộc phải khuyên cô ta.

– Vì sao?

– Để sau này cô ta không nghĩ là mình đã bỏ qua một cơ hội. Tôi không muốn trở thành cái cớ để sau này cô ta suốt đời sẽ quở trách tôi.

Rồi cô ta sẽ tự kiểm tra lấy trong ba tháng ấy. Đúng không nào?

Tôi không trả lời. Kahn có vẻ nôn nóng.

– Chẳng lẽ tôi xử sự không đúng sao? - Anh ta hỏi tôi một lần nữa.

– Tôi hi vọng là anh đã xử sự đúng. Nhưng cô ta là một người đàn bà rất đẹp, tôi thì không mạo hiểm như thế đâu.

– Khi anh trở về, cái tổ chim cúc cu treo giữa trời của chúng mình sẽ lần nữa trở thành nhà của anh chàng đồng tính luyến ái, - Natasha nói. - Gã sẽ trở về trong một ngày sắp tới. Sáng hôm nay em mới biết được tin này. Từ một lá thư.

– Thư từ đâu tới?

– Mà tại sao anh bỗng quan tâm đến điều đó thế?

– Không đâu. Đơn giản ra là anh vừa hỏi em một câu hỏi ngốc nghếch để giấu đi sự tọc mạch mà thôi.

– Thư từ Mexico gửi về. Ở đó một mối tình lớn cũng đã kết thúc.

– Ở đó... cũng... là sao?

– Câu hỏi này cũng để che giấu sự tọc mạch à?

– Không. Nó chỉ gợi lên một niềm quan tâm trừu tượng đối với sự tiến triển những quan hệ giữa người và người thôi.

Natasha chống tay lên cằm nhìn vào gương. Ánh mắt chúng tôi lại gặp nhau ở đó.

– Anh hãy nói thực với em, vì sao chúng ta lại quá quan tâm đến nỗi bất hạnh của những người gần gũi với mình hơn là niềm hạnh phúc của họ. Phải chăng đó chính là điều chúng tỏ rằng con người ta chỉ là những con thú hay ghen tị mà thôi?

– Đúng như thế đấy! Nhưng ngoài điều đó ra còn phải nói thêm là hạnh phúc thường gọi nên nỗi buồn, còn nỗi bất hạnh thì không như thế.

Natasha cười.

– Cũng có thể là như vậy. Về hạnh phúc chỉ nói chừng năm phút là hết chuyện. Thì có gì đáng nói đâu, ngoài một điều tôi hoặc bạn đang hạnh phúc. Còn về nỗi bất hạnh, con người ta có thể kể thâu đêm suốt sáng. Có đúng thế không anh?

– Đúng thế, nhưng đấy cũng chỉ là nỗi bất hạnh nhỏ thôi, - tôi lưỡng lự giây lát rồi mới trả lời, - chứ không phải là nỗi bất hạnh thực sự đâu.

Natasha vẫn nhìn tôi không rời mắt. Vệt ánh sáng xiên khoai từ gian phòng bên hắt sang như chiếu thẳng vào mắt nàng và đôi mắt kia nom vừa long lanh vừa u ẩn một cách hết sức lạ lùng.

– Anh rất bất hạnh hở anh Robert? - Nàng hỏi, mắt không rời khỏi mắt tôi.

– Không, - tôi im lặng một lát rồi nói.

– Thật may sao anh không nói rằng anh hạnh phúc. Thông thường sự lừa gạt không làm em bối rối đâu. Vả lại, chính em cũng biết nói dối cơ mà. Nhưng đôi khi sự dối trá lại là điều không thể nào chịu đựng nổi.

– Nhưng em muốn được làm một người hạnh phúc chứ? - Tôi nói.

– Anh sẽ không đạt được điều đó đâu. Anh không thể trở thành người hạnh phúc như mọi người khác.

Hai chúng tôi vẫn nhìn vào mắt nhau. Tôi có cảm giác là nhìn Natasha trong tấm gương để trả lời hơn là nhìn vào mắt nàng.

– Mấy ngày trước đây em cũng đã hỏi anh về điều này.

– Lúc ấy anh đã nói dối em. Anh đã lo sợ em sẽ sắp đặt ra một màn kịch và anh muốn lẫn trốn màn kịch ấy. Nhưng em nào có định sắp đặt ra

màn kịch kia đâu.

– Ngay cả hồi đó anh cũng không nói dối đâu, - tôi phản bác lại như một cái máy và ngay lúc đó tôi cảm thấy ân hận vì những lời nói của mình.

Trong những năm tháng phiêu lãng tôi đã học được một số luật lệ đối với tôi là những điều hết sức cần thiết để giúp tôi có thể thoát chết, nhưng tiếc sao những luật lệ này lại không thích hợp lắm đối với cuộc sống riêng tư. Một trong những luật lệ ấy là đừng bao giờ thừa nhận rằng anh đã nói dối. Trong cuộc đối mặt với quyền lực nó có thể biện minh cho anh, nhưng trong mối quan hệ qua lại với một người đàn bà mà anh yêu, luật lệ này không phải lúc nào cũng thích hợp, tuy ở đây nó vẫn mang lại lợi ích cho anh chứ không phải là sự độc hại.

– Anh không nói dối, - tôi nhắc lại. - Nói đơn giản ra là anh không biết diễn đạt thôi. Một số khái niệm chúng ta đã hấp thụ từ thế kỉ trước nay chúng đã thay đổi rất nhiều. Trong những khái niệm ấy có khái niệm thế nào là hạnh phúc. Thật dễ dàng biết bao để trở thành một người có hạnh phúc! Lúc này anh không muốn nói tới các nhà văn, tới đám làm bạc giả - những người đã thành đạt trong vài thế kỉ với tài đối trá ma mãnh của mình. Người được yêu và đang yêu là người hạnh phúc, và khi họ được hưởng niềm hạnh phúc kia, đấy là thứ hạnh phúc tuyệt đối.

Natasha không nhìn tôi nữa, nàng lại nằm ra giường.

– Vâng, thưa giáo sư, - nàng nói lẩm bẩm, - điều ngài vừa nói rất thông minh đấy, nhưng ngài liệu có nghĩ là xưa kia mọi điều giản dị hơn nhiều không?

– Có lẽ là như vậy.

– Mọi việc tùy thuộc ở chỗ con người ta tin vào điều gì. Ví như: sự thật là gì vậy? Điều con người cảm thấy không có liên quan gì với sự

thật cả.

Tôi cất tiếng cười vang.

– Đương nhiên là không có liên quan gì...

– Ngài đã nhầm lẫn mọi điều trên thế gian này rồi. Thật hay ho biết bao khi xưa kia người ta gọi sự thật là những gì không giả dối... Thật là thú vị nếu biết được là anh sẽ ra sao sau khi anh từ cái tổ cú Hollywood kia trở về? Ở đó người ta sẽ vo ve bên tai anh những lời ồn ã, đao to búa lớn nhưng chẳng biết để làm gì.

– Do đâu mà em biết như vậy? Em đã từng đến Hollywood rồi sao?

– Vâng. - Natasha nói. - May sao em đã không phải là người ăn ảnh.

– Em không ăn ảnh à?

– Vâng! Tùy anh hiểu mấy chữ này theo sự hình dung của anh.

– Giả nếu em ăn ảnh, em sẽ ở lại nơi ấy sao?

Natasha ôm hôn tôi.

– Đương nhiên là như vậy rồi, anh chàng Hamlet người Đức của em ơi! Nếu một người đàn bà mà trả lời anh khác đi, tức thị cô ả lừa dối anh đấy. Anh nghĩ là em có một nghề nghiệp tốt đẹp lắm sao? Anh cho là em không thể nào từ chối nghề nghiệp đó được sao?

– Anh thật là sung sướng nếu em có thể đi cùng anh, - tôi cất ngang lời nàng.

– Không lợi lộc gì đâu. Mùa đông sắp tới rồi mà anh và em cũng đã cạn tiền.

– Em sẽ không còn yêu anh nữa sao?

– Đương nhiên rồi!

– Theo em thế nào là đương nhiên?



– Em vẫn yêu anh khi anh còn ở đây.

Tôi nhìn Natasha. Tôi không tin là những gì trong đầu nàng cũng giống hết những gì ở đầu lưỡi.

– Ví dụ khi anh không còn ở đây, tự nhiên em sẽ thấy như anh sẽ không bao giờ ở lại nữa. Người mới không xuất hiện ngay đâu, nhưng cũng không lâu đâu...

– Thế nào là không lâu đâu?

– Chả lẽ lại có thể nói trước điều này sao? Đừng để em lại một mình và anh cũng không nên đặt ra với em những câu hỏi như vậy.

– Ừ, mà như thế tiện lợi hơn cả.

– Đơn giản hơn cả thì đúng hơn, - nàng sửa lại. - Khi bên cạnh ta có một người nào đó ta chẳng còn cần thứ gì hết. Khi người đó không còn, sự cô đơn lập tức ủa ập kéo đến. Ai mà chịu đựng nỗi sự cô đơn này? Em không đủ sức đâu.

– Mọi điều như vậy xảy ra ngay tắp lự sao? - Tôi hỏi nàng, nhưng lúc này đã thoáng thấy lo âu thực sự. - Đơn giản chỉ là thay người này bằng người khác à?

Natasha cười ngặt nghẽo.

– Không phải như vậy đâu. Hoàn toàn không phải như vậy. Người ta không thay một người này bằng một người khác, người ta chỉ thay tình thế cô đơn lấy tình thế không cô đơn thôi. Đàn ông các anh biết cách xoay xở lấy trong cảnh cô đơn, đàn bà thì không...

– Em không thể sống một mình được sao?

– Em sẽ rất buồn khi còn có một mình, Robert ạ! Em như thứ vải nhung ấy. Khi còn lại một mình em hết như bị nhúng nước và em sẽ tiêu tan liền.

– Trong hai tuần thôi mà em đã tiêu tan sao?

– Ai mà biết được bao giờ anh trở về? Em không tin vào những hạn định. Đặc biệt đấy là cái hạn trở về.

Tôi hiểu rằng chúng tôi đang đùa chọc nhau. Tất cả chỉ là một trò đùa thôi mà. Nhưng đâu sao những mũi tên - không phải là không nhọn đầu - vẫn cắm khá sâu vào da thịt tôi.

– Nếu như mọi chuyện do anh quyết định cả, anh sẽ không đi, - tôi nói, - vì đi Hollywood vào thời điểm này là vô nghĩa. Nhưng nếu anh từ chối chuyến đi này, thì chỉ một tuần lễ nữa anh sẽ không còn tiền để sống. Lão Silvers sẽ tìm người khác thay anh tấp lự. Vì vậy dù muốn dù không, anh phải chấp nhận số phận của mình...

Tôi biết nàng chẳng thích gì điều tôi vừa nói ra nhưng nàng im lặng không phản bác. Tôi cũng biết tính tình của nàng rất thất thường. Nhưng lần này nàng đột nhiên nói với giọng buồn bã:

– Mùa thu đã tới rồi. Mà hoàn toàn không nên cô độc một mình trong mùa thu. Sống qua một mùa thu trong tình cảnh đó thực khó biết bao.

– Đối với em thì bây giờ đã mùa đông rồi cơ mà. Thì chính em vẫn thường nói em sống vượt lên trước thời gian một mùa cơ mà. Em còn nhớ em đã nói với anh như vậy không?

– Anh luôn luôn tìm ra điều gì đó để chống đỡ, - nàng nói hơi chút khó chịu, - và luôn luôn biết được lối thoát.

– Cũng có khi anh không tìm ra lối thoát chứ, - tôi nói, - ví như lối thoát khỏi em chẳng hạn.

Gương mặt nàng bỗng biến đổi:

– Em không muốn anh nói dối em đâu.

– Anh hoàn toàn không nói dối. Thực là anh không nhìn thấy lối thoát.

Ừ mà làm sao nhìn thấy chứ?

– Anh luôn luôn phác vẽ ra những kế hoạch cho tương lai. Và anh không chấp nhận những sự bất ngờ. Còn đối với em mọi điều luôn là sự bất ngờ và tình cờ. Tại sao lại như vậy nhỉ?

– Trong đời anh mọi sự bất ngờ đều có kết cục rất xấu. Nhưng không phải là với em cũng như vậy đâu. Em là một sự bất ngờ không bao giờ trở thành một thói quen.

– Đêm nay anh có ở lại đây với em không?

– Sẽ ở lại chừng nào anh chưa phải vất vả chạy ra ga.

– Không đến nỗi phải như vậy đâu. Mọi sự giản dị hơn nhiều: anh vẫy một chiếc tắc xi là xong.

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ rất ít. Thức dậy là chúng tôi lại ân ái với nhau. Rồi chúng tôi lại ôm chặt lấy nhau thiếp đi, để rồi khi thức tỉnh một lần nữa, chúng tôi chuyện vãn một lúc rồi lại làm chuyện ân ái hoặc chỉ cần nằm sát bên nhau, để cảm nhận được làn hơi ấm trong da thịt của nhau mà thôi. Chúng tôi kêu rú lên, mệt đến kiệt sức với ý muốn hòa nhập vào nhau thành một khối. Chúng tôi hồi giục nhau như người ta quát roi lên lưng những con ngựa buộc chúng phải xả hết sức lực ra. Nhưng những tiếng kêu thét hoặc rên rẩm này cũng vô hiệu. Chúng tôi cảm thấy căm ghét nhau rồi lại cảm thấy yêu nhau. Tất cả cũng chỉ nhằm một cái đích là hòa quyện vào nhau, giải thoát đầu óc khỏi những vật cản không cho ta nhận biết bí mật của gió, của biển cả, của thế giới các vì tinh tú... Chúng tôi chửi rửa nhau bằng những lời lẽ chỉ dành cho loài trâu ngựa, rồi lại thì thầm rót vào tai nhau những lời âu yếm nồng nàn nhất. Sau đó người mệt nhoài, chúng tôi nằm đợi sự yên ắng xuất hiện - một sự yên ắng sâu thăm thẳm, màu vàng óng ả, chứa đầy sự an bình. Chúng tôi chờ đợi sự yên ắng này và nó đã đến với chúng tôi, ở lại

bên cạnh chúng tôi. Chúng tôi cảm nhận ra nó và rồi chính chúng tôi cũng biến thành một sự yên ắng dịu dàng, êm nhẹ như hơi thở, không phải là thứ hơi thở gấp gáp, dữ dội, mà là thứ hơi thở chỉ vừa đủ để nhận ra, tựa như khi thở lồng ngực không phập phồng dâng lên hạ xuống. Sự yên ắng đã tới, chúng tôi như hòa tan trong sự yên ắng ấy và Natasha hòa tan trong sự yên ắng ấy trước tiên - nàng đi đến với giấc ngủ. Còn tôi nằm rất lâu, không tài nào chớp mắt nổi, tôi ngấm nhìn nàng. Sự tò mò đầy bí ẩn, chẳng hiểu sao thường hay đến với tôi mỗi khi tôi ngấm người khác ngủ. Tôi có cảm giác tất cả những người đang ngủ biết một điều gì đó mà họ giấu tôi. Tôi ngấm nhìn gương mặt thanh thản với hàng lông mi rất dài của Natasha và tôi nhận ra giấc ngủ chính là một vị pháp sư, một ông thầy phù thủy đã cướp nàng khỏi tay tôi, đã buộc tôi phải quên đi ngay cả chính mình nữa. Đối với nàng, tôi cũng không hề tồn tại trên cõi đời này. Tôi có thể chết nhưng chẳng có gì thay đổi cả đâu. Tôi khao khát, đồng thời cũng hơi sợ hãi ngấm nhìn cái người đàn bà xa lạ đồng thời cũng đã trở nên gần gũi, thân thuộc biết bao đối với tôi. Nhìn nàng, đột nhiên tôi hiểu rằng, chỉ những người đã chết mới thuộc về chúng ta vĩnh viễn, chỉ những người đã chết mới không trôi tuột khỏi tay ta mà thôi. Mọi thứ khác còn lại trên thế gian này đều chuyển di, biến đổi, tan đi, biến mất thậm chí nếu chúng có xuất hiện lại một lần nữa, cũng là những gì ta sẽ không nhận biết nổi. Chỉ riêng những gì đã chết là mãi mãi tồn tại thôi. Chính ở đây tiềm ẩn sức mạnh của những thứ đã chết kia.

Tôi nằm lắng nghe tiếng gió thổi phía bên ngoài khung cửa sổ. Gió tút trên cao lúc nào cũng rú rít vui vẻ giữa các nóc nhà. Tôi lo mình sẽ thiếp ngủ đi, nhưng tôi lại cũng muốn xua đuổi khỏi đầu những kí ức về quá khứ và thế là tôi trở lại ngấm nhìn khuôn mặt Natasha: giữa hai hàng mi của nàng lúc này xuất hiện một nếp nhăn đủ nhận ra. Tôi nhìn nàng và trong thoáng chốc tôi bỗng có cảm tưởng là, chỉ chút xíu nữa thôi tôi sẽ

nằm bắt được một điều gì đó quan trọng, tôi sẽ bước vào một gian phòng xa lạ nhưng rực rỡ ánh đèn, một gian phòng vốn luôn hiện hữu mà cho đến lúc này tôi không hề nghi ngờ gì. Rồi bất ngờ tôi cảm nhận ra một niềm hạnh phúc, bởi lẽ trước tôi đang mở ra một khoảng không gian tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Kìm hơi thở, tôi thận trọng tiến đến gần khoảng không gian kia, nhưng ngay trong chớp mắt, khi tôi nhón gót định bước thêm một bước cuối cùng, mọi điều bỗng biến đâu mất, tôi ngủ thiếp đi.

## XXIV



Những ngày đầu đến Hollywood, tôi chẳng có gì để làm. Tôi lang thang ở Garden of Allah, hoặc ra biển chơi với tay diễn viên John Scott, và hỏi han anh ta về Hollywood. Tại nơi này, “chiến tranh” chỉ là một khái niệm thuần chất văn học mà thôi.

Về vấn đề kinh doanh, Silvers đã ra tay nhưng hoàn toàn không có kết quả. Sau một vài ngày ông ta thay đổi sách lược: liều mạng lao vào cuộc quyết chiến mặt đối mặt. Ông ta bắt đầu hướng đòn đánh vào các nhà sản xuất phim, các đạo diễn điện ảnh mà ông ta đã từng quen biết trước đây qua đám khách hàng của ông ta. Silvers mời đám người này đến xem tranh. Nhưng đã diễn ra một điều hết sức thường tình: những ai mà Silvers gặp tại New York đã năn nỉ mời ông ta khi nào tới Hollywood nhất định phải tới thăm họ, bây giờ khi Silvers đã tới đây rồi, nhưng ông ta lại khó mà nhận ra họ và khi ông mời họ đến xem tranh, họ viện cớ bận rộn và khước từ cả.

– Quỷ tha ma bắt bọn kẻ cướp này đi. - Silvers nhăn nhó, thiếu não. - Nếu tình hình không có gì thay đổi, chúng ta buộc phải trở về New York thôi. Cái đám người ở tại Garden of Allah với anh là những người như thế nào?

– Đối với ông họ không phải là khách hàng đâu, - tôi làm cho ông ta bớt hi vọng. - May mắn lắm thì họ có thể mua một bức vẽ khổ nhỏ hay một bức thạch bản.

– Không có cá lầy của làm trọng vậy. Chúng ta có mang theo hai bức

tranh nhỏ của Degas và hai bức vẽ than của Picasso. Anh hãy mang về treo ở phòng của anh. Rồi hãy tổ chức lấy một buổi liên hoan nhỏ.

– Bằng tiền của tôi hay tính vào chi phí bán hàng đây, thưa ông?

– Tất nhiên vào chi phí bán hàng rồi. Trong đầu anh lúc nào cũng chỉ có một khoản: tiền, tiền!

– Thì trong túi tôi rỗng, tôi buộc phải giữ tiền trong đầu chứ sao khác được?

Silvers khoát tay.

– Hãy thử tìm hạnh phúc cho mình ở khu khách sạn của anh xem sao. Có thể vớ được chú cá nhỏ nào đó khi chưa vớ được một chú cá măng lớn.

Tôi mời Scott, Tannenbaum và một số người nữa. Khách sạn Garden of Allah vốn nổi tiếng với những cuộc liên hoan nhỏ với món cocktail. Theo lời Scott - anh chàng diễn viên, bạn láng giềng mới quen của tôi - thì ở đây đôi khi những buổi tối cocktail như thế này kéo dài cho đến tận sáng. Một phần vì lịch sự, phần nữa vì cố ý trêu chọc, tôi mời cả Silvers tới dự. Thoạt đầu lão có vẻ sững sốt, sau lão dứt khoát từ chối không tới. Những buổi tối liên hoan kiểu này chỉ thích hợp với lớp người mặt hạn, thua kém lão về nhiều phương diện.

Buổi họp mặt được bắt đầu với rất nhiều hứa hẹn: có khoảng mười người khách, nghĩa là hơn số người mà tôi dự tính. Khoảng mười giờ tối số khách không mời chỉ ít ra cũng lên tới hai chục. Rượu đã hết. Chúng tôi chuyển qua khu riêng của một trong những người khách. Khoảng mười một giờ tôi đã làm thân với hàng chục vị khách không mời kia đến độ chúng tôi gọi nhau bằng tên không. Tiện nói ngay là tình thân hữu này diễn ra hơi muộn. Trong những buổi nhóm họp bên bàn rượu như thế này, ở Hollywood, người ta nên trở thành bạn hữu chí thiết vào một thời

khắc sớm hơn. Vào lúc nửa đêm có bao nhiêu người bơi lội ở bể bơi, họ sẽ đổ tới đây thành khách của bạn hết. Điều này đã được coi là một trò đùa thanh nhã. Vào lúc này ở châu Âu mọi người đã lên giường ngủ được một lúc lâu rồi nhưng ở đây đám khách của tôi còn bâu quanh cây đàn dương cầm, say sưa với những bài hát của đám chăn bò mùi mẫn. Nói chung ra cuộc gặp mặt tuy rất ồn ã, huyên náo nhưng lại vui vẻ, đông đúc hiếm thấy.

Dần dà tôi không còn biết mình đang ngồi ở đâu, đang làm gì nữa. Mọi vật xung quanh bỗng đứng đờ, chao đảo, tựa như muốn đổ ụp xuống đầu tôi. Tôi không muốn tỉnh táo. Tôi căm ghét những đêm khi thức giấc một mình và không còn biết tôi đang ở đâu. Bây giờ tôi lút chìm trong cơn say tuy nặng nề nhưng lại hết sức dễ chịu, còn phía trước tôi lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác, vun vút lướt qua những đốm sáng màu nâu và màu vàng.

Sáng hôm sau, tôi hoàn toàn không thể hình dung ra tôi đã dạo gót trong đêm ra sao, tôi đã trở lại căn phòng của mình ở khách sạn như thế nào. Scott cố gắng làm tôi nhớ lại tất cả.

– Anh đã bán hai bức tranh mà anh treo ở đây, Ross ạ. - Scott nói. - Những bức tranh ấy là của anh à?

Tôi đưa mắt nhìn lên tường. Trong đầu tôi tựa như có cái còi đang rú lên. Hai bức tranh của Degas không còn nữa.

– Tôi bán cho ai? - Tôi hỏi.

– Theo tôi, cho ông Holt. Ông ta là đạo diễn bộ phim mà Tannenbaum có vai.

– Ông Holt à? Tôi không hiểu gì cả. Trời ơi, tôi say đến thế đấy.

– Buổi họp mặt thật tuyệt vời. Còn anh, anh Ross à, anh thật đáng yêu.

– Tôi chẳng nhớ gì sất.



– Anh cũng không nhớ tấm ngân phiếu sao?

– Ngân phiếu nào?

– Ngân phiếu mà ông Holt đã trao cho anh ngay lúc đó ấy!

Tôi đứng lên đưa tay lục soát các túi áo. Đúng là có tờ ngân phiếu đã được gấp lại. Tôi ngẫm khá lâu tờ ngân phiếu đó.

– Ông Holt mê mấy bức tranh của anh ngay. Mà anh phân tích về nghệ thuật thì hết như một ông thánh! - Scott nói. - Ông Holt mua ngay bức tranh mà ông ấy thích.

Tôi đưa tấm ngân phiếu đến gần ánh đèn. Sau đó tôi cất tiếng cười. Tôi đã bán bức tranh được năm trăm đô la, cao hơn Silvers đã định giá.

– Hừm, - tôi nói với Scott, - tôi bán bức họa quá rẻ rồi.

– Thật sao? Thật là lời thôi đây. Tôi không cho là ông Holt sẽ trả lại anh bức tranh đâu.

– Không sao cả, - tôi nói, - chính tôi có lỗi.

– Chuyện này sẽ làm anh bức mình phải không?

– Không đến nỗi. Đây là việc riêng của tôi. Còn mấy bức của Picasso tôi cũng bán rồi sao?

– Điều này thì tôi không rõ. Anh nghĩ thế nào về việc bơi lội trong bể bơi? Đây là một phương sách hiệu nghiệm nhất để chống sự nôn nóng, sốt ruột đấy!

Scott mang từ phòng của anh ta sang bốn cái quần bơi.

– Anh tự chọn lấy. Bây giờ anh ăn sáng hay ăn trưa đây? Cũng một giờ rồi.

Tôi đứng dậy. Khi tôi bước ra vườn nhiều người gật đầu chào tôi. Rượu té ra là phương tiện hữu hiệu nhất để con người ta xích lại gần nhau.

Khi tôi nhảy xuống làn nước trong xanh trong bể bơi, tôi tựa như đã quên hẳn mọi chuyện diễn ra trong quá khứ và hình như tôi đang bắt đầu lại từ đầu tất cả.

Ngồi trên chiếc ghế xô pha màu xanh sáng, Silvers tiếp tôi và Holt. Nhìn lão, khó có thể nói là chuyển đi đến Hollywood không mang lại cho lão điều gì lợi lộc ngoài những thất bại. Lão xử sự đầy vẻ cao ngạo: ra lệnh cho tôi chuẩn bị giấy tờ xác nhận mà lão đã dán vào mấy bức ảnh chụp hai bức tranh kia.

– Hai bức tranh mà ngài vừa mua, có thể nói là những báu vật mà trời thưởng cho ngài. - Silvers nói chậm rãi. - Người cộng sự của tôi, ngài Ross đây nguyên là chuyên viên của viện bảo tàng Louvre, nói đại thể là chưa bao giờ tham gia vào việc mua bán tranh cả. Chính vì thế tôi đã nói với ông Ross cái giá mà ngài đã mua hai bức họa này. Ở đây có một sai sót đáng bực mình. Ông Ross không biết rằng đây không phải là giá bán và đã nói với ngài cái giá mà chính tôi đã phải mua một năm trước. Giả như bây giờ nếu tôi muốn mua hai bức tranh ấy của Degas, chí ít ra tôi phải mua đắt hơn cái giá mà ngài đã trả năm mươi phần trăm.

– Ngài có muốn hủy bỏ bản hợp đồng không ạ? - Holt hỏi.

Silvers khoát tay:

– Vật gì bán coi như đã bán rồi. Tôi chỉ muốn nói vậy để chúc mừng ngài thôi. Ngài đã mua được một món hàng rất hời giá.

Silvers im lặng một lát rồi thì cho gọi cà phê pha lẫn rượu cognac.

– Tôi muốn đề nghị ngài thêm điều này, - Silvers bắt đầu, - tôi xin được mua lại hai bức tranh kia tăng thêm cái giá ngài đã mua hai mươi phần trăm, nếu như ngài đồng ý bán lại. Xin ngài quyết định nhanh chóng cho. - Silvers thọc tay vào túi chiếc áo thể thao của lão như sẵn sàng lấy ra ngay cuốn sổ ngân phiếu.

Tôi thích thú theo dõi xem Holt sẽ xử sự ra sao trước cái thử đoạn ma mãnh này của Silvers. Và Holt đã xử sự đúng. Ông ta nói ông mua hai bức tranh này chủ yếu vì ông ta thích. Và ông ta muốn giữ chúng. Ông ta không muốn bán mà ngược lại thế, Holt đã quyết định sử dụng cái quyền ưu tiên mà tối hôm qua tôi đã cho ông ta để mua thêm cả hai bức tranh của Picasso nữa.

Tôi lúng túng nhìn ông ta - nào tôi có dành quyền ưu tiên gì cho ông ta đâu. Nhưng tôi cảm thấy trong ánh mắt Holt chợt lóe lên những tia sáng tham lam. Ông ta cũng muốn kiếm lợi lộc qua việc mua bán này.

– Quyền ưu tiên nào? - Silvers hỏi tôi. - Anh đã dành cho ai quyền ưu tiên đó sao?

– Đúng, - tôi nói, - tôi đã dành quyền ưu tiên ấy cho tới tối hôm nay.

– Với giá bao nhiêu?

– Sáu nghìn đô la.

– Một bức phải không? - Silvers hỏi.

– Cả hai bức. - Holt nói thay tôi.

– Có đúng thế không, anh Ross? - Silvers hỏi giọng gay gắt.

Tôi gật đầu. Cái giá chúng tôi vừa nói tới đã cao hơn hai nghìn đô la mà Silvers dặn tôi bán.

– Anh làm tôi khuynh gia bại sản mất thôi, anh Ross, - giọng Silvers bỗng trở nên dịu hẳn đi.

– Lúc ấy chúng tôi quá say, - tôi thanh minh, - tôi chưa quen uống nhiều vậy bao giờ.

Holt phá lên cười.

– Như thế là vì say mà tôi đã thua mười hai nghìn đô la trong tích tắc. - Holt nói. - Đối với tôi đây là một bài học để đời.

Nghe mấy tiếng “mười hai nghìn đô la” trong mắt Silvers cũng loáng qua cái ánh tham lam đã xuất hiện trong mắt Holt vừa lúc này.

– Mong sao đây cũng là bài học cho anh nữa, anh Ross ạ, - Silvers nói.  
- Anh là một nhà nghiên cứu tại các thư phòng chứ không phải là dân làm ăn. Môi trường hoạt động của anh là các viện bảo tàng.

Tôi rùng mình khi nghe mấy lời cuối cùng Silvers vừa thốt ra.

– Có thể là như vậy. - Tôi nói rồi quay về phía cửa sổ.

Trời đã sập chiều. Trong thứ ánh sáng xanh lúc chập choạng, có những người vận đồ trắng lúc chạy lên phía trước lúc lùi lại phía sau - đó là những người chơi quần vợt chưa chịu rời sân banh. Bể bơi cũng đã vắng ngắt người, nhưng tại các dãy bàn kê gần đó người ta ngồi ken đặc. Từ trong quán rượu văng vẳng vọng ra tiếng nhạc. Trong tôi bỗng cồn cào một nỗi buồn không gì cưỡng nổi: tôi bỗng cảm thấy nhớ Natasha, nhớ thời thơ ấu của mình, nhớ thời trẻ trung đã trôi qua từ lâu. Với nỗi chán chường, tôi chợt hiểu là khó lòng mà tôi đoạn tuyệt được với quá khứ.

– Thôi thế là xong, ngài Holt ạ! - Silvers nói, bàn tay có vẻ lơ đãng cất tờ ngân phiếu thứ hai vào túi. - Xin cho phép tôi chúc mừng ngài một lần nữa! Thật là sự khởi đầu hoàn toàn không tồi cho một bộ sưu tập tranh tuyệt vời. Bốn bức tranh của hai đại danh họa. Lúc nào có điều kiện tôi xin cho ngài xem một bức tranh bột màu nữa của Picasso. Bây giờ tôi không còn thì giờ. Xin mời ngài đến dự bữa cơm tối. Tiếng đồn đại về việc chúng tôi tới đây cũng đã lan truyền. Còn nếu như ở đây chúng tôi và ngài không còn dịp gặp nhau nữa, chúng ta sẽ tiếp tục công việc khi nào ngài tới New York.

## XXV



**M**ột tuần lễ sau, vào một buổi tối, tôi nhận được thư của Kahn:

*“Anh Ross thân mến,*

*Đầu thư là những tin không vui: ông Gräfenheim đã mất. Ông đã uống một liều thuốc ngủ quá mạnh khi hay tin bà vợ ông đã chết tại Berlin trong một trận oanh tạc của phi cơ Mỹ. Tin tức này đã làm ông ấy sụp đổ hoàn toàn. Ông Gräfenheim đã coi việc những chiếc máy bay ném bom Mỹ tàn phá Berlin hoàn toàn không phải là một sự bất hạnh mà chỉ là sự trở trêu chết chóc của số phận và thế là ông ta lặng lẽ và bình thản rời khỏi cuộc đời này.*

*Tôi không nhận được bất kì một tin tức nhỏ nào về Carmen. Cô nàng lười viết thư lắm. Tôi gửi cho anh địa chỉ của cô ấy. Anh hãy thay tôi giải thích cho cô ấy rõ tốt nhất là cô ấy hãy quay trở về New York.*

*Tạm biệt, Ross!*

*Hãy trở về nhanh lên. Những ngày tháng khó khăn còn đang đợi chúng ta ở phía trước! Chúng sẽ tới ngay cả sau khi những ảo tưởng trả thù cũng sụp đổ nốt và chúng ta buộc phải nhìn thẳng vào cái bất thường. Hãy chuẩn bị cho mình dần dần quen với điều đó để đòn đánh không đến nỗi quá mạnh. Hiện nay chúng ta cũng không phải là không có những điểm yếu. Đặc biệt là đối với những đòn đánh bất ngờ. Không chỉ hạnh phúc mới có mức độ của nó mà ngay cái chết cũng vậy. Đôi khi tôi bỗng nhớ tới gã Tannenbaum, với nhân vật của gã trên màn ảnh. Chả lẽ con*

*lừa này lại là kẻ mình mẫn nhất trong bọn chúng ta sao? Chào Ross.”*

Tôi đáp xe đi tìm nơi ở của Carmen. Nàng đang ngủ trên một chiếc ghế dài. Carmen vận bộ quần áo tắm bó sát lấy người. Và tôi bỗng hoài nghi sự đúng đắn của Kahn khi anh ta nói là Carmen sẽ không đạt được bất cứ thành công dù lớn dù nhỏ nào ở Hollywood cả. Quả là nàng tuyệt đẹp, có thể nói đây là cô gái đẹp nhất mà tôi được biết tới. Một cô gái tóc vàng vẻ cao quý, cái đẹp lại phảng phất chất bi thảm khiến ta ngấm nhìn nàng buộc phải như nín hơi.

– Ôi, anh Ross! - Nàng kêu vang, không hề tỏ ra ngạc nhiên khi tôi rụt rè đánh thức nàng dậy. - Anh làm gì ở đây?

– Tôi đi bán tranh. Còn chị?

– Có một gã ngốc kí với tôi một bản hợp đồng. Tôi không phải làm gì cả. Mọi thứ rất tiện lợi.

Tôi mời nàng đi ăn trưa. Nàng khước từ, nói là bà chủ của nàng nấu ăn rất ngon rồi. Tôi nghi ngờ đưa mắt nhìn bà chủ tóc hung với vẻ ăn vận chẳng lấy gì làm tinh tươm, sạch sẽ kia. Bà ta nom vừa giống chiếc hamburger lại vừa giống cái xúc xích.

– Trứng tươi có, - Carmen nói, tay chỉ vào mấy con gà đang nhón nhơ gần đó. - Món ộp la thật tuyệt.

Mãi tôi mới thuyết phục nổi nàng cùng tôi tới nhà hàng Brown Derby.

– Người ta nói là ở nơi đây các minh tinh màn bạc đông nhưng nhúc, - tôi nói để khích lệ Carmen.

– Họ cũng không thể ăn thêm vài bữa trưa trong một ngày được.

Tôi ngồi đợi khi Carmen chọn quần áo. Tôi không hiểu Kahn, không hiểu tại sao anh ta không cưới cô gái này làm vợ.

Khi tắc xi dừng lại trước nhà hàng, tôi bỗng thấy ân hận. Tôi để ý

thấy những gã đàn ông ăn vận cực kì sang trọng như ngày người trước vẻ đẹp của Carmen.

– Chờ cho một lát, - tôi nói với nàng, - tôi chỉ ngó xem còn bàn trống không đây.

Carmen đứng lại ngoài phố. Trong nhà hàng còn một số bàn chưa có khách, nhưng ở đây lại cũng có quá nhiều gã đàn ông đầy sức quyến rũ.

– Các bàn đều chật khách rồi. - Ra tới ngoài phố tôi nói. - Chị không phản đối nếu chúng ta tìm tới một nhà hàng nhỏ hơn?

– Hoàn toàn không phản đối. Thậm chí còn hợp ý tôi nữa.

Chúng tôi bước vào một nhà hàng nhỏ, vắng khách.

– Chị sống ở Hollywood ra sao, chị Carmen? - Tôi hỏi. - Có buồn hơn ở New York không?

Nàng ngước lên nhìn tôi bằng đôi mắt thiên thần.

– Tôi cũng chưa để ý tới điều này.

– Theo tôi ở đây vừa buồn tẻ vừa tầm thường, - tôi nói dối, - tôi rất vui nếu được rời khỏi nơi này.

– Cái đó còn tùy thuộc ở đâu con người ta cảm thấy ra sao. Ở New York tôi không có ai cả, cũng chẳng có một tình bằng hữu nào thực sự. Còn ở đây tôi có bà chủ nhà. Chúng tôi rất hiểu nhau, thường trò chuyện với nhau mọi điều trên thế gian này. Còn nữa, tôi rất thích gà. Gà hoàn toàn không ngốc nghếch như người ta thường nghĩ đâu. Ở New York tôi chưa bao giờ được nhìn thấy một con gà bằng xương bằng thịt cả. Ở đây tôi thuộc tên của từng con gà. Khi tôi gọi chúng, chúng tới liền. Còn cam! Chẳng lẽ không tuyệt diệu sao khi có thể hái trái cam thẳng từ cây xuống và ăn bao nhiêu cũng được?

Bỗng nhiên tôi hiểu vì sao Kahn chán ngấy người con gái này. Anh là

một trí thức rất tinh tế, giàu nghị lực. Thế mà ở cô gái này đâu chỉ là sự thơ ngây mà quả là một sự ngây ngô đến dốt nát ngớ ngẩn thì đúng hơn.

– Ai trao cho anh địa chỉ của tôi? - Miệng gặm một cái đùi gà, Carmen hỏi.

– Kahn gửi thư cho tôi. Anh ấy không viết thư cho chị sao?

– Có, - nàng đáp với cái miệng đầy thịt. - Nói thật ra tôi chả hiểu anh ấy viết gì. Anh ấy mới là một con người phức tạp làm sao!

– Thì chị cứ kể cho anh ấy điều gì đó về những con gà của chị.

– Anh ta sẽ không hiểu được đâu.

– Nếu tôi ở vào địa vị của chị, tôi cứ viết thử xem sao. Chị cứ viết cho anh ấy, viết gì cũng được. Anh ấy tất sẽ hết sức vui sướng, nếu chị cho anh ấy biết chị sống ra sao.

Carmen lắc đầu.

– Với bà chủ nhà của tôi, tôi thấy mọi điều giản dị hơn nhiều. Kahn là một người đặc biệt phức tạp. Tôi không hiểu nổi anh ấy.

– Công việc điện ảnh của chị ra sao, chị Carmen?

– Tuyệt! Tôi nhận tiền mà lại không phải làm gì cả. Một trăm đô la mỗi tuần lễ. Ở đâu có thể nhận được nhiều hơn thế hử anh? Ở chỗ ông Vriesländer tôi nhận được sáu mươi đô la, nhưng phải làm việc suốt ngày. Ngoài ra, cái ông già thần kinh ấy cứ suốt ngày bai bãi quát mắng tôi khi tôi quên một điều gì đó. Còn bà vợ thì căm ghét tôi. Không, tôi thích ở đây hơn.

– Thế còn anh Kahn thì sao? - Tôi hỏi sau một lúc suy nghĩ, tuy tôi hiểu rõ cuộc trò chuyện giữa chúng tôi sẽ chẳng đưa đến kết quả nào đâu.

– Anh Kahn à? Anh ấy không cần tôi đâu.



- Nhưng cũng có thể là anh ấy cần thì sao?
- Để làm gì cơ? Để ăn kem và lê gót trên đường phố à? Thậm chí chả còn biết nói chuyện gì với anh ấy nữa.
- Dẫu sao chị vẫn cần cho anh ấy đấy. Chị không muốn trở lại New York sao?
- Trở về với ông Vriesländer ấy à? Ông ấy có cô nữ thư kí mới rồi. Không, tôi ở lại đây chừng nào cái ông bầu điện ảnh ngu xuẩn kia còn trả tôi tiền mà chẳng hiểu để làm gì.

Tôi nhận ra Holt trong làn ánh sáng của vầng mặt trời lúc đứng bóng. Trong chiếc quần màu xanh lá cây rộng thùng thình, ông ta đi lại quanh bể bơi. Ông ta vận chiếc sơ mi Hawaii sặc sỡ vẽ phong cảnh phương nam. Nhận ra tôi ngay từ xa, ông ta đã vung cả hai tay rồi rút:

- Chào, Ross!
- Chào, ngài Holt!
- Ông ta vỗ lên vai tôi - một cử chỉ mà tôi rất ghét.
- Anh vẫn còn bức bối vì những bức tranh hay sao? Chúng ta sẽ giải quyết thỏa đáng thôi.

Tôi im lặng lắng nghe ông ta ba hoa đủ mọi thứ chuyện. Sau cùng ông ta mới bắt đầu vào công việc. Ông ta muốn để tôi xem xem trong kịch bản có sai sót nào không, ngoài ra tôi còn tham gia với tổ làm phim của ông ta với tư cách cố vấn về trang phục và công tác dàn cảnh, xem xem những gì ông đưa vào phim liên quan đến nước Đức của tôi có chính xác hay không.

- Đó là hai nhiệm vụ hoàn toàn khác nhau, - tôi nói. - Điều gì sẽ xảy ra nếu đó là một kịch bản không dùng được?

– Khi đó thì chúng tôi sẽ soạn thảo lại. Nhưng buổi đầu tiên thì anh hãy cứ tiếp xúc với kịch bản đó đi đã. - Holt rịn mồ hôi. - Có điều là anh cần làm điều này nhanh lên mới được. Ngay ngày mai chúng tôi đã muốn bắt tay vào quay những cảnh quan trọng nhất. Liệu trong hôm nay anh có thể đọc lướt một lần kịch bản được không?

Tôi im lặng. Holt lấy từ trong chiếc cặp da ra một tập giấy.

– Một trăm ba mươi trang. - Ông ta nói. - Cần bỏ vào đây hai đến ba tiếng đồng hồ.

Tôi nhìn tập giấy kẹp trong tờ bìa màu vàng, lưỡng lự, sau đó tôi cũng cầm lấy.

– Năm trăm đô la, - Holt nói. - Xin anh cho nhận xét một số trang.

– Món tiền không ít ỏi gì, - Tannenbaum xen vào.

– Phải hai nghìn đô la, - tôi phản đối. Nếu đã quyết định bán mình thì cũng phải có thứ phòng thân khi đường cùng, ngô cụt chứ.

Holt tái mặt.

– Đòi quá đắt đấy, - ông ta nói.

– Đắt quá chứ lại! - Tôi nói độc địa. - Phải chừng ấy tiền tôi mới nhận. Tôi không thể nào chịu đựng nổi khi phải nhớ lại những gì đã qua. Xin ông hãy tin lời tôi nói.

– Một nghìn đô la vậy. - Holt nói. - Chỉ riêng đối với anh mới trả đến như vậy thôi.

– Hai nghìn! Món tiền đó đâu có lớn gì đối với một người sưu tập tranh của trường phái Ấn tượng.

– Nhưng anh làm như vậy không quân tử lắm đâu, - Holt nói. - Tôi không xót đâu mà là xưởng phim.

– Nếu là xưởng phim lại càng tốt hơn.

– Một nghìn năm trăm đô la vậy, - Holt bậm môi nói, - và ba trăm đô la mỗi tuần lễ với tư cách là cố vấn.

– Xong! - Tôi đồng ý. - Phải có xe đưa đón tôi khi tôi tới chỗ ông làm cố vấn. Còn một điều kiện nữa: sau bữa cơm trưa, tôi cần được tự do.

– Điều này đã có trong giao kèo, - Tannenbaum rít lên. - Hệt như các siêu sao.

Holt bỏ điếu vừa nghe được ra ngoài tai. Ông ta biết rằng tôi có khái niệm về thù lao trả cho các siêu sao là như thế nào.

– Thôi xong rồi, anh Ross. - Ông ta nói về cương quyết. - Tôi để lại chỗ anh bản thảo. Hãy nhanh chóng bắt tay vào việc đi. Thời gian không chờ đợi đâu.

– Tôi sẽ bắt đầu ngay sau khi trong tay tôi có một nghìn đô la tiền tạm ứng, ngài Holt ạ, - tôi nói.

## XXVI



Tôi bỏ ra vài tiếng đồng hồ cho tập bản thảo kịch bản phim. Có nhiều tình huống đầy sự bịa đặt và nói chung ra, theo tôi kịch bản không thành công. Tôi sửa kịch bản ấy cho tới một giờ khuya. Một phần các tình huống mô tả một cách rất tầm thường theo kiểu các bộ phim cao bồi về xứ Viễn Tây hoang dã. Tôi chợt hiểu ra là ngay cả đối với những bậc thầy để ra các bộ phim giật gân gây khiếp đảm cũng không đủ sức tưởng tượng để hình dung được những gì đã xảy ra tại nước Đức thuộc Đế chế thứ Ba.

May sao Scott đã gọi tôi đi dự một bữa tiệc cocktail, dứt tôi ra khỏi những gì cứ bám dai dẳng không chịu buông tha tôi.

– Đã xong chưa, Ross? - Scott hỏi.

– Chưa đâu. Nhưng đối với tôi hôm nay thế là đủ lắm rồi. Bây giờ thì tôi muốn được uống chút gì.

– Chúng tôi có vodka Nga chính cống và whisky đủ mọi loại.

– Whisky, - tôi nói, - tôi không muốn say ngay.

Tôi đuổi thẳng người trong chiếc ghế bành, đặt chiếc cốc ngay trên sàn nhà, mắt nhắm lại để lắng nghe một giai điệu nhẹ nhàng phát ra từ chiếc radio nhỏ. Bản nhạc *Serenade Bình minh*. Một lúc sau tôi lại mở mắt ra nhìn vòm trời California. Tôi có cảm tưởng như đang bơi trong một vực biển sâu không có bến bờ, không biết nơi đâu là tận cùng. Bỗng nhiên bên tai tôi vang vang giọng nói của ông Holt.

– Sao, sáng rồi à? - Tôi hỏi.

– Chưa đâu. Tôi tình cờ rẽ qua xem anh đang làm gì. - Holt đáp.

– Tôi đang uống whisky. Bản hợp đồng giữa tôi và ông ngày mai mới hết hạn cơ mà? Ông còn hỏi gì nữa không?

– Anh đã đọc kịch bản chưa đấy?

Tôi quay lại, ngắm nhìn bộ mặt phờ phạc, âu lo của Holt. Tôi không muốn nói gì về kịch bản, tôi muốn quên phắt ngay cái vừa đọc đi.

– Ngày mai, - tôi đáp. - Ngày mai ông sẽ nhận được kịch bản với toàn bộ những ý kiến nhận xét của tôi.

– Tại sao không phải là ngay bây giờ? Trưa mai tôi đã phải hoàn tất mọi thứ cần thiết rồi. Nếu làm được như vậy ta sẽ tiết kiệm được nửa ngày, thời gian không còn nhiều đâu, anh Ross.

Tôi hiểu là tôi không thể thuyết phục được ông ta. “Quả đúng là sao không làm được ngay lúc này nhỉ?” - Tôi nghĩ thầm. Tại sao không phải là ngay ở đây, ngay tại cái nơi chỉ rượu và gái, dưới bầu trời đêm yên ả trong cái thế giới nửa thực, nửa hư này nhỉ? Tại sao không thể nói thẳng với ông ta là cái kịch bản ấy chẳng đáng giá một xu để rồi quên phắt đi những hồi ức nặng nề cứ đeo đẳng mình?

– Thôi được, ông Holt. Hãy tìm một nơi nào đó cùng nhau bàn xem.

Một giờ sau bữa rượu cocktail, tôi cũng đã thống kê hết cho Holt thấy những sai sót trong kịch bản.

– Những sai sót nhỏ về quân hàm, quân hiệu, giày ủng, mũ măng sữa không khó gì, - tôi bắt đầu nói, - cái chính là toàn bộ không khí của bộ phim. Nó không thể mang chất tình cảm tâm lý như trong các bộ phim Viễn Tây đâu. So với hiện thực ở Đức thì nó quá hiền lành, nhợt nhạt.

Holt có vẻ phân vân.

– Nhưng bộ phim này cần mang lại tiền lời, - cuối cùng ông ta nói.

– Cái gì cơ?

– Xưởng phim bỏ vào đó gần một triệu đô la. Điều này có nghĩa là khi phát hành phải thu được hơn hai triệu, trước khi chúng ta nhận được đồng đô la đầu tiên. Khán giả phải lũ lượt kéo đi xem, anh hiểu không?

– Thì sao?

– Ross ạ, những điều như anh kể ở Mỹ không một ai người ta tin đâu. Xin anh hãy nói đúng lương tâm mình, chả lẽ mọi chuyện đúng như anh kể sao?

– Tệ hơn thế. Tệ hơn thế gấp nhiều lần.

Holt quay đi, nhổ nước miếng xuống mặt nước.

– Ở nước Mỹ này không ai tin điều đó đâu.

Tôi đứng dậy. Đầu tôi nhức như búa bổ. Tôi chán ngán mọi chuyện đến tận cổ.

– Thế thì cứ để nguyên như cũ vậy. Chả lẽ sự nhạo báng này sẽ không bao giờ chấm dứt sao? Nước Mỹ đang đánh nhau với nước Đức, còn ông thì cố thuyết phục tôi rằng dường như chẳng một ai ở đây chịu tin là bọn phát xít lại quá dã man như thú vật đến như vậy.

Holt bẻ ngón tay kêu răng rắc.

– Tôi thì tôi tin, anh Ross ạ! Nhưng còn ông chủ xưởng phim và đám khán giả thì không đâu. Không ai chịu đến xem một bộ phim như ý anh muốn cả. Bản thân đề tài cũng đã có điều gì đó quá mạo hiểm rồi. Tôi muốn làm một bộ phim như anh vừa kể, nhưng ông chủ xưởng đâu chịu. Còn nếu tôi làm một bộ phim tài liệu đi nữa, phim cũng đổ ngay thôi. Xưởng phim chỉ chuyên làm những thứ phim tình cảm tâm lý thôi.

– Với những cô gái bị bắt cóc, những ngôi sao màn bạc quần quai đau khổ giả vờ và một cuộc hôn nhân tốt đẹp ở đoạn cuối phim chứ gì? - Tôi cắt ngang lời ông ta.

– Không nhất thiết phải như vậy. Nhưng đương nhiên là phải có những cuộc săn đuổi, những pha đâm đá và sự hồi hộp đến thót tim rồi.

Scott sà vào chỗ chúng tôi.

– Nghe nói hai vị đây chẳng có đồ gì uống cả, phải không?

Anh ta đặt lên thành bể bơi một chai whisky, một chai nước và hai cái cốc.

– Ta mang đồ uống về chỗ tôi đi, nếu cần đồ nhậu, đi theo tôi. Có món bánh mì kẹp thịt và gà rán.

Holt cầm áo khoác của tôi lên.

– Ta chỉ còn mười phút thôi, anh Ross. Mười phút để thảo luận những gì thật thiết thực. Còn tất cả để dành ngày mai.

Mười phút hóa thành cả một tiếng đồng hồ. Holt là sản phẩm điển hình của Hollywood: ông ta thực tâm muốn làm một cái gì đó có giá trị đấy, nhưng ông ta lại cũng có thể chấp nhận mọi sự thỏa hiệp và chính trong những sự thỏa hiệp đó ông ta lại muốn chứng tỏ mình đang giải quyết những vấn đề nghệ thuật hết sức nghiêm túc.

– Anh cần giúp đỡ tôi, anh Ross ạ. - Ông ta nói. - Chúng ta cần phải dần dần, từng bước một, thực hiện những ý tưởng của chúng ta. *Petit à petit!*\* Không phải ngay lúc này, ngay tức thì đâu.

*Petit à petit* (tiếng Pháp trong nguyên bản): Dục tốc bất đạt.

Câu ngạn ngữ Pháp này phần nào thuyết phục được tôi. Tôi xin lỗi Holt và thấy thanh thản trở lại. Tôi nằm trên giường một lát, tự nguyện rửa mình sao còn để đèn sáng làm gì. Sau đó tôi quyết định sáng mai sẽ

gọi cho Kahn, bây giờ trong túi tôi có nhiều tiền rồi mà! Tôi cũng quyết định gọi điện cho Natasha. Cho đến nay tôi chỉ mới biên cho nàng hai bức thư ngắn, thế mà cũng đã thấy chật vật, khó khăn lắm rồi. Nàng là người không thích những lá thư dài lê thê. Là tôi cảm thấy như vậy. Nói đúng hơn, nàng thích những bức điện tín, những cuộc đàm thoại qua đường dây... Nhưng trong một khoảng cách xa đến chừng này tôi làm sao mà bày tỏ cho nàng tình cảm của mình đây? Khi nàng ở bên cạnh, mọi điều đều tốt đẹp, mọi thứ đều tràn đầy ý nghĩa, mọi thứ đều làm tôi ngây ngất xúc động. Còn khi không có nàng ở bên, tôi lại cảm thấy như nàng xa vời biết bao, xa không thể nào nắm bắt nổi, xa như ánh cực quang phương bắc. Nhưng chỉ cần nàng xuất hiện trước cửa, mọi điều sẽ trở lại đúng quỹ đạo của mình. Tôi đã có nhận xét này khi còn ở New York.

Lan man suy nghĩ, tôi tự hỏi tại sao tôi không gọi điện cho nàng ngay bây giờ nhỉ.

Sự chênh lệch về thời gian giữa Hollywood và New York là ba tiếng đồng hồ. Tôi bấm số gọi và tự nhiên cảm thấy người nóng ran lên vì sốt ruột.

Từ đâu đó rất xa bỗng vang lên giọng nói thân thuộc của nàng.

– Natasha! - Tôi gào vào ống nói. - Anh đây! Robert đây!

– Ai đó?

– Robert!

– Robert à? Anh đang ở đâu đấy? Ở New York sao?

– Không. Anh đang ở Hollywood.

– Còn ở Hollywood à?

– Ừ! Em sao vậy? Quên rồi sao? Chuyện gì xảy ra với em vậy?

– Em đang ngủ.



– Sao ngủ sớm vậy?

– Bây giờ đã nửa đêm rồi. Anh đánh thức em dậy đấy. Chuyện gì thế anh? Anh sắp về à?

“Quý tha ma bắt! - Tôi nghĩ. - Một thiếu sót cố tật của mình. Mình lẫn lộn hết giờ giấc rồi.”

– Chúc em ngủ ngon nhé. Mai anh sẽ gọi lại.

– Vâng. Anh sắp về à?

– Chưa đâu. Mai anh sẽ nói cho em rõ mọi chuyện. Em ngủ tiếp đi.

– Vâng.

“Hôm nay thật là một ngày vất vả đối với mình.” - Tôi nghĩ. Lí ra không nên gọi điện cho nàng. Và lí ra không nên làm nhiều điều mà tôi đã làm. Tôi tự mắng mỏ mình. Vì sao mà mình đắm lẩn thẩn đến thế nhỉ? Mình thì can hệ gì đến công việc của ông đạo diễn Holt kia chứ? Và tất cả những việc ông ta làm thì can hệ gì tới mình nào? Tôi đợi một lúc nữa và sau đó tôi gọi cho Kahn. Kahn ngủ rất tỉnh - tôi biết rõ như vậy. Anh trả lời tôi ngay.

– Chuyện gì thế Ross? Tại sao anh lại gọi điện cho tôi?

Chúng tôi, những thân phận lưu vong, cho đến tận bây giờ vẫn chưa tập được thói quen sử dụng điện thoại như những người Mỹ. Đối với chúng tôi gọi điện trong những khoảng cách xa xôi như đây với New York hẳn phải là gắn với chuyện gì đặc biệt, một sự rủi ro, bất hạnh nào đó.

– Có tin gì của Carmen không? - Kahn hỏi.

– Không, nhưng tôi đã gặp cô ta. Hình như cô ấy muốn ở lại đây.

Kahn im lặng giây lát.

– Có thể rồi cô ta sẽ suy nghĩ lại: cô ta mới sống ở đó chưa bao lâu mà. Cô ta có ai không?

– Tôi nghĩ là không, ngoài bà chủ nhà mà cô ta đang sống ở đó. Tôi có cảm tưởng là cô ta không quen biết ai thêm ngoài bà chủ nhà.

Kahn cười.

– Thế bao giờ anh định trở về đây?

– Có lẽ tôi đành phải ở lại thêm một thời gian nữa.

Tôi kể cho Kahn nghe mối quan hệ với đạo diễn Holt.

– Ý anh ra sao? - Tôi hỏi.

– Làm việc đi, làm việc đi! Tôi hi vọng lương tâm anh không bị giày vò chứ? Điều này kể cũng tức cười. Hay anh vẫn bị giày vò? Vì lòng yêu nước?

– Không. - Bỗng nhiên tôi không sao hiểu nổi tôi vội vã gọi điện cho Kahn để làm gì. - Tôi đã nghĩ nhiều về bức thư của anh.

– Điều chủ yếu là, - Kahn ngắt ngang lời tôi, - anh hãy cố gắng đạt tới mục đích của mình. Làm bằng cách nào thì đó là việc của anh. Tôi nghĩ cũng không hẳn là ý tồi khi học cách sống với những vấn đề của mình mà không cần phải quá liều lĩnh. Sớm muộn chúng ta cũng sẽ phải làm vậy thôi, một cách nghiêm túc. Một mối hiểm họa lớn lao đang rình rập chúng ta. Anh đã đi bước đi đầu tiên đấy, nhưng anh cũng có thể vụt tắt cả vào sọt rác khi nào anh thấy chán phè tất cả. Ở đây, tại cái nước Mỹ này điều đó còn có thể được, chứ ở nơi kia, chỉ một thời gian nữa mọi điều sẽ khác hẳn. Tôi nói đúng không?

– Đó chính là điều tôi muốn được nghe anh nói đấy.

– Thế thì thật hay. - Kahn cười. - Đừng để Hollywood đánh quỵ anh đấy nhé, Ross. Ở New York, anh không hỏi tôi cần phải xử sự ra sao. Điều này là lẽ đương nhiên thôi. Ở Hollywood người ta đã phát minh ra những tiêu chuẩn đạo đức ngu xuẩn nhất, bởi lẽ nơi đó nằm trong quyền

hạn của cả một bấy tham những mà. Anh hãy coi chừng, đừng trở thành vật hi sinh của cái hệ thống hết sức dục êm đó. Thậm chí ngay cả ở New York cũng khó mà giữ được sự tỉnh táo, thực tế trong cách ứng xử với cuộc đời. Anh đã thấy tấm gương của ông Gräfenheim rồi đó. Hành động tự vẫn của ông ta thật chẳng có ý nghĩa gì - chỉ là biểu hiện của sự bạc nhược, yếu đuối thôi. Dẫu sao thì dù có còn sống đi nữa ông ta cũng không bao giờ có điều kiện để trở về với bà vợ cơ mà.

– Chị Betty ra sao rồi?

– Vẫn chiến đấu. Chị ấy muốn được sống hết cuộc chiến tranh này. Không một vị bác sĩ nào dám đoán chắc chị ấy sẽ có một triển vọng sáng sủa hơn. Sao, anh đã trở thành triệu phú rồi hay sao mà dám gọi điện thoại cắt ngang qua cả một lục địa như vậy?

– Hiện tại thì chưa trở thành triệu phú đâu.

Cánh cửa gian phòng của tôi để ngỏ và tôi nhận ra một màn đêm với cái bề bơi rục rở ánh đèn, những đỉnh chóp của hàng cây cọ đung đưa trong làn gió đêm. Tôi nghĩ tới Natasha và Kahn, nghĩ tới những điều mà Kahn vừa nói với tôi.

Giờ phút khó khăn nhất đối với cuộc sống dật dờ của chúng tôi sẽ điểm khi nào chúng tôi hiểu ra rằng, chúng tôi không cần cho ai cả. Hiện tại chúng tôi đang sống bằng những ảo tưởng mọi điều sẽ thay đổi khi nào chiến cuộc kết thúc. Còn khi ảo tưởng kia tan đi, mọi thứ sẽ sụp đổ, lúc ấy sẽ bắt đầu cuộc phiêu dạt thật sự của chúng tôi.

Xung quanh chiếc bóng đèn trên trần nhà bay lượn những chú côn trùng cánh xanh biếc. Tôi nhìn chúng một lát. Tôi thò tay ra bắt một con ném ra ngoài trời đêm mát mẻ. Sau chừng một phút nó lại bay vào phòng. Tôi hiểu rằng hoặc là tôi phải ngủ thiếp đi hoặc là tôi phải xua đuổi đám côn trùng kia ra khỏi phòng. Nhưng tôi không chớp mắt nổi. Khi tôi lại

mở mắt ra, trên khung cửa xuất hiện một bóng người. Tôi nắm lấy cây đèn bàn như một thứ vũ khí phòng thân. Đây là một cô gái còn rất trẻ, trong tấm áo dài hơi nhàu.

– Ô, xin lỗi ông, - cô gái nói, - tôi có thể vào được không ạ?

Cô gái bước dẫn lên một bước.

– Cô có tin chắc là cô đã vào đúng căn phòng cô cần không? - Tôi hỏi.

Cô gái mỉm cười.

– Vào giờ này thì điều đó có nghĩa lí gì nữa, thưa ông? Tôi thiếp đi ở ngoài trời. Tôi rất mệt.

– Cô có mặt trong buổi tiệc của ông Scott sao?

– Có thể là như vậy, tôi không biết tên ông ấy là gì. Có một người nào đó dắt tôi tới đây. Nhưng bây giờ họ đi cả rồi. Tôi cần phải đợi đến sáng. Thế là tôi nhận ra ánh đèn của ông. Có thể ngồi xuống chiếc ghế kia được không, thưa ông? Ngoài trời ẩm ướt, lạnh nữa.

– Cô không phải là người Mỹ à? - Tôi hỏi một câu ngốc nghếch.

– Tôi là người Mexico. Xin phép ông cho tôi ở lại đây cho đến khi có chuyến xe sáng.

– Tôi có thể đưa cô quần áo mặc trong nhà, - tôi nói. - Chăn, khăn trải giường. Cô nghỉ trên chiếc xô pha kia khá tiện. Nhà tắm đó, cô có thể đi thay đồ. Áo của cô ướt cả rồi. Treo lên trên ghế ấy, như vậy chóng khô hơn.

Cô gái nhìn tôi rất nhanh.

– Ông hình như khá quen thuộc cách ứng xử với phụ nữ thì phải?

– Tôi chỉ nhận ra ngay những gì cô đang cần thôi. Có nước nóng đấy, nếu cô cảm thấy lạnh thì đi tắm đi. Ở đây không ai làm gì gây phiền phức cho cô đâu.

– Cảm ơn ông. Tôi sẽ làm mọi việc một cách khế khàng, không gây ra tiếng động.

Cô gái bước vào trong phòng. Vóc dáng nàng diễm kiều, mớ tóc đen nhánh, đôi bàn chân xinh xắn khiến tôi vô tình chợt nhớ tới con côn trùng có bộ cánh xanh đã bay vào phòng tôi. Tôi nhìn quanh quẩn xem con côn trùng có quay trở lại không, nhưng không thấy. Bù vào đó có một sinh linh khác của tạo hóa đã bay đến với tôi. Nói thêm cũng bằng thừa thôi, sinh linh này xuất hiện tựa như cần phải như vậy, tựa như một việc thường tình nhất trên thế gian này. Với một nỗi xúc động mà chính tôi cũng phải ngạc nhiên, tôi căng tai lắng nghe tiếng nước giọt róc rách từ buồng tắm vọng ra. Tôi đã quá quen với cái không bình thường đến độ sự yên ắng, tĩnh mịch ngày thường lại khiến tôi sửng sốt. Tuy thế, hoặc có thể chính vì thế nên lúc này tôi vội giấu ngay tờ ngân phiếu Scott đã trao cho tôi để tôi chuyển cho Silvers ngay sau bữa cơm trưa mai giữa đám sách vở vút ngổn ngang trong phòng. Chẳng nên liều mạng làm gì.

Tôi thức dậy khá muộn. Cô gái không còn ở trong phòng tôi nữa. Trên một mảnh khăn giấy, tôi nhận ra dấu son môi. Có lẽ cô gái đã để lại mảnh giấy này như một lời chào tạm biệt tôi chăng? Tôi vội lục tìm tấm ngân phiếu. Hóa ra nó vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Chẳng có gì bị mất cả. Tôi cũng chẳng hiểu rõ tôi có ăn nằm với cô gái này hay không. Tôi chỉ nhớ loáng thoáng là cô ta có đứng bên cạnh giường của tôi và hình như cô ta không mặc gì trên người cả - thân thể cô mịn màng, mát mẻ. Nhưng tôi lại cũng không tin chắc là sau lúc đó có xảy ra chuyện gì nữa không.

Tôi đáp xe tới xưởng phim. Đã mười giờ sáng song tôi vẫn nhớ rõ rằng tối hôm trước tôi đã làm việc suốt hai tiếng đồng hồ với Holt. Mà

không nên không tính tới điều này. Holt vừa gặp tôi đã vội bắt ngay vào câu chuyện về một cảnh ông ta sắp sửa quay. Holt muốn biết các nhân vật SS trong cảnh tới nên nói bằng tiếng Anh hay tiếng Đức. Chúng tôi quay theo cả hai phương án. Cảnh bọn SS nói tiếng Anh đem lại ấn tượng khá kì quái. Và nói đại thể là chẳng gây được tác động gì. Có cảm giác trước mắt tôi không phải là một mảnh đời có thực mà là một cảnh sân khấu mà nhân vật thủ vai là người ngoại quốc.

## XXVII



**T**rong bốn tuần lễ tôi đã bán được bốn bức tranh của Degas. Tôi còn bán được một bức tranh phấn màu của Renoir. Dầu như vậy, tôi cũng không hề nhận được dấu hiệu hài lòng của lão Silvers. Có một điều rõ ràng là tôi không thể nấn ná ở lại Hollywood thêm được nữa. Tôi tựa như đang treo lơ lửng đâu đó giữa Nhật Bản và châu Âu. Và khi tôi càng tin rằng tôi không thể ở lại nước Mỹ được thì tự dưng có một lực hút vô hình càng kéo mạnh tôi về với thành phố New York. Trong mấy tuần lễ gần đây tôi bỗng phát hiện trong tôi tình yêu nồng nàn với thành phố này - một thứ tình yêu chỉ có thể giải thích bởi một nguyên cớ: New York như một chạng ngời chân của tôi trên con đường đi tới chốn vô định. Tôi đã dồn mọi nỗ lực để kiếm cho được nhiều tiền bởi vì tôi hiểu rằng chúng sẽ rất cần thiết cho tôi trong những ngày sắp tới và tôi không muốn bị hành hạ, khổ đau vì không có tiền. Chính vì thế tôi còn dùng dằng ở lại đây thậm chí lâu hơn cả thời gian bộ phim được quay.

Kahn đã viết cho tôi: “*Ở New York tuyệt đã rồi. Khi nào thì anh trở về? Tôi gặp Natasha. Nàng ít kể về anh và nàng cho là anh không quay lại New York nữa. Natasha đi xem hát với cái anh chàng có chiếc xe Rolls-Royce. Carmen sống ra sao? Tôi không biết chút tin gì về cô ấy cả.*”

Tôi đọc những dòng này khi tôi đang ngồi ở bể bơi. Quả đất tuy tròn tựa đầy nhưng đường chân trời lại luôn luôn chuyển dịch. Xưa kia tổ quốc tôi là nước Đức, sau đó lại là Áo, Pháp và nói chung là châu Âu, tiếp đó là nước Mỹ. Mỗi lần nước này hay nước khác trở thành quê hương,

xứ sở của tôi cũng chỉ bởi một điều duy nhất: tôi phải tạm biệt nó để ra đi, chứ tuyệt nhiên không phải bởi lẽ tôi có thể cắm sào, buông neo ở đó. Nó xuất hiện trên đường chân trời như quê hương xứ sở của tôi. Thành phố New York xuất hiện trên đường chân trời ấy và trở thành quê hương của tôi, nhưng rồi đây khi tôi trở về New York, lấy gì mà đoán chắc là xứ California này lại không trở thành quê hương xứ sở của tôi. Hệt như trong vở kịch *Kẻ phiêu lãng* của Schubert: “*Hạnh phúc là ở nơi nào anh và em không có ở đó.*”

Tôi tìm Carmen. Nàng vẫn sống tại ngôi nhà mà tôi đã đến gặp nàng lần đầu tiên. Có cảm tưởng là ở nơi nàng đang sống chẳng có gì thay đổi cả.

– Hai tuần nữa tôi sẽ trở về New York, - tôi nói. - Chị có muốn về New York cùng tôi không?

– Không được đâu anh Ross! Bản hợp đồng của tôi còn những năm tuần lễ nữa. Tôi cần phải ở lại đây.

– Thời gian vừa qua chị đã nhận một công việc gì chưa?

– Tôi thử quần áo. Trong bộ phim sắp tới tôi sẽ sắm một vai phụ.

– Ai cũng nói sẽ sắm một vai phụ thôi. Xin hỏi, trong thực tế chị có coi chị là diễn viên không?

Nàng cười.

– Tất nhiên là không rồi. Mà ai có thể coi mình là diễn viên nhỉ? - Carmen chăm chăm nhìn tôi. - Anh nom bảnh quá.

– Tôi mới mua một bộ đồ mới mà.

– Không phải ở áo quần. Ý tôi muốn nói nom anh rắn rỏi, kẻo trai. Hay là anh bắt nạt?

– Tôi cũng không biết nữa. Ta đi ăn trưa ở đâu đó đi. Tôi có tiền đây.



Tôi có thể đưa chị tới nhà hàng Romanoff.

– Thế thì hay quá, - nàng trả lời trước sự sững sốt của tôi.

Đang trưa. Các diễn viên đang ngồi ở khách sạn rõ ràng là không lưu tâm gì tới sự hiện diện của Carmen: nàng không thay trang phục, vẫn chiếc quần ống bó màu trắng. Tôi lần đầu tiên nhận ra, ngoài vẻ đẹp vốn có, nàng còn có cặp mông rất đẹp.

– Chị có nhận được tin tức gì của anh Kahn không? - Tôi hỏi.

– Thời gian gần đây thỉnh thoảng anh ấy có gọi điện cho tôi. Mà anh chắc cũng có nhận được tin tức của anh ấy chứ? Nếu không anh đã không tới tìm tôi làm gì.

– Tôi không nhận được tin gì cả, - tôi nói dối, - tôi đến thăm chị chỉ bởi vì sắp tới tôi sẽ trở về New York.

– Anh về đó làm gì? Chẳng lẽ ở đây anh không thích sao?

– Không.

Nàng chăm chú nhìn tôi và trong giây phút ấy nom nàng giống hệt nữ hoàng Macbeth khi còn trẻ.

– Chắc là vì cô tình nhân của anh thôi. Nhưng xung quanh anh có biết bao chị em. Đặc biệt là ở đây. Và nói cho cùng thì mọi người đàn bà cũng đều giống nhau cả thôi.

– Carmen! - Tôi kêu lên. - Nói gì mà nhảm nhí vậy!

– Chỉ cánh đàn ông mới coi điều đó là nhảm nhí thôi.

Tôi nhìn nàng. Nàng tựa như một người khác.

– Đàn ông cũng giống nhau hết thấy phải không nào? - Tôi hỏi. - Nhưng trong mọi trường hợp không nên suy nghĩ về đàn bà như vậy.

– Những người đàn ông không ai giống ai. Ví như Kahn. Anh ấy là một loại đàn ông phiến phức.

– Cái gì cơ?

– Anh ấy là một loại đàn ông phiền phức. - Nàng nhắc lại với một nụ cười trên miệng. - Lúc thì anh ấy muốn tôi tới Hollywood, lúc anh ấy lại muốn tôi quay về New York. Tôi không về đấy. Ở đây ấm áp còn ở New York tuyết đã bắt đầu rơi rồi.

– Chỉ vì lí do ấy thôi à?

– Thế chả lẽ một điều đó thì chưa đủ sao?

– Ôi, sao chị hỏi vậy, chị Carmen? Thôi, xin hỏi chị có về New York với tôi không?

Nàng lắc đầu.

– Kahn sẽ làm tôi phát điên lên mất. Tôi là một đứa con gái bình thường thôi, anh Ross ạ! Đầu tôi sẽ đau như búa bổ khi lại phải nghe anh ấy lảm nhảm.

– Anh ấy không lảm nhảm đâu. Anh Kahn là một người anh hùng đấy.

– Thứ anh hùng ấy cũng chả mài ra mà sống được. Anh hùng rồi cũng chết. Nếu những người anh hùng mà còn sống, họ sẽ trở thành những kẻ đáng chán nhất trên đời này.

– Thật thế sao? Ai nói với chị như vậy đấy?

– Cứ nhất thiết là phải có ai nói với tôi à? Anh tất nhiên cũng coi tôi là một đứa ngốc nghếch như anh Kahn chứ gì?

– Hoàn toàn không phải như vậy. Anh Kahn không hề coi chị là một cô gái ngốc nghếch đâu. Anh ấy luôn luôn tôn trọng, mến mộ chị.

– Anh ấy càng mến mộ, càng tôn trọng tôi bao nhiêu đầu tôi càng nhức bấy nhiêu. Sự mến mộ đó mới đáng chán làm sao! Mà tại sao các anh lại như vậy nhỉ?

– Sao cơ?

– Tại sao các anh không giống những người khác? Ví như giống bà chủ nhà của tôi chẳng hạn? Mọi sự của các anh đều phức tạp, rối rắm lắm.

Tôi đến tạm biệt Scott.

– Tôi muốn mua thêm một bức tranh nữa, - anh ta nói. - Tôi muốn trên xô pha treo một cái gì đó. Chẳng hiểu bao giờ các anh mới lại đến đây? Hiện nay anh còn bức nào không?

– Chỉ còn một bức vẽ than thôi. Một tác phẩm tuyệt vời đấy. Cũng của Renoir.

– Hay quá. Thế là tôi có hai bức của Renoir. Chẳng lẽ tôi lại gặp may như vậy sao?

Tôi lấy bức tranh ra khỏi va li và trao cho anh ta.

– Tôi rất sung sướng được trao vào tay anh bức tranh này.

– Vì sao cơ? Tôi không hiểu ý anh đấy.

– Anh biết trân trọng tài năng và tác phẩm. Điều này cực kì quan trọng, cầu mong anh luôn luôn mạnh giỏi. Tôi phải tạm biệt anh hết như tạm biệt một người quen biết đã lâu.

Tannenbaum nhận thêm một vai rất phụ khác. Anh ta tỏ ra rất hài lòng.

– Anh sẽ sắm vai gì trong bộ phim tới?

– Vai một anh đầu bếp người Anh trên một chiếc tàu thủy. Chiếc tàu này bị tàu ngầm Đức tấn công.

– Anh đầu bếp bị chết à?

– Không. Đây là một nhân vật gây cười. Bọn Đức đã cứu được anh ta. Thế là anh ta nấu ăn cho bọn Đức trên chiếc tàu ngầm kia.

– Mà không đâu đọc bọn Đức sao?

– Không. Anh ta đã làm một chiếc bánh ngọt tuyệt vời cho bọn chúng vào dịp lễ Giáng sinh. Thế rồi, có một lần chiếc tàu này nổi lên mặt nước, đám thủy thủ Đức được dự một buổi biểu diễn những bài dân ca Anh và Đức. Bọn thủy thủ kia nhận ra rằng quốc ca của Đức và Anh có giai điệu giống nhau. Thế là chúng quyết định sẽ không đánh nhau với anh đầu bếp sau khi chiến tranh kết thúc, bởi vì giữa hai bên có quá nhiều điểm chung.

– Tôi thấy tương lai của anh khá u tối. Nhưng dầu sao tôi vẫn nghĩ rằng tính cách của anh có thể bù trừ cho điều đó được.

## XXVIII



**R**oss! - Melikov kêu văng lên vui mừng. - Thế mà tôi cứ nghĩ là anh sẽ lại ở hẳn tại Hollywood đấy!

– Có lẽ mọi người đều nghĩ như vậy cả.

Melikov gật đầu. Gương mặt ông ta mang màu đất và nói đại thể ra nom ông xám xịt.

– Ông ốm đấy à?

– Sao anh lại hỏi vậy? - Ông ta cười toác miệng. - À, anh mới ở California về mà! Bây giờ thì anh sẽ có cảm giác là mọi người dân ở cái thành phố New York này vừa từ bệnh viện ra hết. Tại sao anh quay trở lại đây?

– Tôi là thằng phiêu lãng mà!

– Natasha cũng nghĩ là anh sẽ không quay trở về.

– Cô ấy nghĩ thế nào?

– Cô ấy nghĩ là Hollywood đã bắt mất hồn anh rồi.

– Thật thế sao?

Cái hang ổ của tôi tại khách sạn này bây giờ nom bụi bặm và te tua hơn trước đây. Ngoài phố trời đang mưa.

– Cần phải mua áo khoác ngoài, - tôi thốt lên.

– Anh lại một lần nữa sống ở đây sao? - Melikov hỏi.

– Phải. Nhưng lần này tôi muốn thuê một căn phòng lớn hơn. Ông có

căn phòng nào chưa có khách không?

– Phòng của Raoul hiện chưa ai ở.

– Ông còn phòng nào khác không?

– Còn phòng của Lisa Teruel. Bà ta mới mất tuần lễ trước. Phòng này khá rộng.

– Thôi tôi mượn phòng bà ấy vậy.

– Anh có muốn uống chút gì không?

– Không. Tôi muốn đi nằm.

– Tôi cũng vậy. Người thay phiên tôi sắp tới. Còn đêm nay tôi lại đến phiên trực. Cứ mùa đông tới cái bệnh thấp khớp lại hành tội tôi. Hôm nay tôi có thấy dễ chịu hơn mọi hôm đấy Ross ạ.

Sau bữa ăn trưa, tôi đến gặp Silvers. Lão đã bỏ về New York trước tôi mấy tuần. Lão đón tôi niềm nở hơn là tôi tưởng.

– Sao, công việc thế nào? - Silvers hỏi.

– Bán được thêm một bức tranh vẽ than của Renoir. Năm nghìn đô la.

Silvers gật đầu, làm tôi cảm thấy bất ngờ.

– Điều gì đã xảy ra với ông vậy? - Tôi hỏi. - Mỗi lần ta bán được tranh ông đều nhảy cẫng lên cơ mà?

– Đúng đấy. Tốt hơn hết là cứ giữ chúng ở nhà mình không bán cho ai cả. Nhưng chiến tranh đang đi tới hồi chung cuộc, anh Ross ạ.

– Chưa đâu.

– Tôi nói với anh rằng chả bao lâu nữa chiến tranh sẽ kết thúc thôi. Nước Đức đang ngắc ngoải rồi. Còn bọn Quốc xã nếu vẫn tiếp tục chống cự đến hơi thở cuối cùng thì điều này cũng hiểu được thôi: chúng

chiến đấu để bảo tồn chính cuộc sống của chúng mà. Bộ Tham mưu Đức tiếp tục cầm cự - điều này cũng tự nhiên. Ở bên đó mỗi một ông thủ lĩnh, mỗi một vị tướng sẵn sàng hi sinh đến tận người lính cuối cùng vì công danh của mình. Dù thế đi nữa, cái chung cuộc cũng sắp tới với nước Đức. Chỉ vài tuần lễ nữa thôi tất cả sẽ kết thúc. Rồi anh sẽ thấy cho mà coi. Anh hiểu điều tôi vừa nói có nghĩa ra sao không?

– Có. - Tôi đáp sau một lúc suy nghĩ.

– Điều đó có nghĩa là chẳng bao lâu nữa chúng ta lại có thể buôn bán với châu Âu. - Silvers kết luận. - Nhưng châu Âu hiện tại đã kiệt quệ. Nếu có đô la để chi trả có thể mua rất rẻ bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào. Lúc này thì anh đã thông tỏ chưa?

– Dạ, rõ rồi ạ.

– Lúc này khôn ngoan hơn cả là không mua gì ở đây mà nên mua ở châu Âu. Chính vì vậy ta nên làm vội bớt đi kho dự trữ tranh của ta. Nhưng cũng cần phải hết sức cân nhắc, thận trọng bởi vì trong những trường hợp như thế này cũng có thể thua mà cũng có thể thắng đậm.

– Tôi sáng tỏ vấn đề rồi.

– Ấy, nhưng cũng chính vì thế phần trăm tiền thưởng của anh cũng phải rút bớt đấy nhé. - Silvers nói thêm.

Tôi đã chờ đợi chính cái kết cục này đây. Nó hết như thứ gia vị cuối cùng được thêm vào món thịt hầm.

– Đương nhiên là như vậy rồi, - tôi đáp lại mĩa mai.

Tôi cứ lưỡng lự mãi không biết có nên gọi điện cho Natasha không. Trong vài tuần lễ gần đây quan hệ giữa hai chúng tôi đã trở nên mờ nhạt, mỏng manh. Các lần liên lạc chỉ hạn chế trong mấy tấm bưu thiếp chúng

tôi trao đổi với nhau, mà ngay trong những tờ bưu thiếp ấy cả hai cũng cảm nhận ra có điều gì đó hơi hợt, không thành thật, cả hai đều có ý nghĩ là khi chúng tôi không ở bên nhau thì cũng chẳng có gì để mà kể với nhau nữa. Tôi không hiểu sẽ xảy ra chuyện gì khi tôi gọi điện cho nàng, bởi lẽ tôi không hề báo tin cho nàng biết tôi sẽ trở về New York.

Tôi đến thăm chị Betty và khi vừa nhìn thấy chị tôi thẳng thốt giật mình. Chị nom gầy guộc, héo hon đến không thể nhận ra. Trên gương mặt bọt bọt chỉ còn hai con mắt to như đang rừng rực lửa.

– Tôi gầy lắm, phải không anh? - Chị hỏi.

– Gầy bây giờ đang là mốt, chị ạ, - tôi cố tình khôì hài.

– Chị Betty sẽ sống lâu hơn tất cả bọn ta cho mà xem, - Ravic nói.

– Trừ anh Ross thôi, - chị Betty mỉm cười héo hắt. - Anh có nước da thật tuyệt. Phải rám nắng như vậy mới khỏe.

– Nhưng chỉ hai tuần lễ nữa là chẳng còn dấu tích gì đâu, chị ạ, - tôi nói. - Ở New York đang là mùa đông mà.

– Tôi sẽ sung sướng lắm nếu được tới California, - chị Betty nói, - mùa đông ở đó chắc ấm áp hơn ở đây nhiều, mà California lại không xa châu Âu lắm.

Chị Betty đưa những ngón tay gầy guộc nắm lấy tay tôi.

– Chỉ cần nhìn thấy anh cũng biết ngay anh đang rất hạnh phúc.

– Ai bây giờ mà có thể hạnh phúc được hở chị, - tôi nói.

– Không. Bây giờ thì tôi đã hiểu tất cả. Ai khỏe mạnh thì người đó có hạnh phúc. Chỉ có điều là khi anh đang được hưởng thứ hạnh phúc đó thì anh lại không nhận ra nó mà thôi. Thực sự nhận ra điều này chỉ khi nào người ta gần kề với cái chết thôi...

– Thôi, chị Betty và anh Ross ở lại, - Ravic đứng dậy nói, - tôi có chút



việc phải đi. Ngày hôm nay tôi còn trở lại để tiêm cho chị.

– Anh Ravic phải trả lời tôi đã: hình như nỗi bất hạnh của con người ta là khôn cùng, phải không anh?

– Cả hạnh phúc cũng vậy chị ạ, - Ravic đáp. - Ví như chị ở đây không phải lo bọn Gestapo săn lùng chẳng hạn.

– Không, chúng vẫn săn lùng đấy.

– Chúng săn lùng tất cả chúng ta, nhưng không ráo riết như trước đây, vì chúng luôn bị mất hút chúng ta.

Tôi cũng không quyết định nổi có nên tới thăm Kahn ngay không đây. Tôi hoàn toàn không thể báo cho anh ta một tin vui nào, còn dối lừa anh ta thì tôi không muốn. Cũng thật là lạ, tôi không thể nào buộc mình phải gọi điện thoại cho Natasha. Mấy hôm trước khi còn ở tại California, tôi hầu như không còn nghĩ tới nàng nữa. Mấy tuần lễ vừa qua đối với tôi, mối quan hệ với nàng tựa như mới chỉ ở giai đoạn đầu: mọi sợi dây liên hệ giữa tôi và nàng còn rất mỏng manh, nhẹ nhàng và không khỏi pha trộn màu sắc lãng mạn. Ấy chính vì mối quan hệ ấy. Chẳng có điều gì ràng buộc, thắt siết hai chúng tôi cả. Ấy thế mà tôi vẫn không tài nào cầm chiếc ống nói lên. Mối hoài nghi như một hòn đá tảng đè trĩu trong tôi. Tôi bắt đầu nghĩ ngợi: nếu đột nhiên nàng từ trần rồi thì sao? Ý nghĩ ấy ám ảnh tôi suốt cả buổi chiều.

Cuối cùng tôi cầm ống nói lên một cách cương quyết, tựa như tôi sắp nói chuyện về sự sống và cái chết. Nghe thấy tiếng chuông réo từng chập trong máy tôi hiểu rằng nàng không có nhà. Cứ cách mười phút tôi lại gọi nàng một lần. Tôi tự an ủi rằng nàng đang đi đâu đó hoặc đang ở cửa hàng thời trang. Cuối cùng thì giọng nàng cũng vang lên bên tai tôi.

– Robert, - nàng nói. - Anh từ đâu gọi điện tới đó?  
– Từ New York. Anh vừa mới trở về hôm nay.  
– Tất cả chỉ vậy thôi sao? - Im lặng một lát, nàng hỏi.  
– Không, Natasha ạ. Khi nào anh có thể gặp em đây? Anh đã gọi điện cho em tới hai mươi lần và đã thất vọng rồi. Điện thoại réo gọi tựa như xua đuổi anh vậy...

Nàng cười vang.

– Em vừa về mà.  
– Chúng ta cùng đi ăn tối nhé, - tôi mời. - Anh có thể đưa em tới quán Pavillon. Có điều tuyệt nhiên không được nói hai chữ “em bận” với anh. Em có thể hẹn anh ở chỗ nào tùy em.

– Thôi được. - Nàng nói. - Sau một tiếng nữa anh đến chỗ em nhé!  
– Anh rất yêu em, Natasha. Thú thực với em đây là những lời lẽ chân thành nhất kể từ ngày anh rời khỏi New York, bây giờ anh mới nói ra.

Một giờ đồng hồ sau, tôi mặc áo khoác bước ra ngoài trời đêm lạnh giá.

Ánh sáng bùng lên. Thang máy kêu ro ro.

– Natasha, - tôi thốt ra rất nhanh, - anh đi đến đây với tất cả nỗi bối rối, luống cuống, niềm hi vọng, những đau khổ, nghi ngờ. Nhưng em chỉ vừa xuất hiện ở cửa mọi thứ liền tiêu tan hết. Điều còn đọng lại chỉ là tại sao anh có thể bỏ em mà đi Hollywood được nhỉ?

Tôi ôm hôn nàng. Tôi cảm nhận ra nàng cố tình tách khỏi tôi, tôi càng ghì chặt hơn. Nàng đành chịu. Sau rồi nàng cũng thoát khỏi vòng tay ôm của tôi.

– Nom anh bối rối lắm. Mà gầy đi nữa.

– Ăn toàn rau theo chế độ ăn kiêng mà. Đôi khi vào ngày lễ hoặc chủ

nhật anh mới cho phép mình ăn thịt thối.

– Em béo ra phải không? Tại người ta hay mời em đi ăn quá đấy mà.

Tôi không thể để lọt ra ngoài tai điều nàng vừa nói. Tôi biết, bên dưới tấm áo dài của nàng, nàng không hề mặc gì thêm nữa và có cảm tưởng như cái cơ thể mịn màng, mát mẻ và đầy sức sống ấy không chịu được một thứ gì khác nữa, ngoài một lượt vải mỏng.

– Em không lạnh sao? - Tôi hỏi một câu ngô nghê.

– Em mặc chiếc áo này khá ấm rồi.

Chúng tôi đến quán Con Gà Trống Vàng. Nơi đây khá ấm áp, tiện nghi.

– Nom anh đen đi đấy - nàng nói. - Anh làm gì ở Hollywood?

Natasha đã biết tôi làm ở chỗ đạo diễn Holt, nhưng ngoài điều đó ra nàng cũng không biết gì tỉ mỉ căn kẽ hơn.

– Anh sẽ lại phải quay về đó sao?

– Không, Natasha ạ.

– Em cảm ghét mùa đông ở New York.

– Còn anh thì cảm ghét nó ở khắp mọi nơi, ngoài Thụy Sĩ.

Cuộc trò chuyện tiếp tục hoàn toàn không như tôi mong đợi. Tôi chỉ mong sao thật nhanh chóng được leo lên giường nằm với nàng. Lí ra tôi cần gặp nàng ở khách sạn của Melikov và cứ thế lôi tuột nàng vào căn buồng mới thuê của tôi. Còn ở đây thật bất tiện.

– Ở Hollywood không có thời giờ mà giải trí đâu, - tôi nói. - Ở đó lúc nào ta cũng cảm thấy mệt mỏi và chẳng thiết điều gì nữa.

– Chính vì thế anh không kể chút gì về anh cho em biết chứ gì?

– Không phải như vậy đâu, - tôi cố gắng biện minh. - Thật ra chỉ do

anh không thích viết thư thôi. Cuộc sống của anh rối rắm tới độ anh không bao giờ biết mình có thể viết thư cho ai đây. Mọi địa chỉ đều có tính chất tạm bợ, chúng luôn luôn thay đổi. Anh chỉ sống bằng hiện tại, bằng cái diễn ra trong ngày hôm nay. Anh không bao giờ có ngày mai và cũng không cần hình dung ra nó làm gì. Anh cứ nghĩ rằng em cũng thuộc loại người như anh.

– Do đâu mà anh biết em không phải là người như thế?

Tôi im lặng.

– Con người ta gặp nhau sau một thời gian xa cách đều mong mọi điều vẫn như trước, - tôi nói.

– Chúng ta cũng muốn như thế, - nàng đáp.

Tôi mỗi lúc càng sa sâu hơn vào cái bẫy mà nàng đã giăng ra. Cần phải nhanh chóng thoát ra khỏi cái bẫy ấy

– Không, - tôi phản đối, - anh không muốn như vậy.

Natasha nhìn tôi rất nhanh.

– Anh không muốn sao? Nhưng chính anh vừa nói anh muốn mọi điều như cũ cơ mà?

– Thì đã sao? Trước đó anh không biết anh muốn gì. Còn bây giờ thì anh biết rồi.

– Có nghĩa là mọi sự đã đổi thay chứ gì?

Tôi có cảm giác khá rõ là Natasha đang đợi một thời cơ thích hợp để nói với tôi nàng đã có một mối tình với một người đàn ông khác rồi. Tôi không muốn buộc nàng phải thú nhận điều này. Tôi cảm thấy mình không đủ sức để mà nghe những gì nàng sắp kể.

– Natasha, những gì quan trọng đã xảy ra cũng không cần phải giải thích ngay đâu... Anh rất hạnh phúc vì một lần nữa hai ta lại được ngồi

bên nhau. Còn khoảng thời gian mà chúng ta không gặp nhau rồi sẽ qua đi và tan ra như khói thôi.

– Anh nghĩ là như vậy sao?

– Bây giờ thì anh nghĩ như vậy đấy.

Nàng cười:

– Như thế tiện hơn, phải không anh? Thôi đã đến lúc em phải trở về nhà rồi. Em rất mệt. Bọn em đang chuẩn bị những mẫu thời trang mùa xuân.

– Anh nhớ chú! Bao giờ em cũng đi sớm trước một mùa mà!

## XXIX



Sáng ngày hôm sau tuyết rơi nhiều. Đến chiều thì phố xá đã ngập trắng tuyết, còn những ngôi nhà chọc trời bọc kín tuyết nom như những con tàu khổng lồ đang phát sáng. Mọi thanh âm trên đường phố nghe xa xôi, mơ hồ hơn, còn tuyết vẫn không ngừng rơi như trước. Tôi đang chơi cờ với Melikov thì Natasha tới. Trên mái tóc và áo quần nàng lấm tấm những hạt tuyết.

– Em đi xe Rolls-Royce đến đấy à? - Tôi hỏi.

Natasha có vẻ như nghĩ ngợi trong giây lát.

– Em đi tắc xi, - nàng đáp. - Bây giờ anh đã thấy bình tâm chưa?

– Tương đối... Chúng ta đi đâu bây giờ nhỉ? - Tôi hỏi một cách dè dặt, nhưng câu hỏi vẫn hết sức ngu ngốc.

– Đi đâu là do anh muốn.

Câu chuyện đến vậy là không thể tiếp tục được rồi. Tôi đi ra cửa.

– Tuyết rơi từng chùm, - tôi thốt lên. - Em sẽ làm hỏng tấm áo lông mất nếu ta đi tìm tắc xi. Chúng ta cần đợi ở đây đến lúc nào tuyết ngừng rơi đã.

– Việc gì mà anh phải tìm ra cái cớ để chúng ta dừng lại ở đây? - Nàng nhận xét một cách nghiêm khắc. - Nhưng ở chỗ anh có tìm được thứ gì ăn không?

Đột nhiên tôi bỗng nhớ lại món thịt hầm mà tôi mới mang ở gia đình ông Vriesländer về.

– Có thịt hầm! - Tôi thốt lên mừng rỡ. - Lại còn có cả bắp cải và dưa chuột muối nữa. Như thế là mọi việc đã giải quyết xong. Ta ăn ngay bữa tối ở phòng anh vậy.

– Có thể được à?

Trong căn phòng mới có những cái chao đèn tôi rất ưa thích. Tối đến, gian phòng có vẻ ấm áp, tiện nghi hơn ban ngày. Tôi đã mua một cái bếp điện, ít đĩa, bát, thìa, nĩa... Lấy thêm dưa chuột muối và bánh mì ra là xong.

– Tất cả đã sẵn sàng, - tôi nói rồi đặt khăn ăn lên bàn. - Bây giờ chỉ cần đợi để món thịt nóng lên mà thôi.

Natasha đứng dựa vào bức tường gần cửa ra vào.

– Đưa áo khoác đây cho anh. - Tôi nói. - Ở đây không thật rộng lắm, nhưng bù vào đó so với không gian phòng cũ thì có thêm chiếc giường.

– Thế à? - Nàng hồi lơ lửng.

Suốt bữa ăn hai chúng tôi ít nói chuyện với nhau. Tôi chỉ chờ đợi cái phút giây được tan vào trong nàng, cảm thấy hơi thở của cả hai chỉ là một.

Rồi cũng đã tới cái giây phút đó. Chúng tôi nằm trên giường tựa như kiệt sức, trong trạng thái nửa thức nửa tỉnh. Ý thức trở lại với chúng tôi rồi lại biến mất, tan loãng ra trong niềm khoái cảm không thể nói nên lời. Tôi cảm thấy bên cạnh tôi có nàng, tôi nhận ra hơi thở, mái tóc, nhịp đập yếu ớt của trái tim nàng. Lại cũng có thể nghĩ đó chưa hoàn toàn là nàng mà là một người đàn bà vô danh nào đó cũng có hơi thở, nhịp đập trái tim và làn da ấm áp như nàng thôi. Ý thức trở lại dần dần và cùng với nó sự dịu dàng sâu xa cũng trở lại. Đây là vòng tay mềm mại, đây là đôi bờ vai biết bao thân thuộc, còn đây là cái miệng xinh xinh thường nói ra nhiều lời vô nghĩa nhưng thật cần thiết biết bao cho tình yêu.

- Anh dậy làm gì vậy?
- Anh muốn mang lại cho em thuốc lá và một ly vodka. Em không từ chối chứ?
- Không đâu, - Natasha đáp. - Những cái chao đèn kia anh mua ở đâu đấy? Ở Hollywood à?
- Chúng có sẵn trong gian phòng này mà.
- Nghe em nói này, anh Robert! Khi anh nói anh đã kịp tới thăm gia đình có món thịt hầm kia em không tin lắm đâu. Nhưng hóa ra là anh đến đó thực.
- Anh cố gắng bớt nói dối đi, càng ít càng tốt. Và chỉ nói dối trong trường hợp cần thiết thôi.
- Ấy thế mà em đã lừa dối anh đấy, anh Robert ạ.
- Chẳng sao cả đâu, - tôi đáp, - dẫu sao anh vẫn rất yêu em. Và điều này không hề ảnh hưởng tới điều kia. Hệt như gió và nước ấy. Chúng tồn tại bên nhau đấy, nhưng chúng vẫn là chúng thôi.

Tôi mời Kahn đến ăn tại quán Người Láng Giềng.

- Hôm nay tôi khá buồn, anh Ross ạ. Tôi vừa nhận được thư của Carmen. Nàng cho rằng tốt nhất là hai chúng tôi cần phải vĩnh biệt nhau. Vĩnh biệt một cách thân ái, tốt đẹp. Có lẽ chúng tôi không hiểu nhau. Tôi cũng sẽ không viết thư cho nàng nữa đâu. Anh thấy nàng có chàng trai nào không?
- Tôi không nhận thấy một dấu hiệu nào cả, - tôi đáp. - Carmen sống rất giản dị giữa bầy gà và bầy chó và chỉ có một người bạn thân là bà chủ nhà thôi. Tôi gặp cô ta vài lần. Cô ta hoàn toàn chẳng phải làm một việc gì cả. Tôi không nghĩ là cô ta có một anh bồ nào.



– Nếu anh ở vào hoàn cảnh của tôi anh sẽ xử trí ra sao, anh Ross? Nên đến California chẳng? Kéo nàng về đây? Mà liệu nàng có đồng ý quay về New York không?

– Tôi cho rằng cô ta không muốn về đâu.

– Tôi cũng nghĩ vậy. Thế thì tôi phải làm gì bây giờ?

– Hãy chờ đợi. Ngoài ra không còn cách nào khác đâu. Và trong mọi trường hợp đều không nên viết thư làm gì. Có thể rồi chính cô ta sẽ tự về đây.

– Anh tin vào điều đó sao?

– Không, - tôi đáp. - Mà việc ấy khiến anh bận tâm đến thế cơ à?

Tôi nghĩ tới Natasha. Giữa tôi và nàng cũng suýt xảy ra trường hợp tương tự. Hay xảy ra rồi cũng nên? Tôi vội xua đuổi những ý nghĩ sau cùng đi.

– Chúng ta rất ít nói chuyện về đàn bà, khi chúng ta hạnh phúc, có phải như vậy không? Còn khi đã nói nhiều đến họ quả là chúng ta đang gặp điều bất hạnh.

– Đúng là như vậy đấy. Có lẽ tôi phải quên nàng đi thôi. Tôi mệt mỏi lắm rồi, anh Ross ạ. Chiến tranh lại đang đi tới hồi chung cuộc.

– Chính vì nguyên nhân đó anh thấy mệt mỏi chứ gì?

– Không đâu. Điều tôi quan tâm nhất là sẽ xảy ra điều gì khi chiến tranh kết thúc với chúng ta đây? Anh đã biết anh sẽ làm gì sau này chưa?

– Chả lẽ lại có thể có người trả lời chính xác câu hỏi này sao? Hiện nay còn khó hình dung ngay cả đến việc cuộc chiến này có thể kết thúc. Chính vì thế tôi không tài nào hình dung nổi sau chiến tranh tôi sẽ làm gì.

– Anh định ở lại nước Mỹ sao?

– Tôi không muốn nói đến điều đó bây giờ.

– Anh thấy chưa? Thế mà tôi luôn nghĩ tới điều ấy đấy. Đến lúc đó, đối với dân lưu vong, sẽ diễn ra cái khoảnh khắc thất vọng. Chỗ dựa cuối cùng của họ là sự không công bằng mà họ phải chịu đựng. Nhưng rồi ngay cả chỗ dựa này cũng sẽ không còn nữa. Họ có thể trở về Đức. Nhưng để làm gì? Và về nơi nào? Và nói chung là chúng ta sẽ cần cho ai đây? Chúng ta sẽ không còn đường tháo lui nữa.

– Nhiều người sẽ ở lại đây.

Kahn bực bõ phẩy tay.

– Ý tôi muốn nói đến những ai còn lương tri, chứ không phải mấy nhà doanh nghiệp hèn hạ.

– Tôi thì lại muốn nói tới tất cả mọi người, - tôi phản bác lại, - trong số đó có cả các nhà doanh nghiệp.

Kahn mỉm cười.

– Tất cả đều là sự lừa bịp hết, anh Ross ạ! Đấy là thứ ảo tưởng về một cuộc sống dễ dàng. Mình tự lừa mình thôi. Tôi đã khước từ không sắm vai một người vui vẻ, vô tư nữa. Tôi đã biến thành một gã Do Thái già cả rồi.

– Với tuổi ba mươi lăm của anh sao?

– Những người Do Thái bao giờ cũng là những kẻ già cả. Họ vừa chào đời đã là những ông già rồi. Trong mỗi người bọn họ ngay từ lúc mới chào đời đã mang sẵn dấu ấn của hai nghìn năm bị săn đuổi.

Trên tai Natasha đeo một đôi khuyên, mỗi chiếc lấp lánh một viên hồng ngọc cực lớn, chiếc vòng cổ cũng gắn hồng ngọc và kim cương, còn trên ngón tay nàng là một chiếc nhẫn tuyệt đẹp.

Tôi chờ một lúc lâu nàng mới xuất hiện từ phòng thay đồ.

- Em có phải mang theo những đồ quý kia không?
- Không đâu, - nàng đáp, - cái anh chàng tóc sáng màu kia sẽ thu và đem trả cửa hàng Van Cleef và Arpels.
- Hay quá. Như thế ta đi đâu cũng chẳng lo ngại gì.
- Chúng tôi vừa ra đến cửa, Natasha bỗng thốt lên:
  - Chết rồi! Rolls-Royce đang đợi, thế mà em quên khuấy đi mất.Tôi đứng sững lại như bị chôn chân tại chỗ.
- Fraser ở trong xe đấy à?
- Tất nhiên là không rồi. Anh ấy đi công cán và nói buổi tối lái xe đến giao cho em. Thế mà em quên mất.
- Thôi ta đi bộ thôi.
- Robert, đâu sao thì cái xe cũng đã tới đây rồi. Vả lại chúng ta cũng thường đi chiếc xe này cơ mà. Chẳng có gì đặc biệt ở điểm này đâu.
- Chính điều này nói lên bản tính tầm thường, nhỏ nhen của anh đấy, - tôi nói. - Chẳng lẽ không phải như thế sao? Lúc này anh yêu em, và với tư cách là một nhà tư bản loại cà tàng, anh muốn trả tiền tự thuê lấy tắc xi.
- Tùy anh thôi, - nàng nói uể oải và bước lên phía trước.
- Đứng lại, - tôi kêu lên. - Anh đã nghĩ lại rồi, hãy tha lỗi cho anh. Nào, thôi ta đi!
- May sao thật ra chiếc Rolls-Royce vẫn chưa tới. Tôi thuê xe tắc xi đưa nàng về nhà nàng.
- Anh không ngạc nhiên vì Fraser đi công cán chứ? - Nàng nói.
- Không, - tôi đáp.
- Anh không đoán là như vậy sao?
- Cũng không nốt.

– Thế anh định sao?

– Định cùng em tới khách sạn Reuben.

Chúng tôi đứng ở cổng lối lên nhà nàng. Trời tối đen và rất lạnh.

– Thật là tiếc, nói chung là không thể mượn căn hộ này thêm được nữa, phải không anh?

– Đúng thế, - tôi đáp, mắt nhìn gương mặt chưa tẩy trang với đôi hàng mi dài thướt nom rất lạ lẫm của nàng.

– Ta lên phòng em đi anh. - Nàng thì thầm. - Chúng ta buộc phải yêu nhau một cách giấu giếm vậy.

– Không, anh không lên đâu, - tôi đáp. - Đi với anh đến khách sạn của anh. Ở đó ta chẳng phải bí mật, bí đường gì cả.

– Thế tại sao anh không nói điều này với em ngay từ lúc anh đón em ở nơi em chụp ảnh?

– Anh không biết nữa.

– Anh chán em rồi phải không?

– Anh cũng không biết nốt. Có lúc thấy thích, có lúc lại thấy chán.

– Anh đi tìm tắc xi đi, em chờ ở đây.

Tôi rảo bước ra chỗ góc phố. Tiết trời càng lạnh giá hơn. Tôi bỗng nhiên thấy lo lắng vì Natasha đang đứng chờ ở một chỗ vắng vẻ tối tăm. Người tôi như run lên. Chạy tiếp thêm một góc phố nữa tôi tìm được tắc xi và đưa tới chỗ Natasha đang đứng. Natasha chạy vụt ra. Cả hai chúng tôi không nói một lời nào. Tôi cảm thấy nàng cũng đang run lên vì sợ hãi. Tôi và nàng nắm chặt tay nhau, nhưng cả hai vẫn tiếp tục run rẩy. Chúng tôi cũng không nhớ rõ đã bước ra khỏi tắc xi như thế nào. Không ai nhìn thấy chúng tôi. Có cảm tưởng tựa như lần đầu tiên chúng tôi được sống chung với nhau.

### XXX



**C**hị Betty Stein đã mất vào tháng giêng. Những đợt phản công cuối cùng của quân Đức đã cắt đứt mạch sống thoi thóp của chị. Với nỗi khát khao, chị theo dõi các bước tiến của quân Đồng minh, gian phòng nơi chị nằm đầy ngập sách báo. Khi quân Đức bất ngờ mở cuộc phản công, sự chịu đựng và ngọn lửa sống leo lét cháy trong chị tựa như bị một đòn đánh trí mạng. Thậm chí ngay khi đòn phản công kia bị đập tan chị cũng không thể gượng dậy nổi. Một nỗi tuyệt vọng khủng khiếp xâm chiếm lấy chị khi chị nghĩ là cuộc chiến như vậy còn có thể kéo dài thêm vài năm nữa. Niềm hi vọng rằng người Đức sẽ được cứu thoát khỏi chủ nghĩa phát xít thế là lụi tắt hẳn trong cái thân hình còm cõi, mất hết sinh khí của chị.

Đám ma của chị diễn ra vào một trong những ngày phố xá ngập kín tuyết. Chị Betty đã giúp đỡ rất nhiều người mà chính họ lại đã quên chị đi từ lâu rồi.

Bây giờ họ kéo đến đây đứng chập chững gian nhà thờ nơi quàn thi hài chị.

Sau đám tang, chúng tôi trở lại căn nhà của chị. Ở đây có đủ mặt những người thân quen của chị. Tannenbaum với gương mặt màu đất, râu chưa kịp cạo, anh vừa từ California trở về và rõ ràng còn chưa kịp ngủ lại sức.

– Anh sẽ ở lại đây? - Tôi hỏi. - Hay anh còn công việc ở Hollywood?

– Tôi cần phải trở lại nơi đó. Tôi còn một vai nữa trong một bộ phim cao bồi. Một vai tuy nhỏ thôi, nhưng rất lí thú. - Đột nhiên Tannenbaum

hỏi tôi. - Anh biết tin Carmen lấy chồng chưa?

– Cái gì cơ?

– Nàng mới lấy chồng một tuần lễ trước đây. Lấy một ông chủ trại ở thung lũng San Fernando. Chẳng phải Carmen từng gắn bó với Kahn sao?

– Tôi không biết chính xác mối quan hệ giữa hai người. Anh đoán chắc là Carmen đã lấy chồng thật rồi chứ?

– Thì tôi dự đám cưới của nàng mà. Tôi là người đại diện bên nhà gái. Đức ông chồng của nàng người đầy đà, râu ria lởm chởm và là một con người hoàn toàn tầm thường. Nghe nói xưa kia gã chơi bóng chày có tiếng. Trang trại của gã trồng xà lách, hoa tươi và nuôi gà vịt...

– Ôi, những con gà mái. - Tôi thốt lên. - Thế là đủ rõ rồi.

– Chồng của Carmen là em trai mụ chủ nhà đã cho Carmen sống nhờ.

Tôi ngạc nhiên vì không thấy Kahn trong buổi tang lễ. Bây giờ thì tôi đã hiểu vì sao anh ta vắng mặt. Anh ta muốn tránh những câu hỏi vớ vẩn của mọi người. Tôi quyết định sẽ tìm tới chỗ anh ta. Lúc này sắp tới giờ ăn trưa. Vào giờ này anh ta sẽ được rảnh rồi đây.

– Đám ma của chị Betty ra sao? - Kahn hỏi. - Tôi căm ghét những cuộc ma chay ở nước Mỹ, vì vậy tôi không tới. Rosenbaum đọc điếu văn chớ gì?

– Anh ta đọc bằng cả tiếng Đức và tiếng Anh, tất nhiên cảm nhận ra âm sắc của dân Saxon. Bản tiếng Anh may sao cũng ngắn thôi. Không đủ từ mà!

Tôi nhìn Kahn, xem ra anh vẫn bình thản. Và rồi chính anh hỏi:

– Thế nào, chắc anh đã biết tin Carmen lấy chồng rồi phải không?

– Biết rồi, - tôi đáp, - do Tannenbaum kể lại. Nhưng ở Mỹ chuyện hợp và tan là chuyện cơm bữa ấy mà.

Kahn cất tiếng cười náo nức:

– Anh định an ủi tôi đấy à, anh Ross?

– Hoàn toàn không, - tôi đáp.

– Anh chàng bạn thân của em ở phố 57 không có ý định đi nghỉ đông? - Tôi hỏi Natasha. - Nghỉ ở Florida, Miami hay Palm Beach chẳng hạn? Có lẽ đối với đôi lá phổi yếu, hoặc trái tim đau hoặc một vài trục trặc khác trong cơ thể của y thì khí hậu ở New York quá khắc nghiệt đấy!

– Anh ta không chịu được nóng nực. Mùa hè ở New York tựa như lò hơi ấy.

– Đối với bọn anh thì chả đơn giản như vậy đâu. Những người nghèo khổ thì ở cái thành phố này ngay đến việc hưởng khoái lạc tình ái cũng khó biết bao! Nếu không có một căn hộ riêng thì hầu như không thể nào thực hiện được cái khoái lạc đó. Nước Mỹ quả là một xứ sở tràn ngập những kẻ thủ dâm đáng tội nghiệp. Ngay những ả gái điếm bảo đảm là vô sinh ở đây anh cũng chưa bao giờ bắt gặp. Chả hiểu con người ta sẽ giải quyết chuyện sinh lí ấy ở đâu?

– Ở trong xe ô tô chứ còn ở đâu.

– Thế những ai không có xe thì sao? - Tôi hỏi, lòng chợt nghĩ tới chiếc xe Rolls-Royce rất rộng, rất thoáng với cả một ngăn rượu dự trữ ở phía sau. Có thể chính anh chàng Fraser kia không biết lái và khi đó anh tài xế sẽ là một vị thiên thần bảo hộ của tôi. - Ở bên châu Âu gái điếm đủ mọi giá nhớn nhor ngoài phố như bầy chim di trú. Ở bên này cho đến tận bây giờ anh chưa từng nhìn thấy gái điếm. Ngay cả hạng sang cũng vậy.

– Thế thì mượn xe ở nơi cho thuê xe theo giờ ấy.

Tôi ngồi trong chiếc ghế bành bọc bằng nhung, màu nhung hết như

màu các thứ đồ đạc đặt ở ngoài tiền sảnh. Natasha nằm trên giường. Trên mặt bàn ngỗn ngang những thức ăn của bữa ăn tối.

– Anh mang cho em cà phê và sôcôla nhé? - Tôi hỏi.

– Vâng. Cho em nhiều nhiều một chút. Mùa đông khiến em cảm thấy mọi thứ bỗng ngon miệng hơn hẳn. Khi ngoài phố tuyết đang rơi thì sôcôla là thứ thuốc chữa bách bệnh đối với em.

Khi tôi đang hâm cà phê thì có ai đó gõ nhẹ lên cánh cửa.

– Trùm chiếc áo khoác của anh lên người ấy, - tôi bảo Natasha, - để anh ra xem kẻ nào quấy nhiễu ta thế này.

Tôi tra chìa khóa vào ổ và hơi hé mở cánh cửa. Bên ngoài là mù Puerto Rico. Mù đặt một cánh tay lên môi ra dấu bảo tôi im lặng.

– Cảnh sát đấy, - mù thì thào.

– Cái gì cơ?

– Ở dưới nhà có cảnh sát. Ba người. Có thể họ sẽ lên đây. Anh cẩn thận trọng thì hơn. Bọn họ tiến hành khám xét.

– Có chuyện gì xảy ra ở dưới đó thế?

– Anh có một mình thôi sao? Trong phòng anh không có đàn bà chứ?

– Không, - tôi đáp. - Vì sao mà cảnh sát lại mò tới đây cơ?

– Tôi không biết nữa. Có thể vì lão Melikov. Nhưng cũng không chắc chắn đâu. Sẽ có khám xét. Nếu phát hiện ra có đàn bà, họ triệu đi liền.

“Đưa cô ấy vào buồng tắm ngay!” - Tôi thoáng nghĩ trong đầu. Nhưng nếu cảnh sát sục vào nhà tắm mà phát hiện thấy Natasha trong đó sự việc càng xấu thêm.

Bỗng nhiên tôi cảm nhận ra, hơn là nhìn thấy, Natasha đang đứng bên cạnh tôi. Nàng mặc áo quần nhanh chóng đến mức tôi không ngờ. Thậm chí ngay cả cái mũ xinh xắn cũng đã nằm trên đầu nàng. Natasha giữ một



vẻ mặt lạnh lùng và bình thản.

– Melikov chứ gì? - Natasha nói. - Bọn cảnh sát đã bắt ông ấy.

Mụ Puerto Rico ra dấu cho Natasha.

– Nhanh lên! Cô hãy sang phòng tôi, còn anh Pedro sẽ sang đây. Hiểu chưa?

– Hiểu rồi.

Natasha nháo nhác nhìn tứ phía.

– Tạm biệt anh. - Nói rồi nàng vội bước theo mụ Puerto Rico.

Từ khoảng tối ở ngoài hành lang hiện ra anh chàng Mexico Pedro. Anh ta vừa đi vừa sửa sang dây yếm quần và thắt cà vạt.

– *Buenas tardes!*\* Giải quyết như vậy là hợp lí đấy!

Buenas tardes! (tiếng Tây Ban Nha): Chào buổi trưa!

Pedro nói với tôi. Nếu xuất hiện bọn cảnh sát - theo như anh ta giải thích - thì anh ta sẽ là khách của tôi trong khi đó Natasha là khách của mụ Puerto Rico. Và con đường cứu rỗi giản đơn hơn cả là nếu cần sẽ nhảy qua cửa sổ xuống bãi đổ rác. Tôi nói với Pedro bằng thứ tiếng La Tinh dõng dạc:

– Xin mời ngồi, anh Pedro, - tôi nói. - Hút thuốc nhé?

– Cảm ơn. Ừ, cho tôi điếu thuốc, cảm ơn ngài Ross.

Anh ta nom có vẻ như ngồi trên đồng lửa.

– Giấy tờ, - Pedro thì thầm. - Thật rắc rối đây. Có thể bọn cảnh sát không lên đây cũng nên.

– Anh không có giấy chứng minh à? Thì cứ nói với họ là quên không mang theo người.

– Thật là rắc rối. Giấy tờ của anh hợp lệ cả chứ?

– Hợp lệ. Nhưng chả ai dễ chịu gì khi phải cụng mặt với cảnh sát cả. Nhưng dù nói vậy, tự dưng tôi cũng run bắn lên từng chập.

– Có chuyện gì xảy ra với ông Melikov vậy? - Tôi hỏi. - Anh có biết điều gì về ông ta không? Tôi cần phải làm gì bây giờ để giúp ông Melikov?

– Không cần phải làm gì cả. - Pedro nói. - Hãy giữ kín mồm miệng. Nếu không làm được như vậy tình hình của ông ta còn xấu hơn nữa.

Tôi đặt cái bếp điện vào va li và đưa mắt nhìn bốn phía xung quanh. Liệu Natasha còn để lại vết tích gì không?

Trong khách sạn ngợp trĩ một sự yên ắng đầy đe dọa. Từ ngoài tiền sảnh vọng tới tiếng người đang thì thào bàn tán. Sau đó tôi nhận ra tiếng bước chân gõ trên cầu thang. Tôi hiểu ra ngay đó là nhóm cảnh sát đang lên trên này. Tôi vội vã đóng cửa lại.

– Chúng tới đó.

Pedro vút điếu thuốc đang hút dở.

– Chúng sẽ tới khám xét phòng ông Melikov sao? Mà để làm gì cơ?

– Chúng chỉ cần tìm ra được một điều gì đó thôi.

– Lọc soát mà không có lệnh lạc gì à?

– Cần gì lệnh khi chúng động tới những người nghèo.

Tại sao ở New York lại không như ở các thành phố khác trên thế giới? Tôi cần đợi để biết hư thực.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Phía đối diện, nhiều ô cửa sổ sáng ánh đèn. Tôi rất muốn biết ô cửa sổ căn phòng của mụ Puerto Rico ở chỗ nào.

Ngoài hành lang mọi âm thanh dường như đã dịu đi. Cuối cùng tôi cũng nhận ra tiếng bước chân đi xuống cầu thang. Tôi mở cửa ra. Ngoài hành lang tôi đã nhìn thấy Natasha đang đi tới.

– Bọn cảnh sát đi rồi, - nàng nói, - bắt ông Melikov đi theo.

Pedro đứng lên. Mụ Puerto Rico bước vào phòng.

– Ta đi thôi, anh Pedro, - mụ nói.

– Xin cảm ơn, - tôi nói với mụ. - Rất cảm ơn vì nghĩa cử cao cả này.

Mụ Puerto Rico mỉm cười.

– Những người nghèo khổ luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ nhau.

– Không phải bao giờ cũng vậy cả đâu.

Natasha hôn lên má mụ.

– Cảm ơn chị vì chị đã cho địa chỉ.

– Địa chỉ gì thế? - Tôi tò mò hỏi Natasha khi chỉ còn lại hai chúng tôi.

– Địa chỉ nơi bán vợ. Loại vợ dài nhất mà em chưa bao giờ nhìn thấy.

Tôi không kìm được tiếng cười.

– Anh và Pedro ở trên này không được vui vẻ như em với mụ ta đâu.

– Tất nhiên rồi, anh ta sợ là phải. Anh ta hút côcain. Bây giờ anh ta buộc phải tìm một người giao hàng khác.

– Melikov là đầu mối giao hàng à?

– Em có cảm giác như đây không phải là cái lí do chính để cảnh sát đến bắt ông ta. Cái tên khốn kiếp làm chủ cái khách sạn này buộc ông ta phải làm công việc đó. Nếu không làm nó đuổi ông ta khỏi đây ngay. Tìm được một chỗ mới đâu dễ. Ông Melikov chẳng còn trể trung gì.

Natasha dáo dác nhìn tứ phía:

– Theo em tốt nhất là em phải rời ngay khỏi nơi đây. Không nên khiêu khích số phận làm gì.

– Được thôi. Anh sẽ tiễn em về nhà em.

– Không, anh không cần tiễn đâu. Không nên bỏ qua trường hợp bọn

cảnh sát gài người lại quan sát. Nếu em ra cửa một mình có nghĩa là em vừa tới thăm mộ Puerto Rico.

Tôi tiễn nàng ra đến cầu thang. Đột nhiên tôi nhận thấy nước mắt rơi trên má nàng.

– Thật tội nghiệp ông Melikov, - nàng thều thào, - thật là một tâm hồn cô độc đáng thương.

## XXXI



Mọi sự việc bỗng nhiên bị đảo lộn với một tốc độ nhanh đến không tưởng tượng nổi. Mấy tuần lễ trôi đi vùn vụt như tuyết tan trên đường phố. Một thời gian dài tôi không hay tin gì về Melikov. Nhưng rồi vào một buổi sáng ông bỗng xuất hiện trước sự ngạc nhiên của tôi.

– Ông được thả rồi sao? - Tôi reo lên. - Mọi sự như thế là kết thúc rồi chứ?

Melikov lắc đầu.

– Tạm tha thôi. Vụ này còn đang chờ điều tra thêm.

– Có những tang chứng nghiêm trọng nào để khép tội ông không?

– Tốt nhất là chúng ta không nên bàn tới chuyện này. Và còn tốt hơn nữa nếu anh không hỏi tôi thêm nữa. Ở New York này không nên chờ đợi bất cứ điều gì đáng hứa hẹn hơn và cũng chẳng nên hỏi liệu chúng có thành hiện thực hay không.

– Thôi được, Melikov. Nom ông gây quá. Tại sao chúng giam ông lâu thế?

– Mong sao đây là câu hỏi cuối cùng của anh đấy nhé! Ross, hãy tin tôi, như vậy tốt hơn. Và xin anh hãy tránh xa tôi ra.

– Không đời nào. - Tôi nói.

– Nên thế. Còn bây giờ ta hãy uống với nhau cốc vodka. Từ lần uống cốc cuối cùng đến nay đã trôi qua bao nhiêu thời gian rồi.

– Nom khí sắc của ông kém lắm. Ông vừa gầy vừa ủ dột quá. Hi vọng rằng chẳng bao lâu nữa mọi chuyện sẽ xoay chuyển tốt đẹp cho ông.

– Khi còn ngồi trong tù, tôi đã tự kỉ niệm bảy mươi năm tôi có mặt trên cõi đời này. Mà huyết áp của tôi cao lắm đấy.

– Nhưng có thuốc cơ mà.

– Ross, không có thuốc nào giải quyết được các rắc rối đâu. Tôi không muốn chết ở trong tù.

Tôi im lặng không nói gì. Mưa gõ lộp độp trên mặt kính cửa sổ.

– Ông không thể... - tôi nói đủ để Melikov nghe, - ông không thể làm cái điều mà tôi đã làm trong giây phút bị đe dọa được sao? Nước Mỹ rộng mênh mông mà không phải ở chỗ nào cũng nhất thiết đòi hỏi phải đăng kí hộ khẩu. Ngoài điều đó ra, mỗi bang đều có sự độc lập riêng và những luật pháp riêng. Tôi không dám nói đây là gợi ý cho ông đâu, nhưng ông hãy thử nghĩ tới chúng xem sao.

– Tôi không muốn lâm vào tình trạng bị truy nã, săn lùng. Không, tôi phải thử vận may xem sao. Tôi hi vọng ở sự giúp đỡ của những người bảo lãnh tôi ra. Nhưng thôi, lúc này ta hãy quên chuyện đó đi đã. - Melikov mỉm cười nom rất cay đắng. - Chúng ta hãy uống cho vỡ mệ tìm ra chũn nào còn đang được hưởng tự do.

Tháng ba, Vriesländer cho phép cô con gái làm lễ đính hôn với một anh chàng người Mỹ. Và ngay tháng tư cặp uyên ương đã tổ chức lễ cưới. Vriesländer quyết định nhân dịp này sẽ tổ chức cho cô con gái hai lễ cưới luôn một lúc: Một lễ cưới để chứng tỏ gia chủ đã là dân Mỹ, một lễ cưới nữa chứng tỏ rằng gốc gác họ cũng vốn từng là dân lưu vong.

Vriesländer tin chắc rằng với mỗi ngày qua đi, gia đình ông đang Mỹ

hóa dần và việc cô con gái ông lấy một anh chàng là dân Mỹ gốc càng chứng tỏ điều này. Nhưng mặt khác, Vriesländer lại cũng muốn thể hiện cho chúng tôi - những kẻ chưa có quốc tịch - thấy rằng ông đã xóa bỏ gốc tích, cội nguồn nhưng ông và mọi người trong gia đình ông không bao giờ quên cái cội nguồn đó. Tôi không muốn đến dự cái đám cưới kia làm gì nhưng vì Natasha vẫn hi vọng tôi mang về một soong thịt hầm Szeged đấy, nên nàng giục tôi đi.

Trong bữa tiệc, tâm trí tôi như bị Kahn hút hết. Nom anh ta buồn bã, mệt mỏi quá sức. Còn lâu mới tàn bữa tiệc nhưng Kahn đã muốn ra về.

– Tôi không thể nào chịu đựng nổi lâu hơn nữa bầu không khí nơi đây.  
- Kahn thì thâm vào tai tôi. - Hàng trăm con chim đuôi mù bây giờ đâm ra sợ hãi những thanh chắn bắc ngang bắc dọc trong những chiếc lồng của chúng bởi lẽ bỗng nhiên chúng phát hiện ra là những thanh kia không phải được làm bằng thép mà làm bằng thứ gỗ mục được sơn phết lại. Và bây giờ những chú chim tội nghiệp kia không biết nên làm gì đây: hót ca hay than thở. Vài con cất tiếng hót, - Kahn nói thêm, mặt nhăn nhúm. - Nhưng chẳng bao lâu nữa chúng cũng sẽ hiểu rằng ở nơi đây có kêu riu rít cũng chẳng để làm gì, chúng đã bị tước đoạt mất chỗ dựa cuối cùng: cả nỗi buồn chán lẫn niềm căm hận, dù mang màu sắc lãng mạn đi nữa. Té ra là không nên căm giận cái xứ sở đang bị tàn phá làm gì. Đấy, cái chung cuộc là như vậy đấy. Thôi, chúc anh ngủ ngon, Ross.

Nom Kahn bột bột, mét xanh.

– Có lẽ một lát nữa tôi sẽ tới chỗ anh.

– Không cần đâu. Về đến nhà tôi sẽ đi ngủ liền. Chỉ cần vài viên thuốc ngủ là yên ổn thôi. Đừng lo gì cho tôi cả, - nhìn mặt tôi, Kahn vội nói như an ủi, - tôi không làm gì để tự hành hạ mình đâu. Tôi mong anh vui vẻ dự hết đám cưới này. Thôi tạm biệt, Ross.

- Tạm biệt, anh Kahn. Trưa mai tôi sẽ rẽ qua chỗ anh.
- Rất mong được gặp anh.

Ngày hôm sau tôi đến thăm Kahn thì anh ta không còn sống nữa. Anh ta đã tự vẫn bằng một viên đạn súng ngắn bắn vào đầu. Anh ta không nằm trên giường mà nằm trên sàn nhà ngay gần chiếc ghế. Hôm đó là một ngày hết sức sáng sủa, ánh nắng tựa như làm chói mắt. Cái màn cửa không kéo lại nên ánh sáng ủa vào khắp gian phòng. Còn Kahn thì nằm trên sàn. Mới thoạt nhìn, những gì đập vào mắt tôi hoàn toàn không tự nhiên đến độ tôi không thể tin được điều gì đã xảy ra. Sau đó tôi nhận ra tiếng radio, thì ra cái đài vẫn nói sau khi anh ta chết và rồi tôi mới nhận ra trên phần xương hộp sọ của anh ta có một lỗ thủng đã tự máu. Kahn nằm nghiêng về một bên.

Tôi không biết nên xử sự như thế nào. Tôi thường nghe nói là vào những trường hợp như vậy trước tiên cần phải báo ngay cho cảnh sát và tuyệt nhiên không được động đậy và sờ mó vào bất cứ vật gì trước khi cảnh sát tới. Tôi cứ đứng lặng như vậy, như một bức tượng gỗ chứ không còn là cơ thể sống nữa. Mãi một lúc sau tôi mới sực tỉnh và cảm thấy ăn năn, hối hận tựa như chính tôi có lỗi trong cái chết của Kahn. Anh ta quá cô đơn, anh ta muốn tìm sự nương tựa ở tôi, còn tôi lại thờ ơ, vô tình.

Tôi gọi điện cho Ravic - đó là ông bác sĩ duy nhất mà tôi quen biết. Một lúc sau, Ravic lái xe tới.

- Cần phải gọi cảnh sát, - anh nói với tôi, - anh thấy sao?
- Có nhất thiết phải gọi cảnh sát không? - Tôi hỏi lại Ravic.
- Cũng không nhất thiết. Tôi có thể nói là tôi đã nhìn thấy Kahn đầu



tiên. Khi cảnh sát tới sẽ nảy sinh cả một loạt câu hỏi phiền toái. Hay là anh nên tránh mặt bọn họ?

– Bây giờ thì không thể được nữa rồi. - Tôi nói.

– Giấy tờ của anh hợp lệ cả chứ?

– Điều đó cũng chẳng quan trọng gì đâu.

– Không, ở một phương diện nào đó vẫn rất quan trọng, - Ravic phản đối. - Quả là đối với anh Kahn thì lúc này chẳng còn có ý nghĩa gì nữa.

– Tôi sẽ ở đây. - Tôi thốt lên. - Đối với tôi thì bây giờ nếu cảnh sát có nghi là chính tôi giết anh Kahn cũng chẳng sao cả.

Ravic quay về phía tôi.

– Đúng là anh nghĩ như vậy sao?

Tôi nhìn anh ta trân trân.

– Tại sao anh lại không nghĩ là tôi nghĩ như thế?

– Không khó đoán lắm đâu. Đừng vội xuôi tay, anh Ross. Nếu trong mọi sự tình cờ anh nhìn thấy sự hiện diện của số phận, anh cũng không nên vội vã tiếp nhận lấy nó.

Ravic nhìn chăm chăm gương mặt cứng đờ của người chết.

– Tôi luôn có cảm tưởng là anh Kahn không biết rõ anh ta sẽ làm gì sau khi chiến tranh kết thúc.

– Còn anh thì biết được à? - Tôi hỏi Ravic.

– Đối với một bác sĩ, câu trả lời đơn giản hơn những người khác. Một lần nữa các bác sĩ như tôi lại chữa trị, phục hồi sức khỏe cho mọi người để họ sẽ lại chết trong cuộc chiến tranh tiếp theo.

Ravic cầm ống nói gọi điện cho cảnh sát. Số điện thoại và số nhà của Kahn tôi nghe thấy Ravic buộc phải nhắc lại đến mấy lần.

– Họ sẽ đến khi nào họ có thể đến, - Ravic nói với tôi, - họ rất bận. Vì thế họ ưu tiên cho những vụ giết người đã. Mà vụ việc của anh Kahn đây theo họ cho biết cũng không phải vụ duy nhất trong ngày hôm nay ở New York này đâu.

Chúng tôi đành phải ngồi chờ cảnh sát tới. Một lần nữa lại có cảm tưởng thời gian tựa như cả một gánh nặng đè trên vai chúng tôi. Trên chiếc radio trong phòng Kahn, tôi nhìn thấy chiếc đồng hồ điện. Thật là lạ lùng khi ta chợt nghĩ cái radio của Kahn, chiếc đồng hồ của Kahn. Quyền sở hữu chỉ gắn với những gì còn tồn tại, còn sống. Những đồ vật kia không còn thuộc về Kahn nữa, anh đã đánh mất mối dây liên hệ với chúng. Bây giờ chúng thuộc về một nhân vật vô danh vĩ đại nào đó.

– Anh sẽ ở lại nước Mỹ này sao?

Bác sĩ Ravic gật đầu.

– Tôi đã buộc phải trải qua hai cuộc thi: ở Paris và ở đây. Nếu tôi trở về bên ấy có lẽ tôi lại phải thi lại một lần nữa.

– Không thể nào.

– Anh cho là không sao? - Ravic chỉ tay vào Kahn đang nằm trên sàn với gương mặt lúc này không quá hai mươi tuổi. - Anh ta không hề nuôi một chút ảo tưởng nào cả. Trên thế giới này bây giờ người ta vẫn căm ghét người Đức chúng ta hết như trước đây. Anh vẫn tin vào câu chuyện cổ tích về những người Đức nghèo khổ bị áp bức à? Xin anh hãy liếc mắt nhìn vào các trang báo. Đồng bào của chúng ta ở bên kia đại dương vẫn lì lợm bảo vệ từng ngôi nhà tuy rằng họ thua trận đến cả chục lần rồi. Họ vẫn bảo vệ bọn Quốc xã với tất cả sự nồng nhiệt, hơn cả người mẹ bảo vệ con cái của mình, thêm vào đó họ còn sẵn sàng chết vì chúng nữa chứ. - Ravic bực bõ và buồn bã lắc đầu. - Kahn biết anh ta phải hành động ra sao. Anh ta không chết vì thất vọng đâu, đúng ra, anh ta tỉnh

tường, mình miễn hơn chúng ta thôi. - Ravic cố sức kiềm chế bản thân. - Tôi thật buồn biết bao, - anh nói. - Buồn vì Kahn. Anh ta đã cứu tôi vào năm bốn mươi. Lúc đó tôi đang ở trại tập trung. Trại tập trung của Pháp dành cho những người không rõ tông tích. Anh thử hình dung xem mọi người ở đó khiếp sợ ra sao khi quân Đức tiến tới. Bọn quản lí trại tập trung không cho phép chúng tôi chạy trốn khỏi trại. Tôi biết rõ bọn Đức đang săn lùng tôi. Nếu chúng tìm được, chúng treo cổ tôi tức thì. Kahn đã tìm được chỗ tôi ở. Với bộ quân phục SS, có hai nhân viên tháp tùng, anh ta đã tới trại, quát thét viên trưởng trại người Pháp, yêu cầu hẳn phải phóng thích tôi.

– Có hiệu quả không?

– Có, nhưng không ngay lập tức. Tôi trốn. Tôi nghĩ đó là bọn Gestapo thật. Tôi không thể nào nhận ra Kahn dưới lớp hóa trang đó. - Ravic ngược lên nhìn tôi. - Anh có biết tại sao tôi kể anh nghe chuyện này không?

– Tôi biết.

– Tôi có nhiều lý do để tự trách mình hơn anh, - Ravic nói rất chậm rãi. - Nhưng tôi không tự chìm mình trong sự ảo não, chán chường. Chúng ta không nên làm như thế, nếu muốn tiếp tục sống.

Tôi không buộc phải chấp nhận một quyết định nào cả. Mọi điều cứ tự nhiên đến, tựa như đọc xong trang sách này sẽ tới trang sách kia. Bây giờ thì tôi hoàn toàn vững tin là tôi dứt khoát phải rời bỏ xứ sở này để ra đi. Tôi không thể nào hành động khác được. Tôi sẽ trở về nơi ấy, không phải để báo thù. Điều đó đã qua rồi. Tất cả đơn giản hơn nhiều. Tôi sẽ trở về nơi ấy để tìm ra mảnh đất dưới chân mình. Chừng nào tôi còn chưa thực hiện được sự trở về kia, không ở một nơi nào tôi tìm thấy sự

bằng an. Nếu không làm như thế, tôi chỉ còn độc một ý nghĩ phải quyền sinh, phải tự tiêu diệt đi sự hèn hạ, nhút nhát của chính tôi, và một nỗi ăn năn, hối hận khôn khổ, khôn nặn sẽ mãi mãi đeo đẳng theo tôi cho tới giây phút chót của cuộc đời. Tôi không thể không ra đi được. Tôi có ý niệm rõ rệt về những cơ quan luật pháp và những phiên tòa ở cái đất nước mà tôi định trở lại, nhưng tôi cũng không hi vọng mọi điều có thể thay đổi so với trước kia dù quyền lực rơi vào tay những con người khác.

Khi nước Đức tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, tôi đã tìm tới ông già Vriesländer. Ông ta gặp tôi với gương mặt sáng ngời.

– Ít nhất mọi thứ đã kết thúc. Bây giờ chúng ta có thể bắt tay vào việc tái thiết rồi.

– Tái thiết?

– Đương nhiên là như vậy. Chúng tôi - những người Mỹ - có thể đầu tư vốn vào xứ sở đó hàng tỉ.

– Thật kì quái. Thật quái đản khi gây ra sự hủy diệt để rồi sau đó lại tái thiết. Hoặc giả tôi nghĩ không đúng?

– Anh nghĩ đúng, chỉ có điều là thiếu thực tế thôi. Chúng ta đã hủy diệt một hệ thống, và bây giờ chúng ta tái thiết một xứ sở. Ở bên này đã chuẩn bị đến tối đa mọi khả năng để chi viện. Ví như các bạn người Đức có thể vay tiền để bỏ vào ngành công nghiệp xây dựng chẳng hạn.

Thật lí thú khi được nói chuyện với một con người đang ăn nên làm ra.

– Theo ông, hệ thống đó đã thực sự bị hủy diệt, phải không? - Tôi hỏi.

– Lẽ đương nhiên là như vậy đó! Sau một sự thất bại hoàn toàn như thế này.

– Tình thế chiến tranh tại nước Đức vào năm 1918 cũng thảm khốc như vậy. Nhưng ngài Hindenburg, kẻ chịu trách nhiệm về tình thế chiến

tranh ấy, sau đó lại trở thành tổng thống của nước Đức đấy thôi.

– Nhưng Hitler bây giờ đã là một cái xác rồi. - Vriesländer reo lên với vẻ thích thú của một chàng trai vô tư. - Lực lượng Đồng minh sẽ treo cổ những tên a tòng khác hoặc tổng chúng vào sau song sắt. Bây giờ có thể tiến bước với thời đại được rồi. - Ông già nháy mắt với tôi ma mãnh. - Chính vì thế nên anh tìm đến gặp tôi chứ gì?

## XXXII



Mọi điều không đơn giản như ông già Vriesländer đã nghĩ. Còn phải đợi thêm hai tháng nữa để mọi việc lộ ra bộ mặt thực của chúng. Mặc cho mọi khó khăn, đây vẫn là một thời kì dễ chịu nhất đối với tôi sau những năm tháng dài dằng dặc vừa qua. Tôi đã quyết định và mỗi ngày đi qua đối với tôi càng trở nên rõ ràng rằng tôi không còn có lối thoát nào khác nữa. Vẫn như xưa, đêm đêm tôi vẫn gặp lại những giấc mơ khủng khiếp. Thậm chí những giấc mơ ấy xảy ra thường xuyên hơn, và khủng khiếp hơn trước. Nhưng khác trước là tôi cảm nhận rõ rệt tôi đã sống sót, tôi có thể gây dựng lại đời tôi một lần nữa.

Trong thâm tâm tôi định rằng, chỉ vào những giây phút cuối tôi mới thú nhận với Natasha rằng tôi sẽ vĩnh viễn rời khỏi đất nước này. Tôi cảm thấy hình như nàng đã đoán được dự định của tôi nhưng dù sao tôi vẫn không chịu nói với nàng.

Đó là những ngày sáng sủa, tràn đầy tình yêu như chất mật ngọt. Tháng năm nở rộ thành mùa hạ, những tin tức từ bên châu Âu đã lan qua. Tôi có cảm tưởng tựa như có một ngôi hầm mộ bị xây bít kín bao lâu rồi nay bỗng nhiên được bật mở tung ra. Nếu trước đây tôi thường lánh xa mọi tin tức hoặc chỉ để tâm đến chúng một cách lướt phớt thì bây giờ tôi ngẫu nhiên đón đọc từng dòng. Bởi lẽ bây giờ những tin tức kia liên quan mật thiết đến cái mục tiêu ngày càng chín muồi trong tôi: tôi phải rời khỏi nơi đây, dứt khoát phải rời khỏi nơi đây. Với mọi điều còn lại tôi vẫn là kẻ vừa câm vừa điếc.

– Khi nào anh sẽ đi? - Có một hôm, Natasha đột nhiên hỏi tôi.

Tôi im lặng giây lát.

– Khoảng đầu tháng bảy tới, - tôi thốt lên. - Do đâu mà em biết anh sắp đi?

– Dễ thôi. Nhưng không phải do anh nói đâu. Tại sao anh không nói gì với em cả?

– Anh mới quyết định vào ngày hôm qua.

– Anh nói dối.

– Ừ, - tôi đáp, - anh đã nói dối đấy. Anh không muốn nói với em điều này.

– Anh có thể bình tĩnh nói với em điều đó được lắm chứ. Sao lại không như thế nhỉ?

Tôi im lặng.

– Anh thấy khó nói ra, - tôi lầu bầu trong miệng.

Nàng cất tiếng cười.

– Tại sao? Chúng ta đã sống chung với nhau một thời gian và cần phải nói là chúng ta không hề nuôi bất cứ một ảo tưởng nào về vấn đề này: mỗi người trong hai ta đều lợi dụng nhau và tất cả cũng chỉ như vậy thôi. Bây giờ chúng ta buộc phải chia tay. Thì có sao nào?

– Anh không lợi dụng em.

– Thì em lợi dụng anh vậy, được chưa? Và anh cũng lợi dụng em. Đừng lừa dối nhau làm gì. Ở đây chẳng có điều gì cần phải lừa dối nhau cả.

– Anh biết chứ.

– Sẽ tốt hơn nếu anh không nói dối nữa. Ít nhất là khi mọi chuyện

giữa chúng ta đang kết thúc.

– Anh sẽ cố gắng.

Nàng nhìn tôi rất nhanh.

– Như vậy có nghĩa là anh đã có ý thức rằng anh từng lừa dối rồi phải không?

– Anh không nhận thức được điều này, cũng không phủ định nó. Em muốn nghĩ như thế nào là tùy em thôi.

– Đơn giản như vậy sao?

– Không, hoàn toàn không đơn giản chút nào cả. Anh sẽ rời khỏi nơi này, đó là sự thật. Anh thậm chí không thể giải thích cho em rõ lí do vì sao anh quyết định như vậy. Đây là tất cả những gì anh có thể nói với em. Điều này cũng hết như có người nào đó sắp đi ra trận ấy mà!

– Họ cũng buộc phải xử sự như anh sao?

Tôi im lặng và cuối cùng rơi vào tình thế hết sức bối rối. Cần phải kiểm chế mình thôi.

– Anh chả có điều gì nói thêm nữa, - tôi thốt ra như vừa sức tỉnh. - Em đã có lí khi em lên án anh. Anh đồng ý anh là một kẻ lừa dối, một gã bịp bợm, một tên ích kỉ. Nhưng một mặt khác, mọi điều lại không phải như vậy đâu. Ai có thể làm sáng tỏ mọi điều trong một hoàn cảnh mà cái thật khó tách bạch khỏi cái giả.

– Trong hai mặt ấy, mặt nào quan trọng hơn? Điều gì đan quện chúng lại với nhau?

– Điều quan trọng hơn là anh yêu em, - tôi thốt ra với một sự nỗ lực, tuy lúc này không còn đủ thời gian để nói về điều đó.

– Thôi được! - Giọng nàng bỗng trở nên dịu dàng, đáng yêu biết bao. - Bây giờ không phải là lúc, phải không anh Robert?



– Vì sao? - Tôi hỏi như kẻ mất hồn. - Vì sao lại không phải là lúc? Chuyện ấy lúc nào nói cũng được cả.

Tôi nhận ra vẻ khổ đau của nàng và chúng lây lan sang tôi tựa như tôi vừa cứa dao vào ngón tay mình. Tôi rất mong sao mọi điều thay đổi, nhưng cùng lúc đó tôi lại hiểu một cách rõ ràng là tình cảm vừa chợt thoáng hiện trong tôi chỉ là thứ vị kỉ thảm hại.

– Thôi, cũng chả có gì quan trọng đâu, - nàng nói như nấc. - Như vậy có nghĩa là chúng ta không quá cần đến nhau như lâu nay chúng ta thường tưởng tượng ra. Cả hai chúng ta đều là những kẻ lừa dối.

– Đúng vậy, - tôi nói nhân nhượng.

– Trong khoảng thời gian vừa rồi em cũng có những người đàn ông khác nữa. Không chỉ có riêng anh đâu.

– Anh biết, Natasha ạ.

– Anh biết thực sao?

– Không! - Tôi đáp gay gắt. - Anh chả biết gì cả. Anh không bao giờ tin vào chuyện đó.

– Anh có thể tin được. Đây là sự thật.

Tôi trả lời như vậy đơn giản chỉ vì muốn tìm ra một lối thoát cho niềm kiêu hãnh của nàng. Nhưng lúc này thậm chí tôi không tin rằng nàng có lòng kiêu hãnh kia.

– Anh tin em, - tôi nói.

– Thật là em không ngờ đấy.

Nàng hơi vênh mặt lên. Tôi rất thích nàng mỗi khi nàng có cử chỉ như vậy. Tôi cũng thất vọng như nàng. Chỉ có điều nỗi thất vọng của nàng mạnh hơn mà thôi.

– Anh yêu em, Natasha. Anh muốn em hiểu điều này. Em nên hiểu vì

lợi ích của em, chứ không phải là của anh.

– Không phải vì lợi ích của anh sao?

Tôi hiểu là tôi vừa mắc một sai lầm.

– Anh yếu đuối! - Tôi thét lên. - Chẳng lẽ em không nhận ra điều đó sao?

– Chúng ta đang chia tay nhau như những con người thờ ơ, lãnh đạm - những người đã từng đi với nhau qua một đoạn đường đời mà lại chẳng hiểu gì về nhau cả. Mà phải thôi, làm sao hiểu nhau cho được.

Tôi chuẩn bị đón nhận những đòn đánh từ phía nàng vào cái tính cách người Đức của tôi. Nàng chỉ không tiên liệu được một điều: tôi lặng ngắt không đáp lời nàng. Chính vì thế nàng đã tự hạ vũ khí.

– Thôi, cũng tốt thôi, cái điều đang xảy ra. - Nàng thốt lên. - Em cũng muốn chia tay anh. Chỉ không biết nói với anh thế nào để anh hiểu cho...

Tôi biết rõ tôi cần phải trả lời nàng ra sao. Nhưng tôi lại không thể nào thốt lên lời.

– Em định đi à? - Cuối cùng tôi lên tiếng.

– Vâng. Cũng từ lâu rồi. Chúng ta ở bên nhau hơi quá lâu rồi. Nhưng mối quan hệ của chúng ta cũng nên chóng vánh thôi.

– Đúng vậy, - tôi tán thành, - cảm ơn em vì em đã không quá vội vàng. Nếu không thì anh đã chết rồi.

Nàng quay ngoắt lại nhìn tôi.

– Tại sao một lần nữa anh lại vừa mới dối trá?

– Anh không dối trá đâu.

– Toàn lời lẽ rỗng tuếch. Lúc nào anh cũng tuôn ra toàn những lời lẽ rỗng tuếch thôi.

– Em nói sao cũng được. Riêng lúc này anh không nói dối.

– Lúc này thì không à?

– Đúng vậy, Natasha. Anh sẽ không nói thêm gì nữa. Anh rất buồn và yếu đuối.

– Lại những lời lẽ rỗng tuếch!

Nàng đứng lên và vơ lấy quần áo của mình.

– Quay mặt đi, - nàng nói, - tôi không muốn để anh ngấm nhìn tôi thêm lần nữa.

Nàng đi vớ rồi đi giày. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Các cánh cửa mở tung nhưng thời tiết rất ấm. Có ai đó đang kéo vĩ cầm bài ca *La Paloma*. Tôi cảm thấy mình đê tiện, hèn hạ và... tôi không còn hiểu gì hơn nữa. Tôi chỉ rõ một điều: nếu giả như tôi ở lại nơi này thì bây giờ cái kết cục cũng sẽ tới với chúng tôi. Tôi nghe thấy Natasha đang kéo khóa trên tà váy.

Tôi quay về phía có tiếng vĩ cầm và đứng dậy.

– Không cần phải tiễn tôi đâu, - nàng nói, - cứ ở lại đây. Tôi muốn ra cửa một mình. Và không bao giờ tôi còn xuất hiện ở đây nữa.

Tôi chăm chăm nhìn gương mặt tái mét, đôi mắt nhìn đi đâu đó vượt qua đầu tôi, cái miệng và đôi cánh tay nàng. Nàng bước ra cửa thậm chí không thèm gật đầu chào tôi. Chỉ khi nghe thấy tiếng cánh cửa đập mạnh phía sau lưng nàng, tôi mới biết nàng đã bước ra khỏi phòng.

Tôi không đuổi theo nàng, tôi cũng chẳng biết mình nên làm gì nữa. Tôi đứng tại chỗ, mắt trân trân nhìn vào khoảng không.

Tôi dạo gót lang thang khắp thành phố chừng nào còn chưa thấm mệt. Khi đi qua ngôi nhà của nàng, tôi đã dừng lại nơi cạnh buồng điện thoại, nhưng tôi không gọi điện cho nàng. “Mình chỉ còn hai tuần lễ cả thảy” -

tôi nghĩ. Cái khó nhất bao giờ cũng là phải sống qua đêm đầu tiên mà không ai bên cạnh. Bởi lẽ những đêm như vậy tựa như lối dẫn xuống nấm mồ. Mà tôi mong muốn điều gì chứ? Một cuộc chia tay mùi mẫn khi chuyển tàu rú còi, sắp nhổ neo với những lời hứa hẹn sẽ trao đổi thư từ cho nhau à? Chẳng lẽ như vậy sẽ hay hơn sao? Melikov đã nói như thế nào nhỉ? Không nên lằng nhằng kéo theo sau lưng những gánh nặng của những hồi ức. Gánh nặng kia càng nặng thêm vì khi anh về già nó sẽ là món tài sản duy nhất của anh. Còn tôi thì tự luận giải với chính mình như thế nào nhỉ? Không nên chăm bón, vun xới cho những hồi ức kia làm gì, mà cần phải giữ một khoảng cách với chúng để chúng không làm anh ngột thở. Natasha đã xử sự đúng. Còn tôi thì sao? Vì sao tôi như một chú trò nhỏ yếu đuối buồn bã, rã rời trong những buổi tiệc không đâu của mình? Tôi nhận ra vẻ mượt mà của đêm, hơi thở của cái thành phố khổng lồ này, mùi hương phảng phất, dễ nhận ra của nàng còn để lại trên chăn gối của tôi để rồi quặn quại trong nhớ thương, luyện tiếc. Tại sao tôi vẫn dạo gót tới cửa hàng Van Cleef và Arpels, tần ngần trước các tủ kính quầy hàng, lòng bảo lòng phải bước đi, nhưng đôi chân vẫn dứng dằng chưa chịu bước? Tại sao tôi cứ băn khoăn với câu hỏi biết đâu nàng đang đỏ mắt chờ trông những hồi chuông từ phía tôi? Tại sao? Tại sao? Tại sao nhỉ?

Một ngày, rồi hai ngày, ba ngày... qua đi. Tôi không còn gặp Natasha thêm lần nào nữa. Có thể mỗi đứa trong chúng tôi đều đang mong mỗi đứa kia cho biết tin tức của mình. Tôi đã nhiều lần định gọi điện cho nàng. Nhưng mỗi lần như vậy, tôi lại tự an ủi mình điều đó có lợi ích gì. Tôi không thể nào bước qua cái vùng bóng tối vây bọc quanh tôi ở khắp mọi nơi. Và rồi một lần nữa, một lần nữa tôi lại nhắc nhở chính mình: Tốt hơn cả là không nên quấy quả người khác, không nên làm người khác bị tổn thương bởi chính vết thương của tôi. Có thể thôi!

Mãi những năm sau này tôi mới hiểu ra Natasha đã đóng một vai trò như thế nào trong cuộc đời của tôi. Với năm tháng và tuổi tác, bóng dáng nàng xuất hiện trong cuộc đời tôi thường nhạt hơn. Nhưng xót xa nuối tiếc để làm gì khi cuộc đời tôi ắp đầy những xót xa, nuối tiếc?

**HẾT**



# Table of Contents

1. [Lời giới thiệu](#)
2. [Lời mở đầu](#)
3. [I](#)
4. [II](#)
5. [III](#)
6. [IV](#)
7. [V](#)
8. [VI](#)
9. [VII](#)
10. [VIII](#)
11. [IX](#)
12. [X](#)
13. [XI](#)
14. [XII](#)
15. [XIII](#)
16. [XIV](#)
17. [XV](#)
18. [XVI](#)
19. [XVII](#)
20. [XVIII](#)
21. [XIX](#)
22. [XX](#)
23. [XXI](#)
24. [XXII](#)
25. [XXIII](#)
26. [XXIV](#)
27. [XXV](#)
28. [XXVI](#)
29. [XXVII](#)
30. [XXVIII](#)
31. [XXIX](#)
32. [XXX](#)
33. [XXXI](#)

34. [XXXII](#)